

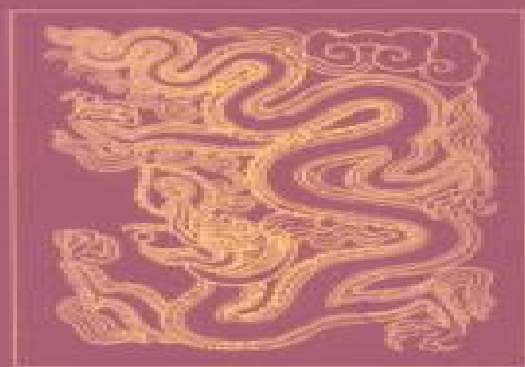


HOÀNG QUỐC HẢI

ĐUÔI QUÂN MÔNG THẬT

Tiểu thuyết lịch sử

2



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Đuổi quân Mông Thát

Hoàng Quốc Hải

Nhà xuất bản Phụ nữ 2010



Nguồn: tve-4u.org

Scan PDF: J_Tuan

Chuyển text: Caruri

Mục lục

[I](#)
[II](#)
[III](#)
[IV](#)
[V](#)
[VI](#)
[VII](#)
[VIII](#)
[IX](#)
[X](#)
[XI](#)
[XII](#)
[XIII](#)
[XIV](#)

Nén giận, Thái tông dẫn công chúa Thụy Bà vào nội điện. Sai nội thị dâng trà rồi nhà vua hỏi:

- Việc chị vừa nói là nghe người ta đồn vậy hay đích thị là như vậy?

- Giời ơi bệ hạ, còn nghe gì nữa. Gia nô nhà tôi hầu hạ thẳng Quốc Tuấn, nói đã mấy bữa nay nó bỏ cơm. Chiều tối hôm qua hỏi dò mấy đứa gia nô về lễ cưới hỏi của Thiên Thành. Thế rồi nó uống hết cả một hũ rượu, dắt đoản đao lên giường vờ ngủ. Thấy nghi nghi, lũ gia nô báo nhau theo sát. Đến nửa đêm Quốc Tuấn lên đi, chúng nó theo sang tới cung nhà Nhân Đạo vương thì Quốc Tuấn vượt tường nhảy vào. Chó cắn như vãi thóc rồi quân canh hô hoán. Lũ gia nô thấy nguy cho tính mạng của Quốc Tuấn, nên chạy tháo thân về báo cho chị liền. Thôi thôi bệ hạ, không bàn bạc gì nữa, bệ hạ cho người đi giải cứu ngay đi, không tính mệnh thẳng bé nguy mất.

Nói xong, Thụy Bà sùi sụt khóc, khiến Thái tông rối cả ruột. Nhà vua bèn cho triệu Chi hậu cục chánh chương Trần Bất Cập vào cung.

Trần Bất Cập là người hai mươi sáu năm về trước cùng được tiến vào triều Lý Chiêu Hoàng, làm Cận thị thự lục cục chi hậu với nhà vua (lúc ấy là Trần Cảnh). Cập là người tính tình ôn thuận lại có lòng trung thành thờ chúa, nên việc hầu hạ Chiêu Hoàng hết lòng, sau này chuyển sang hầu cận Thái tông không mấy may sơ sót. Đối với nhà vua, Trần Bất Cập vừa là người trong nội tộc, lại vừa là nghĩa vua tôi quyến luyến. Nhiều lúc nhà vua cũng băn khoăn muốn cất nhắc vào chức này chức khác, ngặt vì Bất Cập vừa khiêm học lại khiêm tài, không thể cất đặt vào làm người thân tín để sai bảo, nhưng bổng lộc thì ưu hậu, cho hưởng ngang với các hàng quan tam, tứ phẩm.

Trần Bất Cập năm nay đã gần năm mươi tuổi, người gầy đét, khô xác như một con mèo già chết cồng, duy đôi mắt là có hồn. Khác với các vị trung quan thường mưu mô ác độc hoặc xu nịnh, bè cánh, Trần Bất Cập là một người sống có tình, thương người nghèo, giúp người khó, nâng đỡ người rui ro bất hạnh. Ông vừa ló vào cửa nội điện đã cất giọng the thé:

- Bệ hạ có việc gì mà triệu thần vào cung sớm thế?

Chợt nhìn thấy nét mặt nhà vua nghiêm trang, còn Thụy Bà thì nước mắt chảy dài trên hai gò má, Trần Bất Cập hốt hoảng quỳ tâu:

- Thần hồ đồ quá! Xin bệ hạ tha tội chết.

Nhà vua bèn kể lại sự việc Quốc Tuấn bên nhà Nhân Đạo vương rồi ban ý:

- Khanh sang bên đó xem sự thể ra sao, an ủy Nhân Đạo vương rồi đưa Quốc Tuấn với Thiên Thành về đây. Nói xong nhà vua liền mở hộp ngà lấy tín bài trao cho quan Chi hậu cục chánh chương. Lại dặn tiếp - Khanh thay ta thu xếp cho an ổn. Việc này lỗi ở Quốc Tuấn chứ nhà Nhân Đạo vương không can dự gì. Mệc ta gả Thiên Thành cho Trung Thành vương cả triều đình đều biết.

Lại nói Quốc Tuấn đang đem vượt tường vào trong cung nhà Nhân Đạo vương bị đàn chó ngao sủa inh ỏi, đám ti nữ theo hầu công chúa Thiên Thành vội soi đèn xem kẻ nào dám cả gan lên vào trộm đạo, thấy Quốc Tuấn đang đứng nép vào một góc tường, tay thì đoán đao nhằm đối phó với lũ chó, đám ti nữ vừa xua chó vừa bụng miệng cười. Lại biết chủ mình vốn là bạn thân với Quốc Tuấn, và là người trong nội tộc của hoàng gia nên lũ a hoàn dẫn luôn Quốc Tuấn vào ra mắt Thiên Thành.

Vừa trông thấy Quốc Tuấn, Thiên Thành đã ôm chầm lấy cổ chàng và sóng lệ trào tuôn. Nàng nói qua tiếng nấc, giọng nũng nịu, trách móc - Thế mà chàng bảo sẽ cưới thiếp trước khi nhà Trung Thành vương có lời dạm hỏi với quan gia. Chàng lại còn nói, nếu không cưới được thiếp thì cùng nhau bỏ đi trốn. Vậy chớ chàng vào đây để dự lễ cưới của ta chẳng?

Công chúa chợt buông tay ấy khuôn mặt Quốc Tuấn ra. Hai người nhìn nhau như chưa bao giờ họ nhìn nhau đăm đuối thế.

Dưới ánh đèn lồng, nom gương mặt công chúa như được rửa bằng một thứ nước trong veo như rức rờ hắt lên. Đôi tròng mắt lấp lánh ánh nước tựa như hai viên ngọc minh châu, khiến ta có cảm giác ánh sáng trong căn phòng này được tỏa ra từ đôi mắt thiên thần kia, chứ không phải từ nơi những chiếc đèn lồng. Và Quốc Tuấn vẫn đăm đăm ngắm nàng, gương mặt chàng bình thản như lúc hai người đang say ngắm mặt hồ Dâm Đàm sau những ngày chàng học hành căng thẳng nơi Giảng Võ đường. Quốc Tuấn chợt mỉm cười và đặt lên má Thiên Thành một nụ hôn. Hai người lại ôm cuộn lấy nhau như hai thân rắn cuộn vào nhau mùa giao phối.

Đám ti nữ bầm nhau lui ra ngoài.

Quốc Tuấn diu công chúa vào giường, lá màn the buông xuống. Mấy ả thị tì tinh ý khẽ vào trong nhà nhón chân thối tất mấy ngọn bạch lạp. Và chúng ở cả ngoài hiên canh gác cho cô chủ, lỡ khi Trung Thành vương có đột ngột ghé thăm.

Quốc Tuấn ôm gọn Thiên Thành vào lòng, ghé môi hôn và nói lời dịu ngọt:

- Sao ta có thể bỏ nàng được. Người quân tử không nói hai lời. Nhưng ta hỏi, Trung Thành vương đã chung thân với nàng chưa? Vừa hỏi, Quốc Tuấn vừa rời nàng ra khỏi vòng tay.

- Thi thiếp đã chẳng hứa với chàng, thà chết thiếp cũng không chung thân với Trung Thành vương sao.

- Thế nàng bị đón vào đây mà hấn để yên à?

- Đồi ba lần Trung Thành vương có ghé qua đây thăm thiếp, có buông lời bả lá. Nhưng em thiếp nếu chàng tỏ ra sàm sỡ trước khi làm lễ kết tóc, thì lập tức thiếp sẽ xin với quan gia để từ hôn. Vì vậy Trung Thành vương không dám làm gì thiếp nữa.

Nghe xong Quốc Tuấn bèn ôm chặt lấy Thiên Thành, xiêm y trút bỏ và họ thật sự hưởng trọn đêm tân hôn, mặc dù nhà Nhân Đạo vương đang tập nập lo chu tất lễ cưới cho con trai mình với công chúa. Trớ trêu thay, trong khi đó, tại cung Minh Long, Trung Thành vương đang khắc khoải chờ hai ngày nữa trôi qua, lễ kết tóc xong là chàng sẽ cùng công chúa động phòng hoa chúc.

Trần Bất Cập đi rồi, chỉ còn hai chị em nhà vua. Nhìn gương mặt Thái tông cau có, biết nhà vua lâm vào tình trạng khó xử, công chúa Thụy Bà động tâm liền nói:

- Để xảy ra chuyện này lỗi tại chị. Chẳng là Quốc Tuấn ở với chị, Thiên Thành hay mượn có đến thăm chị, thăm cháu. Chị vẫn

nghe máu mũi thường tình, cô cháu nó quyến luyến nhau, ai ngờ sự thể lại đến nông nỗi này. Hay là bệ hạ cứ khiển trách chị để làm yên lòng các quan, cũng là để giữ gìn gia đạo, cả để nghiêm phép nước nữa. Tội gì chị cũng xin chịu, đánh trượng, đày đi viễn châu, tịch thu gia sản, chị chịu hết.

- Giờ ơi chị nói cái gì thế, tôi đang rối ruột đây. Bây giờ có cách nào gỡ ra được không?

Lỡ to tiếng với chị, Thái tông có vẻ ân hận, nhà vua nhìn chị gái một cách thành kính tựa như một sự tạ lỗi - Chị không có lỗi gì trong việc này. Đầu tiên là ở ông chú, ông Thái sư của họ nhà mình ấy. Lấy chị họ làm vợ, bức cháu phải cướp vợ anh, lại bắt người trong họ phải lấy lẫn nhau. Trách ai bây giờ, Thiên Thành, Quốc Tuấn là đám trẻ mới lớn, không cho lấy người ngoài thì nó lấy người trong họ, cô cháu lấy nhau kể gì thứ bậc. Loạn luân hết cả rồi. Chúng nó đang theo gương các bậc bề trên đấy. Chỉ tội cho anh cả Liễu, tay trắng về quê. Nay lại phải chấp thuận một việc trái đạo nữa, phải nhận em gái ruột làm vợ của con mình. Ôi cương thường! Ôi gia đạo! Nhà vua buông tiếng thở dài, gương mặt buồn hiu. Chợt một nỗi buồn tê tái dâng lên như chẹn cứng cổ họng nhà vua. Tự dưng cái việc năm Đinh Dậu (1237) lại hiện lên rõ mồn một trong óc não nhà vua. Thái tông tự nghĩ - Tiếc thay cái ngày bỏ lên Yên Tử ấy sao ta lại còn quay về nữa. Ngày ấy ta mười chín tuổi, đúng bằng tuổi Quốc Tuấn bây giờ. Ta và cha nó đều bị Thái sư bức bách. Còn nó, có phải vì nó kết nhau thật sự hay nó định lừa Thái sư đây. Trời ơi, sự quả báo sao lại nhỡn tiền làm vậy.

Trong khi nhà vua cứ tự giãi vò thì ngoài điện Thiên An các quan đã đến chầu đông đủ. Chưa thấy vua ra thị triều, các quan bàn tán hết chuyện này sang chuyện khác. Bàn cả sang lễ kết tóc nay mai giữa công chúa Thiên Thành với Trung Thành vương. Việc Quốc Tuấn vào nhà Nhân Đạo vương đêm trước, vẫn chưa ai hay biết.

Cũng lúc này, quan Chánh chương phụng ngự Trần Bất Cập vừa xuống kiệu vào nhà Nhân Đạo vương.

Chủ nhà ra tận cổng cung nghinh. Trần Bất Cập vừa bước chân vào thềm nhà đã giơ tín bài ra trước Nhân Đạo vương, khiến ông run cầm cập quỳ lạy. Phân ngôi chủ khách, Nhân Đạo vương còn chưa hết bàng hoàng, vẫn chấp tay cung kính chờ quan Chánh chương phụng ngự truyền chỉ.

Mãi một lúc sau Trần Bất Cập mới cất cái giọng the thé hỏi:

- Vậy chớ vương nhốt Quốc Tuấn ở đâu? Ta vâng mệnh hoàng thượng đến thương thảo với ông về chuyện đó.

Nhân Đạo vương hết sức ngỡ ngàng, lúc này ông mới tạm hoàn hồn bèn lựa lời đáp:

- Quả thực lão gia không biết các chuyện đó.

Trần Bất Cập bèn kể lại đầu đuôi câu chuyện như công chúa Thụy Bà đã tâu với nhà vua.

Nghe xong, Nhân Đạo vương giận tím mặt nhưng vẫn phải dẫn Trần Bất Cập cùng tới cung Ngọc Dao, nơi Thiên Thành công chúa đang ở tạm.

Vừa bước vào thềm đã thấy Thiên Thành, Quốc Tuấn và cả lũ a hoàn đang riu rít chuyện trò trong khi chờ gia nhân soạn bữa điểm tâm. Trần Bất Cập chia ngay tín bài trước Thiên Thành và Quốc Tuấn rồi nói:

- Hoàng thượng có chỉ tuyên triệu công chúa và tiểu vương gia về ngay cung Quan Triều.

Hai người không kịp ăn uống, sai gia nhân đóng kiệu hồi cung ngay lập tức.

Nhân Đạo vương lại dẫn Trần Bất Cập quay về nhà tân khách. Im lặng hồi lâu, Cập lên tiếng:

- Chuyện đã đến nước này chắc là phải từ hôn thôi chứ biết làm sao được. Hoàng thượng sai tôi đến để bàn bạc với vương gia.

Lặng thinh một lát, Nhân Đạo vương bèn đáp:

- Cha con tôi còn mặt mũi nào mà trông thấy thiên hạ nữa. Vương thờ dài, mà cũng phúc cho nhà Yên Sinh vương, nếu như đem qua Trung Thành vương nhà tôi mà nó biết Quốc Tuấn lên vào cung Ngọc Dao, chắc là nó phải chặt chân tiểu vương gia chứ chẳng tha cho về nguyên vẹn đâu.

- Vương gia biết đấy, Trần Bất Cập nhẹ nhàng nói - Chính hoàng thượng đứng ra tác hợp cho hai người chứ còn ai. Hoàng thượng lại cho mở hội từ mấy ngày nay trước khi quốc muội về làm dâu bên quý phủ. Sự việc xảy ra chính nhà vua cũng đau lòng. Mong vương gia nén tâm để ta cùng bàn bạc thu xếp cho đẹp ý cả vương thượng và vương gia.

Nhân Đạo vương chưa kịp đáp lời thì gia nô vào bẩm bữa điểm tâm đã xong, thỉnh hai vương qua cung Phúc Hòa dùng bữa.

Nhân Đạo vương lòng tức giận còn chưa nguôi, không muốn ăn uống gì, nhưng vì có trung sứ của nhà vua phái đến, nên ông buộc phải nén giận mời Trần Bất Cập. Ông dẫn khách đi qua dãy xuyên đường chạy vắt ngang chiếc sân rộng chằng kém mấy sân châu ngoài điện Thiên An, rồi vòng theo bờ hồ bán nguyệt có trồng giống liễu Hàng Châu, xen kẽ những khóm mầu đơn đỏ, vàng, trắng lấp ló dưới những cành liễu rủ mảnh mai soi bóng xuống mặt hồ, nom như đáy hồ cũng có một bờ hoa, một dãy xuyên đường mái ngói đỏ au. Cuối dãy xuyên đường lại nối với các bậc tam cấp bước lên thêm dẫn vào cung Phúc Hòa. Đây là một ngôi nhà bát giác nằm trên một nền cao với tám mặt cửa, mặt nào cũng thông thoáng. Có tới bốn mặt nhìn ra hồ, còn bốn mặt kia nhìn ra một vườn hoa cong như một chiếc vành lược ôm lấy lầu đài, trồng đủ các thứ hoa ngào ngạt hương thơm với đủ các sắc màu.

Gọi là điểm tâm, nhưng các món ăn bày kín cả một mặt bàn rộng kể tới vài ba chục món. Bốn ả hầu gái tuổi chừng mười lăm mười sáu, da trắng, má hồng tươi như trái đào lên mã, môi đỏ thắm, tóc đen như mực buông xõa hai bờ vai, nom chúng đẹp xinh mà hồn nhiên như những con thỏ non, cứ hai đứa một, đứng hầu hai vương.

Chủ khách nhăm nháp qua loa. Trong khi Nhân Đạo vương còn chưa biết ý tứ của vị trung sứ ra sao thì Trần Bất Cập lại luôn nghĩ đến sự xa hoa giàu có của phủ Nhân Đạo mà quan Chánh chương phụng sự mới nghe người ta đồn đại thôi chứ chưa được mục kích. - Thảo nào, Trần Bất Cập tự nghĩ - Thảo nào mà đồ dẫn cưới lại chẳng sang quý và đắt giá đến dường ấy. Bất Cập vừa tự lự vừa đưa mắt nhìn quanh lầu đài và khuôn viên rộng mênh mông cùng lầu, các xen kẽ đó đây thật chẳng khác gì nơi động tiên.

Sốt ruột vì không thấy trung sứ khơi mào, Nhân Đạo vương bèn mời khéo:

- Xin mời đại nhân quá bộ về nhà tân khách xoi nước rồi ta bàn bạc thêm. Nói xong ông bèn đứng dậy và dẫn khách đi qua nẻo vườn hoa, vượt một cây cầu bắc ngang lạch nước trong vắt như nước suối đang lờ đờ chảy về phía hồ. Con lạch rộng chừng một trượng. Bên kia cầu là một bãi phẳng lổ nhố những tấm bia bằng cốt quét vôi trắng lấp, với những vòng tròn đồng tâm màu đen sẫm. Một toán

quần chùng ba đô: tốp thi vác áo, tốp vác đao, tốp đeo cung tên chạy tủa ra bãi tập.

Nom thấy cảnh này, quan trung sứ hơi rùng mình nghĩ lại lời Nhân Đạo vương khi nãy: "... Phúc cho nhà Yên Sinh vương...". Quả vậy, nếu như Quốc Tuấn chạm trán Trung Thành vương, e sẽ mất mạng. Bởi chung trong cái phủ mệnh mông mà kín mít như một tòa thành này, người ta có giết tới cả trăm người cũng khó mà tìm ra tung tích.

Qua bãi tập, vòng về nhà tân khách, Nhân Đạo vương lên tiếng trước:

- Đại quan với tôi và với vương thượng đều là chỗ thân tình trong nội tộc cả. Nay ngài lại lãnh nhiệm do vương thượng ủy thác, xin cho được nghe cao ý.

Quan trung sứ tay nhón khẩu trà cho vào miệng nhai bồm bồm, chợt giật nảy người lên lấy chiếc ống nhổ đồng sáng chói, nhổ phì phì - Mặn vôi quá! Mặn vôi quá! - Giọng ngài vẫn the the như giọng của một con mèo hen. Lại quơ chén nước súc miệng và nhổ toẹt vào ống nhổ.

Nhân Đạo vương quay mặt đi nhưng lòng thì dấy lên sự khinh ghét đối với viên hoạn quan này. Mặc dù vậy, ông cũng không dám tỏ lộ điều gì khiến y phải phật lòng. Vì Nhân Đạo vương thừa biết sự lợi hại của đám trung quan nơi nội điện như thế nào rồi, vương liền đứng dậy vờ lúng túng, và quay ra cửa quát gia nô:

- Bay đâu! Têm khay trà mới, nhạt vôi! Mau lên! Đoàn vương quay lại nói với viên trung sứ nửa như cáo lỗi, nửa như phân bua:

- Xin đại nhân xá cho, đám gia nhân nhà tôi vụng về quê kệch quá. Răn dạy mãi đầu óc chúng vẫn cứ tối như hũ nút. Chẳng mấy khi được đại nhân ghé thăm lại... Nhân Đạo vương còn đang ngập ngừng, chưa biết nói tiếp thế nào để khách khỏi phật lòng, Trần Bất Cập đã vội gạt đi:

- Chà, vè. Vương gia không cần phải nhiều lời về cái chuyện vặt. Tôi xin nói thẳng vào công việc mà hoàng thượng ủy cho. Chắc rằng cả vương gia và hoàng thượng đều không mong sự việc lại xảy ra như thế này. Có đúng không? Cập gạn hỏi và nhìn gương mặt Nhân Đạo vương, thấy vương gật gật có vẻ đồng tình, Cập lại nói tiếp - Để đại quan đỡ mang tiếng, nhà vua chấp nhận để bên phủ Nhân Đạo được từ hôn.

- Không! Không thể như thế được! - Nhân Đạo vương giãy nảy lên như giẫm vào ổ kiến lửa.

- Sao lại không được, vương thù nói ta nghe.

- Nếu bây giờ tôi đứng ra xin từ hôn, tức là phạm tội đại nghịch vì dám trái mệnh vua. Nếu hoàng thượng thương tình bỏ qua thì tôi mất hết các đồ dẫn cưới. Đại nhân có biết tất cả đồ dẫn cưới của tôi đáng giá bao nhiêu không?

- Một vạn quan là cùng chứ bao nhiêu, - Trần Bất Cập đáp.

Nhân Đạo vương khoát tay một cái, định nói gì như là một sự khinh bỉ, nhưng ông đã vội kim nén được. Ông vội chấp hai bàn tay cung kính trước viên trung sứ:

- Đại nhân hiểu cho. Lễ vật của nhà chúng tôi tiến lên hoàng thượng là vô giá. Nhưng nếu buộc phải tính ra tiền thì xin thua với

đại nhân, bỏ rở cũng phải hơn ba chục vạn quan. Không! Không thể tự tôi đứng ra từ hôn được, như thế vừa mắc tội vừa mất của, thiệt đơn thiệt kép, xin đại nhân nghĩ cho một kế khác.

Trần Bất Cập vội thụt cổ lại, dờn như không bao giờ ông hình dung ra một món tiền lớn đến như vậy. Nhân Đạo vương nói như thế không phải không có lý. Trần Bất Cập vội dàn hòa:

- Thế này vậy, hoàng thượng sẽ ra một Chế mệnh cho hủy hôn ước, xem như cuộc hôn nhân bất thành mà không bắt buộc bên nào phải có biểu tạ tội và xin thoái hôn nữa. Còn của cải trong các món đồ dẫn cưới đó, chẳng lẽ vương đã tiến vào cung rồi lại tự ý đem về nhà mình nữa sao. Nếu có kẻ đàn hặc ngài phạm tội bất kính quốc vương không phải là không có lý. Để bù vào chỗ thiệt hại đó, nhà vua sẽ cất hai ngàn khoảnh ruộng người cho công chúa Thiên Thành tại phủ Ứng Thiên để làm của hồi môn, nhập vào điền sản phủ Nhân Đạo. Như thế đã được chưa? Ra về đặc ý, viên trung sứ gạn hỏi và cười hách hách. Y có điệu cười lúc hứng chí người cứ nhảy dựng lên như kẻ sắp lên đồng. Nhìn thẳng vào gương mặt lúc này đã tươi tỉnh của Nhân Đạo vương, y tiếp: - Thế là vương gia lời quá rồi còn gì. Nếu vương chấp nhận thì gọi lại viên vào đây thảo tờ bảo chứng.

Công việc thương thảo coi như đã xong.

Thụy Bà sống độc thân, không chồng, không con, bà nhận Quốc Tuấn làm con nuôi. Bà quý Quốc Tuấn và hết lòng chiều chuộng, suốt mấy năm giờ cô cháu ở với nhau, bà chưa có một lời nói nặng với cháu. Ngay sự việc trái ngang do Quốc Tuấn gây ra, làm phiền lòng không biết bao người, kể cả nhà vua, nhưng bà cũng chỉ phàn nàn gọi là, để mọi người đỡ trách móc bà cung chiều Quốc Tuấn thái quá. Khi đón Quốc Tuấn với Thiên Thành về, bà đã gắng hỏi, hai người tỏ ra quyết chí lấy nhau. Vì vậy, bà lại một phen xin với Thái tông cho hai trẻ được chung đôi.

Chọn được ngày lành, Thụy Bà dâng một lễ mọn sang cung Quan Triều với 10 mâm vàng và một số đồ lễ khác. Thái tông nhận lễ cho phải phép rồi bắt hai người phải trở về sống trong thái ấp An Sinh.

Nếu công chúa Thiên Thành thành thân với Trung Thành vương, thì hường trọn các đồ dẫn cưới, trong đó quá nửa giá trị dồn vào các đồ trang sức như ngọc, bích, mã não, kim cương... Và làm chủ một gia tài vào hàng phú gia địch quốc. Thế nhưng vì tình yêu, Thiên Thành chấp thuận một đám cưới không có đồ lễ dẫn cưới, cũng như Quốc Tuấn chấp thuận cô dâu không có cửa hồi môn.

Bữa nọ hai người vào cung chào Thái tông, nhà vua sai treo biển “hồi tị”^[1]. Hai người đành quay về bái biệt công chúa Thụy Bà. Cô cháu ôm nhau sâu sâu tủi tủi. Thụy Bà nước mắt ngấn nước mắt dài. Hai người bước xuống một lá thuyền, hơn chục đứa trạo nhi nhẩy lên bờ đón chủ, khuôn đồ đạc xuống thuyền. Đêm xuống, thuyền nhẹ, xuôi nước xuôi gió đi băng băng như ngựa chạy. Trưa hôm sau đã đến áp An Sinh.

Thái tông đã sai trung sứ đến áp An Sinh từ mấy bữa trước thông báo mọi việc xảy ra cho Hoài vương Liễu biết. Nhà vua cũng thân viết cho anh một bức thư, trong đó có đoạn: “... *Họ Trần ta từ khi được nước, mọi sự trở nên rối rắm, cương thường đảo lộn. Thật là đáng xấu hổ trước trăm họ. Anh em ta sẽ sám hối sao đây. Sự thế đã đến nước này, không thể để cho Quốc Tuấn có mặt ở kinh sư được. Biết huynh trưởng đau lòng, nhưng đành thất lễ. Mong huynh trưởng bảo trọng*”.

Đọc xong thư nhà vua, vương Liễu thờ dài nói với viên trung sứ:

- Ta không còn bụng dạ nào để giữ lễ vua tôi được nữa.

Ý ông muốn nói là ông đã không để thư của nhà vua lên hương án vái trước khi mở đọc. Đọc xong lại đặt lên hương án, vái.

Im lặng một lát, vương lại nói:

- Sứ cứ về tâu lại với nhà vua các việc như ta vừa làm. Ta đang mong nhà vua trị tội đây. Ta không biết nói thế nào cho phải, nhưng quả thật ta chán sống lắm rồi!

Quốc Tuấn dẫn Thiên Thành về cung “Vạn Bảo” của mình, chàng hết đổi ngọc nhiên. Hai chữ “Vạn Bảo” đã được gỡ bỏ và thay

bằng hai chữ “Đường Đức”. - À ra thế! Thiên hạ coi việc ta lấy vợ là thất đức chẳng. Rửa mặt mũi xong, uống một ly trà cúc để tẩy trần, khoác tấm áo thụng gấm ra ngoài, Quốc Tuấn đi về phía cung “Tĩnh Tâm” để vấn an cha. Vừa đặt chân lên bậc tam cấp, lão bộc đã bước ra thưa:

- Đức ông hiện đang mệt, người dẫn không được cho ai vào thăm, kể cả tiểu chủ.

Quốc Tuấn trừng mắt, toan bước thẳng vào nội điện. Lão bộc vội chắn ngang trước mặt Quốc Tuấn, lão chấp tay vái và nói:

- Nếu tiểu chủ không nghe kẻ nô bộc này thì hậu quả không biết thế nào mà lường.

Thấy gia nhân nói có vẻ nghiêm trọng, Quốc Tuấn không dám tự tiện vào diện kiến thân phụ nữa. Chàng bèn kéo lão bộc vào ngồi trong ngôi đình “Tị huyên”^[2] gần đó, và hỏi:

- Lão thuật lại ta nghe, vậy chớ có việc gì xảy ra khiến thân phụ ta yếu mệt tới mức không muốn nhận mặt cả con cái nữa?

Lão bộc bần khoản, hết xoay người, lại ậm ề mãi, vẫn chưa khai khẩu được.

Quốc Tuấn ngẫm đoán chắc có chuyện chẳng lành, chàng nhẹ nhàng hỏi thúc:

- Lão cứ nói đi, hay dở gì thì ta là con cái trong nhà cũng phải được biết chứ. Nói đi, không phải cung kính giữ lễ mãi với ta nữa.

- Dạ, bẩm tiểu chủ, cung kính sao bằng vâng lời, lão đâu dám không thưa lại để tiểu chủ tỏ tường. Dạ, bữa trước đức ông cho đòi Tuệ Trung vương tử An Bang về để ngài hỏi chuyện tiểu chủ học hành ở Thăng Long. Ngài lại nghe nói mong manh gì về một cuộc hôn nhân nào đó mà tiểu chủ có can dự. Sau khi nghe trưởng huynh của tiểu chủ giải bày, đại vương không nói chi cả, chỉ vẫy tay cho lui. Rồi cũng từ bữa ấy ngài bỏ ăn luôn. Ép mãi, đại vương cũng chỉ uống vài hớp nước cháo loãng. Hầu hạ đức ông mấy chục năm giờ, được đức ông tin yêu, mà kẻ nô bộc này gặng hỏi nhiều lần đức ông chỉ lắc đầu. Vâng, mãi gần đây ngài mới chịu nói, mà cũng kiệm lời lắm.

- Phụ thân ta nói sao? - Quốc Tuấn sốt ruột giục.

- Dạ bẩm tiểu chủ, đức ông chỉ nói: - Đời ta chỉ hy vọng vào nó. Cuộc đời ta coi như đã vứt bỏ từ lâu rồi. Nếu không có nó, ta chắc không sống được tới ngày nay. Vậy mà...

- Vậy mà... sao? - Quốc Tuấn vội hỏi.

- Dạ bẩm, ngài chỉ nói tới đó rồi bỏ lửng.

- Sau đó, người còn nói gì nữa không?

- Dạ có! Người nói khề lăm, dường như chỉ vừa đủ cho chính người nghe thôi.

- Vậy chớ lão có nghe được không?

- Dạ được! Nếu không có vài chục năm hầu hạ đức ông thì lão nô này sao có thể nghe nổi.

- Vậy chú thân phụ ta nói gì?

- Dạ! Dạ, người chỉ nói - Cương thường đảo lộn hết cả rồi. Thần tối dạ không hiểu, bèn hỏi - “Bẩm đức ông, cương thường đảo lộn là cái gì ạ?”.

Đức ông cau vầng trán, một lúc lâu sau ngài đuổi hết tà hữu ra, và chỉ để có một mình lão nô này ở lại trong phòng, ngài bèn nói với cung cách vừa đau khổ, vừa khó chịu vừa day dứt nữa.

- Là cái gì à? Ngài nhắc lại hết sức bình thân: - Là cái loạn luân, là chị em con chú con bác lấy nhau; là chị lấy em; là em cướp vợ anh; là cháu lấy cô. Nói đến đây đức ông ngắt đi. Lúc tỉnh dậy ngài hỏi ngay kẻ hầu hạ này, giọng thều thào như giọng nói ma trơi: “Có thật em ta phải gọi ta bằng bố không? Ôi đau lòng quá lão bộc ơi! Ta gương với người”.

- Vậy phụ thân ta còn nói gì nữa không?

- Dạ, từ bữa đó, ngài thôi hẳn không nói năng gì nữa.

Lại nói Hoài vương từ khi biết chắc chắn cuộc hôn nhân giữa con trai mình với chính cô em gái của mình tự nhiên khí uất cứ bốc lên ngùn ngụt. Đầu nặng như đeo một hòn đá tảng. Ngực tức khó thở. Miệng đắng ngắt. Cổ họng khô khốc mà không muốn ăn muốn uống gì. Chân tay buồn bực, bại hoại. Ông giận Quốc Tuấn tới mức có thể từ con được. Bởi ông đã để hết tâm lực vào việc nuôi dạy Quốc Tuấn thành tài. Và chàng chính là niềm hy vọng của ông, có thể nối chí ông mà rửa hận với Thái sư. Theo ông, chính Trần Thủ Độ, người chú họ đã gieo không biết bao nhiêu ngang trái không chỉ cho dòng họ mà còn áp đặt ý muốn nông ngạo của ông ta cho cả vương triều. Chính ông chú chứ không phải ai khác đã triệt bỏ mọi con đường thăng tiến của ta, hủy diệt cả sự nghiệp của ta, và buộc ta phải lui về điền viên sống với một bầy gia nô khiến cuộc đời ta không hơn một tên điền tốt. Cuộc đời ta coi như vô dụng, chính vì thế ta mới kỳ vọng vào Quốc Tuấn để nối chí ta, rửa mối hận cho ta và lấy lại ngôi nước. Ấy thế mà nó lại vương vào cái nghiệp quả tai ác này. Thôi thì nó lấy người trong họ cũng được, nhưng nó lại lấy chính đứa em gái của ta thì quả là cương thường đã ruồng mục rồi. Vậy ta còn biết ăn nói thế nào với người trong nước đây. Cái họa này khơi mào từ Trần Thủ Độ, từ Trần Thị Dung - những kẻ là cô, là chú ta. Đồi bại tới mức ấy mà dám nhận mình là quốc mẫu, quốc phụ thật họ không còn biết liêm sỉ là gì nữa. Ôi, những kẻ như thế mà được tôn vinh thì ở đời này cái đức đã bị vùi chôn vào nơi nhơ bẩn rồi.

Hoài vương cứ mắc vướng mãi vào cái vòng luẩn quẩn hận thù và quyền lực, nên bệnh ngài ngày một trầm trọng bởi khí uất kết tụ do cái tâm tạo ra, nên không thầy nào chữa được, thuốc nào trị được. Có lúc ngài đã muốn sống, muốn diu dặt Quốc Tuấn đạt được những điều ngài dự nghĩ nhưng không còn đủ trí lực để làm. Do không tự hóa giải được mọi hiểm khích nên bệnh ngài ngày càng trầm trọng.

Hết trách con, trách vợ chồng Thái sư Trần Thủ Độ ngài lại trách Trương Công chúa ^[3] và nhà vua, tức là trách chị và trách em mình. Rằng nếu như từ khi Quốc Tuấn về kinh sư, công chúa Thụy Bà nhận nó làm con nuôi mà nghiêm huấn nó chứ không nuông chiều nó thì đâu đến nỗi. Và khi Thiên Thành lui tới, trai gái đầu mày cuối mắt sao Thụy Bà không biết mà sớm cản ngăn đi. Lại nữa nhà vua, khi việc xảy ra như vậy, lẽ ra phải nghiêm trị Quốc Tuấn, trả Thiên Thành về cho nhà Nhân Đạo vương. Việc cản làm thì không làm, lại sai Trần Bất Cập đi thương thảo rồi cắt cả hai ngàn khoảnh ruộng quốc điền trả cho nhà Nhân Đạo vương và cho hai đứa mà đầu óc chúng

đang u mê vì đắm say dục lạc để chúng được lấy nhau. Ôi gia đạo! Ôi vương đạo của vương triều này, chẳng biết nó sẽ dẫn dắt dân nước đi vào đường quanh ngõ cụt nào đây!

Suy tư bấn loạn, sức lực suy kiệt, Hoài vương thực tình nghĩ đến cái chết chứ ông không muốn sống nữa. Bởi nếu như ông xả bỏ được hết thảy như người con trai lớn của ông, đó là Trần Quốc Trung quanh năm vui thú với đạo thiên, khai mở chân tâm, chắc là ông sẽ sống vui, sống khỏe bởi ông mới bốn mươi một tuổi, sức lực còn sung mãn. Vậy mà ông đã suy sụp, ông nằm dính xuống mặt sập, mặt tái mét, người gầy đét, tóc bạc trắng, hơi thở nặng nề thoi thóp. Nom thân xác ông tựa như một đồng dọc mùng héo quắt và gương mặt bạc nhược vô hồn. Có ai ngờ mười bốn năm trước, chính con người này đã dấy một vạn binh hợp ở sông Cái định đánh úp Thăng Long, lấy lại ngôi vua, bắt Trần Thủ Độ trị tội nhân việc vương bị cướp vợ và..., nhà vua bỏ lên Yên Tử, Thái sư cũng tìm lên đó ép vua phải quay về.

Việc tưởng như thành tựu đến mười, ai dè ông chú quỷ quyết. Sự ra khỏi Thăng Long của ông chính là ông gài bẫy mà ta chưa lường tới. Chuyến ấy nếu Thái tông không đứng ra che chắn, chắc là ông chú đã chém bay đầu ta. Hoài vương cứ hồi tưởng triền miên về quá vãng và nhớ rất sâu sắc về những điều bức giận, những nỗi niềm cay đắng nên tâm trạng càng u uất tới mức không gì gỡ bỏ được, không gì hóa giải được.

Hoài vương lâm trọng bệnh, tin về tới Thăng Long, Thái sư Trần Thủ Độ sai thủ hạ về thăm, vương khiến gia nhân đuổi đi, không tiếp.

Người được sai báo về tâu lại, Trần Thủ Độ mỉm cười. Và có vẻ như là một sự ân hận, ông nói:

“Vậy là Hoài vương Liễu vẫn giận ta. Quả thật tình thế lúc ấy buộc ta phải xử sự như vậy, nhưng hơi quá tay”.

Thái sư vào hậu điện đem chuyện sai người về thăm vương Liễu bị ốm, Liễu đuổi đi không tiếp nói với nhà vua. Rồi ông khuyên vua:

- Bệ hạ nên về thăm Hoài vương, ta nghe nói Liễu ốm nặng mà không chịu uống thuốc.

- Liệu chú có thể về thăm Hoài vương được không? - Vua Thái tông hỏi.

Trần Thủ Độ cười như mếu:

- Bệ hạ thừa biết, Liễu còn giận thần lắm. Bây giờ thấy mặt thần, bệnh Liễu càng thêm nặng. Bệ hạ nên về thăm vương, đem tình cốt nhục ra mà hóa giải họa may bệnh Liễu có lui được chăng?

- Được, cháu sẽ về ấp An Sinh, nhưng chưa thể đi ngay được. Cháu đang muốn bàn với chú chuyện nam thù.

- Lại chuyện quân Chiêm quấy phá ven biển châu Hoan, rục rịch đòi đất ba châu mà Chế Củ đã dâng cho Lý Thánh tông để chuộc mạng chứ gì.

- Vâng, đúng là chuyện đó, chắc là cháu phải thân chinh phạt Chiêm để giữ yên mặt nam còn lo rảnh tay đối phó mặt bắc.

- Bệ hạ nghĩ thế là đúng. Nhưng đánh Chiêm Thành chưa cần bệ hạ phải ra tay, việc đó cứ để chú lo. Chỉ xin bệ hạ cho hai vạn

binh là chú có thể đánh dốc tới kinh đô Trà Bàn, bắt Bộ-da-la là vua nước nó về để bệ hạ trị tội; biết đâu nước Chiêm Thành lại một lần nữa đem đất chuộc vua như thời Lý Thánh tông bắt Chế Củ.

Vua Thái tông vội xua tay:

- Không được! Không được! Thừa chú, vì nghiệp lớn của họ Trần chú đã suốt đời vất vả, bao phen chinh chiến vào sinh ra tử mới có được ngày nay, bây giờ tuổi đã cao, chú cần phải được hưởng nhàn, cháu là thân trai tráng, bình Chiêm là việc nhỏ, chú cứ để cháu lo.

Suy nghĩ giây lâu, vua Thái tông lại hỏi:

- Thừa chú, cháu vẫn ngại nhất là phía bắc thù. Dạ, đám vua tôi nhà nam Tống thì chẳng có gì phải lo.

- Chắc bệ hạ lo về đám quân Mông - Thát ^[4] đang rình đánh nước Đại Lý?

Thát-đát đã diệt xong nhà Kim từ năm Giáp Ngọ (1234) nay dồn ép nhà Tống ở mặt bắc. Hiện, người của ta từ Lâm An và từ Đại Lý tin về rằng Mông-kha ^[5] (Môngkã) đang dự liệu cho Hốt-tát-liệt ^[6] và Ngột-lương-hợp-thai ^[7] thôn tính nước Đại Lý. Nếu lấy xong Đại Lý chắc quân kia sẽ tràn sang đánh ta, rồi lấy đất ta đánh Tống từ hai mặt nam, bắc. Việc đó bệ hạ và thần đã chẳng tính đến rồi sao.

- Thừa chú đành rằng vậy, nhưng xem ra binh lực của ta còn mỏng lắm mà quân Mông - Thát như một thứ hung thần, đánh đâu thắng đó, dưới gầm trời này chưa một nước nào chống cự được với nó.

- Biết kẻ cướp mạnh thì mình phải lo rào giậu biên thùy cho kín đáo, phen giậu phải bao bọc nhiều lớp, quân giữ nhà phải đông đúc, tinh khỏe, khí giới phải bén nhọn, tinh thần bình sĩ phải hăng hái, trên dưới một lòng.

Ngừng lời giây lát, Thái sư lại tiếp:

- Tâu bệ hạ, nhưng điều quan yếu nhất là phải thắng được nỗi sợ hãi, phải xác quyết rằng dù kẻ kia có mạnh đến mấy cũng chỉ là lũ kẻ cướp, lý đương nhiên giặc cướp đến nhà là phải đánh đuổi nó để giữ nhà mình, giữ sự an ổn cho người thân của mình, cho dân mình, cho nước mình, nếu trên từ bệ hạ dưới là quần thần tới tận binh sĩ và từng người dân đều đồng lòng như vậy thì không một kẻ cướp nào, không một kẻ xâm lăng nào là không bị đánh bại, cho dù nó có là quân Mông - Thát đi nữa. Nói thật với bệ hạ, khi nhà Trần ta mới khởi nghiệp phải kinh chống với mấy thế lực, họ hùng hậu hơn mình nhiều lắm, nếu không cơ mưu, không cương dũng thì mạng sống của mình cũng không giữ nổi nói chi đến sự nghiệp, đến đế nghiệp.

Những điều Thái sư vừa nói tựa như một làn gió thổi bùng ý chí quật cường của vị vua trẻ. Với vẻ khoái hoạt, vua hỏi:

- Thừa, cứ như ý chú thì sức mạnh và lòng cương dũng chính là bảo bối thắng giặc.

- Tâu bệ hạ, đúng như vậy.

- Chú thử nói rõ làm thế nào để ta có được bảo bối ấy?

- Dễ thôi mà, thần dâng bệ hạ chỉ có bốn chữ thôi. Đó là **DUỠNG DÂN, RÈN QUÂN**, song thực hiện được bốn chữ đó lại không phải là chuyện dễ đâu.

- Vậy ta phải làm gì đây thưa chú?

Trần Thủ Độ cười thật là cởi mở, tay ông nhặt trên nắp coi một khẩu trầu bỏ vào miệng nhai, lại cầm chiếc quạt lông chim phe phẩy - Mới đầu hạ mà trời đã nức, năm nay chắc mưa sớm, Thái sư nói và dường như ông không để ý đến lời nhà vua vừa hỏi.

Vua Thái tông cầm chiếc dù chuông nhỏ xíu toan gõ chuông gọi đám nữ tì đến hầu quạt.

Thái sư vội ngăn lại:

- Ấy đừng, bệ hạ không nên cho ai vào cung cả, trong khi thần và bệ hạ đang bàn việc nước. Giặc tuy còn ở xa, nhưng tay chân, tai mắt chúng rải khắp nơi, chỉ bằng ta cứ phòng bị cho thật nghiêm cần là hơn. Bây giờ thần xin nói điều bệ hạ vừa hỏi. - Phải làm gì à? Thì bệ hạ chẳng đã và đang làm bao việc trọng đại và cần kíp đây ư. Từ khi bệ hạ phong trưởng, tự mình nắm quyền đại chính, vào năm Đinh Mùi (1247) bệ hạ đã cho thi tuyển người tài để đưa vào nắm giữ các cơ quan then máy của quốc gia. Chính bệ hạ xuống chiếu lấy tam khôi từ khoa Đinh Mùi. Khoa ấy ba vị tam khôi đều là các thần đồng từ mười ba đến mười bảy tuổi đã làm cả triều đình kinh ngạc. Xong việc học hành thi cử, tuyển bổ, bệ hạ lại cho sửa sang hình luật, từ đó việc hình án từ tố tụng đến xét xử đều theo một trình tự minh bạch, khiến người dân trong nước an lòng do việc xét xử đúng người đúng tội. Dù người mắc tội giàu có đến đâu, quyền thế đến đâu cũng không thoát được lưới của pháp luật. Chính vì sự thượng tôn pháp luật ấy mà dân càng tin vào triều đình, tin vào đáng chần dân. Đây là các việc lớn của một triều đại mà bệ hạ đã làm, sao còn phải hỏi làm gì nữa. Tuy nhiên còn một việc cực lớn nữa bệ hạ đã cho làm, nhưng thần chắc bệ hạ cũng không ngờ là việc vô tiền khoáng hậu. Ấy là năm Mậu Thân (1248) cách đây vừa đúng ba năm, bệ hạ sai các lộ đắp đê đình nhĩ từ đầu nguồn đến tận biển để phòng chống lụt, bảo vệ mùa màng. Việc ấy chắc phải vài năm nữa mới hoàn tất được. Đê điều mà vững chắc vừa chống được lụt vừa ngăn được mặn. Việc này mà thành tựu thì biển ruộng đồng từ một vụ thành hai vụ, dân gian sẽ trở nên no ấm, tránh được nạn đói, nạn giáp hạt, nước cũng do đấy mà giàu thịnh. Dân sẽ biết ơn bệ hạ đến muôn đời. Thần có đi kiểm sát việc đắp đê thấy bệ hạ chu đáo quá, thương dân quá. Vì rằng nếu chân đê ăn vào ruộng dân, hoặc phải lấy đất từ ruộng dân vạt lên đê khiến các ruộng ấy trở thành các thũng đất không cấy cấy được nữa thì thấy đều lấy ruộng quốc điền ra bồi hoàn không thiếu một tấc, hoặc ai muốn lấy tiền thì trả theo đúng giá ruộng đất trong vùng. Bởi vậy lòng dân hỉ hả lắm, vợ chồng, con cái thay nhau đi đắp đê, chỉ được một ngày hai bữa cơm ăn chứ không có một đồng công đồng thường nào mà vẫn cứ vui vẻ.

Thái sư ngừng lời. Một lát ông lại tiếp: - Các điều căn cốt của việc trị nước an dân bệ hạ đã làm được cả, sao bệ hạ còn hỏi phải làm gì nữa.

Nghe những điều thái sư nói về các việc mà triều đình đã làm, nhà vua cảm thấy đều đúng cả, đều có lý cả, nhưng trong sâu kín tâm tư vua Thái tông vẫn mơ hồ cảm nhận như có một điều gì bất an, tựa như linh giác thềm mách cho ngài biết rằng sắp có một tai họa gì đây sẽ giáng xuống đất nước. Nghĩ vậy, nhà vua liền bày tỏ:

- Cháu mơ hồ cảm thấy như nước mình sắp có giặc giã từ ngoài vào xâm lấn, cho nên chú phải giúp cháu vực thế quân lên kéo khi họa đến, ta trợ tay không kịp, và lại cũng đúng như ý chú vừa răn là phải “**Dưỡng dân, rèn quân**”.

Chiêu xong một ngụm nước, Thái sư Trần Thủ Độ chậm rãi:

- Việc rèn quân, bệ hạ cũng đã làm được nhiều rồi đấy, ví như năm Tân Sửu (1241) bệ hạ đã tinh tuyển những người am hiểu võ nghệ, có sức khỏe, có lòng dũng cảm sung làm quân túc vệ Thượng đô. Và hiện nay bệ hạ đang mở rộng quy mô Giảng Võ đường, để đào tạo người tài cho nắm giữ các đô quân, các sắc quân. Việc làm ấy là căn bản. Mạn bác thùy, nhà nam Tống đúng là nó đang rệu rã, yếu hèn, nhưng vẫn cứ ra vẻ ta đây, dung dưỡng cho đám tay chân thình thoảng lại lần qua biên ải làm một vài vụ cướp của và đốt một vài nóc nhà, để nạt dọa dân ta rồi lại cuốn chạy. Cho nên cũng năm Tân Sửu bệ hạ đã làm một cuộc tảo thanh đánh đốc sang các trại biên quân của nhà Tống bằng đường bộ, rồi lại dùng đường thủy qua các châu Khâm, Liêm rồi đem quân về. Quân Tống thấy đều chạy trốn mà không hề có sự chống cự nào. Cuộc tảo thanh của bệ hạ sang đất Tống năm Tân Sửu cũng na ná như cuộc phạt Tống của Lý Thường Kiệt năm Ất Mão (1075). Thế rồi năm sau bệ hạ lại sai tướng Khuê Kinh đem quân lưu trấn vùng bắc thùy, nhân quân Tống kéo nhau sang ăn cướp. Trần Khuê Kinh không chỉ tiêu diệt sạch mà còn truy đánh đốc sang tận Bằng Tường. Từ ấy tới nay kể đã dư mười năm, bắc thùy yên ổn, quân Tống không dám nhúc nhích nhòm ngó núi sông ta.

Hiện nay bệ hạ linh cảm như đất nước sắp có tai họa, sắp có xâm lăng. Việc đó quả là có lý đấy. Nếu có họa xâm lăng, ắt chỉ có quân Thất-đất Mông Cổ thôi chứ không phải quân Tống. Quân Thất-đất đúng là thiện chiến và hiện dưới gầm trời này chúng chưa có địch thủ. Tuy vậy không phải chúng cứ muốn làm gì cũng được đâu. Ví như năm Giáp Ngọ (1234) Oa-khoát-dài nối ngôi cha là Thành-cát-tur-hãn đã diệt xong nhà Kim, thế mà suốt mười bảy năm đã nuốt trôi nhà nam Tống rệu rã yếu hèn đâu.

Thái tông vui hẳn lên, giọng nói nhà vua đầy phấn khích:

- Quả đúng như chú nói, nếu quân Mông Cổ có sức mạnh trùm sông núi, sao mười bảy năm qua vẫn chưa khuất phục nổi Trung Nguyên. Thật ra đánh bọn quân Mông Cổ xâm lược chỉ thuận có nghĩa quân thôi, triều đình của Tống Lý tông chỉ làm mỗi một việc là cắt đất cầu hòa với quân Mông Cổ và ngăn cản nghĩa quân không được đánh giặc. Nhưng theo chú thì binh lực của ta hiện nay đã đủ sức cản giặc chưa? Cái lo của cháu là ở chỗ đó.

- Chưa! Quân ta hiện chưa đủ sức cản giặc. Thái sư Trần Thủ Độ nói một lời dứt khoát khiến vua Thái tông lạnh cả sống lưng. Nhà vua tưởng như mình nghe nhầm, như không phải lời nói của một bậc trí dũng đã tạo dựng lên vương triều này.

Lấy lại sự bình tâm nhà vua hỏi tiếp:

- Cháu không hiểu ý chú. Chú vừa nói thì quân Mông Cổ chẳng có gì đáng sợ, vật lộn với một nhà nam Tống bạc nhược suốt mười bảy năm qua vẫn cứ ịch, thế mà chú lại bảo quân ta chưa đủ sức cản giặc là thế nào? Nếu giặc Mông - Thất tới, ta phải đầu hàng chăng?

Trần Thủ Độ cười xòa:

- Bệ hạ hiểu sai ý thần rồi. Mông - Thất vẫn là đội quân đáng gờm, muốn cản được nó, muốn thắng nó, ta còn nhiều việc phải làm, mà việc gì cũng phải rất gấp. Phải lo như ngày mai giặc sẽ khởi sự thì mới kịp.

- Thưa chú, cháu đang muốn nghe ý chú.

Trần Thủ Độ chậm rãi:

- Bệ hạ phải lo kiểm kê đinh tráng trong độ tuổi sung quân ngay. Phải lấy điền binh sung vào quân thường binh chính ngạch cho quân số tăng lên gấp đôi hiện nay. Sức mạnh của quân Mông - Thát là ở kỵ đội, nó nhanh mạnh và xuất quỷ nhập thần lắm. Ta phải hết sức tránh cái sở trường của giặc. Không, trọng binh của ta với dăm chục thớt voi công kênh, di chuyển chậm chạp không địch lại được với kỵ đội của chúng đâu. Phải đánh bằng quân phục, phải chia mỏng chúng ra mà đánh, phải lôi chúng xuống sông nước mà đánh, bởi thủy chiến là thế mạnh, là sở trường của quân ta.

- Nhưng nếu giặc đánh ta vào mùa đông, nước sông đều xuống thấp, đường sá khô ráo rất thuận tiện cho kỵ đội chúng xông xáo thì làm thế nào, - vua hỏi cắt ngang.

- Thuật đánh giặc thì bệ hạ khỏi lo, mùa nào có cách đánh của mùa đó. Bệ hạ chẳng thấy nước ta rừng rú dày đặc, chỗ nào cũng là rừng cây cả. Ngay đồng bằng cũng xen kẽ rừng rậm chi chít chớ đâu phải thảo nguyên để giặc có thể dùng sở trường của nó. Có nghệ thuật đánh giặc, ta sẽ bàn sau. Bây giờ phải tìm cách hưng thế quân, thế nước lên.

- Làm cách nào để hưng thế nước, thế quân?

- Bệ hạ cho đắp đê phòng lụt, ngăn mặn là việc làm căn cốt nhất. Nhưng để người dân thật sự biết ơn triều đình, vì triều đình mà chung lo việc nước thì bệ hạ phải cho dân có chút quyền lợi.

- Vậy chớ việc đắp đê đó chú bảo không vì lợi quyền của người dân sao?

- Đành rằng vậy, nhưng bệ hạ nên biết số đông nông phu hiện nay không có ruộng, nếu họ không cấy rẽ thì cũng phải đi ở mướn cho các điền chủ. Vì vậy nguồn lợi do bệ hạ trị thủy đem về trước hết cho đám điền chủ.

- Theo chú, vậy triều đình phải làm gì?

- Thần đã có dự nghĩ nhưng chưa có dịp tâu với bệ hạ. Hiện nay điền chủ chiếm quá nhiều ruộng đất. Triều đình phải hạn giới việc chiếm hữu chỉ được phép tới mức nào; quá giới hạn đó nhà nước sẽ mua lại. Số quốc điền trong hương ấp hiện nay cũng rất nhiều. Sao bệ hạ không chia cho nhân đinh ở mức tối thiểu nào đó, rồi cũng bán bớt quốc điền cho người nông phu, nhà nào nghèo quá thì bán chịu. Lại nữa, khuyến cáo ai có sức khai phá rừng kiệt, đất hoang, bãi bồi sẽ tha tô thuế nhiều năm tùy theo công sức bỏ ra và cho làm chủ luôn đất ấy.

- Đúng! Chú nói đúng. Việc giản dị thế sao mà cháu không nghĩ ra. Đúng là phải hữu sản hóa cho dân thì nước có giặc họ sẽ không tiếc máu xương để giữ nước, bởi giữ nước chính là giữ nhà, giữ tài sản của họ. Các việc chú nói phải cấp kỳ khai triển. Phù thái su khai triển. Chú cho trung thư sánh đi đốc thúc các lộ làm ngay, nhưng trước hết phải có điệp văn trình tâu lên, triều đình sẽ nhân đó mà xuống chiếu. Lại còn việc sửa soạn binh khí, quân lương, luyện quân, cả việc tăng quân cho vùng biên thủy nơi giáp giới nước Đại Lý, biết bao là việc mà việc nào cũng gấp cả.

- Bệ hạ phải bình tâm, phải giữ thế nhân chủ, tuy coi giặc có thể phạm cõi bờ ta từ ngày mai, nhưng vẫn cứ phải bình thân như không có gì xảy ra cả. Nếu không sẽ rồi. Việc biên ải thần đã cử Khuê Kinh đem theo một ngàn quân lên đó rồi. Kinh cũng làm chuyện võ

về các tù trưởng trên đó làm phen giấu che chắn cho triều đình. Kể cả việc cấp thêm lương thảo và tiền bạc cho họ, thần cũng lo rồi. Duy có việc phạt Chiêm thì phải làm sớm đi để rảnh tay lo mặt bắc. Việc ấy bề hạ cứ để thần đem vài vạn quân vào Chiêm là xong.

- Không được, việc nội trị quan yếu lắm, chủ phải ở nhà giúp cháu, kể cả các việc vừa bàn chú cũng phải làm ngay. Cháu sẽ tự thu xếp chuyện nam chinh.

- Bệ hạ đã nói vậy, thần xin tuân chỉ.

Lại nói về chuyện Quốc Tuấn, Thiên Thành về ấp An Sinh thấy cha buồn phiền ốm đau về chuyện hôn nhân của mình khiến chàng cũng bứt rứt. Chàng không ân hận về chuyện hôn nhân, nhưng quả thật thương cha đến se thắt lòng dạ. Sao Quốc Tuấn không biết chàng là niềm kiêu hãnh của cha mình. Thế mà bây giờ đến nỗi cha giận không cho gặp mặt, không thèm nhìn mặt. Chàng hẹn với lão bộc khi nào cha thiếp ngủ sẽ báo cho chàng vào túc trực bên cha. Nhìn thân thể cha hao gầy, mặt võ vàng hốc hác, hai hốc mắt trũng sâu, râu bạc trắng tự nhiên nước mắt chàng cứ nhều ra chảy ướt cả hai gò má. Chàng thầm nghĩ: mẹ đã bỏ ta từ tấm bé, thân cô cút phải nhận cô làm mẹ, nay lại đến lượt cha đi nữa thì ta biết nương tựa vào ai. Chưa làm được điều gì báo hiếu mẹ cha lại để cha phiền lòng, đó là điều Quốc Tuấn khổ đau nhất. Nghe hơi thở cha nặng nề, đôi lúc lại nấc lên như người nghẹn, lão bộc gơ tay báo hiệu cho Quốc Tuấn ra ngoài để ông sẵn sóc lão gia. Quốc Tuấn lặng lẽ đi giật lù ra cửa, nước mắt vẫn giàn giụa tràn mi.

Thấy sức cha ngày một kiệt, Quốc Tuấn nhất định không chịu ra khỏi phòng cha nữa, chàng cứ đứng đó nhìn cha chòng chọc, khi cha tựa mình thì chàng ngồi thụp xuống chân giương hoặc chui vào gầm giường.

Những hành vi của Quốc Tuấn kỳ thực không che được mắt Hoài vương Liễu. Có lúc ông đã toan quát đuổi Quốc Tuấn nhưng không đủ sức bật ra được thành lời nói. Nhưng thấy Quốc Tuấn râu rì, lén vụng để được hầu hạ suốt ngày đêm không tỏ ra mệt mỏi, ông lại dấy lên lòng thương con. Hoài vương biết chắc con mình có tài vương bá; trong mấy người con trai, ông chỉ kỳ vọng ở Quốc Tuấn; còn như Quốc Trung thì chữ nghĩa đầy mình, đầu óc khoáng đạt nhưng chí của nó lại đặt vào cái chỗ vô tranh, chuyên chú vào việc tu tâm, xả bỏ hết thảy để cầu tìm sự giải thoát. Có lúc ông đã nghĩ Quốc Trung chỉ làm những việc hão huyền, vô bổ; có lúc ông lại cho sự nghiệp mà Quốc Trung theo đuổi là cao thượng, là kỳ vĩ, người thường không thể theo được.

Hoài vương cứ đắm mình vào trạng thái hư hư thực thực, đầu óc ông không khai thông được tức là không thoát ra được cái ranh giới của sự sống. Ông mơ hồ cảm thấy cái thời khắc của mình đã sắp đến. Sức ông cứ kiệt dần, người cứ lịm chìm trong một thứ ánh sáng đục mờ, dường như ông cố giương mắt ra nhìn mà chẳng thấy một vật gì ngoài cái màu trắng ma quái cứ ám ảnh, giăng mắc bủa vây ông đến hải hùng.

Tới một hôm Hoài vương thấy người tinh táo, đầu óc nhẹ nhõm, ông đòi lão bộc nấu nước hương nhu lá bưởi cho ông tắm. Lại sai lấy áo mũ tước vương mặc cho ông. Các việc mặc áo, đội mũ ông cho Quốc Tuấn được phép hầu hạ. Ấy là trong lòng ông đã có sự tha thứ. Tựa vào chông gối xếp có lão bộc nâng đỡ ở phía sau, ông chỉ Quốc Tuấn quỳ xuống, ráng lấy sức nói thông thả để khỏi có sự nhầm lẫn, chắc vương nghĩ vậy. Giọng vương cất lên yếu ớt, nhưng lời giãi giãi thật rõ ràng: *“Mày mà không vì cha lấy được thiên hạ thì cha chết không nhắm mắt”*.

Vừa nói xong điều gan ruột vương gục xuống, chiếc mũ phốc đầu văng ra; vương đi xem chừng chưa được thanh thân. Lão bộc vội vàng đỡ vương. Quốc Tuấn thét một tiếng kinh hoàng: - Cha!

Được tin Hoài vương Liễu thất lộc, vua Thái tông hết sức đau lòng, thương anh một đời lận đận. Nhà vua sai trung sứ về tế trước linh sàng huynh trưởng, gia phong làm đại vương, lại có dụ riêng cho Quốc Tuấn: “*Sau một năm cư tang phải trở lại Thăng Long nhận mệnh*”.

Vua Thái tông đem hai vạn quân vào Chiêm Thành lấy Lê Tần làm tướng tiên phong. Trước ngày xuất chinh nhà vua ghé cung Thủy Tinh chào Thái sư Trần Thủ Độ.

Trần Thủ Độ đã biết rõ việc điều động binh nhưng, tướng hiệu của vua nên không hỏi han về chuyện đó, chỉ căn dặn vài điều:

- Bệ hạ đi chuyến này chắc Chiêm Thành sợ oai phải trở lại nước phiên thần và không dám quấy nhiễu mặt nam của ta nữa. Chỉ nhằm răn đe, chắc chủ ý của bệ hạ không muốn mạnh tay quá để khổ cho dân nước họ và cả di hận cho triều đình Bồ-da-la nữa; muốn vậy bệ hạ phải nghiêm huấn cho các tướng chớ ham giết chóc một khi quân kia đã tháo chạy hoặc đầu hàng.

Thái tông gật đầu:

- Chú dạy chí phải, vạn bất đắc dĩ mới phải đem quân ra khỏi cõi trong khi nước mình cũng đang bị kẻ khác rình rập.
- Vậy thì bệ hạ ra oai với người Chiêm xong nên sớm rút quân về.
- Cháu cũng nghĩ vậy. Việc kinh sư cháu đã trao cho Nhật Hiệu lưu thủ. Mọi việc trong nước vẫn do Phủ thái sư điều hành.
- Thần tuân chỉ. Có điều hoàng thái tử tuổi còn nhỏ quá, nhẽ ra việc lưu thủ kinh sư phải do hoàng thái tử đảm nhiệm.
- Cháu cũng biết thế, nhưng Hoàng mới mười ba tuổi nên cháu không dám tùy tiện.
- Bệ hạ nghĩ thế là phải. Nhưng Nhật Hiệu chỉ làm được công việc của thời bình.

Vua Thái tông biết ông chú không ưa Nhật Hiệu và thường chê Hiệu bất tài. Nhật Hiệu là thân vương trong hàng huynh đệ nên nhà vua cũng có phần ưu ái.

Nhà vua xuất chinh rồi Thái sư Trần Thủ Độ liền cho các quan của triều đình về các trấn, lộ tuyên chiếu mệnh của vua về các việc: kiểm kê tiểu hoàng nam, đại hoàng nam biên chép đầy đủ để khi nhà nước động binh mọi việc đã sẵn sàng. Việc thứ hai là tất cả các đình tráng tuổi từ mười tám đến bốn mươi lăm đều phải gia nhập điền binh và luyện tập mỗi năm hai tháng thay vì một tháng như trước đây; binh bộ sẽ cử các đô tướng về huấn dạy các môn võ nghệ và sử dụng các đồ khí giới; lương thực ăn trong thời gian tập luyện do nhà nước chu cấp, các điền binh không phải tự túc như trước nữa. Việc thứ ba là nhà nước sẽ đưa mẫu khí giới cho các lò rèn làm như giáo búp đa, đinh ba, câu liêm, đao, kiếm cũng như việc chế tác cung, nỏ, tên và chông sắt... nhà nước sẽ mua tất thảy để phân phát cho các đội dân binh phòng khi nước có giặc. Việc thứ tư là các đất hoang hóa, đầm hồ, bãi bồi hoặc rừng kiệt trong dân gian ai khai phá được,

nhà nước sẽ tha tô thuế cho từ năm năm đến mười lăm năm tùy theo công sức bỏ ra, nhà nước cũng cấp luôn sổ địa bạ và cho làm chủ đất ấy.

Cùng với việc triều đình cho đắp đê từ nguồn đến biển phòng lũ lụt, ngăn nước mặn với các chính lệnh mới vua ban đã gây một luồng sinh khí chưa từng thấy trong dân gian làng xóm. Người nào việc ấy, dân chúng hồ hởi, cả nước đều nhộn nhịp như một đại công trường.

Bữa nọ Thái sư đi kinh dinh các lộ vừa về tới dinh phủ, chưa kịp tẩy trần, phu nhân đã sán hỏi:

- Ông đi quá nửa tuần trăng nay mới về, vậy chớ có việc gì mà ông vui thế?

- Việc nước cả thôi chứ tôi có việc tư riêng gì đâu bà, - Thái sư vừa nói vừa nhìn phu nhân cười lấy lòng.

Phu nhân bĩu môi:

- Hơn ba chục năm nay lúc nào ông cũng “việc nước”, “việc nước”, còn gái già này chỉ quanh bấp núc hầu hạ đức ông thôi chứ gì. Phu nhân dằn giọng vẻ như hờn dỗi - Lạ thật, không bao giờ ông hỏi được một câu về các việc nơi đầu hè, xó bếp của mẹ già này là thế nào.

Trần Thủ Độ trầm nghĩ: - Vẫn cái tính đáo đả của cô Dung ngày nào. Với điệu cười làm lạnh, ông tưởng thuật lại các việc, cả khi thể lòng dân nữa cho phu nhân nghe.

Nghe xong, phu nhân cũng cười nói xuề xòa:

- Việc vui như thế mà trước khi đi ông chả nói cho tôi biết.

- Thì đã biết lòng dân đón nhận thế nào mà khoe trước với bà.

- Tôi thấy Cảnh nó trị nước giỏi đấy ông ạ. Chính lệnh ngày càng khoan nói, dân được nhờ. Kể ra ông cũng là người tinh tường, đặt nó vào ngôi quân trưởng từ thuở còn chưa biết hi mũi, thế mà rèn cặp được thành người tài đức. Cả dòng họ về vang, dân nước chịu ơn. Giỏi! Chú cháu ông đều tài giỏi cả.

Trần Thủ Độ sùu một tiếng rồi nói:

- Chú cháu tôi được như ngày nay là đều ở như bà cả. Giả dụ ngày bà có mang con Thuận Thiên, Đàm thái hậu truy ép rồi bỏ thuốc độc, cả bức tử nữa, nếu bà không có gan cóc tía, khí uất bốc lên, mọi việc buông xuôi bà khuất bóng thì làm sao anh em tôi giữ được Huệ tôn, ngôi nước chưa biết về tay họ nào. Bè này đáng nợ kinh chống lẫn nhau, xấu xé giang sơn, máu xương đầy nội biết bao giờ mới quy được về một mối. Do thế, chỉ lịch sử mới ghi xuề công lao của bà chứ chú cháu tôi nói dăm câu ba điều nơi đầu lưỡi thì ăn nhằm gì. Còn việc bấp núc, việc hậu cung không ở tay bà còn ở tay ai. Hậu cung mà rối nát, chú cháu tôi đâu có tài thánh cũng phải bó tay.

Phu nhân có vẻ hài lòng, có vẻ mãn nguyện, bà dẫu môi nói:

- Đào ôi, ông cứ nói mãi công lao làm tôi thêm ngượng. Nay, thế việc ông và nhà vua trừ liệu quân lương, binh khí như vậy có

nghĩa rằng quân Mông Cổ sắp đánh mình thật ư?

- Biết nói thế nào để bà hiểu. Đối với người một đời làm tướng như tôi thì việc giữ nước lúc nào cũng phải coi như ngày mai giặc sẽ tràn vào cướp nước mình, thậm chí ngay đêm nay, ngay lúc này. Nhưng cái đó cũng còn tùy thuộc ở ta. Nếu lực ta đủ mạnh, lúc nào ta cũng cảnh giới cao và sẵn sàng nghênh địch thì chưa chắc giặc đã dám xâm phạm bờ cõi ta. Bởi kẻ xâm lăng cũng dư sự khôn ngoan để biết rằng, nếu không thắng được đối thủ thì chớ có dại mà gây hấn.

Phu nhân cười rất chi là thỏa mãn - Thảo nào chú cháu ông làm việc gì cứ là chắc nịch việc ấy. Tôi nhớ khoảng mười năm trước, khi ấy nhà vua mới hai mươi bốn hai mươi năm tuổi thế mà đem binh tuần thú qua đất Tống, đánh dốc mấy trại trên bộ rồi lại xuống thuyền lấy đường thủy qua châu Khâm, châu Liêm quân Tống cứ im re không dám kháng cự.

- Thật ra bà mới chỉ biết nhà vua là người có đức, thương người, hiếu thuận, nhu hòa chứ bà chưa biết nhà vua còn là người mưu lược, cương dũng lắm đấy.

Phu nhân làm ra vẻ nghiêm trọng hỏi:

- Vậy chớ bằng linh giác của một đời làm tướng, ông thử nghĩ xem liệu quân Mông Cổ có xâm lược cõi bờ ta không?

Ngập ngừng giây lát, thái sư hỏi lại phu nhân:

- Bà muốn dò biết để làm gì?

- Để xem có lo liệu được cái gì thì lo sớm đi. Ấy tôi lo xa thế để biết đường tích trữ lương thực, thức ăn thức uống, kéo khi giặc đến bắt ngờ, bấp bực của tôi trông trơn sao.

Trần Thủ Độ cười khì:

- Bà đúng là kẻ có tài nội gián, thảo nào mà khi trước Lý Huệ tôn xa giá đi về nẻo nào Thuận Lưu Bá (Trần Tự Khánh) cũng biết mà nghênh đón, còn các đối thủ của ta cứ mù tịt.

- Tôi mà không khéo dò la thì Thái úy Đàm Dĩ Mông cùng các tướng của Huệ tôn họ vật lông anh em nhà ông từ lâu rồi. Huệ tôn đúng là người bạc nhược, nhưng tả hữu của ông ấy không phải là một lũ vô dụng cả đâu.

- Sao anh em tôi chẳng biết điều đó. Ngay bà Đàm thái hậu cũng không phải tay vừa. Nhưng vận hội của nhà Lý đã đến hồi chung cục. Bởi sự sụp đổ ấy không phải nó diễn ra một sớm một chiều mà nó tích chứa cả trăm năm rồi, kể từ thời Dương Hoán kia (Lý Thần tôn 1128 - 1138); cho nên Lý Huệ tôn dù có tài thánh cũng không gượng dậy được.

Phu nhân thở dài, dường như bà muốn nén giấu một điều gì khổ đau, khó nói.

- Ô kia! Sao đang nói chuyện vui bỗng nhiên bà lại trở buồn?

Buông thông hai cánh tay, giọng trầm buồn, phu nhân chậm rãi:

- Chẳng giấu gì ông, cứ mỗi khi ông nói đến công lao của tôi đối với nhà Trần, tôi lại nhớ lời con Chiêu Thánh nó đay nghiến tôi. Ông có biết nó nói với Trần Cảnh về tôi như thế nào không?

- Tôi đâu có biết các chuyện ấy. Nhưng thôi bà cứ gọi lại chuyện cũ làm gì?

- Nếu ông chưa biết thì ông nên biết, tôi đã phải chịu đựng búa rìu như thế nào. Chính con Chiêu Thánh đã thét vào mặt Trần Cảnh rằng: "... Bà cô ông ấy. Tôi không ngờ, trời phú cho bà ta khuôn mặt đẹp để che giấu một tâm hồn ác độc. Bà ta chui vào triều Lý để đánh hồi chuông báo tử cho dòng họ Lý nhà tôi...".

Thái sư ơi, phải nghe những lời xót xa cay đắng ấy từ miệng con gái mình nói ra, ông tưởng tôi sung sướng lắm sao.

- Các việc đã qua thì cho qua hết đi bà ạ, tương lai còn nặng gánh lắm mà tôi với bà cũng đều luống tuổi cả rồi. Để tôi giả vờ nhời câu bà hỏi về quân Mông Cổ, kéo mai này nước có họa lớn bà lại trách tôi. Về quân Mông Cổ hiện thời nó có sức mạnh như quân nhà trời. Nó đánh đâu thắng đó, không một nước nào kháng cự nổi nó. Nó là một đội quân không có địch thủ. Sờ dĩ các nước thua nó vì mới chỉ nghe danh nó thì từ vua quan đến tướng binh cả nước đã sợ xanh mắt rồi, sao còn đủ can đảm để đối mặt với nó.

Nhìn thẳng vào mắt Thái sư, phu nhân hỏi:

- Ông cứ nói thật đi, ông và nhà vua có sợ quân Mông Cổ không?

Trần Thủ Độ nhòe miệng cười:

- Thân làm tướng mà sợ giặc sao còn dám đánh giặc. Thân làm tướng mà coi thường giặc thì cầm chắc sự bại trận rồi. Bà chẳng thấy nhà vua tự cầm quân đi bình Chiêm là để rảnh tay đối phó với quân Mông Cổ ở mặt bắc. Còn các việc tôi vừa đi khắp các lộ là để vực thế nước lên, làm tăng sức mạnh để kháng giặc trong khi giặc còn ở rất xa. Chú cháu tôi cùng cả nước làm như vậy là sợ giặc hay là sẵn sàng đánh giặc.

- Thế thì tôi chịu ông rồi, trước sau ông vẫn là một người trí dũng. Trần Cảnh cũng học được ở ông cái đức ấy. Nhưng Cảnh có lòng hiếu Phật, chăm đọc kinh sách lại thường giao du với các bậc thiền sư nên cái đức của Cảnh thuần, tâm của Cảnh thiện.

Cuối năm nhà vua đi bình Chiêm thắng lớn trở về, có đem theo một số tù binh, một số thợ đá, thợ làm gạch, thợ đục tượng. Vào Chiêm, nhà vua không sợ binh uy của nước họ, nhưng vô cùng tán phục về tài năng nghệ thuật của dân họ qua xem xét các đền tháp, các tượng thờ, các cung điện, vua luôn miệng khen: "Người Chiêm khéo tay! Người Chiêm tài hoa!". Vua cũng nhắc Lê Tần không được cho quân lính phá phách cung điện, đền, tháp của họ.

Thái tông sai làm lễ hiến phù ở nhà Thái miếu nhưng không cho chém tù binh. Trong số tù bắt từ Chiêm Thành về có cả vũ nữ và nhạc công, sau tra hỏi mới biết trong số đó có cả vợ vua Chiêm Bô-da-la. Chẳng là viên quản trại của ta cứ thấy các Chiêm nữ cung kính trước một người đàn bà phong thái tỏ ra đài các, ăn uống thì cảnh vẻ. Chuyện tâu lên, vua lấy làm ân hận.

Vua cho nhóm họp triều đình để bố cáo việc bình Chiêm thắng lớn, và nghe các quan tâu báo công việc sau mười tháng nhà vua

rong ruộng chiến chinh.

Các quan đứng đầu sáu bộ, sáu khoa và các đô, đài, sảnh, viện lần lượt tâu lên các việc đã làm và đang làm. Vua lấy làm đẹp ý và thâm biết ơn Thái sư điều hành việc nước hơn cả điều mà vua hằng trông đợi.

Vua hỏi quan Tư khấu về ruộng đất, đê điều. Quan Tư khấu tâu báo các việc đầu đầy đều rõ ràng, tỉ mỉ. Việc đê thì tới cuối mùa xuân sang năm là hoàn tất.

Ngay sau đó vua sai đại thần là Lư Miễn lập một phái bộ chia làm nhiều đoàn đi kiểm xét toàn bộ con đê từ nguồn tới biển, chỗ nào còn khuyết hãm phải cho người bồi đắp ngay trước mùa mưa lũ. Phân cho các lộ phải quản đê trong địa phận của lộ mình. Mỗi lộ được đặt chức quan Hà đê chánh, phó sứ chuyên coi sóc việc đê điều. Nhân đó vua nhắc đô tổng quản coi việc quân ở các lộ, gặp lúc việc tập luyện đã vẫn phải đốc thúc quân lính phối hợp với dân chúng trong vùng khi công việc đồng áng, mùa vụ đã xong cùng nhau đắp đập, đào mương, khơi lạch đê phòng lụt, hạn.

Vua lại hỏi quan Tư khấu về số lượng ruộng quốc điền ở các làng xã và số dân không có ruộng đất. Nghe xong, vua dụ rằng:

- Hiện nay trong hương ấp nhiều gia đình nông phu không có ruộng đất, quanh năm phải đi làm mướn cho các điền chủ hoặc lĩnh canh nộp tô cho các chủ ruộng. Công sá rẻ mạt, giá tô ruộng chủ thu cao, nên người nông phu làm đến kiệt sức vẫn không đủ ăn. Ta được biết, nhiều điền binh đến kỳ trung tập, không có gạo mang theo nên phải bỏ trốn vào rừng, hoặc có người chỉ đủ gạo nộp ăn ngày một bữa suốt cả tháng tập tành. Thái sư biết việc này nên đã có lệnh cho toàn cõi: - Điền binh trong thời gian tập luyện sẽ được kho gạo của nhà nước cấp cho ăn đủ, lại cấp cả tiền gạo ăn đường cho những người ở xa nơi trung tập từ hai mươi dặm trở lên. Và sau lễ thượng nguyên vào đầu năm tới, các làng xã phải bán ruộng quốc điền cho dân cùng đình. Các hộ nông phu từ năm người trở lên được mua một

diện^[8], từ bốn người trở xuống được năm sào. Giá không nên thu cao, bởi người nông phu còn nghèo lắm. Theo ta, mỗi diện chỉ thu năm quan tiền là vừa. Nhà nào nghèo quá, nhà nước sẽ bán chịu và cho trả dần. Đê ruộng ấy khỏi lọt vào tay điền chủ thì các ruộng có nguồn gốc quốc điền trong ba đời không được mua bán, cầm cố hoặc gán nợ. Việc giao ruộng cho các điền tốt phải hoàn tất trước tháng ba, tháng tư để họ còn kịp làm vụ mùa vào tháng năm, tháng sáu. Ngừng giây lát, vua lại dụ: - Mỗi làng xã tùy theo số dân đình phải dành lại cho họ từ ba đến năm mẫu học điền.

Sau các việc đê điều, vua lại hỏi sang việc học.

Quan tri Quốc tử viện tâu việc dựng nhà quốc học viện đã xong. Quan Quốc tử giám Tế tửu tâu hiện có hơn một trăm người gồm con cái các bậc tôn thất, con cái các bậc đại thần đang theo học.

Nhân đó vua dụ rằng:

- Người giỏi, người tài không chỉ gồm có con cái trong hoàng gia, hoàng tộc và các quan lớn đầu triều. Mà người tài nằm rải rác trong thiên hạ. Nay đã có nhà học, có người dạy, vậy Quốc tử viện nên cử người về các lộ kén lấy người tài cho về kinh sư học tập. Ai có thực tài mà lâm cảnh nghèo thì nhà nước nuôi cho ăn học thành tài. Như sự nhớ ra điều gì, vua vội hỏi:

- Khoa thi năm Đinh Mùi (1247) tam khôi đệ nhất giáp thuộc về ba cậu bé. Vậy chớ những người ấy hiện nay ở đâu, họ làm gì và

có đúng là họ giỏi thật không?

Quốc tử giám Tế từ bèn thưa:

- Tâu bệ hạ, ngày đó vì các vị tam khôi còn nhỏ tuổi nên triều đình chưa bỏ dụng mà đưa về Quốc học viện cho các vị tu chính thêm học thức, kiến văn, bởi bên đó có nhà tàng thư, các sách về Tam giáo^[9], Cửu lưu^[10] không thiếu một sách gì. Các vị vẫn chăm chỉ kê cứu nội ngoại điển tở lộ là bậc thiên tài, thần đã đưa các vị vào trợ giảng, các nho sinh đều tỏ lòng mến mộ và kính phục lắm ạ. Tâu bệ hạ, vị trạng nguyên Nguyễn Hiền nay đã hai mươi tuổi, bảng nhãn Lê Văn Hưu hai mươi tư tuổi, thám hoa lang Đặng Ma La hai mươi một tuổi. Xem ra các vị đều đã trưởng thành và tài năng thiên hướng đều đã hiển lộ.

- Vậy chớ họ có thiên hướng gì, khanh nói rõ ra.

- Tâu bệ hạ như bảng nhãn Lê Văn Hưu chuyên nghiên ngẫm kê cứu về các ngành sử. Lịch sử nước ta Lê bảng nhãn đã lược chép ra được dăm tập rồi ạ.

Thám hoa lang Đặng Ma La thì thiên về từ, phú. Văn chương của thám hoa hết đối tao nhã, mỗi chữ đều lựa chọn kỹ càng tựa như những viên ngọc đã được mài chuốt công phu.

Nhà vua tỏ ý hài lòng, ngài để vào lời tâu của quan Quốc tử giám Tế từ:

- Đến bây giờ ta mới được biết Quốc tử giám Tế từ có thêm biệt tài bình văn nữa.

Các quan đều cười vui, không khí triều hội với cái tình vua tôi thật là gần gũi. Đoạn vua Thái tông lại hỏi:

- Thế còn cái cậu bé đệ nhất giáp đệ nhất danh có thiên hướng gì mà ta không thấy ông nói, hay là cậu ta đã về quê thả diều rồi?

Triều quan lại cười vỡ ra. Quốc tử giám Tế từ có vẻ lúng túng đưa tay lên rờ rờ đai mũ, vuốt lại nếp áo chầu và khi các quan đã ngớt tiếng cười, ông liền vòng tay cung kính:

- Tâu hoàng thượng, trạng nguyên Nguyễn Hiền quả thực là bậc anh tú vượt hơn hẳn so với các người cùng bảng. Thần đã theo dõi quan trạng đọc sách. Ông cứ mở từ trang đầu đến trang cuối tựa như người đếm. Nhưng khi hỏi thì ông thuộc từ đầu đến cuối sách không thiếu một chữ. Tâu, việc giảng kinh sách của trạng cũng có cái riêng độc đáo mà đám nho sinh thì thích thú vô cùng. Buổi giảng của trạng là buổi mọi người đều phải vất óc ra làm việc chứ không phải chỉ có thầy giảng trò nghe mà chủ yếu là gọi mở cho các nho sinh phải nói ra các suy nghĩ của mình. Nhiều khi nổ ra những cuộc tranh biện thật là sôi nổi. Cuối buổi, trạng chốt lại các ý chính của kinh văn. Tâu, các nho sinh kháo nhau học như thế vừa vui, vừa hiểu sâu, nhớ lâu nên họ đua nhau đọc nhiều để mở rộng kiến văn mới có thể kiến giải được các điều thầy hỏi.

- Ngoài các trí tuệ mẫn tiệp ấy, Nguyễn Hiền còn có khiếu năng quý giá nào khác không? - vua hỏi.

- Tâu hoàng thượng, ban nầy hoàng thượng có nhắc đến chuyện thả diều, chẳng hay hoàng thượng hỏi vui hay đã có ai tâu báo về việc này không ạ?

- Có chuyện đó thật à? - Vua hỏi với tất cả sự tò mò.

- Tâu bệ hạ, trạng Hiền rất ham chơi điều. Nhưng điều của ông khác lắm so với điều của thiên hạ. Điều của ông hai cánh dài tới mười hai sai tay. Một bộ năm chiếc sáo do chính tay ông khoét, gọt. Dây điều được chế từ các thân tre bánh tẻ. Con điều to thế mà lên cao nom chỉ còn bằng hai chiếc quạt mo. Và bộ sáo ngũ âm réo rất đủ các cung bậc, nghe như một thứ nhạc tiên thổi từ trời cao vọng xuống.

Tâu bệ hạ, đây là một cách tìm tòi của trạng Hiền vượt ra ngoài sự ham thích của tuổi thơ. Bởi thần còn thấy trạng Hiền hay lui tới Cục chữ tác ^[11] xem xét cách làm, cách chế tác các đồ vật như đồ sứ, đồ đồng, đồ gỗ. Chính trạng Hiền đã dạy cho các nhà chế tác cách pha nấu các loại kim khí để có một thứ kim khí mới đẹp hơn, bền hơn, dễ chế tác hơn mà cũng rẻ hơn. Hoặc làm cho họ các mẫu mã, men màu của các đồ sành sứ mà bên Cục chữ tác trước đó chưa có một ai nghĩ ra và làm được.

- Chính mắt khanh đã chứng kiến các điều đó chứ? - Vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, thần chỉ dám tâu báo các điều thần đã tận mắt nhìn thấy.

Về miễn nguyện, vua Thái tông nói trước triều quan:

- Quả là trời ban cho Đại Việt ta nhiều người tài. Nhưng trời cũng thử ta đấy. Nếu như cái khoa thi năm Đinh Mùi ấy, khi ba vị tam khôi là ba cậu bé xuất hiện mà ta không nhận, thử hỏi trời có lấy đi không. Cho nên một nước muốn có nhiều người tài đức thì ngay cả người quân trưởng cũng không được phép kiêu ngạo, tùy tiện thậm chí phải nhún mình mời gọi họ, tôn quý họ. Người tài là vật quý hiếm nên thời nào cũng ít, vì vậy phải biết trân trọng. Ngay các khanh cũng là những người tài, mỗi người mỗi vẻ khiến bộ máy của ta có sức mạnh. Mỗi người có một chút tài riêng phải giữ lấy, phải bảo trọng nó để dùng cho nước. Tuy nhiên, các khanh phải khiêm cung, phải ráng bồi bổ thì nó mới dần bộc lộ ra thành chân tài. Ngược lại mà tự phụ, kiêu ngạo thì tài kia ắt bỏ ta mà đi khiến ta trở thành kẻ vô dụng.

Quốc học viện từ nay không coi các vị tam khôi khoa Đinh Mùi là phụ giảng nữa mà phải đưa họ vào chính ngạch, để họ đào tạo cho nước những anh tài còn đang lấp ló trong đám nho sinh. Khoa thi tới, ta sẽ mời cả ba vị này vào ban chủ khảo.

Nhìn khắp lượt các triều quan, vua nói giọng đầy phấn khích:

- Nguyễn Hiền nay mai sẽ về Bộ công để chế tác khí giới - Những thứ khí giới khiến giặc phải kinh hoàng. Lê Văn Hưu về Quốc sử viện để biên tu quốc sử. Đặng Ma La về Hàn lâm viện, nhưng tất cả đều không được rời bỏ Quốc học viện cho tới khi nào có người tài đức có thể thay thế. Nói đoạn, vua giơ cao cây kim hốt hươ một vòng và phán:

- Bãi triều!

Các quan lục tục ra về. Trong lòng mọi người đều nhen lên một cái gì đó tựa như một ánh lửa và mỗi người đều muốn làm một việc gì đấy thật có ích cho nhân quần.

IV

Các việc đê điều, ruộng đất cho người nghèo đều đã làm xong, vua Thái tông coi như đã trả được một phần cái ơn tri ngộ của triều đình đối với người dân. Việc mở mang dân trí, kén hiền tài đã có hệ thống trường lớp từ hương thôn tới trấn, lộ. Và kinh sư thì mở rộng cửa nhà Quốc học đón người tài giỏi bốn phương về học. Và sắp tới lại mở đại khoa. Việc quân thì đã định xong các sắc quân. Quân mạnh nhất, tinh nhất thì có các đội Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thân. Thân quân thì có các đội Thiên thuộc, Thiên cương, Chương thánh, Cùng thần đều lấy người của các lộ Long Hưng^[12], Thiên Trường^[13]. Ngoài ra còn các đội Tả thánh dực, Hữu thánh dực, Thần sách và Cẩm vệ quân. Ngoại binh còn có quân của các vương hầu, du quân cùng các sắc Dực đồng đô, Sơn lão đô và Đoàn đội trạo nhi...

Mới đây nhà vua lại cho mở rộng quy mô Giảng Võ đường, sai Quốc Tuấn về trông nom bài bố các bãi tập, các trường bắn tập cho các sắc quân như quân bộ, quân kỵ, quân thủy và cả tượng binh nữa.

Quốc Tuấn tuy ít tuổi nhưng lâu thông binh pháp các nhà, mưu vương, tướng lược đã nhuần thấm vào óc não, vào tủy xương của viên tướng trẻ này rồi. Vì vậy không chỉ nhà vua mà cả thái sư Trần Thủ Độ cũng kỳ vọng nhiều nơi Quốc Tuấn.

Quốc Tuấn từ sau khi mất cha lòng trống vắng đến cô đơn. Thương cha bị xô vào nghịch cảnh suốt đời ôm hận. Những lời giảng giới của cha, Quốc Tuấn coi như là sự bị phẫn tích tụ lại suốt mấy chục năm, và cha nói ra cốt để giải tỏa nỗi ứ đọng đòi hơn là một nghiêm huấn thiêng liêng. Chàng tự nghĩ, phải chôn chặt lời di huấn này trong đáy dạ, nếu hờ ra, mệnh ta chắc cũng khó toàn. Và lại nếu như ta đã đủ lông đủ cánh thì cũng không nên làm và không thể làm, bởi nó tổn thương đến tình cốt nhục. May thay, lời cha di huấn chỉ có ta và lão bộc được biết. Lão bộc tai nghễnh ngãng chẳng hiểu có nghe được lời cha nói phều phào thuận hơi trước lúc lâm chung. Ngay dù lão có nghe thấu cũng chẳng sao, bởi chung với cha con ta, lão gắn bó dường như là một phần máu thịt. Và lại lời di huấn ấy mà lộ ra thì không chỉ nguy hại cho ta mà ngay cả thái ấp An Sinh này cũng khó toàn, sinh mệnh lão cũng khó toàn. Vì vậy chính lão cũng phải giữ mồm giữ miệng.

Phòng điều bất trắc, nên trước khi về Thăng Long, Quốc Tuấn sai lão bộc đem cho mình mấy cuốn sách ra đình Tỵ huyện^[14] để đọc. Nhân lúc vắng người Quốc Tuấn căn dặn mọi việc trong thái ấp vẫn giao cho lão quán xuyên cùng với mấy người quản gia. Sau đó chàng nói nhỏ vào tai lão những điều cần phải giữ kín. Thấy Quốc Tuấn căn dặn rất nghiêm cần, lão bộc ứa nước mắt, giọng run rẩy đáp: “Tiểu chủ cứ yên tâm về kinh sư phụng mệnh, mọi việc ở nhà kẻ nô bộc này xin chu tất như nhời dặn. Những điều cần giữ kín, nếu tiểu chủ không dạy, kẻ nô bộc này cũng phải biết mang theo nó xuống mồ chứ quyết không dám hờ mỗi bép xép. Tiểu chủ, kẻ nô bộc này sẽ trung thành với tiểu chủ như đã trung thành với đức ông, trọn đời gắn bó với thái ấp An Sinh chứ quyết không đổi dạ”.

Quốc Tuấn về tới Thăng Long liền vào cung Cảnh Linh phục mệnh. Nhân gặp cả thái sư Trần Thủ Độ và các tướng Lê Tần, Trần Khuê Kinh cũng đang bộ kiến.

Nhìn thấy Quốc Tuấn, nhà vua chợt nhớ đến Hoài vương Liễu. Và hình ảnh anh cả bơi chiếc thuyền nan già làm người chèo vạt đến hàng. Ta tưởng như lửa được thái sư đi cứu anh mình. Ai dè Liễu vừa lao được lên thuyền ngự cũng là lúc thái sư vung kiếm lên toan chém đầu anh cả. Ta phải lấy thân mình ra chắn rồi đẩy anh vào trong khoang thuyền. Thất thế trở về thái ấp, ôm hận chờ thời. Ta rất tiếc huynh trưởng không kê cứu đạo nhất thừa ^[15] nên không hóa giải được, không xả bỏ được, tới nay thì anh thất lạc hưởng được bốn mươi tuổi trời. Thọ, yếu ầu cũng là mệnh cả. Nhưng ta buồn vì anh cả phải ôm hận ra đi. Trong chuyện này trước sau ta không có lỗi. Ngay cả thái sư, cũng vậy thôi. Thời thế buộc chú ấy phải đi nước cờ đó để làm yên thế nước.

Tình cốt nhục khiến nhà vua không cầm được nước mắt, ngài ôm lấy hai bờ vai Quốc Tuấn bảo chàng ngồi xuống.

Quốc Tuấn chấp tay vái thái sư và cúi chào hai tướng Lê Tần, Trần Khuê Kinh.

Mọi người đều chú mục nhìn Quốc Tuấn và đều có cảm nhận như Quốc Tuấn đã trở thành một người khác: điềm đạm, trầm tĩnh, sâu lắng chứ không sôi nổi như mấy năm trước.

Thái tông liền vỗ về an ủi:

- Huynh trưởng của ta chẳng may thất lạc khiến cháu phải mồ côi cả cha lẫn mẹ. Nỗi đau nào rồi cũng sẽ qua. Nhưng ta mất anh, cháu mất cha thì sự mất mát ấy không gì bù đắp được. Tuy vậy, cháu là đấng trượng phu, sinh ra trong trời đất phải có trách phận gánh vác sơn hà. Ta triệu cháu về để giao cháu một việc mà ta coi nó là chính yếu nhất của việc quân. Hiện ta đang cho mở rộng quy mô Giảng Võ đường, ta giao cho cháu giám sát việc này. Cháu quen thạo công việc của người làm tướng, lại thông hiểu các chủng quân. Vậy cháu phải xem các khu vực tập luyện của mỗi chủng quân như vậy đã hợp lý chưa. Lại các bãi tập bắn có được an toàn không. Khoảng cách giữa các kho lương, kho cỏ, kho khí giới với nơi đồn trú các chủng quân đang tập luyện đã đúng chuẩn mực chưa. Mọi việc tu chính, chỉnh sửa thế nào ta cho cháu toàn quyền. Phải hoàn thành sớm để đưa quân vào luyện cho có quy củ.

Nhà vua phủ lên toàn thân Quốc Tuấn một cái nhìn thân thương và tiếp: - Mọi sự đều phải gấp gấp lên, giặc không chờ ta đâu.

Thái sư Trần Thủ Độ cũng nói:

- Mới đây ta và hoàng thượng đều nhắc về cháu và đều kỳ vọng cháu sẽ là cột trụ của nước nhà. Thời cơ cho cháu lập công chắc không còn xa nữa đâu.

Quốc Tuấn vái đáp lễ nhà vua và Thái sư.

Vua Thái tông lại hỏi:

- Cháu muốn về với Trường công chúa hay muốn ở riêng? Nếu ở riêng ta sẽ dành cho cháu một cung.

Quốc Tuấn chấp tay vái nhà vua:

- Cháu xin được về ở với dưỡng mẫu ^[16].

Quốc Tuấn sụp lạy rồi ra khỏi cung Cảnh Linh về thẳng cung phủ của Thụy Bà.

Vua Thái tông cùng thái sư và hai tướng vừa bàn xong một số công việc, đoạn vua nói:

- Vài bữa nữa trăm cùng hai tướng Lê Tần, Khuê Kinh đi kinh dinh vài trấn, lộ xem việc binh bị thế nào. Sau đó sẽ đi kiểm xét

vùng biên ải. Chắc là sẽ đi từ cửa Pha Lũy [17] đến cửa Phú Lĩnh [18], mọi việc ở nhà thái sư đảm trách. Tuy vậy, việc trăm đi kinh dinh phải giấu nhẹm kéo tai mắt người Tổng, người Thát-đất Mông Cổ không biết đâu mà lường được.

Chờ cho Trần Khuê Kinh và Lê Tần ra khỏi cung, nhân lúc nhà vua còn dõi nhìn theo họ, Trần Thủ Độ kéo vạt áo nhà vua. Thái tông bèn quay lại. Trần Thủ Độ liền nói:

- Bữa trước bệ hạ có chiếu thăng Trần Nhật Hiệu làm Thái úy, thần không dám kháng mệnh.

Nhà vua lấy làm sùng sốt hỏi:

- Thưa chú, Thái úy Phạm Kính Ân đã mất tới cả năm rồi, chức Thái úy vẫn khuyết, cháu thăng cho Nhật Hiệu giữ chức đó. Vậy theo ý chú thì nên thế nào?

- Quyền uy tối thượng tất thấy đều trong tay bệ hạ, việc thăng bổ quan chức thế nào thần không dám can dự. Duy có chức Thái úy là lãnh nhiệm coi về việc quân mà Nhật Hiệu lại là kẻ nhút nhát bất tài. Thần chỉ băn khoăn khi xảy ra có giặc, Nhật Hiệu sẽ múa may thế nào. Thần mong rằng chức Thái úy của Nhật Hiệu cũng chỉ là một thứ hư hàm thôi chứ không có thực quyền, kiểu như trước đây ta đã trao cho Phạm Kính Ân từng là viên quan lớn của triều Lý. Nhật Hiệu hãy cứ lo lấy đội quân Tinh cương của y cũng là quá sức rồi.

- Đúng như ý chú, việc quân từ khi chú trao lại, cháu vẫn nắm giữ, sao có thể trao cho Nhật Hiệu được.

- Bệ hạ nói thế thì thần yên tâm, mong bệ hạ tha cho thần cái tội hước ngạo.

- Sao chú lại nói thế. Việc chú giám sát như vậy là vì chú đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, cháu biết chứ.

Trần Thủ Độ chào nhà vua ra về, lòng vui khắp khởi.

Hôm sau vào lúc nửa đêm vua Thái tông cùng hai tướng Khuê Kinh, Lê Tần và một đô quân hộ bôn xuống thuyền. Sẩm chiều hôm sau nửa thuyền ghé bến dò Phụng Nhân đền vua và hai tướng cùng mấy tên quân hầu lên bờ thăm thiền sư chùa Vĩnh Nghiêm. Cả mấy người đều vận theo lối nhà sư. Quân vẫn ngủ lại thuyền.

Tới chùa mới biết vị thiền sư trụ trì đã vân du hoằng pháp.

Vua Thái tông buồn vì không gặp bạn, nhưng lại mừng thầm vì sự đạo được mở mang. Vua bảo quay lại thuyền, cho lính ăn uống xong, ngải sai chèo thuyền sang sông, tức sang đất huyện Chí Linh.

Thuyền vừa ghé bờ, vua bảo mấy người ban nãy theo vua còn thuyền cứ đi thẳng ra An Bang: - Ngày mai đoàn của ta sẽ đi ngựa trạm về An Bang, bởi đi ngựa ta mới ghé được nhiều nơi.

Thấy hành trình không có gì nguy hiểm và mấy người theo vua, kể cả đám quân hầu đều là những cao thủ trong giới võ lâm nên Lê Tần và Khuê Kinh liền nghe theo mà không có cản trở gì.

Trời tối, nhưng vào trung tuần may lại có ánh trăng nên việc nhận đường không khó khăn lắm. Đi được vài dặm, Khuê Kinh lên tiếng:

- Tâu, bệ hạ có còn nhớ cái đêm cũng như đêm nay vua tôi lạc đường, bỗng nghe thấy tiếng chuông chùa, men theo tiếng chuông, ta tìm tới được chùa Giác Hạnh, thiền sư Giác Hải cho bữa cơm nguội, vua tôi ẩm bụng, hôm sau mới tìm được đường lên Yên Tử.

Trời tối, không nhìn được gương mặt nhà vua có đổi sắc không. Một thoáng im lặng rồi vua nói:

- Mới đây mà đã ngọt hai chục năm rồi. Nghe Khuê Kinh nói Yên Tử, ta lại nhớ quốc sư Viên Thông. Đã lâu ngài không về triều. Ta đã có lời triệu thỉnh ngài vẫn không chịu xuống núi.

Lê Tần mạnh dạn hỏi:

- Tâu, thần muốn biết bệ hạ dẫn lũ thần đi đâu trong đêm tối thế này. Giặc cướp thì chẳng sợ, nhưng đường rừng núi khó đi. Lũ thần không có gì đáng ngại, nhưng tấm thân muôn quý của bệ hạ cần phải được bảo trọng để dùng cho nước.

Trần Khuê Kinh để thêm:

- Tâu bệ hạ, Lê tướng quân nói đúng đấy ạ. Vì núi rừng âm u hồ lang nhạn nhân chẳng biết đâu mà lường.

Thấy các người tòng sự có vẻ lo lắng, vua Thái tông liền trấn an:

- Ngày trước ta bỏ kinh thành đi chưa đến hai chục tuổi còn chẳng sợ lạc đường, nay đã gần bốn chục tuổi thì đường đã vạch sẵn ở trong đầu rồi, đi về nẻo nào cũng không sợ lạc, các khanh chớ ngại. Vả lại sức ta với sức các vị cũng có chênh gì lắm đâu.

Ngừng bật giầy lâu, vua lại phán:

- Để ta nói rõ nơi đến để các vị an tâm. Đêm nay ta muốn đến thăm thiền sư Đức Sơn ở am Thanh Phong để thỉnh giáo. Bởi ta thường nghe danh ngài là bậc cao tăng, nên từ lâu đã có sự ngưỡng mộ, nay qua đây tiện ghé thăm ngài để tham vấn. Từ đây tới am chắc chỉ hơn chục dặm đường thôi, nhưng càng vào sâu đường càng khó đi. Vả lại trời tối mà các vị lại chưa quen đường nên sẽ cảm thấy xa xôi lắm đấy.

Nghe nhà vua nói vậy mọi người đã bớt lo. Đi sát tướng Lê Tần, Trần Khuê Kinh lân la hỏi chuyện bình Chiêm:

- Quân Chiêm kháng cự có ác không mà hoàng thượng và quân ta phải vất vả tới cả gần năm trời mới xong?

Lê Tần cười hô hô:

- Cái ác nhất là quân Chiêm bỏ chạy trước khi giao chiến. Vì vậy quân ta phải săn đuổi, phải chặn nó lại mà đánh. Bởi nếu không đánh tan được sức mạnh quân nó thì khi ta rút về rồi nó lại đem quân sang quấy nhiễu. Mất nhiều thời gian là ở chỗ tìm địch chứ không

phải là sức địch mạnh đã làm cản trở bước tiến của quân ta.

- Kể cũng là một sự lạ - Trần Khuê Kinh nói, tôi có cảm nhận như người Chiêm không tự lượng được sức mình, nên cứ hay gây hấn. Ngay từ thời nhà Lý cách đây tới mấy trăm năm đã thế chứ chẳng riêng bây giờ. Chỉ vì sự hồ đồ của vua Champa là Chế Củ (Rudravarman III) đã khiến ông ta thân bại danh liệt. Lý Thánh tông đem quân đánh đốc tới Trà Bàn, lính Chiêm chết ngổn ngang, vua Chiêm chạy mãi tận biên thủy Chân Lạp vào ẩn trong một hang núi tận rừng sâu, Lý Thường Kiệt truy đuổi bắt được giải về Thăng Long. Chế Củ phải cắt đất ba châu Địa Lý, Bố Chanh, Ma Linh dâng cho Đại Việt để chuộc mạng. Điều đáng buồn cho họ là không chịu rút ra từ lịch sử của chính dân tộc mình những bài học bổ ích.

Vua Thái tông nghe câu chuyện giữa hai tướng trao đi đổi lại, ngài lấy làm mừng vì họ đã có sức kiến giải của hàng trí tướng.

Thấy hai người yên lặng, nhà vua bèn lên tiếng:

- Điều Khuê Kinh hỏi đó là điểm yếu cố hữu của mọi người, mọi quốc gia, nhất là những kẻ giàu, kẻ mạnh, kẻ quyền cao chức trọng, chúa tể một phương. Điểm yếu ấy chính là lòng tham - sân - si cho nên chúng không biết điểm dừng mà dân gian gọi nó là lòng tham không đáy. Nếu mỗi người biết rút ra những bài học cay đắng của chính mình, mỗi dân tộc biết rút ra từ bài học lịch sử của chính mình để loại bỏ điều dở, làm tiếp điều hay, điều thiện thì những người đó, những dân tộc đó đã đạt tới cõi giác. Khi con người ta đã đạt tới cõi giác cũng tức là từ bỏ được tham - sân - si.

Nhà vua hơi cao giọng:

- Nếu từ bỏ được tham - sân - si thì chẳng có triều đại nào phải sụp đổ, chẳng có dân tộc nào bị tiêu vong. Tiếc thay kẻ đã giàu lại muốn vợ vét để giàu hơn nữa, kẻ đã mạnh lại muốn mạnh hơn nữa hung hăng tự phụ cho mình là nhất thế gian có thể thay trời thống trị thiên hạ, và như vậy là nó đi thẳng một mạch tới chỗ diệt vong.

Tướng Lê Tần nghe những lời nhà vua chỉ dẫn thì lý hội ngay được tính minh triết của các mối quan hệ ứng xử trong nhân gian. Nghĩ vậy, Lê Tần bèn nói:

- Tâu, đúng như bệ hạ dụ bảo. Ở đời kẻ hơi có sức mạnh một chút đã tưởng như mình là mạnh nhất. Ví như truyện thế gian thường kể: Xưa có con thỏ đang tung tăng nhai cỏ, nó có đụng đến cuộc sống của loài nào đâu. Thế mà con cáo từ đâu nhảy xổ ra nạt nộ: “Mày dám xâm phạm vào lãnh địa của tao”. Cáo bèn vật thỏ ra ăn thịt khiến thỏ chết mà không biết vì sao mình chết. Đánh hơi thấy mùi máu tanh, một con chó sói vội chạy lại đớp luôn vào yết hầu con cáo vật xuống ăn thịt liền. Một con hổ nằm rình mò gần đấy thấy con thỏ và con cáo chẳng đủ cho một cái chép miệng nên không thèm để ý. Nhưng khi thấy con chó rùng lù ở trước mặt, hổ tự nhủ: “Con này tạm được đấy”. Thế là hổ vươn vai nhảy ba bước đã quắp được con chó sói về chỗ cũ nằm nhai ngấu nghiến.

Nghe xong câu chuyện, vua bảo:

- Trí tuệ dân gian thật là siêu việt. Đúng là ngoài trời lại có trời nữa, kẻ nào tự phụ kẻ ấy ắt bại vong. Đúng là ở đời tham thì thâm. Thế mà từ loài người đến loài vật chẳng loài nào rút ra được bài học từ chính mình.

Trần Khuê Kinh tiếp lời vua:

- Tàu bệ hạ, loài vật chưa tiến hóa chẳng nói làm gì. Ta cứ xét việc nhà Tống đối với nước ta đây thì đủ biết. Ví như việc nhà Đinh mất, nhà Lê lên, Tống Thái tông tướng thời cơ thôn tính Giao Chi đã đến, thế là năm Tân Ty (981) liền cử binh hùng tướng mạnh theo hai đường thủy bộ vào cướp nước ta. Hoàng đế Lê Hoàn đánh cho quân thù phơi xác trên ải Lũy Chi Lăng, trên sông Bạch Đằng. Chém tướng giặc là Hầu Nhân Bảo trên ải Chi Lăng; các tướng giặc là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đều bị bắt đưa về Hoa Lư cầm tù.

Tưởng rằng Tống Thần tông sẽ rút được bài học của tổ phụ. Nhưng ông ta đã thông mưu với tể tướng Vương An Thạch quyết tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Để giữ yên mặt bắc, Tống Thần tông cùng Vương An Thạch đã thỏa hiệp dâng cho nước Liêu bảy trăm dặm đất Hà Đông và ráo riết chuẩn bị xâm lăng Đại Việt, khiến năm Ất Mão (1075) Lý Thường Kiệt phải đem binh tảo thanh, phá hết các kho quân lương, khí giới và thành trì của các châu Ung, Khâm, Liêm rồi rút về an toàn. Vua tôi nhà Tống phải một phen kinh hoàng nhưng vẫn không chịu từ bỏ âm mưu chiếm lấy nước ta. Vì vậy năm Bính Thìn (1076) lại cử binh hùng tướng mạnh, tức là vét đến tận lực tràn sang xâm lược nước ta. Bị Lý Thường Kiệt chặn lại ở bờ bắc sông Như Nguyệt, thua liền mấy trận, quân chết, lương thực cạn dần đang lâm vào thế bị tiêu diệt. Nhà Lý vốn hiếu hòa nên mở cho chúng đường thoái lui trong danh dự. Sau này người Tống viết sách nói: “Cũng may mà họ bàn hòa chứ quân ta lúc ấy không biết tiến thoái thế nào. Tuy vậy, quân đi mười phần đã chết mất đến bảy, tám phần”.

Tàu bệ hạ, đúng là lòng tham đã khiến các vua nhà Tống sâu hận đến mê mờ. Vương An Thạch tiếng là người tài, nhưng lại đem cái tài ấy phục vụ kẻ tham sân khiến thân bại danh liệt.

- Thế gian đều vậy cả, nước mất, nhà tan, vong thân diệt tộc đều dấy bởi tham - sân - si, nhà vua tặc lưỡi nói. - Cha con Thành-cát-tu-hãn đang làm nghiêng đồ cả gầm trời này cũng là do tham - sân cả đấy.

- Tàu bệ hạ, thần mới đi tuần kiểm trên cửa Phú Lĩnh về thấy bên kia nước Đại Lý nhộn nhấc lắm. Dân thì hoảng hốt không biết chạy đi đâu. Vua quan thì chỉ chờ quân Mông Cổ đến để đầu hàng.

Vua Thái tông thở dài. Lát sau ngài nói:

- Nước suy thì vua hèn. Vua quan hèn thì nước mất chứ người dân đâu có hèn. Nếu vua quan đều hùng tâm tráng khí thì dân lại là bức tường thành cản giặc.

Vua tôi vừa đi đường vừa nói chuyện nên quên cả trời tối mà đường rừng chỉ là những lối mòn, ánh trăng không thể xuyên lọt tán rừng. Chỉ nhận ra đường là nhờ ánh sáng lân tinh do cây, lá mục dọc đường đi.

Chợt nghe tiếng chuông, tiếng mõ nhịp theo lời tụng và rồi cả mùi trầm phảng phất, vua mừng lắm, ngài nói như reo:

- Thiên chủ có nhà rồi!

Mọi người vui hẳn lên cười nói thung thăng:

- Vậy mà lũ thần cứ nghĩ phải đi hết đêm.

- Thần còn sợ lạc đường nữa chứ. Chui vào rừng cứ như là chui vào hang, may còn có lân tinh để nhận đường.

- Bây giờ chắc khoảng giữa giờ hội.

Dùng chân trước tam quan, vua nói với mọi người:

- Nơi đây trước chỉ là một chiếc am nhỏ, từ khi thiền sư Đức Sơn về trụ, thì chúng khắp nơi mến đức nên phát tâm cúng dường, sư xây cất được ngôi chùa kang trang tận nơi rừng sâu u tịch này. Nói xong vua dẫn cả đoàn người đi thẳng vào trai đường.

Thấy một đoàn thuần khách lạ lại xộc thẳng vào nhà tân khách, một tiểu tăng ra chào hỏi lễ phép, một tiểu tăng khác vội chạy lên chùa nói hồi hã:

- Bạch thầy có nhiều khách lạ vừa tới chùa.

Vừa lúc thiền sư xong khóa lễ đêm, ngài nhẹ nhàng bảo chú tiểu:

- Con tắt nển, khêp cửa tam bảo rồi hỏi xem khách có cần dùng bữa. Khách quen của ta đây chẳng phải khách lạ đâu.

Các chú tiểu đã thắp ba cây đèn dầu, mỗi cây sáu ngọn bắc khiến ngôi khách đường sáng rực. Ngôi nhà khách không có tường vách, chỉ có các tấm đại ken nan tre nên từ ngoài thiền chủ đã nom thấy thoáng các vị khách. Nhưng lạ sao, tất cả đều vận đồ nhà sư mà cử chỉ lại lạnh lợi như các võ tướng. Đang phân vân chưa biết các đạo hữu từ phương nào tới, thiền sư bỗng nhận ra vài gương mặt quen quen. Lúc này nhà vua cũng đã đưa mắt về phía thiền chủ.

Thiền sư vội bước lại gần vua và hai người cùng cúi đầu vái chào nhau. Các tướng Lê Tần, Trần Khuê Kinh cũng chấp tay vái thiền sư, trong khi quân túc vệ lại giãn ra quanh chùa.

Thiền sư lên tiếng trước:

- Bệ hạ giá lâm mà không báo trước để bản tăng làm lễ cung nghinh. Nhưng sao bệ hạ lại đi vào giờ này. Núi rừng hiểm trở, đường sá quanh co, ban ngày ban mặt người trong vùng đi lại còn khó khăn thế mà bệ hạ tìm được bản tự trong đêm tối cũng là sự lạ.

Nhà vua cười nói xởi lởi:

- Cái tâm muốn đến, cái chân khác biết tìm đường. Đã lâu đại sư không về triều, triệu thỉnh cũng không chịu về, vừa nhớ đại sư, vừa có việc cầu kiến nên phải lặn lội.

Thiền sư liền vái nhà vua và nói:

- Lão tăng vừa thất lễ vừa đắc tội với bệ hạ, mong được đại xá! Đại xá!

Sư vội mời nhà vua và hai tướng ngồi vào ghế tràng kỷ. Mấy tiểu tăng xăng xái rót nước nụ với ủ trong ấm giỏ mời vua và mọi người.

Vua và thiền sư Đức Sơn ngồi đối diện qua chiếc bàn gỗ, hai tướng chấp tay đứng hầu. Thiền sư đã hai ba lần mời ngồi, các tướng vẫn cố cáo từ. Sư nói:

- Bản tăng kính chúa tại tâm. Vả lại trước cửa tam bảo không có sự phân biệt đối đãi, xin bệ hạ ban ý cho nhị vị đây cùng ngồi

uống nước. Và xin hỏi, bệ hạ cùng các vị nếu chưa dùng cơm, nhà chùa xin được biện bữa cơm chay.

- Đa tạ đại sư, chúng tôi đã dùng cơm lúc sẩm chiều tại bến đò Phượng Nhãn. Vua nói.

- Chắc bệ hạ cùng quý vị có ghé chùa Vĩnh Nghiêm.

- Đúng vậy, trăm cùng cả đoàn có vào chùa, nhưng đại sư đang vân du hoằng pháp.

Vua dụ bảo hai tướng:

- Khuê Kinh, Lê Tần, đại sư đã có lời mời sao các khanh không chịu an tọa.

Các tướng vâng chỉ, lấy mỗi người một chiếc ghế đầu ngồi về phía hai đầu tràng kỷ. Mỗi người dùng một bát nước vối rồi xin phép ra ngoài.

Tướng Lê Tần cất đặt đám quân hộ giá canh gác nghiêm cẩn các lối ra vào chùa. Tướng Khuê Kinh nhắc đám quân canh phòng và tuần tra:

- Các người không được phép vì giữ an ninh mà đóng cổng chùa. Cửa từ bi lúc nào cũng rộng mở, đó là đức lớn của nhà Phật, các chùa luôn nghiêm giữ.

Quân lính rầm rập nghe lời. Nhóm canh phòng, nhóm tuần tra, nhóm ngủ nghỉ thay phiên nhau.

Nước được vài tuần, thăm hỏi thân tình, chủ khách thật là tâm đắc. Trăng đã chéch về hướng tây dội ánh sáng xanh nhạt vào khách đường, thiền sư vội giục:

- Khuya quá rồi, xin bệ hạ đi nghỉ để bảo toàn long thể.

Vua Thái tông vội xua tay:

- Trăng sáng, trời trong, cảnh thiên u nhã, trăm cát công từ Thăng Long về để được diện kiến đại sư, được tham vấn bậc túc thiền chớ đâu phải đi tìm chỗ ngủ trọ qua đêm.

Thiền sư cảm động nói:

- Vậy còn long thể thì sao. Bệ hạ nên nhớ, tấm thân của bệ hạ bây giờ không còn là của riêng bệ hạ mà nó đã thuộc về muôn dân. Vì vậy nó được bảo trọng để dùng vào việc lợi lạc quần sinh.

- Những lời đại sư dạy, trăm không dám bỏ đi lời nào. Nhưng trăm tuổi còn trẻ, sức lực khang kiện, thức thâu đêm làm việc, chỉ cần tọa thiền nửa canh giờ là tinh thần, sức lực lại hoàn nguyên như cũ. Và lại việc nước bộn bề mà quân Mông - Thát đang dòm ngó núi sông ta. Trăm phải thưa thật với đại sư rằng trăm đi kinh dinh biên ải, kinh dinh các lộ xem việc quân, việc lương đã chu tất chưa, việc phòng bị biên cương đã ổn chưa, lòng dân đã yên chưa. Vì thế mới tiện đường ghé thăm đại sư, nhân thế cầu kiến.

- Thôi được, bệ hạ đã nói thế, tăng này còn biết nói sao nữa. Bệ hạ nói cầu kiến làm tăng này thêm ngượng. Bản tăng ở nơi góc

rừng xô núi, bạn cùng cõ cây muông thú, ăn thì rau rừng, rêu đá; ngoài những giờ kinh kệ ra thì vui với trăng sao, lắng lòng để cho cõi tâm tự tại hầu mong tìm về bên giác, lia bỏ bờ mê, biết chi sự đời mà dám cao đàm khoát luận, xin bệ hạ lượng thứ cho.

Nhìn đại sư, nhà vua mỉm cười nói:

- Phàm các bậc minh sư, minh triết, các bậc thánh tăng thường ẩn mình nơi góc khuất để nhìn được xa, thấy được rộng, hiểu cái đã qua, thấu cái sắp tới, còn như ở chốn phồn hoa đô hội chen hích nhau chỉ thấy nhiều người, lăm lờ thôi chứ thấy sao được sự đục trong nhân thế.

Biết không thể thoái thác được, thiền sư Đức Sơn liền mời nhà vua về liêu phòng ^[19] đàm đạo. An tọa xong sư nói:

- Tâu bệ hạ, khiêm cung không bằng thành thật, bây giờ chỉ có bốn chúng ta, bệ hạ cần sai bảo điều gì, tăng này xin phụng.

Nhà vua có vẻ ngơ ngác nhìn khắp thiền phòng chỉ thấy có hai người và một giá sách cao sát gót kèo, thế mà đại sư lại nói “bốn chúng ta” là có làm sao.

Biết ý nhà vua, thiền lão liền nói:

- Bệ hạ chẳng thấy ngoài sư này và bệ hạ ra còn có trời, có đất nữa sao?

Vua Thái tông cười lớn:

- Đại sư thấy chẳng, trăm vốn thân phàm, tâm tục nên chậm hiểu thế đấy.

- Vậy chớ bệ hạ muốn ban ý gì với lão tăng đây?

- Đại sư, nay mai nước mình chắc phải đương đầu với giặc dữ Mông - Thát. Trước khi vào việc lớn, trăm muốn biết lòng dân đối với triều đình. Liệu khi đất nước lâm nguy, dân có cố kết cùng với triều đình kháng giặc? Điều lo mấu chốt của trăm là ở chỗ đó, mà ta có giữ được nước hay không cũng là ở chỗ đó.

Đại sư vừa gần dân vừa có nhãn quan thấu thị nhìn xa thấy rộng, mong đại sư chỉ giáo, nếu triều đình có điều gì làm lỡ, sớm tu chính may ra còn kịp.

Thấy nhà vua thực tâm cầu kiến, suy nghĩ giây lâu, đại sư nói:

- Tâu bệ hạ, sao bệ hạ còn phải hỏi về lòng dân nữa. Hãy cứ xem các việc bệ hạ đang làm và đã làm có phải vì dân không. Giảm bớt tô thuế, khoan nói hình án, đắp đê phòng lụt, ngăn mặn từ nguồn tới biển, cho khai hoang vỡ hóa miễn tô thuế dài dài lại cấp sổ địa bạ cho làm chủ đất ấy; mới đây lại bán ruộng quốc điền cho các điền phu không có ruộng đất. Ai không có tiền, nhà nước còn bán chịu cho trả dần.

Các việc ấy thử hỏi không vì dân còn vì ai nữa. Lòng bệ hạ thương dân nên lúc nào cũng đau đầu việc dân. Bệ hạ nên biết, người dân tuy ít học nhưng họ tinh lắm, thoáng một cái là họ biết ngay. Bởi các chính lệnh của bệ hạ ban ra có lợi hay có hại cho dân

nước, chính là vị thuốc thử đó.

Thiên lão tôi có cảm nhận từ khi bệ hạ lên Yên Tử gặp Phù Vân quốc sư gần hai chục năm trước, và từ khi bệ hạ tự nắm quyền đại chính thì bệ hạ đã lấy cái tâm của thiên hạ làm tâm của mình, lấy ý muốn của muôn dân làm ý muốn của mình. Vậy khi đã vì muôn dân mà hành hóa thì nước ấy là nước của dân chứ. Cứ như lúc này, kẻ nào chống lại bệ hạ là chống lại muôn dân. Dân nước sẽ xé xác kẻ làm loạn chứ chẳng cần đến binh lính của bệ hạ phải đánh dẹp. Lại như giặc ngoài vào cướp nước ta, cũng có nghĩa là nó cướp nước của dân đấy. Thế thì muôn người dân sẽ là muôn người lính sát cánh cùng quân triều đình kháng giặc, bệ hạ còn lo nỗi gì nào.

Ngừng lại giây lát, đại lão thiên sư lại tiếp:

- Nhưng nước sẽ mất, giặc đến là dân theo giặc nếu bệ hạ chỉ vun đắp lợi quyền cho hoàng gia và người trong tôn thất mà tỏ thuế nặng nề, phu phen tạp dịch liên thặng liên năm, nổi thống khổ của người dân không biết kêu với ai, không biết trông cậy vào ai. Bởi bộ máy của bệ hạ tự hương ấp đến triều đình chỉ nhằm vào người dân mà vơ vét mà tróc nã. Nếu triều đình của bệ hạ đã tới mức ấy thì chẳng cứ gì người dân mà ngay cả binh lính cũng chạy theo giặc.

Vì sao vậy? Đại lão thiên sư nhìn thẳng vào gương mặt phúc hậu với đôi mắt đang hau háu lắng nghe của nhà vua, ngài nói tiếp:

- Vì nước ấy không còn là của dân nữa, bởi dân có được dự phần gì đâu. Nếu triều đình đã biến toàn dân thành một bầy nô bộc thì dân ấy chính là giặc đó, và triều đình lại là kẻ thù của dân đó.

Phúc thay, bệ hạ là đấng nhân quân, lấy cái lo của thiên hạ làm cái lo của mình, lấy ý muốn của muôn dân làm ý muốn của mình. Vậy bệ hạ còn băn khoăn nỗi gì. Bần tăng nói điều này không phải là khách khí hoặc để lấy lòng bệ hạ đâu - rằng nếu chẳng may giặc Mông - Thát có tràn vào xâm lấn cõi bờ ta, lão tăng tuổi già sức yếu chẳng thể làm gì được, nhưng tăng sẽ hóa độ cho đình tráng trong vùng sung quân, ngay các đệ tử, các tiểu tăng của bản tự cũng sung quân giữ nước. Bởi còn nước mới còn dân mà còn dân mới còn Đạo. Đạo Phật là đạo của mọi người, đạo của mọi nhà chớ đâu chỉ là đạo của mấy ông thầy chùa.

Như chợt nhớ ra điều gì, thiên sư vội hỏi:

- Bệ hạ, tăng này nghe nói hồi bệ hạ lên Yên Tử, thiên sư Phù Vân có khuyên bệ hạ nên để tâm thám cứu nội điển, chẳng hay việc đó thế nào?

Trong lòng hoan hỷ nên gương mặt nhà vua rạng rỡ, nhìn đại sư với vẻ biết ơn, vua nói:

- Bạch đại lão thiên sư, các việc trăm làm đều phát xuất từ tấm lòng với người dân cả nước. Dự nghĩ xong lại đem ra bàn trước trăm quan, khi mọi điều đều êm thuận mới đem ra ban bố. Ấy thế mà đôi khi trăm vẫn còn áy náy, không biết các quan bàn thật hay vì các quan chiều lòng trăm. Ngay hỏi người dân trong những chuyện vi hành, trăm vẫn chưa an tâm. Biết đâu đám nội nhân chẳng lừa mình bằng cách sắp xếp trước những nơi mình đi thăm, dù là đi bất chợt. Và chúng dẫn vào những vùng dân đã có bát ăn. Dù đi đến tận nơi thôn cùng xóm vắng, điều mắt thấy tai nghe đấy, vẫn chưa dám tin là thật. Bởi đám cận thân luôn đón ý và họ tìm mọi cách để làm hài lòng người trên. Do vậy, trăm phải tìm đến các bậc đạo cao đức trọng, danh không màng, lợi không cầu, lòng ngay tâm thẳng để mong được chỉ giáo.

- Đầu dám! Đầu dám! - Thiên sư vội xua tay: - Bệ hạ hơi quá lời. Lão tăng ở chốn xô rừng hoang dã, có điều gì thất thổ thô lậu xin đừng chấp với người già.

- Bạch, đại lão là bậc minh sư minh triết đã chỉ cho trẫm ngộ ra nhiều điều. Ban nãy đại sư có hỏi cách đây non hai chục năm trẫm lên Yên Tử. Hồi đó tuổi trẻ, nghĩ suy còn nông cạn lắm, chỉ muốn đi tu để trở thành Phật. Phù Vân quốc sư dạy rằng: “Trong núi không có Phật”. Rồi ngài chỉ vào người trẫm nói: “Phật ở đây này. Phật ở trong tâm ấy. Tâm giác ngộ chính là Phật đây”.

Trước khi trẫm xuống núi, ngài còn khuyên: “Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nếu bệ hạ thực lòng hiểu Phật, thì không gì bằng lo cho hạnh phúc của bách tính, giảm nhẹ hình án, chăm lo công đức của mọi nhà mãi mãi sum xuê. Và nữa, sự tìm hiểu về nội điển, xin bệ hạ chớ nguôi quên”.

Chính những lời khai minh của quốc sư Phù Vân lại cũng là lời khai ngộ đối với trẫm. Kể từ khi quyền bính về tay, trẫm luôn dò tìm để biết ý muốn của dân, biết cái tâm của dân mà hành hóa, chớ đầu dám ý thể được ngồi trên đỉnh cao quyền lực mà làm theo ý muốn của riêng mình.

Còn việc sư dạy phải “tìm hiểu về nội điển” trẫm chưa bao giờ dám xao nhãng. Trẫm lo việc chăn dân, mỗi lúc gian nan thường lẫn lóc trong công việc, quên cả sớm chiều. Công việc thì có hàng vạn thứ mà thì giờ nhàn rỗi không có được bao lâu, cho nên ban đêm vẫn phải thức đến khuya để đọc sách. Phải học Nho để mà vào Phật. Cứ đọc rồi cũng vỡ ra, sáng ra. Tới nay trẫm cũng đã mạnh dạn viết được đôi ba tập về Phật sự, chẳng biết hay dở thế nào, có dịp sẽ mời đại sư nhã giám rồi còn chỉ bảo cho những chỗ nông cạn.

Đại sư lấy làm hoan hỷ, ngài tỏ ý vừa như khen vừa như kính phục:

- Bệ hạ ở ngôi cửu ngũ mà lòng vẫn hướng về đám lê dân. Lo công việc cho cả nước mà vẫn nhiếp tâm theo đạo Bồ Đề, học hành nội điển không phút lơ là mà vẫn dành được thời gian trước tác. Bệ hạ đã tu theo chính pháp, con đường đã chọn, cứ thế mà đi, sao còn phải cầu kiến.

Cuộc tham vấn của nhà vua vừa vãn thì cũng là lúc bình minh đã tỏ rạng. Đệ tử của thiên sư cũng vừa xong khóa lễ sớm.

Chia tay với đại sư Đức Sơn, cả đoàn lên ngựa trạm đi thẳng ra An Bang.

Khuất dạng nơi am thanh cảnh vắng lâu rồi mà hình ảnh thiên sư với ngôi am Thanh Phong vẫn cứ vẩn vương trong đầu óc nhà vua. Trong đáy sâu tâm tư, không phải nhà vua không ao ước được thoát tục như thiên sư.

Và ít lâu sau, tại am Thanh Phong, thiên sư Đức Sơn nhận được bài thơ gửi tặng của nhà vua:

Phong dã tùng san nguyệt chiếu đình,

Tâm kỳ phong cảnh cộng thể thanh.

Cá trung tư vị vô nhân thức,

Phó dự sơn tăng lạc đảo minh. [\[20\]](#)

V

Cuộc tuần du của nhà vua không phải là cuộc dạo chơi nhàn tản mà vô cùng vất vả, khi đi ngựa trạm, khi đi thuyền, ấy là tùy các địa thế mà nhà vua muốn kiểm xét. Nói cho đúng thì nhà vua đi thị sát cả đường thủy lẫn đường bộ, xem nẻo nào giặc có thể từ đó mà tràn vào cõi để còn có đối sách chống giặc.

Khi tới An Bang, nhà vua và đoàn tùy tùng bỏ lại ngựa cho trạm giữ mà xuống thuyền. Vua sai gióng buồm ra thẳng Vân Đồn.

Trong chuyến đi, vua luôn giữ sát hai tướng ở bên mình để bàn bạc việc quân.

Nhân lúc thuận gió, thuyền đi nhàn nhã vua sai pha trà rồi vua tôi đàm đạo. Vua hỏi gia cảnh từng người.

Khuê Kinh liền thưa:

- Tâu bệ hạ, về phần thần, song thân đều đã khuất núi. Ngoài nội tướng ra thần cũng có vài ba người thiếp, sống với nhau thuận hòa. Con cái cũng được dưỡng dục, tuổi mới choai choai. Xem ra chưa đứa nào tỏ rõ khiếu năng gì. Tâu, thần không có con nào đủ sức vào Quốc học viện, họa may có thằng thứ hai nếu rèn kỹ có thể theo học được ở Giảng Võ đường.

- Vậy còn Lê Tản thì sao? - Vua hỏi. - Ta nghe nói khanh sống với Chiêu Thánh hợp lắm, đã sinh được mấy mặt con rồi. Nhà vua hỏi vì cũng muốn biết Chiêu Thánh sống ra sao. Nhưng thực trong lòng vua luôn cảm như mình có lỗi với Chiêu Thánh. Sờ dĩ Chiêu Thánh về với Lê Tản là do sự mai mối của Thái úy Phạm Kính Ân, quan của triều Lý được lưu dụng. Nghe đâu việc này là do bà Linh từ quốc mẫu Trần Thị Dung có ngầm bàn với Phạm Kính Ân.

Sờ dĩ bà Linh từ nhắm tới Lê Tản là bởi Thái sư luôn khen tướng Lê Tản tài kiêm văn võ lại có nhân cách cao thượng, nên bà này ra ý đó. Khi Phạm Kính Ân ngỏ lời với thái sư thì ngài hoan hỉ vun vào nhưng lại nói với Phạm Kính Ân: “Ông nên tâu việc này lên hoàng thượng”. Nghe Phạm Kính Ân tâu báo, vua hỏi:

- Vậy chớ ý Chiêu Thánh thế nào?

- Tâu bệ hạ, công chúa bảo: “Vi ông là cựu thần nhà Lý nên ta tin lời ông. Vả lại Lê Tản cũng là người có nhân cách”. Dạ, công chúa nói như thế có nghĩa là người đã ưng thuận. Xin bệ hạ rộng lượng.

Thái tông nhíu mày nói:

- Ta còn mong gì hơn thế nữa. Vậy ta sẽ cất cho Chiêu Thánh một trăm khoảnh ruộng làm của hồi môn ^[21].

Lê Tản có ý hơi ngượng vì Chiêu Thánh vốn là hoàng hậu của đương kim hoàng thượng. Chẳng lẽ vua hỏi mà không nói sẽ mang tội khi quân, phạm thượng. Tản bèn thưa:

- Tâu bệ hạ, lũ thần sống với nhau tương thân tương kính, hiện đã có năm mặt con. Sắp tới hai đứa trai có nhẽ thi vào học tại Giảng Võ đường, còn một đứa rắp ranh thi vào Quốc học viện nhưng kiến văn còn nông cạn lắm, chắc thần chưa cho thi.

- Ta mừng cho các ông phần gia thất đều tốt lành cả. Con cái như thế cũng là được đấy. Khuê Kinh chớ có cầu toàn. Chẳng cần con cái phải làm đến chức này chức nọ gì đâu, cứ làm một người dân lương thiện, đời sống no đủ thế chẳng tốt sao.

- Lê Tần người Ái châu, ta biết. Nhưng song thân còn tại đường cả chứ?

- Tạ ân bệ hạ hỏi thăm, song thân của thần đã viên tịch cả rồi ạ.

Nhà vua ngậm ngùi chia sẻ, nhưng thực bụng nhà vua cũng nghĩ về mình như vậy:

- Buồn thế đấy. Khi ta trưởng thành, muốn báo hiếu thì cha mẹ lại không còn nữa.

Khi nhà vua nói tới điều đó thì cả vua tôi đều ngùi ngùi. Xem ra, chẳng ai còn cha mẹ để được phụng dưỡng.

Đường xa, gió thuận, trời đẹp vua tôi cứ rủ rỉ hết chuyện này sang chuyện khác.

Chuyện tới chuyện lui bỗng Trần Khuê Kinh hỏi:

- Tâu bệ hạ, thần muốn hỏi một điều nếu bệ hạ không bắt tội thần mới dám nói.

- Khuê Kinh là người trực tính, lại kiêu dũng nữa; khanh có nhớ hơn chục năm trước, khanh bảo ta rằng Thái sư lộng quyền. Ta hỏi khanh có dám nói điều đó trước thái sư không. Khanh bảo đã nói là không sợ. Thế là ta đem khanh đến gặp thái sư. Trước thái sư oai phong lẫm liệt, đến ta còn phải nể, thế mà khanh dám bộc bạch nỗi lo của mọi người. Khanh nói với thái sư đúng như nói với ta, không sai một lời. Vì vậy, cả thái sư và ta đều trọng khanh lắm.

Lại chuyện Quốc mẫu cho kiêu qua ngọc môn, khanh sai quân ngăn lại. Khi đối chất khanh dám cãi luật với kiểm pháp quan trước cả thái sư. Các việc như thế khi còn là thân vệ tướng quân, Trần Khuê Kinh còn chẳng sợ, thế mà nay vua tôi nói chuyện lại sợ ta trị tội. Khanh mới nhất hèn từ lúc nào, sao ta không được biết? Vua nháy mắt cho Lê Tần. Rồi cả vua tôi cùng cười vỡ ra.

- Tâu, thần chỉ muốn hỏi bệ hạ và Lê tướng quân, ở nước ta hiện nay, trong tất cả các vị tướng thì tướng nào giỏi nhất?

Câu hỏi bất ngờ của Khuê Kinh làm cả nhà vua và Lê Tần đều khó nghĩ. Bởi từ trước tới nay chưa có ai đặt ra điều đó.

Ngẫm nghĩ một lát, vua quay hỏi Lê Tần:

- Khuê Kinh hỏi vậy, ý tướng quân thế nào?

Lê Tần chưa dám trả lời ngay, ông suy tư cân nhắc một lúc chùng nhai tàn miếng trà rồi mới thận trọng nói:

- Tâu bệ hạ, theo ý thần, tướng tài của nước ta hiện nay chưa ai vượt được Thái sư. Thần đã được Thái sư sai khiến nhiều việc. Việc nào Thái sư cũng tính đến cả chục nước, không một điều gì xảy ra nằm ngoài dự liệu của Thái sư. Người ta cứ bảo Thái sư ít chữ,

nhưng thần đã đòi ba lần hầu chuyện Thái sư, xem ra ngài nghiên ngẫm các binh gia cổ kim không sót một nhà nào, song khi vào việc lại không rập theo ai cả.

Thái tông gật gù có vẻ thừa nhận các điều Lê Tần vừa nói. Suy nghĩ giây lát, vua phán:

- Nói Thái sư ít học là do thuở niên thiếu người không được học hành đầy đủ. Nhưng khi vào việc ngài phải gồng mình lên mà học đấy. Người không có học thức sao làm được các việc lớn như thế.

- Thần nghe nói những năm đầu của nhà Trần ta, Thái sư có một bậc mưu sĩ trác việt lắm, ngài đã tôn người ấy làm thầy kia mà.

Nhà vua gật đầu:

- Đúng như Lê Tần nói. Nhưng sau đó tiên sinh đi ở ẩn biệt tằm. Và lại lúc ấy Thái sư cũng đã đủ kiến văn và sự từng trải để điều hành đất nước.

Khuê Kinh cũng lên tiếng:

- Theo ngu ý của thần, quả Thái sư là bậc kỳ tướng của nước nhà như ý Lê tướng quân vừa nói. Nhưng thời của Thái sư đã qua rồi. Bậc huân tướng số một của nước nhà hiện nay chính là hoàng thượng đó.

- Bậy nào! - Vua quở. - Ta sao dám vượt được Thái sư, đến Lê Tần đây ta cũng chẳng theo được còn nói gì Thái sư.

Thấy vua có ý đề cao mình, Lê Tần vẻ sợ hãi đứng dậy vái vua hai vái:

- Bệ hạ khen quá lời, hạ thần tởn thọ mắt.

Khuê Kinh cãi lại:

- Tâu bệ hạ năm Canh Tuất (1250) bệ hạ có cho Lê tướng quân coi ba ty Phụng Nguyên, Thanh Túc, Hiến Chính từ phủ Đô Vệ tách ra là đánh giá đúng tài năng của tướng quân. Lại mới đây Lê tướng quân theo bệ hạ đi binh Chiêm cũng lập được công lớn, nên có thể liệt tướng quân vào hàng dũng tướng, trí tướng là đủ. Thái sư trước sau vẫn là bậc danh tướng, bậc huân tướng, còn như bệ hạ đích thị là bậc nhân tướng. Thần đã xem các cuộc đánh dẹp của bệ hạ ở trong nước, lại theo bệ hạ đi tuần miền biên địa, rồi tảo thanh qua đất Tống, mới đây bệ hạ lại thân chinh thảo phạt nước Chiêm đạt kỳ tích chưa từng thấy. Phải nói bệ hạ đã đem lưỡi guom nhân ái đi bình dẹp người Chiêm, sẵn lòng cho bằng được quân Chiêm đánh cho nó tan tác mà tránh được sự tàn sát dân Chiêm. Cho nên danh tướng bậc nhất thời nay không phải bệ hạ còn ai vào đây nữa.

Vua nghiêm sắc mặt nói:

- Khuê Kinh, dù điều khanh nói có đúng sự thật là như vậy, ta cũng cấm khanh không được nói ở bất cứ nơi nào. Vì sao vậy? Vì như thế có nghĩa là ta tranh công với các tướng, thử hỏi còn ai muốn vì ta mà lập công nữa. Khuê Kinh phải thấy rằng công của toàn thể tướng, sĩ cũng là công của ta đấy. Các tướng sĩ cứ ra sức lập công đi, ta sẽ thăng thưởng xứng đáng, công bằng.

Lê Tần và ngay cả Khuê Kinh đều tâm phục nhà vua và đều tôn ngài là bậc thượng trí, đúng như đại lão thiền sư Đức Sơn nói

ngài là bậc nhân quân.

Buổi sáng, gió thuận thuyền cứ rẽ nước đi băng băng như mũi tên lao. Trời xanh bao la in bóng xuống mặt bể xanh rờn. Trùng dương mệnh mạng bốn phương tám hướng đâu đâu cũng chỉ là nước, thỉnh thoảng lại có một đàn hải âu lướt bay qua nom như một vệt nắng lóa. Lúc này mọi người đều im lặng và đều nhìn theo hút bóng bầy hải âu. Và dường như ai nấy đều cảm nhận được con người sao mà nhỏ bé trước biển khơi.

Nội thị dâng trà. Vua ban cho mỗi người một chung.

Cầm chung trà nóng khói tỏa mờ mờ hương sen thơm ngát, vua tôi đều cảm như đang sống giữa kinh thành Thăng Long.

Trà được vài tuần, vua Thái tông khoát tay ra ngoài song cửa lầu thuyền nói:

- Nước ta trải dài từ châu Vĩnh An, bắt đầu từ bãi Sa Vĩ - Mũi Ngọc đến tận cửa Nhật Lệ đều được biển cả bao bọc trải tới mấy ngàn dặm vừa thuận cho ta lại vừa khó cho ta trong cái thế phòng thủ đất nước, các khanh có kế sách gì làm cho vùng biển hải cửa ta được an toàn.

Lê Tần thưa:

- Tàu bè ha, nỗi lo muôn đời của ta vẫn cứ là từ phương bắc. Nay lại có thêm vùng tây bắc giáp giới nước Đại Lý, quân Mông - Thát đang ngó dòm. Cũng may là nhà Tống từ khi Lý Thường Kiệt đánh cho đại bại tới nay vẫn đang lún sâu vào thế yếu suy, rối nát. Mà thực ra họ chỉ có lợi thế về thương thuyền thôi chứ lực lượng thủy quân với hải đoàn của họ không có gì đáng kể, còn như quân Mông - Thát lại chỉ quen vùng vẫy chốn thảo nguyên, thế mạnh của nó là kỵ binh với các kỵ đội vô cùng lợi hại. Cho nên lợi thế của chúng là các vùng đất bằng khô ráo, chứ nếu nó theo ta tới các miền sông nước hoặc biển khơi thế này sẽ bị quân ta dim chết sạch.

Theo thần, mặt biển của ta hiện nay tuy mệnh mông, trống trải nhưng vẫn chưa đáng ngại, nhưng về lâu về dài phải nghĩ tới việc xây dựng một đội hải binh mạnh với các hạm thuyền có thể chờ tới vài chục đô quân kèm theo lương thảo, khí giới, nước ngọt và có thể lênh đênh nhiều ngày trên biển.

- Ta cũng đã nghĩ điều Lê Tần nói, nhưng xây dựng hải binh tốn kém lắm, lúc này chưa thể tính đến.

- Tàu bè hạ, - Trần Khuê Kinh nói - Có một cách khác ít tốn kém hơn nhưng thành tựu thu về chắc là không nhỏ. Theo thần, trong khắp các vùng duyên hải, vùng nào có bãi cá lớn, có nhiều người quen thạo nghề biển nhưng vì họ vốn ít, lưới ngắn thuyền nhỏ thì nhà nước cho họ vay tiền dài hạn không lấy lãi để họ sắm lưới lớn, thuyền to ra khơi đánh cá. Nếu được như vậy ta thu về được ba cái lợi: Một là ta có nhiều cá để bồi dưỡng sức dân. Dân duyên hải do đây mà giàu có thêm lên. Hai là lúc nào ta cũng có thuyền bè trên mặt biển tựa như nhà có chủ. Nếu có thuyền bè lạ xâm phạm, lập tức có người báo về đất liền ngay. Ba là có nhiều ngư phủ ra khơi đánh cá quen thạo với biển cả, dạn dày sóng gió, luồng lạch đi lại nông sâu, bãi cạn, đá ngầm không chỗ nào họ không biết. Kịp đến khi ta tổ chức hải đoàn thì chính những ngư phủ ấy sẽ là những người lính biển thiện chiến.

Còn như hiện nay, tàu bè hạ, ta có mấy cửa biển xung yếu. Về phía nam quân Chiêm Thành hay xâm phạm là cửa Nhật Lệ ^[22], cửa

Kỳ La ^[23], cửa Hội ^[24]. Sâu vào trong này còn có cửa Đại An ^[25]. Nhưng cửa Đại An quá xa đất Chiêm nên quân Chiêm không dám xâm phạm, về các cửa phía nam thì sau cuộc thảo phạt của bệ hạ, chắc phải cả chục năm sau người Chiêm mới gượng dậy được, về mặt bắc duy có cửa Vân Đồn ^[26] qua nẻo Bạch Đằng rồi tiến lên Lục Đầu giang lấy cả đường bộ đường thủy vào Thăng Long mà giặc Bắc cho là thuận lợi nhất. Cũng còn một đường nữa là từ Vinh An lấy đường thủy vào nguồn Tam Trĩ thì đổ quân lên bộ mà vào. Nẻo này đường sông thì hẹp, đường bộ thì hiểm trở, cách Thăng Long cả ngàn dặm. Giặc Bắc chưa bao giờ dám đi nẻo này.

Tâu bệ hạ, lần này giặc Mông - Thát có xâm lấn cõi bờ ta thì mặt bể chúng chưa thể tràn vào được bởi còn nhà nam Tống án ngữ.

Nghe các tướng đàm đạo, vua Thái tông tỏ vẻ hài lòng, bởi họ đều là tướng trí dũng song toàn, thiên văn địa lý thông tỏ cả nên ngài rất yên tâm khi cất cử công việc cho họ.

Với về diềm đàm, vua Thái tông nói:

- Các khanh kiến giải đều hợp ý trẫm cả. Kế của Khuê Kinh giúp ngư dân duyên hải đánh bắt cá ngoài khơi để giữ biển như nhà có chủ là ý hay, không tốn kém nhiều lắm mà có lợi về lâu dài. Việc này phải làm sớm.

Mặt biển phía tây bỗng lựng đỏ, mặt trời rơi xuống như một cục tiết khổng lồ, thoát đã bị biển lôi tụt xuống, bầu trời mặt biển đều xám xịt rồi tối om. Thuyền vẫn băng băng rẽ sóng, hải đạo như đã in hằn trong óc não người cầm lái. Đèn trong lầu thuyền được thấp sáng. Chừng một canh giờ sau thuyền đi vào vùng sóng dữ. Những con sóng lưng cứ lừng lững đòi thuyền lên đỉnh ngọn cao gấp mấy lần nóc nhà rồi lại ném xuống tới chân nó để thuyền nằm lọt giữa khe của hai đỉnh sóng, tưởng như thuyền sẽ bị nhấn chìm thì bỗng dưng nó lại được sóng dâng lên. Cuộc rượt đuổi của sóng cứ như là thần biển chơi trò ú tim khiến người yếu bóng vía phải khiếp sợ. Thế nhưng con thuyền vẫn gói sóng nhẹ lướt đi như chẳng có chuyện gì xảy ra. Tuy nhiên, trong các khoang của lầu thuyền đồ đạc đều lắc lư, có thứ đồ rơi lăn long lóc trên sạp thuyền.

Một tiếng chuông báo hiệu từ đằng mũi thuyền. Người lái căng mắt nhìn ngọn nước xoáy rồi thả lỏng dây lèo cho buồm đổi hướng.

Một tên lính trạm nhi ló mặt vào khoang thuyền nói như hét:

- Bệ hạ bảo trọng, thuyền sắp vào cửa Đồi nước xoáy nguy hiểm lắm.

Viên lính trạm nhi vừa đi khỏi, mọi người có cảm giác như thuyền đang được bồng cao lên ngang đỉnh núi rồi bỗng nhiên mũi thuyền chúc xuống, phía đuôi lái ngồng lên, thuyền lao như một mũi tên vừa rời khỏi lẫy nỏ, tưởng như nó ngay lập tức bị cấm phạt xuống đáy biển, nhưng rồi ngọn nước lại nâng nó lên và sau một quãng vắng xa độ dăm chục trượng con thuyền lại trở về thế cân bằng.

Qua cửa Đồi thuyền đi chậm vì trong vịnh có nhiều núi non che chắn, sức gió yếu, và thuyền phải len lách vào đúng các luồng lạch ngoắt ngoéo, nếu không sẽ đụng vào vách núi hoặc đá ngầm.

Vua hỏi các tướng:

- Vừa rồi ta có cảm giác như thuyền của mình phải vượt qua một cái thác dựng đứng.

Lê Tần đáp:

- Tàu bè hạ đứng như vậy. Hôm nay là ngày nước cường, nước từ biển tuôn vào qua một cửa hẹp mà nước trong vịnh lại thấp, độ chênh tới năm, sáu trượng nên thuyền ra vào rất nguy hiểm, non tay lái thuyền dễ bị lật hoặc mũi thuyền lao thẳng vào vách đá. Tàu, khi nước triều xuống cũng vậy, phía trong cao, phía ngoài biển thấp, thuyền ra đỡ nguy hiểm hơn thuyền vào. Vì luôn có độ nước chênh như vậy, nên dân vùng này đặt cho nó cái tên là Cửa Đối.

Nhà vua nở nụ cười rạng rỡ hỏi:

- Vậy chớ quân Nam Hán vào nộp mạng cho Ngô tiên chúa (Ngô Quyền) trên sông Bạch Đằng năm Mậu Tuất (938) ắt chúng cũng phải qua cửa này.

- Tàu, đứng như vậy. Muốn vào cửa Bạch Đằng chúng không còn đường nào khác, Trần Khuê Kinh nói.

Vua lại hỏi:

- Cả năm Tân Ty (981) Tổng Thái tông đưa quân vào Bạch Đằng để hoàng đế Lê Hoàn tiêu diệt cũng qua cửa này.

- Tàu, vẫn còn cửa khác nữa - Lê Tần đáp - Đó là Cửa Vạn. Nhưng cửa này dễ cho quân ta mà khó cho quân giặc, nên chúng không dám vào cửa này.

Vua lấy làm thích thú nói:

- Vậy cái cửa Đối này chính là Quỷ Môn quan trên biển của ta đó. Ở đây ta có cái thế nhất nhân địch vạn. Trong vài ngày tới ta và các khanh phải đi xem kỹ địa hình, rồi cũng phải lập mấy cái vọng hải đài ở đây để cảnh giới từ xa.

Khue Kinh vội đáp:

- Tàu bè hạ, vọng hải đài ở đây đã lập từ đời Lý Thánh tông (1054 - 1072), hiện hải binh ta thường tu bổ và vẫn có quân canh phòng cảnh giới trên đó.

Vua Thái tông buột miệng khen:

- Nhà Lý thật là một triều đại hiếm có. Các việc lớn như nông tang, đê điều, binh bị, hình luật, học hành... họ đều đặt nền móng cho ta cả. Nay nếu ta không tiếp nối xứng đáng thì quả là hổ thẹn với người xưa lắm đấy.

Quá nửa đêm thuyền vào tới cảng Vân Đồn. Khu thương cảng, tàu thuyền buôn nước ngoài đậu san sát, đèn thấp sáng dày đặc như sao trời. Khu quân cảng tàu thuyền thưa thớt, đèn thấp loáng thoáng, nhiều chỗ tối đen.

Thuyền neo đậu ngang trước dinh quan Đông hải đô tổng quản. Gọi là dinh, thực ra chỉ là ngôi nhà gỗ năm gian, mái lợp cỏ tranh. Hai dãy nhà ngang ở phía sau làm bằng tre, tường đắp bằng đất nện dành cho lính ở. Sân là một bãi cát rộng. Xung quanh dinh

cắm hàng giậu mắt cáo bằng tre hóp thay tường vây.

Vì không được báo trước, Đô tổng quản không biết hoàng thượng giá lâm nên ông ta vẫn nằm quay mặt vào tường đọc sách.

Quân vào bẩm có các quan từ Thăng Long tới, Đô tổng quản vội bỏ sách, chân không kịp xỏ giày dép chạy ngay ra cổng nghênh đón.

Vừa trông thấy hai tướng Lê Tần, Trần Khuê Kinh Đông hải đô tổng quản liền vái dài và luôn miệng chào:

- Kính bẩm các đại quan, hạ cấp không được biết các đại quan hạ cố nên không kịp làm lễ cung nghinh, xin các đại quan tha tội.

Trần Khuê Kinh nghiêm mặt nói:

- Hoàng thượng giá lâm, sao không quỳ lạy. Vừa nói Khuê Kinh vừa chỉ tay về chỗ nhà vua đứng.

Đông hải đô tổng quản luống cuống quỳ mọp đầu xuống nền cát trắng vái lạy lia lịa, miệng nói liú cả lưỡi:

- Hạ quan ở nơi góc biển chân trời chưa được thấy long nhan, xin hoàng thượng tha tội chết. Đầu ông ta cứ cụng mãi trên nền cát không dám ngừng mắt nhìn vua.

Thái tông ôn tồn nói:

- Đông hải đô tổng quản đứng lên! Ta tới không báo trước, sao các ông biết được mà đón tiếp. Không có tội tình gì hết, đứng dậy dẫn khách vào nhà.

- Đa tạ hoàng thượng tha tội. Nói xong ông ta liền đứng dậy, cát dính trắng cả vàng trán và áo quần. Mấy ngọn đèn trước cổng và trong sân tỏa một thứ ánh sáng vàng đục nom dính quan hết sức sơ sài.

Đô tổng quản dẫn vua và đoàn tùy tùng vào nhà tân khách, đèn thấp sáng nom rõ bộ tràng kỷ bằng tre đã lên màu đen bóng nhưng trên mặt phủ mỏng một lớp cát trắng. Mấy tên lính hầu vội lấy phất trần phui bụi. Đô tổng quản nói như thanh minh:

- Dạ ở đây thuần cát, đồ đạc không làm sao giữ cho sạch cát. Cứ vừa lau xong có một trận gió bắt chợt thổi qua lại đem cát phủ lên tất cả. Dạ, được cái cát biển sạch lắm ạ.

Quân hầu dâng trà. Trà cũng chỉ là một thứ nụ với phơi khô uống quanh năm.

Đô tổng quản sai quân đi lo bữa để dâng vua và quan khách. Lê Tần ngăn lại:

- Hoàng thượng cùng mọi người đã dùng bữa trên thuyền rồi, đô tổng quản khỏi phải lo.

Đô tổng quản đang băn khoăn định mời vua và các quan đi nghỉ, nhưng trong lòng ông rất lo vì mọi thứ tại dinh quan đều quá sơ sài, có khi còn nghịch mắt so với những gì nhà vua và các quan dùng ở Thăng Long. Giữa lúc đó chợt vẳng lên tiếng chuông chùa, nghe rõ cả tiếng mõ nhịp theo lời kinh tụng. Vậy là đã vào khóa lễ sớm, giữa giờ sùu rồi.

- Có phải gần đây có ngôi chùa?

- Tàu bộ hạ, chùa nằm trong khu dân cư bên phía thương cảng, cách ta chỉ mấy trăm bước chân.

Vua lại hỏi đô tổng quản:

- Khanh có biết chùa này dựng từ bao giờ không?

- Tàu bộ hạ, cứ như bài minh khắc trên quả chuông thì chùa được dựng từ đời vua thứ hai nhà Lý. Lý Thái tông (1028 - 1054) nhân chuyến nhà vua đi kinh dinh miền biển đảo có ghé qua Vân Đồn để lập thương cảng, lập quân cảng và dựng Vọng hải đài. Trong chuyến đi có cả thiền sư Đạo Quang. Sư thấy cả vùng này không có chùa tháp, sư tăng, thiền sư bèn xin nhà vua cấp cho trang Vân Đồn một ngôi chùa và một vị sư đã học qua đạo tràng. Thế là một năm sau trang Vân Đồn có chùa, có cả sư trụ trì.

Nghe viên Đông hải đô tổng quản tâu báo các việc rành rở, vua Thái tông tự vấn: Ta được coi là một ông vua thương dân, gần dân lẫn lòng việc nước việc dân không nề hà quản ngại, thế mà đi đến đâu cũng thấy dấu tích các vị khai cơ mở nghiệp của nhà Lý. Mà sao tận bây giờ ta mới tới vùng này, thật đáng trách lắm thay.

Vua lại hỏi:

- Dân trong trang ấp Vân Đồn này có sùng đạo lắm không? Khách thương lái của các tàu thuyền nước ngoài họ có lui tới chiêm bái không?

- Tàu bộ hạ, dân trong vùng này sùng Phật lắm ạ. Kể cả binh lính, cả thần cũng rất sùng Phật.

Tàu, dân sùng Phật còn vì một nhẽ, con em trong trang ấp từ bảy tám tuổi trở lên đều vào học chữ trong chùa cả. Tàu, thiền sư đích thân dạy trẻ. Rồi trong trang ấp có ai ốm đau bệnh tật lại cũng chạy đến chùa xin thuốc, thành thử người dân không chỉ cầu Phật, cầu Phật mà còn cầu cả sư nữa.

Tàu, còn đối với thương khách ngoại quốc, những nước cùng theo đạo Phật như người Tàu, người Chân Lạp, người Tiêm La... họ cũng lễ Phật như người mình thôi. Với các dân khác như người Tây Dương họ chỉ tới xem ngắm cảnh chùa, xem người hành lễ với vẻ tôn trọng chứ không ai dám có hành vi thô lậu hoặc bị báng.

Ngắm nghĩ giây lát, vua phán hỏi:

- Bây giờ trời cũng sắp sáng, nếu các khanh buồn ngủ thì cứ đi ngủ để lấy sức. Còn ta lần đầu tiên tới Vân Đồn có nhiều điều làm ta rạo rức không thể ngủ được. Và lại ta cũng muốn biết các việc trên đảo như việc quân, việc dân, việc giao thương... đô tổng quản làm việc với ta được chứ?

- Tàu, được hoàng thượng đoái hỏi là phúc cho thần, phúc cho binh sĩ và dân trong trang ấp Vân Đồn.

Lê Tần và Trần Khuê Kinh cũng đều nói:

- Nếu bộ hạ không đuổi thì xin cho lũ thần được dự nghe.

Vua cười nói:

- Ta chỉ sợ các khanh đi đường xa lại mất ngủ thì mệt thôi.

- Nhẽ ra bệ hạ phải giữ gìn ngọc thể hơn là lũ thần. - Trần Khuê Kinh nói.

- Thôi được, vậy thì ta cùng nghe, cùng bàn. Đây là việc nước chớ chẳng phải việc riêng của ta.

Nhìn thẳng vào gương mặt chất phác của Đông hải đô tổng quản, vua hỏi:

- Khanh giữ chức Đông hải đô tổng quản đã bao lâu rồi?

- Tâu bệ hạ, thần được bổ giữ chức này mới gần bảy năm.

- Trước đó khanh làm gì?

- Tâu, thần là phó Đô tổng quản ạ.

- Khanh ở vùng này lâu chưa?

- Tâu, mới được mười lăm năm.

- Danh tính người là gì, quê quán ở đâu?

- Tâu bệ hạ, cha mẹ thần đặt cho tên là Trần Quý Quảng, quê quán tận Long Hưng. Thần vốn chỉ là điền binh, là ngư phủ, nhân có chuyến thái sư đi kiểm xét các địa phương để lấy người sung vào quân thủy, thái sư sai thần phải theo ngài rồi cho ra đây làm lính thú hải binh. Và rồi thượng cấp cứ cất nhắc dần lên, nếu không thần cũng chỉ làm một ngư phủ, một điền tốt nơi thôn dã.

- Người có biết chữ không?

- Tâu bệ hạ, thuở nhỏ thần được cha mẹ cho theo học vị thiền sư ở chùa làng sáu năm, tạm đủ chữ đọc sách của các bậc tiên thánh.

- Vùng biển mà người quản nhiệm từ đâu đến đâu?

- Tâu bệ hạ quân của thần đóng suốt từ Vân Đồn đến Vĩnh An.

- Tức là từ Sa Vĩ - Mũi Ngọc điểm tiếp biển đầu tiên của nước ta đến Vân Đồn.

- Tâu, đúng như vậy.

- Thế còn vùng cửa Lục cửa Bạch Đằng thuộc quyền ai quản nhiệm?

- Tâu bệ hạ, từ trước vùng sâu trong đó thì quân thủy quân bộ phối hợp đều đặt dưới quyền quản lãnh của một đô tổng quản thuộc lộ An Bang.

Dạ muôn tâu, trước kia thái sư phân định như vậy, và tới nay thì bệ hạ vẫn giữ nguyên chế độ cũ chưa có gì thay đổi.

Vua lại hỏi:

- Sĩ tốt có được ăn no không?

- Tâu bệ hạ, trong quân của thần thuần người trẻ, họ đang sức ăn sức lớn, ăn thiếu họ còn không chịu nổi, còn như phải ăn đói chắc là họ bỏ trốn hết.

Tâu bệ hạ, thần không chỉ cho quân ăn no mà còn cho họ ăn ngon nữa.

- Thế nào gọi là bữa ăn ngon, các người lấy tiền đâu ra cho quân ăn ngon?

- Tâu bệ hạ, lũ thần từ quan tới lính chỉ được gạo ăn no, còn thức ăn quân phải tự kiếm lấy. Ở rừng ăn lộc rừng, ở biển ăn lộc biển, nếu biết khai thác khiếu năng của mọi người thì không việc gì là không làm được, kiếm thức ăn chỉ là chuyện nhỏ. Thức ăn của lũ thần như tôm he, mực ống, cá song, cá chim, cá thu, bào ngư, hải sâm, sò, ốc, cua, rùa, vich, sam... mùa nào vật ấy không thiếu một thứ gì.

- Vậy trong quân của người có được uống rượu không?

- Tâu bệ hạ, trong quân mà rượu chè thì sao còn giữ được kỷ cương nữa. Dạ tâu nhưng cũng có châm chước tí chút ạ.

Vua Thái tông nghiêm giọng:

- Người vừa nói trong quân mà rượu chè thì không giữ được kỷ cương, rồi người lại nói châm chước tí chút là thế nào? Vậy trong quân của người hằng ngày vẫn được phép uống rượu.

- Tâu bệ hạ, hằng ngày thần nghiêm cấm không một ai được phép uống rượu, kể cả thần. Nhưng vào cuối của các ngày sóc, ngày vọng mỗi người từ quan đến quân đều được phép uống một bát rượu và chỉ một bát thôi. Tâu hoàng thượng anh minh, thần nghe nói lệ này có là do quan Đông hải đô tổng quản Lý Vân Trung từ đời vua Thái tông (1028 - 1054) nhà Lý. Nghe đâu cái năm đầu mới lập quân thủy ấy, mùa đông rét quá mà lính tráng lại thiếu quần áo ấm ở nơi đầu sóng ngọn gió. Thế là quan đô tổng quản thương tình, sai hâm rượu nóng mức cho mỗi người một bát. Hôm đó xét ra lại đúng ngày rằm tháng chạp, thế là quan lớn làm tờ trình lên thượng cấp xin lĩnh hình phạt vì đã dám trái quân lệnh, cho quân uống rượu. Thượng cấp xét tình người lính xa nhà nên không những không phạt quan đô tổng quản mà còn khen ngài biết làm việc hợp lòng quân, và cho phép không chỉ ngày vọng mà ngày sóc quân hải biên thủy còn được uống thêm một bát nữa, nhưng phải vào cuối ngày, sau khi việc quân và việc lễ Phật trong ngày đã mãn. Tâu hoàng thượng, tiếp khi thái sư thống quốc kiêm cả việc binh, ngài vẫn cho phép duy trì tập tục đó cho tới ngày nay.

Tâu thánh thượng anh minh, nếu thánh thượng có dụ cải lệnh thì từ nay thần xin nghiêm giữ.

Nhà vua vội thưa:

- Việc xuất phát từ Lý Vân Trung được đẩy lên bởi lòng thương quân, qua mấy trăm năm đã trở thành tập tục, tuy không phải là

mỹ tục, nhưng xét ra không có hại, cứ chi phải cải đổi. Có điều người phải răn quân không bao giờ được phép vượt quá hạn giới khiến quân kỷ rối nát.

Trần Quý Quang vội vàng phủ phục nói:

- Tạ ơn bệ hạ có lòng thương quân, thần xin tuân chi.

Vua tôi mãi mê trò chuyện, trời sáng bạch từ lúc nào cũng không ai để ý, mãi khi quân hầu vào dâng nước rửa mặt và dâng trà vua tôi mới tạm dừng.

Ăn điểm tâm xong vua đòi đi xem phố xá, xem quân cảng, thương cảng rồi ghé chùa thăm viếng thiền sư.

Vua và các tùy tùng đều đóng giả thương lái la cà chợ búa, phố xá xem đủ các mặt hàng của ta, của ngoại quốc. Vua có vào xem vài cửa hàng của người Tống. Đó là các hàng buôn bán vải sợi, gấm vóc, bán các đồ sứ, các mặt hàng thuốc bắc, một tủi quán, một ca lầu. Nghe đâu còn có cả thanh lâu nhưng vua không ghé.

Vua cũng đến xem một cửa hàng của người Chà Và, một cửa hàng của người Tây Trúc và dăm cửa hàng của người Đại Việt.

Vua có hỏi kỹ một chủ cửa hàng bán đồ sành sứ như thố, thập, độc bình, các loại bình, ấm chén, bát, đĩa... Có nhiều loại đĩa cảnh lòng rộng tới ba, bốn gang tay. Có cả tượng đất nung các đầu rồng, đầu phượng, tượng các con vật linh như nghê, hạc...

Vua hỏi người chủ cửa hàng đã đứng tuổi:

- Các mặt hàng này ông bán cho người mình là chính hay người ngoại quốc là chính?

Ông chủ cười vui vẻ và từ tốn đáp lời.

- Cám ơn quý khách có lời thăm hỏi. Hàng của chúng tôi bày đây tuy nhiều, nhưng đều là hàng mẫu để các thương lái nước ngoài đến xem, nếu họ ưng mua loại nào thì họ đặt. Nếu lấy nhiều thì chúng tôi phải cho người về Thăng Long gom hàng. Nếu họ lấy nhiều chủng loại với số lượng cho cả một hai chuyến tàu thì phải đặt xa thời hạn để chúng tôi còn báo cho các chủ lò nung.

Vua lại hỏi:

- Bên kia có cửa hàng đồ sứ của người Tàu, vậy khách mua chủ yếu là loại nào, các tàu buôn ngoại quốc có lấy hàng sứ Tàu ở đây không?

- Thưa quý khách, đồ sứ Tàu người mình rất chuộng vì trông nó mỏng mà hay hạt, nước men lại sáng sủa. Thế nhưng người ngoại quốc họ lại thích đồ sành sứ của ta hơn. Họ thích nhất những loại men độc sắc như men ngọc, men ngà, men nâu. Họ bảo men của ta có độ sâu bắt mắt, sờ vào món đồ mát lạnh cả tay, dáng khỏe khoắn và nhiều kiểu đẹp nhưng không phô trương mà vẫn gần gũi với nét đẹp đời thường, chứ nó không tròn trĩnh đến đơn điệu như đồ sứ của người Tàu. Nhưng họ cũng thừa nhận đồ của người Tàu có nhiều món đẹp như men túy hồng độc sắc, men rạn cũng là loại độc đáo.

- Ông chủ có biết tại thương cảng này những mặt hàng nào của ta được thương lái ngoại quốc thích mua và mua thật nhiều?

- Vậy chớ quý khách có hàng gì bán cứ nói toẹt ra, việc gì mà cứ dò hỏi mãi.

- Không! Không có gì bán buôn cả, ông chủ hiểu nhầm tôi rồi. Tôi chỉ muốn biết để xem nước mình có giàu không, có nhiều của quý mà nước ngoài không có.

- Quý khách đã nặng lòng với đất nước thì tôi cũng xin nói rằng: Tất cả các tàu buôn nước ngoài, không một tàu nào lại không tranh mua hạt tiêu, trầm hương, ngà voi, da hổ, sừng tê giác, đồi mồi, mã não, ngọc trai. Ngọc trai họ ưa loại hồng ngọc và huyền ngọc. Huyền ngọc thì hiếm lắm nhưng cực đắt, đắt gấp cả trăm lần ngọc thường.

- Vậy chứ những thứ hàng quý hiếm ấy do người mình thu gom rồi bán thẳng cho thương lái ngoại quốc hay do người Tàu làm trung gian môi giới?

- Quý khách tò mò quá, ông chủ hàng có vẻ hơi bực mình.

Lê Tần bèn đỡ lời:

- Cảm phiền ông, chủ tôi đây là một đại gia ở Thăng Long, nay ông ra Vân Đồn xem xét để có thể chuyển một phần kinh doanh ra ngoài này.

- Vậy à? Ông chủ cửa hàng đồ gốm sứ nhìn thẳng vào nhà vua, với vẻ thiện cảm, ông hỏi luôn:

- Ở trong đó ông kinh doanh những hàng gì?

Lê Tần vội đáp:

- Dạ, chủ tôi kinh doanh tơ lụa, gấm vóc và cả các đồ trân quý.

- Tôi có quen một đại gia như thế ở Thăng Long, có phải nhà “Quảng Phát”?

- Vâng đúng. Đó là cửa hàng của ông chủ tôi ở phố Cầu Đông.

Chi vào nhà vua, ông chủ hàng đồ gốm hỏi:

- Có phải ông là con cụ Quảng Phát?

Vua Thái tông gật đầu.

- Thế thì tôi có quen biết cụ nhà. Nhưng đã lâu tôi không về Thăng Long, chẳng hay sức khỏe cụ nhà có còn khàng kiện? - Thảo nào tôi nom ông có nét hao hao giống cụ Quảng Phát.

- Đa tạ ông có nhời hỏi thăm, cha tôi đã thất lạc từ hơn chục năm rồi ạ. Nay anh em tôi nổi nghiệp nhưng còn bờ ngõ lắm.

- Tiếc quá, cụ đi hơi sớm, bao giờ về Thăng Long tôi sẽ đến viếng cụ. Nói rồi ông chủ đi vào nhà trong, lúc ra ông đem theo một hộp gỗ nhỏ bằng vóc tay nâng lên đưa cho nhà vua - Đây là hộp hương vòng làm bằng một thứ huyền trầm cực quý, tôi gửi ông về thấp

huong cụ và khẩn giùm tôi vài lời đề cụ phù hộ.

Lâm vào tình thế bất ngờ, vua Thái tông đành nhận và hết lời cảm tạ.

Ông chủ hiệu gốm sứ lại thao thao:

- Về điều ông vừa hỏi các đồ trân quý của nước ta bán buôn thế nào. Tôi phải nói lai lịch hơi dài. Tức là cách đây hơn trăm năm đều do người Tàu nắm hết. Họ đến tận cửa rừng, vào từng nhà mua gom. Người mình chỉ biết nó là hàng quý hiếm và nhà nước có đánh thuế khai thác. Nhưng thuế cũng vừa phải thôi. Song quả thực dân mình đâu biết nó lại đắt như vàng. Còn hơn vàng nữa, nếu là bạch trầm hương. Thế là họ mua của dân mình một, về họ bán lại gấp trăm, thậm chí gấp cả ngàn lần.

Lý Thái tông đi kinh dinh ra vùng này xét hỏi sự việc. Vua sai đặt trạm mua các loại sản phẩm quý hiếm cho dân sơn tràng, giá cao gấp mấy chục lần giá do người Tàu mua. Và cấm hẳn người Tàu thu gom đưa về thương cảng này bán thẳng cho khách thương ngoại quốc. Người Tống mất mỗi lợi này họ tức lắm, nhưng không chống lại được chính quyền nhà Lý. Nhưng đến đời Lý Cao tông (1176 - 1210) nhà vua tiêu xài, xây cất hoang hùỵ quá đáng nên thiếu tiền. Vua vợ vét đủ thứ ở đồng bằng, rồi cho quân lên tận các cửa rừng vơ vét cả của dân sơn tràng.

Thế là người Tàu lại len lỏi móc nối ngầm mua ngầm bán, mỗi lợi lại về tay họ. Kịp khi nhà Trần lấy được nước, chỉ ít lâu sau thái sư Trần Thủ Độ cho phục lại chế độ mua bán như nhà Lý. Và bây giờ thì vẫn do nhà nước nắm cả, phải nói đây cũng là một nguồn lợi lớn đấy.

Cảm tạ người chủ nhà hàng gốm sứ tốt bụng, vua tôi lại xuống thuyền đi về phía quân cảng.

Nom quân lính canh phòng nghiêm cẩn, thuyền bè ngăn nắp, đoàn nào đội ấy cờ xí phân minh mà người lính thấy đều béo tốt, mạnh khỏe, da dẻ săn chắc vua lấy làm hài lòng. Nhưng khi xuống xem mấy cái gọi là chiến hạm Long, Hồ, Ngư, Xà thì vua giật mình bởi nó cũ nát quá. Đô tổng quản sai quân tu bổ, sơn phết bên ngoài nom có vẻ đẹp mã nhưng bên trong thì quả là không dùng vào việc gì được nữa. Loại thuyền này ra biển lớn, gió đổi hướng bất chợt buồm lật nhiều là có thể vạ thuyền quẫn như chiếc vỏ đỗ.

Vua hỏi viên Đông hải đô tổng quản:

- Có phải người cố giữ mấy chiến hạm này để hù dọa quân Tống, hù dọa mấy anh tàu buôn ngoại quốc bên thương cảng kia phải không?

Đô tổng quản phủ phục thưa:

- Tàu bệ hạ, quả có như bệ hạ nói. Thần đã đôi ba lần tâu báo khẩn cấp về binh bộ, nhưng thượng cấp dạy - hiện thời ngân khố phải chi cho nhiều việc khác để an sinh như đắp đê ngăn lụt, hạn, mở mang trường học, nuôi dưỡng người quan quả cô đơn... Vì vậy thần đành phải chờ đợi.

Trong mấy ngày ở lại Vân Đồn, vua Thái tông đi xem xét khắp cả từ đường đi lối lại trên mặt vịnh, sự lợi hại về mặt công thủ của quân cảng, các vọng hải đài, các nơi hiểm yếu có thể phục quân đánh thuyền giặc từ ngoài vào. Vua cũng vào tận trang ấp dân làm ruộng, dân đánh cá, dân buôn bán rồi vào thăm sư trụ trì ngôi chùa trong đảo, không nơi nào là vua không xem xét, hỏi han.

Sau ba ngày đêm thăm Vân Đồn, vua căn dặn đô tổng quản Trần Quý Quang tất cả mọi việc cần làm từ việc binh đến việc dân, từ việc nông tang đến việc giao thương... Riêng về thu thuế, châu mục đã giao việc này cho Đông hải đô tổng quản kiêm nhiệm. Sổ sách chi thu phải minh bạch, vì số thuế thu ở thương cảng này lớn lắm. Cấm ngặt việc tự tiện lấy tiền thu thuế chi cho việc quân. Tăng cường quân thủy, đóng mới tàu thuyền, ta đã có chủ kiến rồi. Việc này phải trù liệu, bởi chi cho quân thủy là tốn kém nhất trong tất cả các sắc quân... Đêm vua và các tùy tùng lại lên thuyền ra châu Vĩnh An. Đông hải đô tổng quản Trần Quý Quang xin phép được đem vài chiến thuyền đi theo với ngăm ý hộ giá. Vua y cho.

Chiều hôm sau thuyền đến bãi Sa Vĩ châu Vĩnh An. Sa Vĩ là dải đất tiếp biển đầu tiên của nước Đại Việt.

Trần Quý Quang mời vua ghé thăm đồn biên hải Mũi Ngọc Sơn. Vua dặn:

- Người chỉ cho binh sĩ biết các quan chức ở Thăng Long đi kinh dinh ghé thăm. Không để lộ danh tính của trẫm và các tướng tùy tùng.

- Thần tuân chỉ. Trần Quý Quang liền ra lệnh cho viên đô tướng cho thuyền vượt lên dẫn đầu đoàn thuyền.

Vua Thái tông đứng dưới chân cột cờ là mô đất cao nhất của Mũi Ngọc Sơn nhìn bao quát một dải Sa Vĩ thuần cát trắng mênh mông kéo một vệt dài quanh mép nước, và cách đó không xa là rừng xanh bạt ngàn. Và loáng thoáng đây đó sau các khoảng rừng màu khói lam đùn lên. Vua quay hỏi Trần Quý Quang:

- Có phải nơi các chòm khói kia là cư dân làng bản?

- Tàu bệ hạ đúng như vậy, dân chúng đang nấu cơm chiều đấy ạ.

- Ta xem dân ở đây có vẻ thưa thớt lắm phải không?

- Tàu bệ hạ đúng như vậy. Nếu bệ hạ có kế sách di thêm dân ra vùng này thì biên cương đỡ trống trải.

- Khanh nói phải, phen đậu mà trống trải thì trộm dễ vào nhà.

Vua nhìn bao quát một dải đất liền xanh đui tím mắt, lại quay nhìn ra biển, vua chỉ tay về phía các hòn đảo mờ xa hỏi:

- Các hòn đảo ấy thuộc về nước mình chứ?

- Tàu bệ hạ đúng như vậy, Đông hải đô tổng quản trả lời.

- Đã có người ở chưa?

- Tàu bệ hạ chưa ạ.

- Đảo có to không, có thung lũng có thể khai thác thành ruộng cấy cấy được không?

- Tàu bệ hạ được ạ. Nhưng cấy trồng cái gì cũng không giữ được vì thú rừng ăn củ quả và rễ cây trên các đảo nhiều lắm. Ví như

lợn rừng, nhím, khi, nai, cây, chuột.

- Vậy chó ta đã làm dấu mốc gì ở đây để chứng tỏ đất ấy là của ta?

- Tàu bệ hạ lũ thần có đi vòng quanh các đảo ấy thì đảo nào cũng có một tấm bia đá to xây gắn vào trụ gạch trên khắc hàng chữ:
Đại Việt - Ất mùi (1055) Long Thụy Thái Bình nhị niên.

Vua Thái tông vui vẻ gật đầu nói:

- Vậy là vua Lý Thánh tông lên ngôi năm trước thì năm sau ngài đã tuần du khắp nước và cho dựng bia chủ quyền ở nhiều nơi.

Vua cúi xuống vốc một vốc cát trắng phau dưới chân cột cờ chia cho mọi người xem rồi nói:

- Mỗi hạt cát này đều thấm đẫm máu xương của tổ tiên biết bao đời mới có được. Cũng có thể mỗi hạt cát này ta phải đổi một mạng người đấy. Vậy ta và các khanh cùng dân nước phải giữ lấy, đời đời con cháu phải giữ lấy. Một thước, một tấc núi sông, biển đảo đều không được để lọt vào tay quân thù. Kẻ nào để hao tổn dù chỉ một tấc núi sông ta, thì chính nó là kẻ thù của cả dân tộc, và lịch sử sẽ đời đời nguyên rủa nó.

Đêm ấy vua và đoàn tùy tùng nghỉ lại Mũi Ngọc Sơn. Ở một điểm địa đầu của đất nước, trong tâm thức nhà vua cứ rạo rục không sao ngủ được. Vua Thái tông nhâm tính các mốc dựng nước gian nan của tổ tiên từ mấy ngàn năm nay, mà kẻ cản trở ta, kẻ thôn tính ta, kẻ mưu toan đồng hóa dân tộc ta luôn luôn xuất phát từ phương bắc. Vua tự nghĩ, phương bắc là một trong bốn phương của trời đất mà sao nó lại trở thành một phương nguy hiểm, một phương hung sát tựa như một thứ khắc tinh đối với nòi giống Đại Việt ta. Trăn trở mãi không ngủ được, nhà vua lại ra nhìn trời sao, nhìn biển đảo, nhìn vào đất liền và lắng nghe nhịp thở của biển khơi như nhịp thở phập phồng trong lồng ngực của những người lính miền biên ải.

Buổi sớm vua và đoàn tùy tùng ăn với những người lính bữa cơm mà tất cả thức ăn tự tay họ bắt từ biển và cũng tự tay họ chế biến.

Nhìn những người lính trẻ chất phác hồn hậu mỗi người một quê từ các vùng miền xa tít tắp, và cũng là lần đầu trong cuộc đời họ phải đi xa như vậy, để ra vùng địa đầu này đem tấm ngực trần và sức trai ra bảo vệ núi sông, biển đảo cho cả nước được yên bình. Vua vừa thương họ như thương con mình vừa cảm phục lòng trung dũng của họ đối với non sông đất nước.

Nói đôi lời yên ủi họ rồi vua và cả đoàn tùy tùng bỏ thuyền lại, lấy ngựa trạm đi xuyên vào rừng qua các châu Tô Mậu^[27], Môn^[28] rồi vòng về cửa ải Pha Lũy^[29]. Dừng lại quan sát xem phía bên kia nhà Tống có hoạt động gì đáng nghi ngại. Nhưng các biên quan, biên tướng đều tâu báo dân Tống đang đói vì mất mùa, còn binh Tống cứ lúi dúi vào sâu trong nội địa của họ. Biên thù nhà Tống với Đại Việt lúc này gần như bỏ ngõ.

Từ ải Pha Lũy đoàn chia làm đôi, một nửa lên ải Hà Khẩu^[30], một nửa lên ải Hà Dương^[31].

Khi trở về hai đoàn bỏ ngựa lại trạm lấy thuyền đi theo đường thủy để thám sát địa hình mà vua và các tướng đều dự liệu có thể

quân Mông Cổ vào ta sẽ đi bằng đường sông. Bởi hiện nay quân Mông Cổ đang làm le tiến đánh Thành Đô^[32] và tiến chiếm nước Đại Lý^[33]. Và từ Đại Lý sang nước ta chỉ có đường sông là thuận lợi hơn cả. Và lại quân Mông Cổ có tràn qua nước Đại Lý cũng tựa như chúng đi vào chỗ không có người vậy.

Tới ải Hà Dương quan sát địa thế xong, Lê Tần cho quân quay về qua châu Bình Lâm^[34] rồi theo sông Lô mà vào Bạch Hạc^[35].

Thân vệ tướng quân Trần Khuê Kinh dẫn vua lên cửa Hà Khẩu rồi lấy đường Thủy Vĩ qua các châu Văn Bàn, Trấn Yên^[36]... xuôi về Bạch Hạc.

Lê Tần về tới Bạch Hạc trước nên đợi thuyền vua để cùng xuôi Thăng Long.

Khi vua tới đã hội quân ở Bạch Hạc, vua Thái tông sai gọi hai tướng Lê Tần, Trần Khuê Kinh cùng sang thuyền ngự để bàn bạc. Vua hỏi:

- Liệu quân Mông Cổ tràn sang ta có đi theo đường thủy như hai đoàn của ta vừa đi không?

- Tàu bệ hạ, Lê Tần nói - Quân Mông Cổ có sở trường về kỵ binh, nếu chúng đi đường thủy cũng tức là chúng bỏ sở trường chọn lấy sở đoản. Nếu chúng rời khỏi lưng ngựa thì quân điền binh của ta cũng dư sức đánh lại chúng.

- Vậy chúng đi đường nào? - Vua lại hỏi.

Thân vệ tướng quân Trần Khuê Kinh đáp:

- Tàu hoàng thượng, giặc tất lấy đường bờ sông mà đi, chỗ nào gặp núi non hiểm trở giặc sẽ tìm đường đi tránh. Chỉ có đi dọc triền sông mới là đường gần nhất, đỡ hiểm trở mà giặc vẫn dùng được ưu thế kỵ đội mà tiến.

Lê Tần cũng nói thêm vào:

- Tàu bệ hạ, đúng như tướng thân vệ dự liệu, giặc sẽ chọn cách tiến binh đó.

- Tính toán lại, ta cũng cho đó là thượng sách của giặc. Vậy ta có nên bố trí quân phục để đánh chặn nó ở những quãng nào, có nhẽ về Thăng Long ta phải đem bản đồ ra mà bàn xét.

- Chúng thần xin tuân chỉ. - Cả hai tướng cùng nói.

VI

Về tới Thăng Long, tầy trần xong vua Thái tông sang ngay cung Thúy Hoa vấn an hoàng hậu và hỏi các việc trong hậu cung, nhất là việc học hành của các hoàng tử.

Hiển Từ có vẻ như không được khỏe, hoàng hậu nói giọng hơi đùng đục:

- Bệ hạ đi vắng, các việc trong cung sẵn có nền nếp, ai việc nấy nên cũng không có gì quan ngại. Còn việc học của các con thiếp chỉ nhắc nhủ các ông sư phó phải nghiêm huấn chớ không được nuông chiều theo ý thích riêng của trẻ.

Các ông sư phó nói các hoàng tử đều thông minh, hiếu học, riêng có Chiêu Văn nghe đâu nó mê thích âm nhạc. Lúc nào cũng ôm kè kè cây đàn và bi bô hát. Trông nó ôm cây đàn thì nực cười lắm, cần đàn còn cao hơn cả đầu nó. Thăng bé thấp quá vì nó chưa được hai tuổi.

Việc học hành của các con có thực như các ông sư phó tâu, bệ hạ phải tự mình kiểm xét các con thì mới rõ, thiếp sao đủ chữ nghĩa làm các việc đó.

- Thôi được, việc đó hậu đế ta lo.

- Bệ hạ đi kinh dinh miền biên thùi thế nào, liệu giặc Mông - Thát có xâm chiếm cõi bờ ta không?

- Biên thùi tạm yên ổn, nhưng trước sau thì quân Mông - Thát cũng tràn vào.

- Liệu sức quân mình có cản được giặc không, thiếp thấy ở kinh sư nhiều người lo sợ cứ như là giặc sắp vào cõi rồi. Lại nữa, khắp nơi đang rèn đúc khí giới. Bệ hạ, liệu hoàng gia có phải tạm lánh giặc không?

Vua Thái tông ôm lấy hậu mà cười. Mãi sau ghìim được tiếng cười, vua nói:

- Sao hậu lại nghĩ ra được cái điều nực cười đó. Đã làm gì có giặc già nào đụng đến biên thùi của ta mà hậu phải lo nào. Còn như việc cả nước rèn đúc khí giới là do ta ban chiếu đó. Phải tăng cường tinh binh, phải có nhiều khí giới cho các điền binh tập luyện. Đây là cách phòng bị của nước, để nếu có giặc thì cả nước cùng đánh giặc giữ nước. Nếu ta lo việc này thật tốt, ắt giặc phải dè chừng. Cả nước cùng đồng tâm nhất trí kháng giặc, ta chắc chắn giặc không dám mạo phạm. Ngược lại, ta mà lơ là, quân ít, khí giới sơ sài, lòng dân kháng táng thì trước sau nước cũng rơi vào tay giặc. Và như thế cũng chẳng khác gì đem nước dâng cho giặc.

- Bệ hạ dạy thế thiếp thấy an lòng. Nhưng quả thật trong đầu óc thiếp vẫn mơ hồ cảm như trước sau gì rồi giặc Thát cũng xâm lấn cõi bờ ta. Thiếp nghe như có tiếng vọng của quân Mông - Thát đang reo hò, quát tháo.

Với cử chỉ âu yếm, nhà vua vuốt má Hiển Từ nói lời an ủi:

- Cũng có thể nàng có linh giác ben nhay nên cảm được các việc khi nó còn đang mạnh nha. Lại cũng có thể thấy thiên hạ đồn thổi, âu lo nên nàng lay nổi lo của thiên hạ.

Nhìn vào đôi mắt vẫn chưa hết lo lắng của hoàng hậu, nhà vua nói lời quả quyết:

- Nàng nên tin vào ta. Vả lại còn Thái sư, còn các tướng tài ba cùng đội quân hùng mạnh đã được rèn luyện kỹ càng cùng với hàng triệu diên binh còn nằm trong hương ấp, như thế chẳng phải là sức mạnh cản giặc sao.

- Bệ hạ nói, sao thiếp dám không tin. Bệ hạ bảo đã có thái sư, nhưng sao thiếp thấy đám nội thị tâu rằng: “Quốc mẫu cho người đi mua gom đồ binh khí ở các lò rèn với mua gạo tích trữ nhiều lắm”. Việc ấy liệu có can hệ gì đến an nguy của nước không. Các chuyện này thiếp chỉ mới nghe thế nên tâu lại. Quả thật thiếp cũng chưa hỏi quốc mẫu và cũng chưa được nhìn thấy điều đám nội thị tâu báo.

- Được! Được! Ta sẽ cho kiểm xét việc này. Nhưng ta nhắc lại, nàng chớ có âu lo. Vả ta nghe giọng nói của nàng dường như trong người đang ủ bệnh đấy. Sai nội thị triệu ngự y đến chẩn mạch sớm đi.

- Đào ôi, thiếp có làm sao mà phải mời các thái y đến làm gì. Bệ hạ cứ lo việc nước đi.

Sớm hôm sau vua vào cung Thủy Tinh thăm Thái sư Trần Thủ Độ.

Thái sư tâu báo các việc đã làm ở nhà. Lòng dân hoan hỉ, thế nước đang lên.

Nhà vua cũng thuật lại các việc ngài vừa đi kinh dinh mấy lộ và dọc tuyến biên thù.

Nghe xong Thái sư liền nói:

- Cứ như ý thần thi biên thù giáp Tống hiện thời chưa có gì đáng lo. Nhà Tống suy yếu lắm rồi, chẳng mấy chốc nữa mà sụp đổ, vó ngựa Mông - Thát sẽ quân nát Trung Nguyên. Nếu Mông - Thát bình xong Trung Hoa, chúng sẽ quay vó ngựa xuống phương Nam, nước ta lúc đó sẽ trở thành bãi sa trường. Cho nên các chính sách bệ hạ cho làm để tăng sức dân, sức quân xem ra rất đặc dụng.

- Thưa, ý chú nói rất phải. Nhưng cháu e rằng chưa bình xong Trung Nguyên, quân Mông Cổ đã đánh ta rồi. Chúng đánh ta để có đường tập hậu nhà nam Tống, kẹp vua tôi Tống Lý tông (1225 -1272) từ hai mặt nam, bắc.

- Bệ hạ xem tình hình biên thù nước Đại Lý thế nào. Theo thần, nếu giặc Mông - Thát có đánh ta ắt chúng phải qua nẻo đó, vì rằng Mông-kha đang rục rịch tiến binh vào Thành Đô. Trước đó năm Quý Sửu (1253) Hốt-tát-liệt là em của Mông-kha và tướng Ngột-lương-hợp-thai (Uriyangqadai)^[37] vượt sông Kim Sa đánh chiếm kinh thành nước Đại Lý^[38]. Vua nước ấy là Đoàn Hưng Trí chạy trốn. Đầu năm Giáp Dần (1254) Hốt-tát-liệt trở về bắc, công việc bình định giao lại cho Ngột-lương-hợp-thai, chẳng biết tới lúc này quân Mông Cổ đã lấy xong nước Đại Lý chưa. Bệ hạ vừa đi về chắc biết rõ việc này.

- Thưa chú, mới đây Đoàn Hưng Trí bị bắt ở Thiện Xiển^[39], y bị dồn đuổi tới đó rồi đầu hàng quân Mông Cổ chứ không có chống cự nào cả. Các tộc đi ở đó gồm người Thoán, người Bắc lác đác còn kháng cự, chắc rồi quân Mông Cổ cũng bắt Đoàn Hưng Trí đi dụ hàng hết thôi.

Trần Thủ Độ thờ dài:

- Vậy là không tránh khỏi cuộc chiến với quân Mông Cổ rồi. Phải gấp rút phòng bị thôi thưa bệ hạ.
- Cháu đang định bàn với chú về việc đó.
- Bây giờ bệ hạ ra thiết triều kéo các quan đang chờ, thần sẽ tới bệ kiến sau.
- Sao lâu nay chú vẫn cứ khách khí với cháu vậy?
- Trong vẫn là tình chú cháu, ngoài là lễ vua tôi, thần phải nghiêm giữ kẻ thiên hạ trông vào mà đàm tiếu.

Tại điện Thiên An các quan đang ngóng chờ hoàng thượng. Trong khi nhà vua chưa tới, các quan xúm vào hỏi chuyện hai tướng Lê Tần và Trần Khuê Kinh hộ giá hoàng thượng đi kinh dinh miền biên viễn.

Lát sau kiệu của nhà vua và kiệu của thái sư cùng đến. Các quan ùa cả ra sân Long Trì chào đón vua.

Những lời chúc vang dội:

- Thánh thượng vạn tuế!
- Thánh thượng vạn an!

Quần thần theo vua vào nội điện.

Vua hỏi thăm sức khỏe các quan, hỏi công việc các cơ quan then máy như Trung thư sảnh, Khu mật viện, Đài ngự sử, Đăng văn viện, Quốc học viện...

Tất cả đều tâu báo công việc khiến vua rất hài lòng. Sau đó nhà vua nói về tình hình biên ải và nguy cơ giặc Mông - Thát có thể xâm lấn nước ta nên mọi việc chuẩn bị cho công cuộc kinh chống giặc ngoài phải bắt đầu ngay từ bây giờ, kéo khi việc bất ngờ xảy ra lại trở tay không kịp.

Sau khi chỉ dụ mọi việc phải cấp kỳ làm ngay, vua nhắc lại chuyến đi từ Thăng Long qua huyện Phượng Nhãn sang huyện Chí Linh rồi theo đường ngựa trạm ra An Bang. Từ An Bang lại đi thuyền ra Vân Đồn. Từ Vân Đồn ra Vạn Ninh tới bãi Sa Vĩ - Mũi Ngọc Sơn giáp với nước Tống, đây là điểm khởi đầu của cả một dải biển dài kéo tới tận cửa Nhật Lệ giáp với nước Chiêm Thành. Nhà vua hết lời khen ngợi nước ta giàu và đẹp. Các nguồn lợi từ rừng và biển thật là vô tận, nhưng ta chưa lấy ở biển được gì đáng kể. Dân nằm sát biển vẫn sống về nghề làm ruộng và nghề rừng. Cá ở trong biển, muối ở trong biển vẫn chưa trở thành nguồn lợi chính của người dân ven biển, thời đó là chỗ bắt cập của nước nhà. Việc ấy nhà nước phải ra tay chớ không thể chê trách người dân được.

Nhìn khắp lượt các triều quan, với vẻ tin yêu đối với mọi người, giọng tha thiết, vua nói:

- Chư khanh! Các khanh phải đi khắp mọi miền đất nước, từ núi rừng, sông suối đến biển đảo, phải tận mắt, tận tay nhìn ngắm, sờ mó được mới thấy giang sơn ta thật là kỳ thú. Người xưa nói giang sơn gấm vóc quả không sai.

Nghe nhà vua nói về đất nước, núi sông, biển đảo, các quan cứ hau háu lắng nghe, nhiều người ao ước sẽ có dịp đi đó đi đây để được xem ngắm hình hài đất nước.

Nói xong, nhà vua hươ cao cây kim hốt, phán:

- Bãi triều!

Các quan đồng thanh hô:

- Hoàng thượng thiên tuế!

- Hoàng thượng vạn an!

Sớm hôm sau vua cho triệu các ông sư phó và các hoàng tử đến điện Thiên Khánh vì ở đây có lầu bát giác, có chiếc cầu cong như vành lược bắc qua mặt hồ và có nhiều cây cỏ, hoa lá, có nhiều chỗ đẹp cho các hoàng tử chơi.

Vua cho mời các ông sư phó dẫn học trò của mình lên lầu bát giác. Lần lượt có đông cung hoàng thái tử Trần Hoảng đã được lập từ năm Canh Tý (1240), tức là từ khi hoàng tử mới được sinh ra. Thứ đến là em kế Trần Quang Khải sinh năm Tân Sửu (1241). Hai vị cùng với Trần Quốc Khang đều do bà Thuận Thiên sinh. Quốc Khang mặc dù là con trưởng sinh từ năm Mậu Tuất (1238), nhưng thực Khang là con của Hoài vương Trần Liễu. Vì Thuận Thiên đã có mang ba tháng mới về ở cùng vua Thái tông do sự sắp đặt mang tính cưỡng bức của thái sư Trần Thủ Độ và bà Trần Thị Dung. Tuy nhiên, Quốc Khang cũng không tỏ ra có tài cán gì nên không được trọng dụng. Nay Khang đã vào tuổi trưởng thành, được lập phủ riêng nên không được triệu.

Tiếp đó là các hoàng tử Trần Nhật Vĩnh, Trần Ích Tắc. Hai vị hoàng tử này được sinh cùng một mẹ. Và được sinh vào các năm từ Đinh Mùi (1247) đến Canh Tuất (1250). *Nhỏ nhất là Trần Nhật Duật, tới nay mới sang tuổi thứ hai* ^[40].

Trong năm vị hoàng tử này chỉ có Trần Hoảng và Trần Quang Khải tỏ ra chín chắn và học thức được các sư phó đánh giá khá cao. Bởi hai người đều vào độ tuổi mười sáu, mười bảy lại vừa có đầu óc sáng láng, thông tuệ vừa chăm chỉ học hành và đọc rộng khắp các nhà.

Ngoài hai hoàng tử lớn, còn lại ba người thì mới từ hai tuổi đến tám chín tuổi.

Theo lời các ông sư phó thì hoàng tử Trần Ích Tắc là người có đầu óc mẫn tuệ, học một biết mười. Mới tám, chín tuổi mà đã học thông tam giáo, thi thư, nhạc họa, không môn nào là không ham thích và đều thông thạo. Hoàng tử Chiêu Văn (Trần Nhật Duật) tuy chưa đến tuổi học hành, vì mới lẫm chẫm biết đi nhưng mỗi khi nghe đến tiếng đàn tiếng nhạc là tìm đến và khó có thể dứt ra được.

Nghe các ông sư phó tâu báo về khiếu năng của các con mình, nhà vua tỏ vẻ hài lòng. Nhà vua khen ngợi các thầy và có lời ủy thác:

- Ta sinh ra các con, nhưng dạy chúng thành người có đức, nếu may ra lại có tài nữa thì công các ông lớn lắm. Ta không bao giờ nuông chiều các con. Vậy ta mong các ông cứ giữ nghiêm cái đạo của người thầy. Và hãy coi các con ta cũng như các học trò khác.

Nhìn các ông sư phó với lòng biết ơn, nhà vua sai ban cho các vị mỗi người một chung trà quý. Giây lâu ngài hỏi:

- Năm Tân Hợi (1251) ta có viết một bài minh để răn các con về các đức: *Trung hiếu - hòa tồn - ôn lương - cung kiệm*. Ta đã đưa các ông để giảng dạy cho các con ta, chẳng hay việc đó đến đâu rồi, chúng có chịu tiếp nhận lời giảng của thầy và có được thể hiện trong cung cách sống và cư xử hằng ngày, hay là chúng chỉ thuộc lời văn như một cái vẹt học nói tiếng người mà chẳng biết nghĩa lý của tiếng nói ấy.

Thay vì các ông sư phó phải tâu báo, hoàng thái tử Trần Hoảng vòng tay xin phép vua cha được nói:

- Tâu phụ hoàng, bài minh văn của phụ hoàng ban cho anh em chúng con, lúc nhỏ con chưa hiểu hết được ý nghĩa sâu xa mà phụ hoàng răn dạy. Nhưng suốt năm năm qua, phần thì các bậc sư phó giảng giải, phần chúng con tự ngộ ra, nên hiểu phụ hoàng dạy chúng con đạo làm người, và đó cũng là đạo làm vua, làm quan. Phạm người đứng trên thiên hạ mà thiếu một trong các đức đó cũng đủ làm rối loạn thiên hạ. Bởi vậy, không chỉ chúng con thuộc văn mà còn phải biết theo đó hành xử hằng ngày. Các em con, tuổi còn nhỏ chưa lĩnh hội được ý của phụ hoàng, nhưng dần dần cùng năm tháng rồi sẽ ngộ ra, xin phụ hoàng cứ yên tâm.

Nghe hoàng thái tử nói, nhà vua có vẻ hài lòng. Ngài nói:

- Ta thật sự hoan hỷ vì các con đã không phụ lòng ta. Con ráng tu đức, rèn trí và đi sâu vào kê cứu đạo thiên, để mai này quyền thế vào tay, con biết đường hành xử sao cho dân được thịnh, nước được cường, ấy là lòng ta mong mỏi.

Nói vài lời ủy thác với các ông sư phó rồi nhà vua lên kiệu đến thẳng quốc học viện.

Biết nhà vua thế nào cũng đến kiểm xét việc học hành của sĩ tử, việc chuẩn bị cho kỳ thi vào đầu năm tới, vì vậy quan Quốc tử giám Tế từ cùng quan Quốc tử giám Tư nghiệp đã chờ đón để cung nghinh.

Vào việc, vua hỏi ngay:

- Nay đã gần cuối năm, đến tháng trọng xuân năm tới triều đình mở khoa thi, vậy quốc học viện đã bố cáo cho sĩ tử ở các lộ biết, ai muốn về dự bình văn ở quốc học viện vào bất cứ lúc nào cũng được chưa?

- Tâu hoàng thượng, chúng thần đã bố cáo từ đầu năm, sĩ tử các lộ đã lác đác về từ đầu mùa thu, nay vẫn đang tiếp tục. Việc ăn ở của các sĩ tử về dự học, quốc học viện đều lo chu tất cho họ cả.

Nghe Quốc tử giám Tế từ tâu báo, vua gật đầu khen:

- Khanh xử với kẻ sĩ thế là tốt, là chứng tỏ nhà nước trọng người có học, quý người có tài.

Quay sang phía quan Tư nghiệp, vua hỏi:

- Khanh đo sức học của sĩ tử khoa này với các khoa trước thế nào?

- Tâu bệ hạ, số người thật xuất chúng không nhiều, nhưng các sĩ tử đã về đây kiến văn họ đều chắc cả. Mới đây có một số sĩ tử

từ Thanh, Nghệ ra, học lực so với sĩ tử ngoài này cũng không thua kém nhiều.

Thái tông vui lắm, ngài hỏi tiếp:

- Cứ như ý khanh, khoa này có lấy được tam khôi không?

Cả hai quan Tế tửu và Tư nghiệp đều bần khoản. Đoạn quan Tư nghiệp bèn thưa:

- Tâu bệ hạ, người theo sát các sĩ tử là ba vị tam khôi khoa Đinh Mùi (1247), bệ hạ cho phép thần triệu các vị đó lên tâu báo.

- Được! Được lắm, ta cũng muốn gặp các vị đó.

Một lát sau ba vị tam khôi đi từ nhà bình văn lên. Dù năm trước đã nghe Quốc tử giám Tế tửu tâu báo rõ ràng về ba người này, nhưng vừa chợt trông thấy họ đi qua rêu sân rộng nhà vua không khỏi sùng sốt. Trong đầu óc nhà vua tảm, chín năm trước còn in hằn hình ảnh hai cậu bé mười ba, mười bốn tuổi với một chàng thiếu niên mười bảy tuổi. Thế mà bây giờ họ đã là những bậc vào hàng đại trí, hàng quốc sĩ và ai cũng khôi ngô tuấn tú.

Vừa bước lên bậc thềm nhà tân khách, nom thấy nhà vua đang ngồi, cả ba người đều sụp lạy:

- Hoàng thượng vạn an!

Nhà vua đỡ cả ba vị đứng dậy và cho ngồi vào ghế. Vua ân cần hỏi han công việc của từng người. Cả ba vị đều tâu báo rõ ràng về các công việc giảng dạy trong Quốc học viện.

Vua lại hỏi:

- Trong Quốc học viện, ngoài các quốc tử sinh thì nho sinh các nơi về tập văn gộp lại được bao nhiêu người?

Trạng nguyên Nguyễn Hiền bèn đứng dậy vòng tay đáp:

- Tâu bệ hạ, số quốc tử sinh có một trăm tám mươi bảy vị, số nho sinh các lộ về tới nay là một trăm hai mươi sáu người, cộng lại là ba trăm mười ba người.

Vua lại hỏi:

- Số thí sinh sẽ ghi danh hợp cách trong kỳ thi này là bao nhiêu? Thời hạn ghi danh đã hết chưa?

Quan Quốc tử giám Tư nghiệp bèn thưa:

- Tâu bệ hạ, thời hạn ghi danh đã mãn cách đây mười ngày. Số người đăng danh trong cả nước là hơn một ngàn, nhưng số người hợp thức được ghi danh là bảy trăm hai chục người, Quốc học viện đã gửi thiệp báo thi đến từng người theo đường ngựa trạm.

Hướng về ba vị tam khôi khoa Đinh Mùi (1247), vua hỏi:

- Ba vị giảng dạy và theo sát các nho sinh trong Quốc học viện, vậy chớ sức học của họ ra sao, liệu khoa thi này số người đỗ

thái học sinh có được nhiều không?

Bàng nhân Lê Văn Hưu xin nói:

- Tâu bệ hạ, sức học của các nho sinh nói chung và trình độ của các quốc tử sinh so với các nho sinh từ các lộ về tập văn cũng không chênh nhau nhiều lắm. Tâu, các nho sinh từ các lộ về ắt phải là các người xuất sắc mới dám về ngồi học chung với các quốc tử sinh.

- Ta muốn biết số có thể lấy đỗ Thái học sinh liệu có được vài trăm? Vua hỏi.

Trạng nguyên Nguyễn Hiền thưa:

- Tâu bệ hạ, nếu bệ hạ cần người có học để tuyển vào bộ máy công quyền cả nước với số lượng lớn mà cần phải có bằng cấp, bệ hạ gia ân chăm chước chuân mực thì có thể lấy gạn được con số trăm. Còn như bệ hạ cho thi để kén người thực tài, chắc là con số đậu không được nhiều đến số trăm đâu ạ.

Vua Thái tông cười độ lượng:

- Quan trạng vui tính thật đấy. Ta nghe nói Nguyễn Hiền có tài thả diều và khoét sáo không ai bì được, có đúng vậy không?

Nguyễn Hiền ngượng đỏ mặt, ấp úng đáp:

- Hoàng thượng quở thần ham chơi. Tâu đó là thần chỉ muốn khám phá vì sao con diều có thể bay cao được như loài chim, và vì sao không có người thổi mà sáo lại có được những hòa âm du dương đến như vậy. Còn như bệ hạ khen thần giỏi thả diều và khoét sáo không ai bì được thì thần không dám nhận, bởi chưa qua thi tuyển.

Nhà vua cười lớn và ngài dụ bảo:

- Đấy nhé, cứ như nhờ Nguyễn Hiền, muốn biết có thực tài thì phải qua thi tuyển. Vậy thời khoa thi này triều đình cần người thực tài chứ không cần người có bằng cấp mà không thực tài. Cho nên việc chăm chọn phải chặt chẽ chứ không thể chăm chước.

Ta lưu ý các khanh trong khi chăm văn là phải chăm cả đức. Văn tức là người. Khí tiết cao thượng hoặc chỉ là sự giáo hoạt đầu lưỡi, sự luôn lách nịnh hót có bài bản đều thể hiện một cách khéo léo đến trơ trên trên văn bài hết. Cho nên chọn người tài phải bằng vào người có đức hạnh. Người tài mà có đức hạnh ấy là bậc hiền tài. Họ mới chính là những công bộc cho nhân quần. Đó mới là những người ta cần đặt vào nơi then máy quốc gia. Còn như kẻ có tài mà thất đức, chúng sẽ dùng tài đó để nịnh trên đè dưới. Chúng gây bè kết đảng loại bỏ người chân tài, hãm hại người hiền tài. Chính lũ người này sẽ làm cho dân suy nước loạn. Vậy phải loại bỏ chúng từ trong trứng nước. Các khanh phải nhớ điều ta dụ bảo.

- Chúng thần xin tuân chỉ. Cả các quan Quốc tử giám và ba vị tam khôi đều đồng thanh nói.

Vua lại hỏi Nguyễn Hiền:

- Ta hỏi thật vị thiên khôi nhé, cứ như ý khanh đã qua khảo sát thì khoa này có lấy được tam khôi không?

- Tâu bệ hạ, chúng thần đã xem xét kỹ, sức học của các quốc tử sinh và các nho sinh đều chắc cả. Trong đó có một số người xuất chúng, nên chúng thần dự liệu có thể có tam khôi xứng đáng.

- Vậy thì hay lắm. Ta chỉ mong có nhiều người thật giỏi để làm rường cột cho sự mở mang nền quốc học.

Vua lại hỏi vị Quốc tử giám Tế tửu:

- Vậy chớ đã chọn xong người vào các chức việc cho khoa thi này chưa?

Quan Quốc tử giám Tế tửu bèn thưa:

- Kính bẩm hoàng thượng, các chức di phong dán, soạn tự hiệu, đăng lục, thí viện đều đã cắt cử xong xuôi. Riêng phần đưa các vị nào vào khảo viện, chúng thần mới tự nghĩ, nay mai sẽ có bản tấu trình lên xin hoàng thượng ngự duyệt.

- Theo ta khảo viện gồm cả hai ông Tế tửu và Tư nghiệp cùng với ba vị tam khôi ngồi đây là đủ. Tuy nhiên, các ông vẫn phải làm tờ tấu để ta phê cho nó hợp cách của một kỳ thi đại khoa. Riêng phần lấy tam khôi, các ông sau khi đã khớp ý nhau rồi đều phải đệ trình cả các quyển thi đó lên để ta khảo lại. Về thứ bậc, các ông cứ giữ kín, để sau khi ta đã khảo và xếp thứ bậc rồi lúc đó mới khớp ý ta với ý các ông xem có giống nhau không. Nếu ý ta và các ông lệch nhau thì được phép tranh biện cho ra nhẽ, chứ không vì ta ở ngôi chủ tể mà các ông phải ngậm miệng.

Các quan đều tâm phục và bật ra lời tâu:

- Hoàng thượng anh minh!

- Để tỏ rằng triều đình tôn trọng người tài, bắt đầu từ khoa thi này các việc từ lều, chõng và sự ăn uống trong thời gian mấy ngày làm bài ở trong trường thi, sẽ lấy tiền quốc khố ra chi. Những người nhà đi theo phục dịch thí sinh, nếu ai có người quen, người nhà hoặc tự thuê được chỗ ở thì mặc lòng. Còn ai muốn về ở nhà công quán thì được ăn, ở không mất tiền. Như vậy đỡ được mối lo cho những thí sinh nhà nghèo. Tất nhiên, những người giàu có, khá giả họ chẳng cần sự giúp đỡ đó.

Như chợt nhớ ra, nhà vua hỏi luôn:

- Khoa thi năm Đinh Mùi (1247) ta bỏ môn sử không cho thi, bởi vì không thi sử nước nhà lại đi lấy kinh Xuân Thu thay cho quốc sử. Năm ấy ta có quở quan tri quốc sử viện Phạm Ứng Thần và sai bên Quốc học viện phải phối cùng bên Quốc sử viện soạn lấy sách cho các trường học, chẳng hay việc đó đến đâu và năm nay đề thi lịch sử có thi quốc sử không?

Quan Quốc tử giám Tư nghiệp thưa:

- Tâu bệ hạ, quan tri Quốc tử viện Phạm Ứng Thần trước khi bệ hạ cho hỏi, ông có trao chức trách đó lại. Lũ thần đã phối cùng bên Quốc sử viện mới soạn được một quyển gọi là “Sơ thảo lược sử”. Dạ cũng mới là bước đầu còn sơ lược lắm. Nhưng đã đưa vào giảng dạy. Còn nếu như biên tu cho được một bộ quốc sử dâng hoàng, chắc Quốc sử viện phải làm trong vài chục năm, và phải tuyển được những người thông kim bác cổ vừa suu tập vừa khảo chứng vừa biện giải thì mới đủ độ tin cậy.

Bảng nhân Lê Văn Hưu xin được nói:

- Tâu, thánh thượng anh minh cho biên tu quốc sử là việc làm không thể thiếu được với một nước văn hiến như nước ta. Nhưng cái khó là trong vài ngàn năm lại đây sử liệu của ta chỉ được ghi chép rải rác ở một số người có học vấn cao hoặc do một số thiền sư, đạo sĩ ghi chép lại thiên về sự đạo hơn là sự đời. Sự ghi chép của người mình đã không có hệ thống lại còn bị người Bắc xuyên tạc đi. Lại như thời đại nhà nước Văn Lang truyền nối tới mấy ngàn năm, những vật chứng còn lại trên các đồ đồng như trống đồng cùng các đồ binh khí bằng đồng như qua đồng, riêu đồng, giáo đồng, mũi tên đồng với biết bao các lò nấu đồng dấu tích còn đầy rẫy, chứng tỏ nước ta đã tiến hóa tới một trình độ cao; vậy mà lại biệt tăm trong sử sách. Nay chỉ còn lại các truyện thể truyền ^[41] về các đời vua Hùng.

Ngẫm nghĩ giây lâu vua Thái tông lắc đầu:

- Một nước văn hiến mà không có bộ quốc sử thì thật là bất túc. Việc đó những người có học vấn tinh thuần như các khanh phải lo. Thời huyền sử, nhiều tộc người ghi lịch sử dân tộc họ bằng cách tạc vào vách hang đá những hình thù về người, về các con vật, cả về các tập tục nữa.

Nước ta thời các vua Hùng là thời của nhà nước Văn Lang có thể chế hẳn hoi. Cứ xem các hình ảnh được ghi lại trên mặt trống đồng cùng với nghề đúc đồng xem ra rất thiện xảo, như vậy thì sự tiến hóa của người mình vào thời đó đã ở tầng mức cao.

Bảng nhân Lê Văn Hưu, khanh nói về thời đó còn đầy rẫy các truyện thể truyền. Vậy thể truyền là gì? Là các điều mắt thấy tai nghe được truyền lại từ đời này sang đời khác, thể chẳng phải là một căn cứ để từ đó truy tìm nguồn gốc cho người viết sử sao? Ta thấy khanh là người có khiếu năng về lịch sử. Vậy sau khoa thi này ta sẽ đưa khanh về Quốc sử viện để biên tu quốc sử.

Lê Văn Hưu bèn đứng dậy vái nhà vua:

- Tạ ân hoàng thượng.

Mới trung tuần tháng giêng, nghĩa là mới sau Tết Nguyên đán được mười ngày, không khí tết nhất hội hè trong khắp kinh thành còn đang nhộn nhịp. Người thì đi chúc tết họ hàng xóm phố, người thì đi lễ cầu an nơi chùa tháp, người thì nhập vào các đám rước, các hội phường phố, hội làng.

Trời bắt đầu hoe hoe nắng, cái nắng chưa xua tan được giá lạnh mùa đông nhưng nó đánh thức cây cối đâm chồi nảy lộc. Đúng là cây cối như bừng thức sau giấc ngủ đông. Những cây bưởi trong các vườn nhà vừa nảy lộc vừa bật ra từng chùm nụ nửa trắng nửa xanh. Hoa đào lác đác rụng để nhường chỗ các lộc non đâm lên tua tủa. Các bờ dâu hoa tím xuân nở nhuốm hồng các đường làng ngõ xóm, hương thơm ngan ngát, bướm ong kéo về từng đàn tô đậm sắc xuân.

Dân kinh thành còn đang vui xuân lại có thêm một niềm vui nữa là sĩ tử bốn phương nườm nượp kéo về, thuần những anh tài tụ hội. Nhiều người trai trẻ, khôi ngô tuấn tú, có cả người đã đứng tuổi, lại có cả các thiếu niên. Mỗi nho sinh đều đeo bên mình một tay nải quần áo và bên cạnh có một người gánh theo một bên là hòm sách, còn bên kia là gạo nước và các đồ tùy thân. Người đi theo đó có thể là anh em chú bác, cũng có thể là nô bộc, cũng có khi là người được thuê mướn. Những nho sinh này thuộc loại gia đình trung lưu trở

xuống, còn như con cái các nhà quan gia, phú gia thì họ đi xe ngựa hoặc đi kiệu, đi cồng.

Các nho sinh đi tìm nhà trọ hoặc vào nhà công quán, hoặc đi lại mua sắm làm cho phố phường kinh sư vừa tấp nập vừa sang trọng hẳn lên.

Tại một quán nước, các nho sinh ngồi nghỉ vừa uống nước vừa trò chuyện hỏi thăm quê quán của nhau, ai ai cũng tỏ ra lịch lãm, một điều tôn huynh, hai điều tôn huynh. Bỗng một người nói:

- Thừa các tôn huynh, tôi lỡ thi khoa Đinh Mùi (1247) phải chờ suốt chín năm. Người này hơi đứng tuổi so với các nho sinh kia.

- Thừa tôn huynh, người nhỏ tuổi ngồi bên cạnh tiếp lời - Dạ, từ Đinh mùi tới Bính Thìn (1056) đúng chín năm. Chẳng hay khoa Đinh Mùi tôn huynh lỡ thi vì chuyện gì? Và trong chín năm qua tôn huynh làm gì?

Người kia đáp:

- Cảm ơn quý tôn huynh hỏi thăm, chẳng là sắp đến ngày lai kinh thi phụ thân tôi bị ốm nặng. Phụ thân tôi khuyên: “Con cứ về kinh đi, ta chỉ vài ngày nữa là khỏi”. Thế nhưng tôi không dám ra đi trong lúc người sinh thành ra mình đau nặng. Quả nhiên vài tháng sau, phụ thân tôi qua đời. Cư tang ba năm ở nhà làm ruộng nuôi mẹ. Đoạn tang thì mẫu thân tôi bắt phải lập gia đình. Thế rồi tôi vừa gõ đầu trẻ vừa ôn luyện kinh sách. Nay tấp tênh lai kinh cùng các tôn huynh, nhưng thẹn vì tuổi cao mà tài mọn.

Mọi người vừa cảm thông chia sẻ, vừa kính phục vì người này đã có hiếu lại có chí.

Các thí sinh suốt năm ngày mài miệt căng thẳng trong trường thi, ăn uống ngủ nghỉ đều ở trong lều, tất cả đều ở trong khu vực trường thi, bốn bề tường vây kín, quân canh nghiêm cẩn. Bốn góc trường thi có bốn chòi canh. Giữa trường thi dựng một chòi cao nhất quan sát khắp trong ngoài.

Thi đã căng thẳng nhưng chờ chấm suốt hai mươi ngày sau mới kéo bảng đề danh còn căng thẳng hơn nữa. Bởi ai cũng hy vọng, cũng phấp phỏng. Từng nhóm, từng nhóm tụ hội bàn bạc với nhau về văn sách năm nay. Nghe đầu đích thân hoàng thượng ra đề.

Độ mười lăm ngày sau khi chấm bài, Khảo viện dâng lên hoàng thượng bốn ống quyển trong danh sách tam khôi. Thông thường chỉ có ba. Vua Thái tông lấy làm lạ. Ngài tự hỏi: “Chẳng nhẽ các quan khảo viện dám lờm cả trăm sao?”. Nghĩ vậy nhưng nhà vua bình tâm đọc lần lượt từng ống quyển một. Đọc xong ngài thở phào - Đúng là không thể loại được người nào trong bốn bậc anh tài này. Khá khen các quan Khảo viện làm việc công tâm.

Nhà vua đọc đi đọc lại cân nhắc từng li từng tí một để xếp thứ bậc. Cuối cùng vua cho lấy hai trạng nguyên, một bảng nhãn, một thám hoa lang. Việc lấy hai trạng nguyên trong một khoa thi là điều cực kỳ hãn hữu.

Vua sai triệu các quan trong hội đồng khảo viện vào cung Cảnh Linh và truyền áp phách. Kết quả là cả nhà vua và các quan khảo viện đều chăm trù cho đỗ hai trạng nguyên, một bảng nhãn và một thám hoa lang. Truy xét quê quán mới biết vị trạng nguyên thứ nhất là Trần Quốc Lặc người huyện Thanh Lâm^[42], châu Hồng; trạng nguyên thứ hai là Trương Xán người Hoành sơn, châu Bồ

Chính ^[43]; báng nhân là Chu Hình người huyện Tế Giang ^[44], lộ Bắc Giang; thám hoa lang là Trần Uyên người huyện Đường Hào ^[45], châu Hồng.

Khi thấy Trương Xán là người châu Bố Chính nhà vua hơi phân vân một chút. Ngài suy nghĩ rồi phán: Từ nay phân chia địa giới để gọi: từ Trường Yên trở ra bắc gọi là Kinh, từ Thanh Hóa trở vào gọi là Trại. Vậy Trần Quốc Lặc là Kinh trạng nguyên, Trương Xán là Trại trạng nguyên.

Và trong số bốn mươi ba người đỗ thái học sinh ^[46] có bốn mươi hai người Kinh và một người Trại. Tất cả mọi người vừa thi đỗ, đều được bổ dụng ngay theo thứ bậc khác nhau.

Ngày kéo báng đề danh, sĩ tử vui buồn thật khó tả. Cái người ngồi ở hàng nước đã đứng tuổi, than vãn với mọi người rằng lỡ khoa thi năm Đinh Mùi phải chờ mất đúng chín năm, người ấy lại chính là trạng nguyên Trần Quốc Lặc. Những ai ngồi quán nước cùng ông, khi nhận ra đều không khỏi kinh ngạc.

Ngay sau cuộc thi ít lâu, vua có dụ cho Nguyễn Hiền về bộ Công, chuyên xem xét việc chế tác các đồ như trục xe, bánh xe, đóng các loại tàu thuyền đi biển và khí giới dùng trong quân, kể cả máy bắn đá.

Vua cũng dụ cho Lê Văn Hưu về Quốc sử viện để lo việc biên tu quốc sử.

VII

Đêm khuya tịch mịch trong hậu tẩm, vua Thái tông sau giờ tọa thiền liền thấp bạch lạp. Hai ngọn nến trắng đặt trên hương án soi sáng cả căn phòng nơi hậu điện. Kể từ ngày hoàng hậu Thuận Thiên băng tới nay đã tám năm, nhà vua thường xao nhãng chuyện buổi the, mặc dù lũ trung quan (thái giám) cứ luôn luôn sẵn đón, dâng mời. Xao nhãng chuyện buổi the nhưng nhà vua lại say mê việc trước tác. Như đã thành thói quen khi gác lại các công việc, vua ngồi tọa thiền. Tọa thiền là để lắng chân tâm trở về với cõi vô thức, tức là xả bỏ hết thấy, mọi sự từ sống chết, vinh nhục, ngôi báu, của cải, gái đẹp... tất thấy đều bằng không, đều là hư không rảo trội.

Lạ thay, cứ sau mỗi buổi tọa thiền, vua Thái tông lại thấy đầu óc nhẹ nhõm, trí tuệ như vừa được khai minh, mọi ham muốn kể cả lòng dục cứ vơi vơi dần và đức thiện cứ ngày một tinh tấn, một tỏ sáng.

Nhà vua lững thững đi ra phía kệ sách. Suốt mấy mặt tường trong nội tẩm, sách chất như rừng. Bất chợt vua rút ra một tập sách mỏng kẹp giữa hai cuốn sách dày.

Nhìn bốn chữ tựa sách *Lục độ tập kinh*^[47] như có một ma lực hút hết tâm trí nhà vua. Ngài mở ra đọc và càng đọc càng bị hấp dẫn. Đọc liền một mạch hết tập kinh, ngài tự vấn: - Người viết tập kinh này cách ta đã gần một ngàn năm, mà sao ta cảm nhận những điều trong kinh sách lại hao hao giống những điều bấy lâu nay ta hằng suy ngẫm.

Lục độ tập kinh chỉ ra sáu hạnh vượt bờ của Bồ tát. Tức là:

- Bồ thí.
- Trì giới.
- Nhẫn nhục.
- Tinh tấn.
- Thiền định.
- Trí tuệ.

Sáu hạnh Bồ tát này chính là con đường lý tưởng mà ta theo đuổi. Vua nhớ lại những ngày bỏ Thăng Long lên Yên Tử gặp Phù Vân quốc sư. Ngài khuyên ta cái đạo làm vua là phải “lấy ý muốn của muôn dân làm ý muốn của mình”, phải “lấy cái tâm của muôn dân làm tâm của mình”. “Làm được như vậy chính là Bồ tát đấy, là Phật đấy, sao bệ hạ còn phải cầu tìm ở đâu?”. Suốt mấy chục năm nay, quyền bính về tay, ta đều hành hóa theo lời răn đó.

Quốc sư còn dặn ta lúc chia tay: “Nếu bệ hạ thực lòng hiểu Phật, ngoài việc chăm lo cho bách tính thì chớ nguôi quên việc kể

cứu nội điển”.

Gà gáy dồn, trời rạng sáng vua vội tắt nến, ghé mình xuống long sàng chợp mắt.

Sáng dậy vua lấy tập trước tác đang viết dở dang, liền viết tiếp:

“Luôn làm bạo ngược, không nghĩ nhân từ. Giết hại bốn loài ^[48]; biết đâu một thể. Lỡ tay hay cố sát, mình làm hoặc sai người. Hoặc tìm thầy bùa đem về yểm đảo; hoặc làm thuốc độc, để hại sinh linh. Chỉ cốt hại nhân; không hề thương vật. Hoặc thiêu núi rừng; hoặc tát khe suối. Buông chài bủa lưới; đuổi chó thả chim...” ^[49].

Nội thị dâng trà buổi sớm, chưa kịp dâng bữa điểm tâm nhà vua đã lấy ngựa phi thẳng đến Giảng Võ đường, thấy Quốc Tuấn đang thị sát đám quân kỵ tập xạ kích. Nghĩ là cho ngựa phi nước đại rồi bắn tên thẳng vào bia cố định, hoặc ngoái người lại phía sau bắn vào bia di động.

Thấy quân lính luyện tập hết mình, vua lấy làm đẹp ý.

Quốc Tuấn không biết vua đang đứng gần đó quan sát. Bỗng có người đến thưa với Quốc Tuấn:

- Bẩm tướng quân, hạ cấp thấy một người cưỡi ngựa đứng xem ở đằng kia, nom hao hao như là hoàng thượng, nhưng không thấy có nghi trượng hoặc tùy tùng theo hầu.

Quốc Tuấn vội nói:

- Thế thì đúng là hoàng thượng rồi còn nghi gì nữa. Hoàng thượng vốn không thích nghi lễ rườm rà. Người vào ngay trong quân doanh soạn sửa trà nước để ta ra rước mời hoàng thượng.

Theo phía tay chỉ của viên tướng thuộc hạ, Quốc Tuấn chạy bộ đến bên ngựa vái nhà vua hai vái và nói:

- Hoàng thượng ngự duyệt mà thần không được biết để làm lễ cung nghinh, thật là đắc tội.

Vua Thái tông xuống ngựa, Quốc Tuấn đỡ lấy dây cương liền trao cho một tên lính rồi mời vua vào trong quân doanh; thật ra đây chỉ là một chiếc lều cất tạm nơi bãi tập.

Vào trong trướng, vua hỏi:

- Có phải các sắc quân mà cháu đang muốn huấn hễ ở đây đều là các đô tướng từ các nơi về?

- Tàu hoàng thượng, đúng như vậy. Họ học ở đây rồi về dạy lại cho quân mình.

Vua nhìn Quốc Tuấn tỏ sự hài lòng và với vẻ thân tình vua phán:

- Chỉ có ta với Quốc Tuấn, sao cháu cứ khách khí, cứ gọi ta là chú đi. Còn như tàu báo, hoàng thượng, bệ hạ là ở nơi triều chính kia.

- Đa tạ hoàng thượng gia ân.

- Lại hoàng thượng rồi, - vua cười vỗ vai Quốc Tuấn. Ngài hỏi:

- Nếu lúc này ta sai cháu đi trấn biên thù, có ai thay được cháu vào việc huấn dạy này không?

- Dạ thưa chú, viên phó đô tổng quản của cháu có thể thay được, và lại cũng sắp mãn khóa rồi.

Vua nhìn Quốc Tuấn để đo lường tính trạng phu, tài cán quốc và sự mưu trí, can trường. Suy đi tính lại như đã đủ độ tin cậy,

Thái tông liền nói:

- Cháu có nghĩ rằng quân Mông Cổ sẽ tràn vào cõi ta không?

- Thưa chú, cháu nghĩ rằng chúng sẽ xâm lấn nước ta sớm hơn điều ta dự liệu.

- Ta cũng linh giác thấy điều đó. Ta đang nóng lòng chờ tin tức người của ta phái sang bên đó dò thăm. Nhưng để tránh khi việc xảy ra không kịp trở tay, ta muốn cử cháu đem thêm ba ngàn quân lên trên đó ngăn giặc từ xa. Năm trước đã cho Khuê Kinh đem lên đó một ngàn quân để tăng viện cho biên thù rồi. Cháu chỉ làm chậm bước tiến của nó chứ không thể đánh quỵ nó ngay được đâu.

- Thưa chú, cháu nghĩ là phải tản giặc ra, phải đưa nó về vùng rừng rậm, vùng sông nước mà đánh vào cái sở đoản của nó.

- Hay lắm! Vua Thái tông khen. Cháu ta mưu lược lắm. Khen thay thái sư có con mắt tinh đời. Trước đây chính thái sư bảo ta đưa cháu về Thăng Long học hành. Gần đây thái sư lại bảo: “Phải sớm trao quyền làm tướng cho Quốc Tuấn. Sớm muộn nó cũng là cây trụ vững chắc của nước, nó sẽ là bậc kỳ tướng đấy”.

Quốc Tuấn đỏ mặt vì ngượng rồi chấp tay vái nhà vua:

- Chú và quốc phụ quá khen, cháu đã có công lao, tài cán gì đâu.

- Ấy là chú và thái sư hy vọng mai này cháu sẽ được như vậy.

Quốc Tuấn lại hỏi:

- Thưa chú thế bao giờ thì cháu lên đường ạ?

Suy nghĩ giây lát rồi nhà vua dụ:

- Ta cho cháu năm ngày để lo việc nhà rồi lên đường có kịp không?

- Thưa chú, cháu chỉ muốn biết cháu được đem theo sắc quân nào đi. Còn như việc nhà, cháu không cần đến năm ngày đâu. Đây về ấp An Sinh đi ngựa chỉ già nửa ngày đường. Cháu xin ba ngày là đủ. Tăng sức phòng thủ cho vùng biên địa sớm được ngày nào hay ngày đó.

Vua Thái tông hết sức hài lòng vì Quốc Tuấn biết đặt việc nước trên việc nhà, biết lo xa cho thế nước. Vua nói:

- Nay mai cháu phải mở phủ ngay tại Thăng Long rồi đưa cả vợ con về, còn trang ấp cứ giao cho quản gia là được. Đem sắc quân nào đi cho tiện việc phân nhỏ ra đánh phục kích, đánh tập hậu quân giặc là tùy cháu lựa. Chú sẽ ban cho lệnh bài để cháu điều quân.

- Thưa chú, cháu chỉ xin đem quân cùng nó đi theo, chứ tượng binh thì công kèn, di chuyển chậm mà dễ bị lộ, lại như kỵ binh của ta thời không thể địch lại được với kỵ binh Mông Cổ, bởi chúng vừa đông đúc vừa thiện xảo.

- Chú cũng nghĩ vậy.

- Thưa chú, quân Mông Cổ từ bên Đại Lý vào nước ta ắt chúng đi đường bộ men theo triền sông. Nhưng có hai đường chúng có thể tiến quân: Một đường theo cửa Phú Linh, một đường theo cửa Thủy Vĩ rồi cùng gặp nhau ở ngã ba Bạch Hạc.

- Đúng vậy, giặc chỉ có thể đi hai đường ấy, nhưng ta ngờ rằng chúng vào cửa Thủy Vĩ là chính, nhưng chớ coi nhẹ phía cửa Phú Linh. Giặc có thể từ Phú Linh rồi qua ải Hà Dương mà vào. Nhưng nẻo nào thì chúng cũng đi đường bộ men theo tả hữu ngân Thao Giang [50] rồi cùng hội quân ở Bạch Hạc lại men theo sông Phú Lương [51] rồi kéo về Thăng Long.

- Thưa chú, vậy thì chú cho phép cháu lên trên đó, xem xét lại địa thế, rồi tùy cơ cháu có thể chia quân nơi nhiều nơi ít. Ngay cả việc giấu quân trong rừng sâu để đánh tập hậu giặc, hoặc phối với binh Man phục kích đánh giặc trên từng chặng đường, khiến chúng phải hoảng sợ vì đi về nẻo nào chúng cũng bị quân ta cự chiến.

Vua Thái tông gật đầu tỏ ra bằng lòng với sự kiến giải của Quốc Tuấn. Tiếp đó vua dụ rằng:

- Phàm tướng đã ở ngoài biên thù phải tùy nghi ứng xử, ngay cả lệnh vua cũng có thể không theo. Mọi quyền biến đều ở trong tay cháu. Có điều phải sèn kiệm máu xương sĩ tốt. Phải coi sinh mệnh của sĩ tốt như sinh mệnh người ruột thịt của mình, như sinh mệnh của chính mình thì mới bảo toàn được lực lượng.

- Cháu xin tuân mệnh.

Sấp sửa ra về, nhà vua có vẻ phân vân liền hỏi:

- Ta nhớ không rõ lắm không biết có phải cháu sinh năm Tân Mão (1231) hay là năm Nhâm Thìn (1232) nhỉ?

- Dạ thưa chú, cháu tuổi Tân Mão ạ.

- Thế thì được, năm nay cháu xuất sư được lắm. Nói xong nhà vua đứng dậy ra về.

Quốc Tuấn tự dắt ngựa, trao dây cương vào tay nhà vua.

Thái tông lên ngựa đi rồi, Quốc Tuấn còn vái theo.

Nhà vua về cung làm việc, chừng nửa chiều, nội thị vào bẩm:

- Tâu bệ hạ, có viên quan biên trấn nhà Tống đưa cả gia đình vợ con sang xin được gặp bệ hạ, hiện đang chờ ngoài cửa khuyết.

Thấy sự lạ, hẳn là có duyên cớ gì đây. Vua liền phán:

- Mời họ vào đại sảnh, tiếp nước. Nhưng hỏi xem họ có đói thì cho họ ăn cơm xong ta sẽ diện kiến.

- Tàu bệ hạ, chúng thần hỏi, họ nói đã ăn uống no đủ rồi, chỉ xin được bệ kiến.

- Thôi được, ta sẽ ra ngay đây.

Thấy nhà vua, cả hai vợ chồng và năm đứa con người Tống đều sụp lạy.

Vua sai nâng họ dậy cho ngồi ghế, lại ban trà, nước, rồi hỏi:

- Các người từ nước Tống sang, có việc gì mà phải vào tận cửa khuyết. - Vậy chứ người làm nghề gì bên nước Tống?

- Tàu bệ hạ, thần tên Hoàng Bình là tri phủ sự phủ Tư Minh thuộc Ung Châu lộ Quảng Tây nước Tống, đem cả gia thuộc sang Đại Việt xin được làm thân dân của bệ hạ.

Như sự nhớ ra, vua hỏi:

- Có phải năm ngoái Vũ thành vương Doãn đem cả nhà sang đầu nhà Tống, chính người khuyên bảo Vũ thành trở về và sai người áp dẫn sang tận cửa Pha Lũy trao trả bên Đại Việt ta không?

- Tàu bệ hạ đúng như vậy.

- Ta rất cảm kích vì tình thần hữu hảo đó của người. Ta cứ áy náy vì chưa có dịp đền đáp, may quá người lại sang.

Hoàng Bình mừng quýnh vội sụp lạy:

- Thần vô cùng cảm kích vì bệ hạ đã khai ân. Kính chúc bệ hạ muôn năm trường trị.

Lúc này vua mới để ý tới gương mặt Hoàng Bình. Mặt vuông chữ điền, trán cao, lông mày rậm, mắt một mí hơi nhỏ so với cặp lông mày lưỡi mác rậm rì. Y có chiếc mũi đặc cách, nhưng hai gò lưỡng quyền hơi nhọn tựa như phá cách. Môi, miệng tươi, răng trắng mọc đều đặn. Nhà vua ngắm định giá: Người này không phải là kẻ tiểu nhân, nhưng cũng chưa đạt tới bậc quân tử. Vua hỏi:

- Việc người đưa trả Doãn về cho Đại Việt, ta đã biết và đã có sự răn đe đối với Doãn. Nhưng ta muốn biết Vũ thành vương Doãn gặp người, y nói gì?

Gương mặt Hoàng Bình tươi tỉnh hẳn lên, y nói:

- Tàu bệ hạ, khoảng giờ tuất vào một ngày trung tuần tháng bảy năm ngoái, quân vào bầm có bắt được gia đình của một người Đại Việt lên vào đất Tống. Ông ta bảo thuộc dòng dõi thế gia từ Đại Việt sang muốn gặp vị thổ quan phủ Tư Minh.

Thế là thần sai đưa vào công đường tiếp đãi tử tế. Hỏi ra mới biết vương gọi bệ hạ là thúc phụ. Vì có việc bất như ý. Cha mẹ chết cả không còn chỗ dựa, không biết nương tựa vào đâu để tiền thân. Và tương lai cũng mờ mịt lắm. Ông muốn sang nương nhờ đất Tống

rời tìm đường tới Lâm An ^[52] để làm ăn buôn bán.

Thần có nói với vương rằng đất Tống bây giờ hẹp lắm, quân Mông Cổ chiếm gần hết rồi, Lâm An đang bất an, vua Thuần Hựu ^[53] (Tống Lý tông) của chúng tôi cũng đang bối rối không biết chạy về đâu. Quý quốc hiện đang là một nước giàu thịnh, bốn phương an lạc, biên dân của chúng tôi nhìn sang Đại Việt không khỏi mơ ước, thêm thuồng. Vương hãy nghe tôi trở lại cố hương, chớ có đại đang đi đường sáng lại chui vào bụi rậm, hang sâu.

Wương gạt nước mắt mà rằng:

“Ta tưởng nước Trung Hoa của Nghiêu - Thuấn, của Văn Vương, Võ Vương, của Khổng Tử, Lão Tử thường khoe vẫn ôm chứa cả thiên hạ, hóa ra lại không dung nổi một kẻ cùng đường. Ta lầm rồi! Ta bỏ nước ra đi không phải ta chán ghét nước ta, không phải ta phân bội nước ta mà chỉ cảm thấy ở đó ta cô đơn quá”.

Tâu bệ hạ, thần phân giải mãi, thậm chí thần đã phải mượn lời của Khổng Tử để khích vương rằng: “Người quân tử không đến nước loạn”. Mãi mấy ngày sau xem xét mọi sự, hỏi han nhiều người, ai cũng nói: “Nước tôi đang loạn to”. Thế rồi vương mới chịu quay về Đại Việt. Thần có cho quân dẫn đường và trao vương cho viên biên tướng giữ ải Pha Lũy.

Nghe Hoàng Bình tâu báo, vua nghĩ: “Khi nghe quân tâu việc Vũ thành vương Doãn đem cả nhà sang đầu nhà Tống, bị người Tống bắt đem trả lại, ta giận quá. Nay nghe viên tri phủ sự phủ Tư Minh thuật rõ đầu đuôi, ta lại thấy thương Doãn quá”.

Vua y cho Hoàng Bình được phép trú ngụ tại Thăng Long, cấp cho nhà ở, tiền bạc, lại cho bổng để cả nhà y có thể sống sung túc.

Vài ngày sau vua cho triệu Hoàng Bình vào cung hỏi:

- Ta muốn người cho biết đôi điều về nước Tống và cả sự kháng cự của quân Tống đối với quân Mông Cổ. Những điều gì người nhìn thấy và nghe thấy thì nói rõ. Những gì chỉ nghe đồn thì nói rõ. Những điều người tự phỏng đoán cũng nói rõ. Chớ có lẫn lộn, chớ vì muốn làm đẹp lòng ta mà người vẽ rắn thêm chân. Bây giờ người đã là dân của Đại Việt thì phải nói theo cách của người Đại Việt. Tức là không nói quá sự thật, không nói điều mình không biết. Ấy là các đức tính vốn có của người Việt ta. Ta không thích cái lối nói khoa trương của các ông, nói khoác mà cứ như kiểu đình đóng cột. Ví như trận Đương Dương Trảng Bần, quân Tào đuổi quân Lưu Bị. Trương Dực Đức một mình đứng chắn giữa cầu Trảng Bần, quân Tào ngờ có quân phục nên không đuổi theo nữa, thế là từ đấy Trương Dực Đức cứ luôn miệng khoác lác: “Trận Đương Dương, Trảng Bần tám mươi ba vạn quân Tào ta coi như cỏ rác”. Thử hỏi lấy đâu ra tám mươi ba vạn quân trong một trận đánh của nước Tàu thời Tam quốc. Ngay triều bắc Tống khi còn đang thịnh thời, dân đông, quân nhiều thử hỏi có được con số một trăm vạn quân không?

Lại như các tộc Việt ở phía nam sông Trường Giang có được bao nhiêu nào?

Theo ta tộc Việt ở Triết Giang, tộc Mân Việt ở Phúc Kiến, tộc Dương Việt ở Giang Tây, tộc Nam Việt ở Quảng Đông, chỉ có bằng ấy chi tộc Việt thôi mà sử sách các ông gọi là Bách Việt và Triệu Đà là vua của Bách Việt hiện có đền thờ ở Phiên Ngung (Quảng Châu),

hắn người đã biết.

Đó, lối nói thậm xưng, nói khoa đại ta không muốn nghe, Hoàng Bình nhớ chưa?

Hoàng Bình đang cân nhắc cách xưng hô. Bữa trước đã trót xưng “thần” với nhà vua. Nay nghĩ lại, mình là kẻ tị nạn, tư cách gì mà dám xưng “thần”. Vì vậy Hoàng Bình liền đổi cách xưng hô:

- Muôn tâu hoàng đế bệ hạ chí kính, tiểu nhân hiểu ý của hoàng đế bệ hạ rồi ạ.

- Người cứ ngồi ngay ngắn đằng hoàng mà nói. – Vua Thái tông dụ bảo.

- Tạ ân bệ hạ. - Hoàng Bình vừa nói vừa sửa lại mũ áo. - Trước hết tiểu nhân xin nói vùng biên thùy nước Tống trong địa giới lộ Quảng Tây, dân đang đói. Mấy năm nay mất mùa, dân phải vào rừng kiếm ăn. Các đồn biên ải giáp với Đại Việt, quân thú sơ sài lắm. Mỗi đồn tiếng rằng có một đô quân đồn trú, nhưng phần lớn chúng bỏ trốn vì nhớ nhà, vì đói. Dạ, lính cũng bị đói chứ ạ. Còn như quân ở các thành Ung Châu, Quảng Châu đều đồn ra mặt trận chống quân Mông Cổ hết rồi. Hiện nay thành trì trống rỗng, quân không mà lương thảo, khí giới cũng không có.

Hoàng Bình ngược nhìn vua Thái tông, lại nói. – Tâu hoàng đế bệ hạ chí kính đó là những điều mà tiểu nhân mắt thấy tai nghe.

Những điều Hoàng Bình nói xem ra khớp với những gì mà ngoại gián của ta tâu báo về, vua Thái tông nghĩ vậy. Và trong lòng nhà vua đã ngầm tin Hoàng Bình nói thật. Vua lại hỏi:

- Thế còn những điều người nghe đồn thì sao?

- Muôn tâu hoàng đế bệ hạ chí kính, năm ngoái tức năm Bính Thìn (1256) tiểu nhân có người bạn là khách thương từ nước Đại Lý về, nói rằng quân Mông Cổ đã chiếm hết nước Đại Lý rồi. Vua nước ấy là Đoàn Hưng Trí chạy trốn, sau quân Mông Cổ tìm bắt được ở Thiện Xiển. Đoàn Hưng Trí xin đầu hàng và được người Mông Cổ dùng làm tay sai.

Vua Thái tông gật đầu. Quả nhiên những tin tức do Hoàng Bình nghe được đều là sự thật mà trước đó nhà vua đã biết. Ngài liền hỏi:

- Vậy chớ còn gì nữa mà người nghe đồn?

Hoàng Bình cúi mặt về dăm dăm suy nghĩ, dường như y đang tự cân nhắc có nên nói ra điều mình chỉ biết mong manh. Và lại nhà vua đã nói: - Người Trung Hoa có tính khoa đại. Ngài chỉ thích nghe những gì là sự thật.

Như đoán được tâm tư của Hoàng Bình, vua Thái tông nhẹ bảo: - Ta biết, những tin đồn nhiều khi là thất thiệt, nhưng đôi khi cũng là sự thật. Như chuyện người vừa kể về nước Đại Lý là thật đó. Hoặc chuyện các thành Ung Châu, Quảng Châu đều trống rỗng là thật đó.

Nghe nhà vua khích lệ, Hoàng Bình nở mặt nở mày liền hăm hở thưa:

- Tâu hoàng đế bệ hạ chí kính, còn một tin lớn lắm tiểu nhân chỉ được một người bạn có chân tiến sĩ, ông ta bỏ Lâm An, đưa vợ

con về Ung Châu rồi lại đưa về quê quán sinh sống. Ông ta bảo đi lánh nạn. Và có kẻ rằng quân Mông Cổ đang đánh lớn vào toàn cõi đất đai nhà nam Tống. Lâm An sớm muộn gì rồi cũng mất.

- Người có thể nói rõ hơn về tin này, nếu người được nghe kể kỹ hơn. Vua Thái tông cho đây là một nguồn tin quý.

- Muôn tâu hoàng đế bệ hạ, ông ta kể rằng, hiện nay Mông-kha tự mình cầm quân đánh thẳng vào Hợp Châu [54], em ruột của Mông-kha là Hốt-tát-liệt lĩnh đại binh sẽ đánh vào Ngạc Châu [55], đại tướng Ngột-lương-hợp-thai cầm cường binh sẽ đánh qua Đại Việt lấy đường đánh chiếm các thành Ung Châu, Quế Châu [56] rồi tiến thẳng về Ngạc Châu hội binh với Hốt-tát-liệt. Từ đó, quân Mông Cổ hình thành thế bao vây Lâm An và chỉ một trận là chúng có thể vùi chôn cả triều đình Tống Lý tông xuống biển Nam Hải.

Chưa biết tin này thực hư thế nào, nhưng nghe thấy việc quân Mông Cổ sẽ đánh sang Đại Việt để lấy đường đánh tập hậu nhà Tống, vua Thái tông bỗng giật mình. Mặc dù trước đó nhà vua và triều đình đã dự liệu quân Mông Cổ trước sau cũng đánh ta. Vì vậy mới đây nhà vua đã cử vị tướng trẻ Trần Quốc Tuấn làm tiền quân đô thống quan phòng, đem thêm ba ngàn quân tăng viện cho miền biên địa giáp giới nước Đại Lý. Ấy vậy mà khi nghe tin quân Mông Cổ có kế đánh vào nước ta thì nhà vua cũng không khỏi bàng hoàng.

Ngẫm thờ sâu vài hơi để lấy lại sự bình tâm, nhà vua nói với Hoàng Binh đôi lời an ủi:

- Người đến với nước ta là quý. Từ nay người phải tự coi mình là con dân Đại Việt. Ta ghi nhận những điều người vừa nói với ta đều thành thật, ở đời không gì quý hơn là tính chân thực. Bây giờ người về nhà thu xếp chỗ ăn chỗ ở cho yên ổn, còn khó khăn thiếu thốn gì cứ xin với quan đại an phủ sứ của kinh sư. Ta sẽ dụ cho đại an phủ sứ biết việc của người.

Hoàng Binh cung đầu xuống đất lễ ba lễ:

- Tạ ân hoàng đế bệ hạ chí kính. Trọng ân này tiểu nhân xin ghi lòng tạc dạ để đền đáp trong muôn một.

Cho Hoàng Binh ra về xong, nhà vua vẫn nóng lòng chờ ngoại gián của ta đóng giả làm các thương lái, các thầy bói, thầy cúng sang nước Đại Lý và sang cả Lâm An để thăm dò tin tức.

Đêm xuống, vua Thái tông cứ trằn trọc, nghĩ kế phá giặc. Ngài hình dung quân giặc sẽ đi đường nào, ước chừng số quân của chúng, rồi quân ta sẽ cản giặc ra sao, ở những nơi nào, chỗ nào. Tướng nào giữ ở chỗ nào. Ngài tính tổng số quân rồi lại chia ra cho các tướng như thế nào. Càng nghĩ càng thấy rối. Vua gạt các thứ ra ngoài và ngài đi tọa thiền. Chừng một canh giờ sau khi giải thiền, nhà vua thấy như vừa được khai minh. Vua cho rằng, một mình mình nghĩ sao bằng nhiều người cùng nghĩ. Thế là trời vừa rạng sáng, vua sai viên đô vệ úy coi quân long tiệp đi triệu thỉnh các quan văn võ tới chầu tại điện Thiên An. Lại sai triệu cả hoàng thái tử Trần Hoàng và hoàng tử Chiêu minh vương Trần Quang Khải. Bởi các hoàng tử đều đã vào tuổi mười bảy, mười tám, sức vóc cao lớn, văn võ kiêm thông. Cả hai người này đều có tài làm tướng. Vua cũng cho triệu luôn cả Trần Quốc Khang. Quốc Khang tuy không thông tuệ được như hai người em, nhưng cũng là một tướng tài có thể sai khiến được. Vua còn cho triệu thêm cả Nguyễn Hiền.

Lâm triều, vua kiểm diện thấy có đông đủ cả: Thái sư Trần Thủ Độ, thái úy Trần Nhật Hiệu, đô tướng Lê Tần, thân vệ tướng quân Trần Khuê Kinh.

Công bộ thị lang trạng nguyên Nguyễn Hiền khoa thi Đinh Mùi (1247) mới mười ba tuổi, nay đã vào tuổi hai mươi bốn, hai mươi lăm.

Vua quan sát khắp lượt thấy triều đình tràn trẻ sức trẻ. Ngoại trừ thái sư Trần Thủ Độ vừa vào tuổi sáu mươi lăm, nhưng tinh thần, sức lực vẫn còn minh mẫn, dồi dào. Khâm thiên đại vương hoàng đệ của ta cũng chỉ ba mươi ba tuổi. Còn ta cũng mới xấp xỉ bốn mươi tuổi. Quốc Tuấn như thái sư nhận định sẽ trở thành bậc kỳ tướng hiện ta vừa cử đi trấn ải, cũng chỉ hơn Nguyễn Hiền có một tuổi.

Một triều đình từ vua quan đến tướng lĩnh đều trẻ trung đầy nhiệt huyết, thử hỏi việc bảo vệ giang san còn có gì cản ngại.

Khi các quan đã tề tựu đông đủ, vua Thái tông liền nói lại việc quân Mông Cổ đã chiếm xong nước Đại Lý. Đoàn Hưng Trí vua nước Đại Lý sau khi bị bắt đã đầu hàng. Người Mông Cổ giao cho Hưng Trí phải chiêu dụ các dân Thoán, Bặc quy phục sau đó bắt dân Thoán, Bặc phải đăng quân để phục vụ cho người Mông Cổ.

Vua cũng nói lại các tin Hoàng Bình đã tâu báo, rằng quân Mông Cổ chia làm ba mũi tiến đánh nhà Tống, trong đó có mũi đánh vào Đại Việt để lấy đường tiến đánh phía sau quân Tống.

Vua nhìn khắp lượt không thấy ai tỏ ra nao núng khiến lòng thêm vững. Vua nói tiếp:

- Tuy tin này chưa được xác tín bằng đường ngoại gián của ta, song ta chắc nó không xa sự thật. Bởi vậy triều đình phải có ngay kế sách kháng giặc. Muốn đánh giặc phải có quân binh. Nhưng quân cần bao nhiêu là vừa? Nếu ít quá, sẽ rất khó cản giặc, nhưng nếu huy động nhiều quá dân chúng sẽ hoảng loạn, việc làm ăn sẽ dễ bị xáo trộn. Vậy các quan thử bàn xem để rồi ta còn tính.

Vua Thái tông vừa dứt lời, Thái sư Trần Thủ Độ liền xuất ban xin nói:

- Tàu bệ hạ, mấy năm trước bệ hạ đã sai thân đi kiểm kê dân số. Lập sổ ghi danh các tiểu hoàng nam, đại hoàng nam phân làm một loại. Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào về số đình nam này như được cấp độ điệp^[57] xuất gia, được gọi đăng quân, thay đổi nơi cư ngụ hoặc ốm đau bệnh tật qua đời, hoặc trở thành phế nhân đều phải tâu báo rõ ràng danh tính từ hương ấp lên phủ, lộ. Từ đó các lộ hàng năm làm tờ trình gửi về Trung thư sảnh. Lại nữa, ta vẫn dùng chính sách ngụ binh ư nông đã có từ đời nhà Lý, nên thường niên các nông phu trong độ tuổi vẫn phải theo quân tập tành từ một đến hai tháng. Như vậy các nông phu ấy thực chất là các điền binh. Và các vương hầu đều được phép lập phủ binh trong điền trang của mình.

Trần Thủ Độ ngừng lời, ông ngược nhìn nhà vua, lại ngoái nhìn các quan rồi tiếp: - Như thế có nghĩa là ta đã nuôi dưỡng lâu dài một chính sách tận dân vi binh^[58]. Vậy thời khi nước có giặc, bệ hạ muốn huy động bao nhiêu quân mà chẳng được; từ mười vạn đến năm bảy chục vạn quân đều nằm trong tầm tay của bệ hạ. Có điều ta phải lượng định sức giặc sẽ vào cõi mà trừ liệu số quân cũng như sắc quân để đối phó.

Nói xong thái sư lùi hai bước, vái nhà vua một vái rồi ghé ngời xuống chiếc thái sư ý.

Nhà vua nhìn khắp triều quan rồi dừng lại nơi Thái úy Trần Nhật Hiệu.

Thái úy liền xuất ban, vái nhà vua và với về ngật ngừng:

- Tâu bệ hạ, thần nghe nói quân Mông Cổ như quân nhà trời, nó đến bất chợt như từ trời cao tụt xuống vây chặt lấy đối phương, cho ngựa chạy vòng tròn tựa như một vũng nước xoáy hút quân đối phương xuống âm ty. Thần chưa nghe nói dưới gầm trời này có nước nào kháng cự lại được với quân Mông Cổ.

Bởi vậy, quân nhiều hay quân ít đều không thể kháng cự lại được với đám quân kỵ Mông Cổ hung bạo này.

Vốn biết Trần Nhật Hiệu là người bất tài, nhất sợ, nay nước sắp có giặc lại bàn lùi, thái sư Trần Thủ Độ nhú lông mày toan mắng, chợt thấy Lê Tần xuất ban, thái sư vội ghìm lại và dõi theo xem Tần nói gì.

Lê Tần vái nhà vua rồi nói:

- Tâu bệ hạ, theo thần cả nước chỉ cần mười vạn binh với đủ các sắc quân, đánh theo địa hình nào, mùa nào thì dùng quân đó cho hợp. Ví như mùa mưa lụt thì dùng quân thủy, mùa hanh khô thì dùng quân bộ tức quân cung nỏ phối với kỵ binh và tượng binh. Tuy nhiên khi giặc mới tràn vào cõi, thế chúng còn đang mạnh như nước vỡ bờ, cho nên ta phải vừa cản giặc vừa thăm dò. Và nữa nên phục quân ở những nơi hiểm yếu, đánh vào chỗ giặc không ngờ nhất, vừa gây cho chúng hoang mang mà ta lại đỡ tổn sức. Khi đã biết rõ thế giặc mạnh yếu, lúc ấy bệ hạ sẽ tùy cơ mà đánh. Nước ta chỗ nào cũng là rừng rậm, chỗ nào cũng là đầm ngòi sông nước, đó là chỗ mạnh nhất của quân ta, phải dựa vào địa thế đó mà nhân sức quân lên, nhưng đó lại là chỗ yếu nhất của quân kỵ Mông - Thát. Ta nên tránh chỗ quân giặc tập trung đông đúc mà đánh vào những toán quân nhỏ lẻ, đánh phục kích, đánh tập hậu giặc, lại lấy cái sở trường của ta đánh vào cái sở đoản của giặc thì giặc nào cũng phải thua, dù nó là quân Mông - Thát.

Lê Tần nói xong vái nhà vua hai vái rồi lui về chỗ.

Vua lấy làm hài lòng về kế của Lê Tần, ngài gật đầu và ban lời:

- Cao ý của khanh rất hợp với điều ta suy nghĩ. Vậy chớ còn các khanh! Vua cầm cây kim hốt huơ một vòng như muốn hỏi ý các quan.

Tướng Khuê Kinh xuất ban:

- Tâu bệ hạ, đánh giặc cần phải có quân. Việc này thái sư đã nói, ta có thể huy động mười hoặc mấy chục vạn quân đều không khó. Vậy phần quân thì khỏi lo. Đánh giặc cần mưu trí. Mưu như tướng Lê Tần vừa dăng bệ hạ, đó không chỉ là mưu cho một trận đánh mà chính là mưu lược để ta kháng giặc lâu dài. Đánh giặc cần phải có khí thế. Làm sao thổi được khí thế cho ba quân, thổi được khí thế cho muôn dân. Khí thế đây là khí thế bảo vệ giang san nòi giống, bảo vệ lấy tính mệnh và tài sản của chính mình. Nếu binh lính có gan lãn xả vào quân thù mà đánh, muôn dân dốc lòng giữ nước thì chẳng có một quân giặc nào có thể cướp được núi sông ta. Xin bệ hạ xuống hịch kêu gọi muôn dân hãy vì nước mà xả thân giữ lấy nước.

Lời nói của tướng quân Trần Khuê Kinh như thổi vào lòng các quan một luồng sinh khí.

Hoàng thái tử Trần Hoảng dắt tay em là hoàng tử Trần Quang Khải cùng xuất ban. Hai anh em cúi đầu chào vua cha rồi hoàng thái tử Trần Hoảng nói:

- Muôn tâu, chúng con tuy còn nhỏ, nhưng đánh giặc thì không có hạn giới tuổi tác. Vạy xin phụ hoàng cho phép chúng con được tòng chinh giết giặc.

Hoàng thái tử Hoàng năm nay vừa tròn mười tám tuổi, hoàng tử Quang Khải vào tuổi mười bảy. Nom hai hoàng tử khôi ngô tuấn tú, mặt sáng như gương. Hoàng thái tử Hoàng có nét trầm tĩnh dịu dàng. Hoàng tử Quang Khải cao dong, dáng vẻ thư sinh nhưng có đôi mắt sáng như có thần nhãn. Cả hai hoàng tử đều thể hiện một phong thái đĩnh đạc cùng với nguyện vọng cao thượng vừa được nói ra khiến cả triều đình kính nể.

Không khí triều hội bỗng bừng lên mạnh mẽ. Nhà vua nhìn đăm đăm vào hai người con và không khỏi ngỡ ngàng tự hỏi: “Vạy là các con ta đã trưởng thành. Thế mà ta cứ tưởng chúng vẫn còn là lũ thư nhĩ”. Vua gật đầu về hải lòng rồi lấy cây hốt vẩy một cái cho hai hoàng tử an tọa.

Các quan tranh nhau nói, mỗi người một ý, tưng trung là quyết đồng lòng giữ nước, khí thế hùng hực.

Bổng Thái sư Trần Thủ Độ lại xuất ban nói:

- Ý các quan, các tướng ở đây là ý của muôn dân đấy, xin bệ hạ xuống chiếu khích lệ sĩ khí ba quân, khích lệ lòng dân. Nhân đây, ta muốn nói thêm điều này với các tướng. Khi giặc vào đất ta, mỗi bước đi là mỗi bước hãi sợ vì thế chúng phải dò dẫm, còn ta thì bốn phương tám hướng từ núi rừng đến suối sông, đồng ruộng ao hồ còn chỗ nào mà quân ta không thông thạo.

Giặc vào cõi ta khác nào kẻ cướp, kẻ trộm lên vào nhà người khác nên mắt trước mắt sau, luôn luôn sợ chủ nhà thức dậy. Nay ta biết trước thế nào nhà cũng có cướp có trộm, ta tỉnh thức luôn, ta rào giậu cho kín, mài giữa khí giới cho bén nhọn, ta phục chờ đánh nó từ ngoài cổng ngõ hoặc giăng bẫy lừa nó vào mà tóm gọn. Có gì phải sợ, người ngay sao phải sợ kẻ gian, dù kẻ gian ấy là người Tống hay người Mông Cổ thì chúng cũng đều là quân gian cả. Cứ xem Lê Hoàn đánh tan quân xâm lược nhà Tống; Lý Thường Kiệt đánh bại quân xâm lược nhà Tống, ấy là chưa kể trước đó ông còn đem quân đến tận sào huyệt nó mà phá mưu kế cướp của nó. Bài học của tổ tiên còn đó. Nếu ta biết học từ lịch sử cha ông, ta sẽ có sức mạnh gấp đôi.

Trần Thủ Độ đảo mắt nhìn về phía các quan, ông dừng lại nơi Thái úy Trần Nhật Hiệu nói tiếp: - Bài học ấy là giặc xâm lăng vào cõi thì quyết đánh. Đã quyết đánh ắt quyết thắng. Hãy xem con hổ kia dữ tợn như thế, khỏe như thế, sao người thợ săn bắt được nó. Vì họ can đảm nên thắng được nỗi sợ hãi, lại vì lúc nào họ cũng canh chừng nó, nên không đi vào các lỗng nó đón mồi, và rồi họ mưu trí nên hồ lớn hồ bé, hồ đục hồ cái, con thì sa bẫy mà chết, con thì bị tên độc giết chết. Vạy đó, ở đời chỉ có kẻ nhát hèn ngu tối là chết thảm, còn như người can đảm mưu trí đâu có chết thì chết như một bậc anh hùng, tiếng thơm còn lưu dấu mãi trong sử xanh.

Thái sư bỗng ngừng lời, ve vuốt chòm râu dài, sợi đen chen sợi trắng, lại nói: - Tiện đây xin hỏi bên Công bộ, liệu kỳ này các ông đã tạo tác được loại khí giới nào tân tiến mà lợi hại cho quân đánh giặc không? - Vái nhà vua một vái, thái sư nhẹ ngồi xuống ghế.

Vua Thái tông hươ cao cây hốt nói:

- Có một việc có quan hệ đến quân Mông Cổ. Việc này Thái sư cùng một vài vị tướng đều đã biết, song triều quan chưa được biết, nay trẫm nói lại để mọi người cùng biết, rằng cách đây mấy hôm, tức là vào thượng tuần tháng tám này, trại chủ Quy Hóa là Hà

Khuất cho người chạy ngựa lưu tinh về báo tin: “Sắp có sứ Mông Cổ tới Thăng Long”. Hiện trăm đã sai Quốc Tuấn đem quân thủy bộ lên ngăn giữ biên thủy và giúp sức cho các tù trưởng người Man.

Còn việc Thái sư hỏi về tạo tác khí giới, Nguyễn Hiền tâu báo đi. - Vua vừa nói vừa đưa cây hốt chỉ về phía Nguyễn Hiền.

Nguyễn Hiền vừa xuất ban, cả triều quan đều dõi nhìn vị thần đồng mới mười ba tuổi đã đậu trạng nguyên cách đây đúng mười năm. Nguyễn Hiền hướng về phía nhà vua vái hai vái và quay lại vái các đồng liêu một vái để tỏ lòng quý kính. Sau đó Hiền nói:

- Tâu bệ hạ, thần mới về bộ Công được bốn tháng. Thần vừa cùng các cộng sự chế tác được một loại nỏ liên châu có thể cùng một lúc bắn được sáu mũi tên vào một mục tiêu. Hiện nay đang gửi mẫu qua trường bắn Giảng Võ để thử nghiệm, có khiếm khuyết gì cần tu chỉnh, lũ thần sẽ sớm tu chỉnh để rồi còn chế tác hàng loạt cung cấp cho các chùng quân. Thần cũng đang vẽ kiểu chế thử loại song sáo pháo (pháo hai nòng). Dạ, loại đơn pháo ta đã chế tác được từ lâu rồi. Tâu, loại song sáo pháo này chắc không thể hoàn thành sớm được bởi nó phải kết hợp nhiều thứ phức tạp lắm ạ. Tâu, lũ thần sẽ gắng hết sức mình để phụng sự công cuộc giữ nước chống xâm lăng.

Mọi người đang hết sức vui mừng về những điều Nguyễn Hiền vừa tâu báo, bởi với các loại khí giới tân tiến ấy, sức quân ta sẽ nhân lên gấp đôi.

Nhà vua cũng hết sức hài lòng, ngài chưa kịp ban lời khen thì viên đô trưởng túc vệ thượng đô chạy vào sụp lạy:

- Muôn tâu thánh thượng, có sứ giả Mông Cổ xin vào yết kiến bệ hạ.

Vua hơi nhíu mày vẻ khó chịu, ngài phán:

- Sao người không đưa y về nghỉ tại nhà công quán rồi ta cử người ra tiếp.

- Tâu, thần đã làm như vậy nhưng y không nghe, cứ đòi diện kiến bệ hạ.

Vua phẩy tay:

- Cho y vào. Rồi vua nói với cả triều quan: - Các khanh cứ ở lại đây mà xem sứ Mông Cổ.

Một lát sau viên đô trưởng quân túc vệ thượng đô dẫn vào một người nom có vẻ kỳ dị. Dáng hình cục mịch, mặt to, hai lưỡng quyền u lên như hai cục bướu, mắt một mí nom hùm hạp như mí sắp sụp xuống, lông mày đen, thưa, tròng mắt đen ngả nâu, tròng trắng vẫn lên những tia máu, trán thấp, ngắn, mũi tẹt, môi dày, tóc đen xoăn, nước da nâu. Vừa bước lên bậc thềm điện Thiên An nhìn vào thấy triều hội uy nghi, cung điện vàng son lóa mắt y hết sức kinh ngạc, bởi xứ thảo nguyên của y, bậc thiên tử cũng chỉ có chiếc lều lớn làm cung điện, sao đám người man lại được ngự nơi sang quý này. Ngược nhìn sâu vào trong thấy một người dáng vẻ uy nghi mặc áo long cổn, ngồi trên chiếc ngai vàng oai vệ, y tự nghĩ: “Chắc người này là vua xứ An Nam đây. Vậy phải bắt y ra đây nhận chiếu”. Nghĩ vậy, y liền đứng phắt lại nói bằng tiếng Mông Cổ. Tương đây cũng như què hương hãn, thảo nguyên mệnh mang thuận gió và cát, nên y nói mà cả triều đình tưởng y đang gào thét. Đúng là y gào thét bằng thứ tiếng mẹ đẻ của y. Viên sứ giả chỉ muốn nói: “Ta là sứ giả đem chiếu của Đại Hãn đến đây. Người kia có phải là vua nước Nam hãy ra đây lạy chiếu”. Nói xong y lấy tay móc vào chiếc túi đan bằng một thứ da săn tựa như sợi mây của ta, nom nó vừa giống cái ống quyển của các nho sinh lại vừa giống cái túi đựng tên. Y móc từ trong đó một tờ giấy, hai tay nâng lên chờ nhà vua ra tiếp chiếu. Tuy nhiên không ai hiểu điều y nói. Vì vậy y cứ đứng trơ trơ như một thứ cây chết đứng.

Một lát sau, y giậm chân quát thét, toan xông thẳng vào triều nội. Lập tức hai hàng quân giáo guom sáng loáng dựng chéo thành hàng rào ngăn y lại.

Vua Thái tông liền dụ triều quan:

- Mông Cổ là một xứ thảo nguyên, dân sống theo lối du mục, cật có sức mạnh tay chân, hành binh thần tốc nhờ vào vó ngựa, bởi vậy mà đường lễ giáo giao tiếp không có chút gì gọi là văn chất. Nếu các nước không ngăn được quân Mông Cổ vào cõi, ắt phải chịu sự cai trị bằng một thể chế vó ngựa.

Nhân sự lỗ mãng của sứ giả, vua lấy đó làm điều cảnh tỉnh cho các triều quan. Đoạn vua dụ:

- Quang Khải, con thử ra hỏi tên sứ giả kia xem y có biết nói tiếng Hán không?

Vâng mệnh vua cha, Quang Khải liền đi ra hành lang đại điện có mấy người lính túc vệ thượng đô theo sau.

Tới trước mặt viên sứ Mông Cổ, hoàng tử vòng tay thi lễ và hỏi:

- Xin hỏi, sứ giả là người nước nào? Và nữa ngài có nói được tiếng Đại Việt ta hoặc tiếng Hán không?

Viên sứ giả trở mắt nhìn hoàng tử Trần Quang Khải. Thấy dung mạo hoàng tử khôi ngô tuấn tú nhưng vẫn còn trong tuổi thiếu niên. Kê kia cất tiếng cười thô bạo và nói một hơi dài tiếng Hán:

- Ta nghe nói Đại Việt các người nước nhỏ nhưng kiên cường, dám đánh lại cả nước Tống. Nhưng sao quan lại phải dùng đến cả trẻ con. Người lớn nước ngươi chắc chết trận gần hết rồi sao?

Trước khi dịch lại điều đó, Trần Quang Khải đã nghiêm nhìn viên sứ giả nói lời đanh thép:

- Đã biết nước ta kiên cường, sao sứ giả còn dám buông lời vô lễ?

Do biết trước lễ giáo của dân du mục, nên khi nghe lời thông dịch vua Thái tông bình thân phán.

- Con hỏi họ là sứ thần nước nào phải xưng danh, nếu có quốc thư phải đệ trình, và có việc gì cần thương nghị phải tâu báo ngay.

Sau khi nghe Quang Khải dịch lại điều đó, viên sứ giả chỉ tay về phía vua Thái tông hỏi:

- Có phải người ngồi kia là vua nước ngươi không? Sao không bảo y ra đây lạy chiếu thư?

Quang Khải chỉ dịch lại:

- Tâu phụ hoàng, y mời phụ hoàng ra lạy chiếu thư.

Thái tông liền đập tay xuống long án quát:

- Viên sứ giả kia phải quỳ xuống trước khi muốn dâng lời nói với ta.

Nghe Quang Khải thông dịch lại, viên sứ giả cười hô hô và với cử chỉ ngạo mạn hươ chân múa tay, y nói:

- Ta là sứ giả của quan thái sư kinh lược Ngột-lương-hợp-thai đến dụ vua nước Nam sớm đầu hàng, chớ để thái sư phải cất quân đánh dẹp, khiến tôn miếu xã tắc các người trở thành tro bụi. Vua tôi các người khó tránh khỏi nạn rơi đầu. Hãy xem gương nước Nga-la-tu đại bại từ năm Bình Thân (1236) và trở thành thuộc quốc của Đại Hãn chưa? Lại nước Tống hiện nay cũng sắp bị hoàng đế Đại Hãn tiêu diệt rồi. Nước ngươi so với hai nước kia chỉ bằng cái mắt muối thôi, sao dám ương gàn?

Vua Thái tông bình thân phán:

- Đô tướng túc vệ thượng đô, cho quân trói tên sứ giả ngạo mạn kia lại, giam nó trong nhà công quán và chỉ cho ăn đói thôi.

Lập tức quân xông vào trói gô tên sứ giặc rồi dẫn đi, mặc cho y giãy giụa la hét.

Sau đó vua dụ:

- Quân Mông Cổ mưu chiếm nước ta để lấy đường đánh vào sau lưng nhà nam Tống. Nhưng trước khi đánh, chúng cho sứ đến lung lạc, dọa dẫm, nếu ta vì nhát sợ mà dâng nước cho giặc như Đoàn Hưng Trí vua nước Đại Lý, thì giặc không mất một mũi tên, không rơi một giọt máu mà được cái nó mong muốn. Dụ dễ ta không được, sớm muộn ắt giặc phải đánh ta để lấy đường qua đánh nhà nam Tống. Tình thế giặc vào cướp nước ta chắc khó tránh khỏi. Vậy muốn giữ được nước, ta phải lo việc binh, việc lương cho tốt. Đô thống thượng tướng quân ngày mai đến châu tại cung Thủy Tĩnh để cùng ta và thái sư bàn việc chia quân đi trấn giữ các nơi hiểm yếu. Sau đây phải ngay đô tướng Trần Khánh Dư đem một ngàn quân lên ngã ba Bạch Hạc án ngữ tại đó chờ giặc. Nhìn các vương, vua lại dụ:

- Các vương hầu từ lâu đã được phép lập phủ binh, nay phải chấn chỉnh ngay quân sĩ để cùng cả nước đánh giặc. Nên nhớ, quân của các vương hầu khi cần, đô thống thượng tướng quân có quyền điều động, và các vương phải tuân phục chứ không được kháng mệnh.

Nhìn vào cuốn sổ ghi công việc trước long án, vua Thái tông lật mở một vài trang, nhà vua nhìn thái sư, lại nhìn về phía thái úy rồi phán tiếp: - Trung thư sảnh phối cùng phủ thái úy cử người đi kiểm xét trong toàn cõi xem các hương ấp đã lập xong đội điền binh chưa. Nơi nào thiếu khí giới thì mở kho phát cho họ. Bởi số khí giới rèn từ mấy năm nay đã đủ, cung nỏ cũng đã đủ. Các đội điền binh phải tập trung lại để rèn tập kỹ xảo đánh giặc sao cho thiện xảo như các sắc quân thường binh tại các lộ. Trong thời gian tập luyện, nhà nước phát gạo, phát tiền ăn, điền tốt không phải mang tiền gạo của nhà đi nữa.

Nhìn khắp lượt triều quan, vua hỏi:

- Các khanh có còn điều gì tâu báo nữa không?

Các quan ngồi im phắc. Biết công việc nghị bàn đã vãn, vua hươ cây hốt nói:

- Bãi triều!

Các quan lục tục đứng dậy hô:

- Hoàng thượng thiên tuế!

VIII

Quốc Tuấn từ khi nhận mệnh đem quân đi trấn biên thù, đến Quy Hóa tìm gặp các chủ trại Hà Bồng, Hà Khuất, làm lễ trao cho họ sắc vua ban. Các chủ trại hết sức cảm kích, hứa trung thành, nếu quân Mông Cổ sang, họ sẽ không đầu hàng mà tìm cách đánh.

Qua mấy ngày dừng chân, Quốc Tuấn hỏi han họ về địa hình sông núi, nơi nào hiểm trở, nơi nào giặc dễ vào. Và nên phục quân ở những chỗ nào để cản giặc. Nghe họ nói xong, Quốc Tuấn nhờ họ dẫn đi xem không bỏ sót một nơi nào.

Quốc Tuấn thết họ ở trong dinh quân tuy sơ sài nhưng chân thành quý mến họ, nên vài ba ngày chủ, khách dần quen nhau, lại cả quý kính nhau nữa.

Hà Bồng mời Quốc Tuấn đi săn nai, săn hoẵng. Không biết họ quý hay họ thử tài thiện xạ của ông tướng triều đình mà cứ hễ gặp thú, họ đều mời Quốc Tuấn bắn trước. Và mỗi khi vị tướng của triều đình giương cung lên thì không một con thú nào chạy thoát, vì Quốc Tuấn thuần bắn vào chỗ hiểm.

Vào một bữa vừa uống rượu vừa xèo thịt nai nướng bên đồng lửa cạnh bờ suối, rượu vào lời ra thật là thoải mái, chân tình. Chủ trại Hà Bồng nhìn Quốc Tuấn rồi hỏi:

- Ông tướng à?

- Gì vậy trại chủ? - Quốc Tuấn hỏi lại.

Lại nhìn Quốc Tuấn như để đo lường, Hà Bồng hỏi thẳng:

- Ông tướng có sợ quân Mông Cổ không?

Lóng ngóng tìm chỗ đất bằng để đặt bát rượu nhưng không có chỗ nào bằng phẳng, Quốc Tuấn bèn ngửa cổ tu một hơi cạn hết rồi nói:

- Ta nghe nói quân Mông Cổ tàn ác, thiện xảo, ngựa Mông Cổ chạy nhanh như gió. Ta có thể ví một tên kỵ binh Mông Cổ với một con ngựa Mông Cổ bằng với một con hổ dữ, đúng không? - Quốc Tuấn gạn hỏi.

- Úi a, ông tướng nói đúng đấy! Nó nhanh, nó khỏe, nó ác đúng bằng một con hổ đấy. - Chủ trại Hà Khuất nói.

- Úi a, nó không bằng con hổ được đâu. Con hổ chỉ lao một bước là chặn đầu ngựa lại ngay. Nó tát một cái là đứt cổ ngựa, rồi nhোঙ một cái là nó lồi được cả tim gan thẳng Mông Cổ ra thôi ông tướng ạ.

- Được rồi, cứ cho là nó gần bằng con hổ nhé, Quốc Tuấn gặng hỏi.

- Đúng rồi! Ông tướng nói đúng, thằng Mông Cổ với cả con ngựa của nó chỉ khỏe và ác gần bằng con hổ thôi! - Cả hai vị chủ trại đều thừa nhận.

Quốc Tuấn mỉm cười, ông lấy hai tay nâng chiếc dây đeo cổ của chủ trại Hà Bồng đếm được bảy cái vuốt hổ; lại nâng chiếc dây đeo cổ của chủ trại Hà Khuất đếm được sáu cái vuốt hổ. Và với giọng nghiêm trang ông nói: - Một thằng Mông Cổ với con ngựa của nó chỉ gần bằng một con hổ, thế mà hai ông đã giết được những mười ba con hổ. Vậy thời các ông có sợ thằng Mông Cổ nữa không? Quốc Tuấn nhìn thẳng vào mắt hai viên chủ trại hỏi. Và gắng thêm: - Vậy thời có giết được thằng Mông Cổ khi nó vào cướp nước mình không?

- Không sợ thằng Mông Cổ! - Hà Khuất nói.

- Giết được thằng Mông Cổ! - Hà Bồng nói.

Quốc Tuấn biết ông đã làm cho hai viên chủ trại không còn sợ quân Mông Cổ nữa. Và bây giờ là việc bày cho họ cách đánh quân Mông Cổ như thế nào khi nó tràn vào bờ cõi.

Quốc Tuấn muốn nói chuyện đánh giặc vào lúc khác, còn bây giờ hãy để cho họ vui.

Sớm hôm sau sương còn giăng trắng rừng, Quốc Tuấn còn đang luyện đao ở phía sau trại thì viên đô tướng chạy lại thưa:

- Bẩm chủ tướng, có hai ông chủ trại xin được gặp chủ tướng.

- Có phải hai người hôm qua không? - Quốc Tuấn hỏi lại.

- Bẩm đúng ạ.

Quốc Tuấn mừng thầm: - Vậy là họ đã tin ta rồi đây.

Ông ghé tai dặn viên đô tướng một số việc, trao cho y cất cây đao, sửa lại nếp áo rồi ra mời hai viên chủ trại vào trong trướng, tự tay rót nước mời họ.

Đặt chén nước xuống mặt kỹ, Hà Bồng nói:

- Ông tướng à, chúng tôi không sợ quân Mông Cổ đâu. Hễ nó vào là chúng tôi đánh nó như đánh con hổ đấy. Ông tướng bày cho chúng tôi cách đánh nó đi.

Hà Khuất cũng nói chen vào:

- Ông tướng cứ bày cách đánh quân Mông Cổ cho chúng tôi, để chúng tôi còn dạy đám trai bản biết cách đánh quân Mông Cổ nữa chứ.

Quốc Tuấn chưa bày cho họ cách đánh vội mà hỏi xem cách họ đào hố bẫy hổ thế nào, hóa trang thế nào, đặt con mồi thế nào để hổ không ngờ. Lại hỏi cách rình hổ, theo hướng gió nghe mùi hổ, tìm vết chân hổ và nấp ở đâu để mình thấy được nó mà nó không thấy được mình, và khi đã bắn là chính xác, là bắn vào hổ chứ không bắn vào người mình.

Sau khi nghe họ nói về cách đánh hổ xong Quốc Tuấn nói:

- Đánh quân Mông Cổ chẳng khác gì đánh hổ đâu. Trước hết là không sợ nó, mọi người cùng một lòng đánh nó. Tiếp đến là phải lừa được nó để nó yên tâm rằng không có ai rình rập nó. Rồi nữa là bất ngờ đánh nó, tất ta sẽ giết được nó.

- Đúng! Ông tướng nói đúng. Đánh quân Mông Cổ phải như đánh hổ thì mới thắng.

Quốc Tuấn nhìn hai gương mặt quắc thước, hai thân hình chắc nịch như hai thân gỗ lim thuần lõi của hai viên trại chủ, ông đặt niềm tin vào nơi họ và nói:

- Bây giờ ta lại nói để các ông biết, hổ chỉ sống riêng lẻ từng con một nên ta dễ tránh nó, lại dễ rình để săn, bẫy nó, nhưng quân Mông Cổ thì không ít như hổ đâu. Nó đã đi là đi cả một lũ đông như kiến, cả nghìn thẳng lính Mông Cổ với cả nghìn con ngựa chiến cao to gấp đôi giống ngựa của ta. Có khi nó còn đông hơn nữa, tới cả vạn tên quân, vạn con ngựa chiến. Khi một đoàn kỵ binh lớn như vậy đi qua, nó có thể xéo nát tất cả những gì dưới chân nó. Vậy nếu có một đoàn quân Mông Cổ như thế tràn vào bờ cõi ta, các ông có sợ không? - Quốc Tuấn liếc nhìn xem gương mặt hai vị trại chủ có đổi sắc.

Quả nhiên gương mặt hai vị hơi ửng đỏ. Ấy là vì sự tức giận chứ không phải nỗi sợ hãi dấy lên.

- Không sợ! - Hà Bồng nói.

- Nhưng nó đông thế, đánh bằng cách nào? Hà Khuất hỏi. Ông tướng chỉ cho chúng tôi cách đánh quân Mông Cổ khi nó vào đông như kiến. Mình dám đánh mà, không sợ nó đâu.

- Từng con hổ một ta đã có cách đánh rồi đúng không? - Quốc Tuấn hỏi.

- Đúng! - Cả hai vị đầu mục cùng đáp.

- Vậy bây giờ ta bàn cách đánh cả bầy hổ, Quốc Tuấn lại nói. Ta không có cách gì bắt được cả một bầy hổ, vì khi nó cùm lại với nhau, nó có một sức mạnh phi thường. Vậy muốn đánh nó, ta phải tách nó ra thành từng con hổ, từng cụm vài ba con hổ, tức là phải “điệu hổ ly sơn” mà đánh. Các ông hiểu ý ta chứ?

- Hiểu! Nhưng làm thế nào để tách nó ra khỏi bầy đàn? - Chủ trại Hà Bồng băn khoăn hỏi.

- Có nhiều cách đánh lắm, ta chỉ nói một vài cách, chắc rồi các ông sẽ tìm ra nhiều cách đánh hơn là ta nói.

Quốc Tuấn giơ hai cánh tay vòng thành một vòng tròn - Ta ví trại quân Mông Cổ đóng như thế này, ắt chúng phải cắt từng toán quân nhỏ đi tuần quanh trại quân suốt ngày đêm. Quân Mông Cổ có thói quen cưỡi ngựa và biết điều khiển ngựa từ khi nó mới bốn, năm tuổi. Vì vậy hề thấy ngựa Mông Cổ ắt thấy quân Mông Cổ. Nếu muốn đánh bọn tuân canh này, các ông phải cho người nấp rình xem cách chúng đi như thế nào. Mỗi toán có mấy đứa. Toán nọ đi cách toán kia bao lâu. Một vòng của nó có mấy toán đi. Và bao lâu thì chúng lại đổi phiên.

Khi đã nắm chắc rồi thì sẽ đánh vào toán cuối cùng khi nó sắp đổi phiên. Lúc đó quân mới chưa ra khỏi trại, mà quân tuần tiểu đã vào trại gần hết chỉ còn một toán cuối cùng. Bị đánh bất ngờ như vậy ắt giặc sẽ hoảng loạn. Các ông nên nhớ, người lính Mông Cổ ngồi

trên lưng ngựa, nó là một mục tiêu di động. Ngựa đi chậm nhất là nước kiệu. Nhưng chớ thấy động, kỵ sĩ nó sẽ nằm rạp trên mình ngựa mà phóng đi, hoặc nó ngã người về phía sau, hoặc nó rơi người về phía sườn ngựa bên tả hoặc bên hữu để dùng thân ngựa hứng đỡ tên đạn. Cho nên nếu đã bắn vào nó là phải tập trung cả chục cây cung, nó thật cứng bản cho nó chết ngay trên lưng ngựa từ loạt tên đầu. Nếu như mỗi toán của nó có ba hoặc năm tên giặc, ta cũng phải ém số quân cách quãng ra, nhưng chỉ rõ chỗ nào bắn đũa đi đầu, chỗ nào bắn đũa thứ hai cho đến hết. Nhưng ngay loạt tên đầu tiên của quân phục bay ra là diệt gọn cả toán quân giặc, khiến chúng chết mà không hiểu vì sao chết, không biết quân từ đâu đến đánh chúng.

Quốc Tuấn nhìn hai đầu mục mỉm cười - Các ông mà đánh như vậy thì quân Mông Cổ chứ quân nhà trời cũng không trốn chạy được.

Hà Khuất hỏi:

- Ông tướng cho kế hay lắm. Như vậy tức là ta chỉ bắn thẳng giặc thôi chứ không bắn vào ngựa của nó.

- Ấy là ta nói với các ông khi đánh quân tuần tiễu. Còn như quân giặc hành quân hàng dọc trên đường trường, ngựa nó sai vó phi nước đại, các ông cho quân phục bắn vào một con đi giữa hàng, nó chết lăn quay ra đường, những con đi sau đang đà chạy cứ thế xô vào nhau, giẫm đạp lên nhau, cả ngựa và người đều chết không biết đầu mà kể xiết.

- Úi a, ông tướng giỏi quá! - Chủ trại Hà Bồng kêu lên.

- Tướng của triều đình giỏi thật. Chúng tôi sẽ học mưu của ông, - chủ trại Hà Khuất nói.

Chủ, khách đang say sưa bàn kế đánh giặc thì viên đô tướng vào bẩm:

-Tiệc đã bày xong, xin chủ tướng mời khách.

Quốc Tuấn liền đứng dậy, vòng tay nói:

- Hoàng thượng sai ta lên trấn biên thù, nhưng phải qua Quy Hóa để bàn bạc với các ông kế sách đánh giặc khi nó vào xâm phạm cõi bờ ta. Và hoàng thượng cũng sai ta phải thay người mời rượu các ông để kết tình giữa triều đình với các trại chủ và dân chúng vùng biên trấn.

Hai viên chủ trại xúc động không nói được thành lời cứ líu ríu hai chữ: “Cảm tạ! Cảm tạ!”.

Quốc Tuấn dẫn hai người vào tiệc rượu.

Vừa trông thấy mâm cỗ bày đẹp đến hoa cả mắt, mùi thơm bốc lên với đủ các hương vị mà các đầu mục ở đây dù giàu có nhưng quã là lần đầu tiên được nhìn thấy một thứ cỗ bàn sang quý đến lạ thường.

Quốc Tuấn lấy ra một nậm rượu hình bệch như một củ hành, men nậm màu ngọc bích, nút đậy kín có dán giấy niêm phong với hai chữ “ngự tửu” là loại rượu chuyên dành cho vua uống.

Tướng quân đặt nậm rượu trước hai vị trại chủ nói:

- Đây là rượu ngự ban. Hoàng thượng sai ta đem lên thết các ông.

Hai viên trại chủ nhìn rõ dấu niêm phong có hai chữ “ngự tửu” lại nghe nói hoàng thượng sai đem lên thết hai vị. Hai người rung rung cảm động cùng đứng lên vái chiếc nậm ba vái.

Hai tay Quốc Tuấn bung nậm rượu trao cho Hà Bồng và nói:

- Trại chủ là người lớn tuổi nhất ở đây, xin ông mở nút.

Hà Bồng liền đáp:

- Tướng quân là mệnh quan của triều đình, xin tướng quân cứ tự tiện.

Quốc Tuấn nói hết sức nghiêm trang:

- Hoàng thượng ban đặc ân cho hai ông, ta sao dám tự tiện.

Nghe vậy Hà Bồng mới đón lấy nậm rượu. Ông sung sướng đến nghẹn lời. Quay lại phía Hà Khuất, ông bảo:

- Hoàng thượng ban ngự tửu cho ta và ông, vậy thì cả hai cùng mở. Ông cầm nậm, ta mở nút, hay ông mở nút, ta bê nậm?

Hà Khuất đưa hai tay ra đỡ lấy nậm rượu và nói:

- Bác hơn tuổi để bác mở, tướng quân đã nói thế rồi mà.

Hà Bồng nhẹ gỡ giấy niêm phong rồi xoay nút. Nút vừa bật, mùi thơm xộc vào mũi mọi người. Ai nấy cánh mũi đều phập phồng.

Rượu được rót ra ba chiếc bát nhỏ cao thành, ngoài tráng men nâu trong tráng men ngà, nước rượu trong như nước mưa.

Quốc Tuấn hai tay nâng bát rượu lên ngang mày. Hai vị trại chủ cùng làm theo. Quốc Tuấn nói:

- Chúng thần tạ ân hoàng thượng!

Hai trại chủ nhắc lại y hệt.

Quốc Tuấn lại hô:

- Kính chúc thánh thượng vạn an!

Hai trại chủ đồng thanh nhắc lại.

Ba người ăn uống nói cười thật là vui vẻ. Quốc Tuấn mời các trại chủ ăn từng món như hải sâm, bóng cá, chim tần... món nào với hai vị trại chủ cũng là lần đầu được ăn cả, nên họ hết từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

Biết chắc hai trại chủ đã cột tâm với triều đình, Quốc Tuấn muốn nhờ họ một việc mà theo ông nếu làm được thời đó là cơ may

lớn cho công cuộc chống quân Mông Cổ sắp tràn vào xâm lấn cõi bờ ta. Vì vậy, ông đã bằng mọi cách để họ thật sự tin, qua đó ràng buộc họ với triều đình và chính họ cùng với dân Man sẽ là phen giàu vững chắc nơi biên cương. Thật ra chỉ có người dân tự ý thức được trong việc giữ gìn cương thổ, thời đó mới là bức tường thành bất khả xâm phạm, chứ triều đình lấy quân đầu rài khắp biên thùy dài tới cả ngàn dặm này. Nghĩ vậy, ông tự tay rót thêm rượu vào bát cho hai vị đầu mục và hỏi:

- Các ông có biết đây là rượu gì không?

- Ngự tửu vua ban cho mà, - Hà Khuất đáp.

Quốc Tuấn cười:

- Đúng là rượu vua ban, nhưng nó là loại kim cúc thượng hạng đấy. Rượu này hạ thổ tới cả chục năm rồi.

Hai trại chủ xuyết xoa cảm động. Thực ra đây là rượu vua ban riêng cho Quốc Tuấn, nhưng tính ông nghiêm cẩn, trong quân doanh không bao giờ ông uống rượu. Lại nhân việc nhà vua dặn phải: “Về về các trại chủ người Man”, thế là ông nghĩ ra bữa tiệc này. Và còn vì có nậm rượu làm cái cớ để họ thấy họ được vua yêu trọng. Khi biết họ đã thực lòng, Quốc Tuấn liền hỏi:

- Các ông có làm cách nào cử được người sang nước Đại Lý thăm dò rồi lại trở về an toàn không?

Cả hai viên trại chủ cùng cười và đáp:

- Việc ấy dễ thôi mà, dân tôi ngày nào chẳng sang bên đó mua bán. Bên nó có hỏi han gì đâu. Ông tướng cần gì cứ sai bảo.

- Nhưng ta muốn vào tận Thiên Xiển để dò thăm, liệu có được không?

- Được chứ, mình muốn tới đâu mà chẳng được. Dân tôi nom cũng hao hao dân nó. Dân tôi cũng biết nói cả tiếng của nó nữa đấy. Triều đình cần gì, ông tướng cứ sai bảo. Nếu lo người khác không làm được thì chúng tôi đi cũng được. Sợ gì mấy cái dân Thoán dân Bạc ấy.

- Vậy thời mai ta sẽ nói điều ta cần, để các ông tìm người tới đây ta trao việc.

- Được thôi mà, ông tướng muốn sai việc gì cũng có người làm ngay.

- Nhưng có phải ông tướng nhờ làm việc này cho hoàng thượng ở Thăng Long không? - Hà Bổng hỏi.

- Đúng rồi, hoàng thượng sai ta nhờ các ông đó.

- Nếu hoàng thượng đã sai thì dẫu có chết chúng tôi cũng không ngại.

Cả hai vị đầu mục đều tỏ lộ lòng trung.

Lại nói tại Thăng Long và các lộ, những đội dân binh, điền binh mới lập nhiều vô kể, nơi nào cũng hào hứng tập luyện, khí thế cả

nước hùng hực như sắp xông vào trận đánh.

Bữa nọ vua Thái tông ghé cung Thủy Tinh thăm quốc mẫu và quốc phụ.

Thấy nhà vua đến bất chợt, Thái sư Trần Thủ Độ và phu nhân Trần Thị Dung vội ra nhà tân khách cung nghinh.

Trần Thủ Độ gơ tay vái:

- Chẳng hay có điều chi sai khiến mà thiên tử phải ngự giá đến nhà thần đây?

Vua Thái tông cười nhưng không giấu nổi vẻ suy tư, nắm tay Thái sư, vua nói:

- Cháu đến thăm cô chú thôi không có vua chúa nào ở đây cả. Sao ít lâu nay chú cứ hay giữ lễ một cách thái quá. Đã bảo lễ là ở chốn triều trung, còn ở nhà phải theo gia đạo chứ.

Trần Thủ Độ vuốt râu cười khà:

- Chẳng là người già hay thất thố nên phải dùng lễ để che đậy sự vụng về đó thôi. Rồi ông hỏi: - Ta chắc bệ hạ đang có điều gì khó nói, khó xử đây, việc nước hay việc nhà, chú cháu ta cứ thẳng thắn bàn bạc, tuy vậy đầu óc, sức lực chú cũng còn tạm dùng được, chưa phải là đồ bỏ đâu.

- Chú đã nói thế thì cháu cứ xin nói thẳng. Mới đây Khu mật viện có mật tâu với cháu rằng: “Quốc mẫu tích chứa đồ khí giới và lương thực nhiều lắm. Chẳng hay việc đó chú có biết không?”.

Nghe nhà vua hỏi bất ngờ về những tội đáng tru di, Trần Thủ Độ hết đổi kinh ngạc bèn cho triệu phu nhân ra và nói lại điều nhà vua vừa hỏi.

Phu nhân vừa bôm bẻm nhai trầu vừa nói:

- Tôi đang sửa soạn đồ nhắm rượu cho chú cháu ông đây. Đào ôi, cái chuyện vật ấy tôi tự làm đấy, có gì mà ông với nhà vua phải sẫm soi vào chút việc riêng của mẹ này.

Thái sư giậm chân về nhãn nhó:

- Tích trữ lương thực, khí giới là việc mưu phản đấy, tội đáng tru di bà không biết sao. Tại sao bà làm việc này? Làm để làm gì mà bà giấu tôi?

Phu nhân đồng dặc đáp lời:

- Thế ông định chạy tội sao?

Nghe phu nhân nói, cả nhà vua và Thái sư đều tái mặt đi.

Nhà vua thăm lo: “Ông chú mưu phản sao? Vô lý!”. Còn Thái sư thì vô cùng kinh ngạc. Lấy lại sự bình tâm, Trần Thủ Độ hỏi:

- Vậy chớ đầu đuôi thế nào, vì sao bà làm như vậy? Có nhà vua đây, bà cứ nói thực đi.

Nhà miếng bã trầu vút thẳng xuống thêm với vẻ bức tức, phu nhân nói:

- Ông có nhớ năm ngoái, sau phiên châu về ông nói nhà vua hạ chiếu cho cả nước rèn đúc khí giới, tích trữ lương thảo, lo kháng giặc. Tôi hỏi ông giặc nào? Ông bảo quân Mông Cổ. Lại nói quân Mông Cổ hung bạo, để nó vào cõi thì nó tàn sát sinh linh không biết đầu mà lừng. Thấy chú cháu ông lo, tôi phải xuất vốn riêng ra, mua cất giấu đi để rồi tiếp tế cho quân chứ tôi mua giáo mua gươm để giết ai.

Nghe phu nhân nói, cả nhà vua và Thái sư đều thờ phào.

- Giỏi! Bà giỏi quá. Bà mới thật là một người ái quốc thâm lặng. Nhưng sao bà không nói với tôi một lời, biết đâu tôi chẳng giúp được bà.

Phu nhân bĩu môi.

- Đào ôi, lúc nào ông cũng chỉ biết đến công việc. Có bao giờ ông chịu ngồi nhà trò chuyện với mụ này đâu. Và lại, việc ai người ấy lo.

- Thế bà đã tích chứa được nhiều chưa?

- Vốn riêng của tôi chứ có phải quốc khố đâu mà có nhiều. Khí giới tôi chắc cũng đủ cho mười mười lăm đô quân, còn lương thực không quá hai nghìn phương thóc. Thôi cũng gọi là một chút phận sự chung lo với nước; tôi cứ ngỡ nước là của mọi người, của mọi nhà nên làm vậy, ai dè như thế lại mắc tội tru di. Hóa ra nước lại chỉ của nhà vua, của triều đình, của chú cháu ông. Ai muốn yêu nước đều phải trình báo, bây giờ tôi mới ngộ ra điều đó.

Cứ xem việc bà làm, lời bà nói, nhà vua thâm nghĩ: “Bà cô, ông chú quả là những người bèn nhạ và có bản lĩnh. Nếu nói vương triều này được tạo ra từ hai con người này cũng chẳng có gì là quá đáng”.

Với cử chỉ làm lạnh, Thái sư vừa vuốt râu vừa cười hề hề, ông nói như phân bua:

- Nhà vua thì hỏi việc tích chứa khí giới, lương thực, còn bà thì lại bảo tôi “định chạy tội”, nghe thế ai mà chẳng khiếp. Vậy đó, tâu hoàng thượng, việc đã rõ ràng, xin bệ hạ tha tội.

Vua Thái tông vui vẻ dàn hòa:

- Thừa quốc phụ, quốc mẫu, các cơ quan then máy quốc gia, thấy việc gì hơi lạ là người ta phải canh chừng rồi tâu báo lên. Nay sự việc đã rõ như ban ngày, nhân danh triều đình xin ban tặng quốc mẫu mỹ danh: “Ái quốc khả phúng”.

- Kia, bà không tạ ân hoàng thượng đi. Thái sư giục phu nhân.

Phu nhân không nhận, cũng không cảm tạ mà còn nói chọc.

- Chú cháu ông trị nước giỏi thật đấy. Hình pháp gì mà cứ thay đổi xoành xoạch, vừa tuyên án tru di đã tôn vinh ái quốc.
- Bà thật là đão đẽ, thái sư nói. - Vậy chớ bà bảo làm đồ nhắm cho chú cháu tôi sao mãi không thấy đem ra?

Phu nhân nguýt dài:

- Trị nước đã dở lại còn hạch sách đòi ăn.

Nói rồi phu nhân đi vào nhà trong. Mùi xào nấu bay ra thơm phức.

Hai chú cháu nhà vua nhìn nhau mỉm cười.

Vua Thái tông nói:

- Thưa chú, Quốc Tuấn mới có thư về.

- Thế à, biên thùy có bị uy hiếp nghiêm trọng không?

- Dạ, Quốc Tuấn chỉ nói quân Mông Cổ ở nước Đại Lý do tướng Ngột-lương-hợp-thai cầm đầu đã chiếm xong nước ấy, chiêu hàng Đoàn Hưng Trí vua của Đại Lý. Hưng Trí đã tập hợp được một đội quân năm vạn gồm người Thoán, người Bạc đặt dưới quyền sai khiến của Ngột-lương-hợp-thai.

Vị tướng Mông Cổ này đã đưa sứ sang Đại Việt để thuyết hàng mà chưa thấy sứ đem hồi âm về. Nay mai chắc y sẽ cử tiếp sứ vào Thăng Long. Bởi bằng mọi cách Ngột-lương-hợp-thai phải đánh được Đại Việt mới có đường tập hậu nhà nam Tống. Hiện Mông-kha đang tự cầm quân tiến đánh Hợp Châu, Hốt-tát-liệt tiến đánh Ngạc Châu, Ngột-lương-hợp-thai sẽ phải đánh vào Đàm Châu rồi tất cả đều hội quân ở Ngạc Châu và từ đây sẽ chia binh đi đánh Lâm An, chỉ một trận là diệt gọn triều nam Tống, thu phục toàn cõi Trung Hoa.

Thưa chú, Quốc Tuấn còn cho biết thêm rằng Ngột-lương-hợp-thai quyết đánh Đại Việt để lấy đường thông sang Ung Châu mà vào Đàm Châu, nếu không y sẽ phải đi đường Quý Châu ^[59] rất hiểm trở và vô cùng khó khăn.

Nhà vua ngừng lời. Gương mặt ngài đang biểu hiện một sự lo lắng.

Thái sư lên tiếng:

- Từ khi Quốc Tuấn chưa lên trấn biên thùy, thần và bệ hạ đều nhận định quân Mông Cổ trước sau cũng xâm lấn nước ta. Nay cứ theo như ý trong thư Quốc Tuấn thì quân Mông Cổ sắp vào cõi ta đây. Vậy bệ hạ định khu xử việc này ra sao?

- Thưa chú, giặc đến thì đánh thôi. Về ngập ngừng, nhà vua lại tiếp: - Cháu chỉ sợ đánh không thắng nó thì nó tàn sát sinh linh không sao xiết kể. Cháu chỉ thương đám lê dân thôi.

Thái sư “hừm” một tiếng:

- Thương dân sao bằng thương nước. Nước mất lấy ai đứng ra che chắn cho dân. Thần biết bệ hạ hiểu Phật nên giàu lòng từ ái.

Nhưng nên nhớ, Phật không chỉ dạy: Đại từ, đại bi mà Phật còn dạy: Đại hùng, đại lực, đại trí nữa.

Vậy thời tâu bệ hạ, với kẻ đại ác, đại gian thời phải đem đại hùng, đại lực ra mà trị nó chứ. Có như thế mới bảo vệ được đám lê dân của bệ hạ, mới bảo vệ được Phật pháp chứ. Làm được điều đó chính là đại trí đấy.

Thái sư vừa dùng lời, nhà vua bèn đứng dậy vái hai vái:

- Thưa chú, điều chú vừa dạy đã làm cháu ngộ ra. Từ ái với kẻ gian ác chính là si đó. Cháu sẽ quyết cùng muôn dân xả thân vì nước. Và tới lúc này, chú vẫn là cây cột cái của nước chưa ai có thể thay thế được đâu.

- Bệ hạ đừng nói thế mà chú tui. Thân già rồi, lực bất tòng tâm. Bệ hạ giữ ngôi chủ tể, mấy chục năm qua, người làm cho dân giàu nước thịnh chẳng phải bệ hạ còn ai vào đây nữa. Bệ hạ chẳng thấy người điều hành đất nước tựa như người điều khiển một con thuyền sao, lúc sóng yên biển lặng chẳng nói làm gì, nhưng khi gặp sóng to gió lớn thì phải cứng tay lái, vững tay chèo thời thuyền mới không bị lật.

- Cháu hiểu ý chú. Cháu quyết không phụ lòng chú, không phụ muôn dân.

Vừa lúc đó có viên đô tướng coi quân cấm vệ chạy vào cung Thủy Tĩnh, rạp đầu trước thềm nói lớn:

- Tâu bệ hạ có sứ Mông Cổ từ nước Đại Lý vào.

- Hiện sứ đang ở đâu? - Vua hỏi - Sao không đưa họ vào nhà công quán? - Vua lại hỏi.

- Tâu bệ hạ, người sứ ấy đang đứng trước cửa điện Thiên An, nằng nặc đòi gặp bệ hạ để đưa chiếu dụ của vua nước họ.

- Sao người biết điều đó?

- Tâu bệ hạ quan trạng Nguyễn Hiền ạ.

- Vậy chớ Nguyễn Hiền đang đứng cùng viên sứ thần đó trước điện Thiên An à?

- Tâu bệ hạ đúng như vậy.

Nhà vua như cân nhắc rồi quay về phía Trần Thủ Độ hỏi:

- Thái sư có cho phép viên sứ giả Mông Cổ tới đây để hỏi chuyện nó không?

- Bệ hạ muốn tiếp nó ở đâu mà chẳng được. Ở đâu mà chẳng phải đất của nhà vua, có điều thẳng Mông Cổ này cũng chẳng khác thẳng bị bệ hạ sai tổng giam hỏi thẳng trước đâu.

Vua liền phán:

- Người ra nói Nguyễn Hiền dẫn sứ về nhà công quán. Và bảo Nguyễn Hiền nói cho sứ biết, ta sẽ cứ người tiếp và phải trình điệp văn của vua nước họ. Người cho quân đi kèm, nếu sứ tỏ ra vô lễ thì cương trối nó lại đưa về giam tại nhà công quán, cho ăn nhưng không

cho rượu, thịt. Và nhớ không được hành hung, nhục mạ người ta.

Viên đô tướng nói lại Nguyễn Hiền các điều vua vừa dụ bảo. Nguyễn Hiền liền nói với viên sứ Mông Cổ:

- Quốc vương sai tôi tiếp ông. Vậy xin mời ông về nhà công quán, nơi nước tôi thường tiếp các sứ thần ngoại quốc.

Viên sứ Mông Cổ trừng mắt quát:

- Ta đã bảo, ta chỉ gặp vua của các ông thôi. Vua của các ông phải mở cửa đại điện tiếp chiếu của thiên tử và phải quỳ lạy chiếu thư.

Nguyễn Hiền nhếch mép cười mỉa, nhưng ông vẫn điềm đạm nói với sứ:

- Ông là người được phái đi sứ, chức tước chắc chỉ vào hàng thị lang, còn ta là sĩ đại phu, cả chức tước và chữ nghĩa đều ở trên ông, nhưng nhà vua vẫn cử ta tiếp ông. Vậy là vua nước ta đã gia ân cho ông rồi đấy. Tốt nhất ông hãy theo ta về nhà công quán.

Viên sứ giả bèn nổi nóng quát:

- Ta đã nói thế nào là đúng như thế, nếu vua nước ngươi không mở cửa đại điện, không đích thân ra tiếp ta thì Đại Hãn sẽ cho binh tới làm cỏ kinh thành này, đào xới gò má tổ tông các ngươi, dân các người sẽ không còn một mống nào sống sót.

- Câm miệng ngay! - Nguyễn Hiền quát. Nước ta là nước văn hiến, có kỷ cương lễ luật, ngươi không thể đem cái thứ văn hóa súc vật đến đây mà dọa nạt. Ngươi có biết mới tháng trước cũng có một đũa như ngươi tới đây, cũng hồng hách như ngươi đã được quốc vương ta tiếp thế nào không?

Sứ giả Mông Cổ há hốc mồm ra, về kinh ngạc:

- Vậy chớ các người dám vô lễ với thiên sứ của Đại Hãn. Ta không ngờ dưới gầm trời này lại có kẻ dám cưỡng mệnh của đại hoàng đế Mông-kha.

Nguyễn Hiền không tiếp lời viên sứ Mông Cổ nữa, ông quay sang nói với đô tướng:

- Ông cho quân dẫn nó về nhà công quán, các việc ăn uống như hoàng thượng đã dụ. Ba ngày sau, ông cho hai đũa nó trông thấy nhau rồi bắt nó quay về chỗ cũ, không cho chúng giao tiếp với nhau.

Nguyễn Hiền quay lại nói với viên sứ thần:

- Vui lòng theo những người này về nhà công quán.

Viên sứ Mông Cổ gạt những người lính cấm vệ ra, nhảy bổ về phía Nguyễn Hiền toan hành hung.

Nguyễn Hiền quay ngoắt lại, ném ra cái nhìn nghiêm khắc. Viên sứ giả đứng sững lại. Quân tới ngoác tay trời gô nó lại bằng chiếc lạt cật rồi dẫn về nhà công quán.

Đúng là dưới gầm trời này không có một sứ thần nước nào vào cõi người ta để lập mối giao hảo hoặc dụ dỗ thuyết hàng mà lại ngông nghênh, ngạo mạn cứng nhắc đến cuồng si như sứ Mông Cổ, và cũng dưới gầm trời này, chưa một quốc gia nào dám tiếp sứ Mông Cổ như vua tôi nước Đại Việt.

Vua Thái tông bản tính nhu hòa, hiếu thiện nhưng lại là người rất cương dũng trong việc bảo toàn quốc thể cũng như bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Luôn trong hai tháng tám và chín của năm Đinh Tỵ (1257) này người Mông Cổ đã cho sứ đến ép Đại Việt phải quy hàng đều không được hồi âm.

Không được hồi âm còn vì lẽ sứ quá hống hách vô lễ tới mức hai bên không thể thương nghị với nhau được điều gì. Và cách ứng xử của nhà vua như thế cũng là cung cách tiếp nhận một cuộc chiến hơn là thương nghị để cầu hòa.

Qua hai lần cho sứ đi dụ hàng Đại Việt, chờ mãi không thấy hồi âm, chủ soái Ngột-lương-hợp-thai bèn triệu các tướng vào trong lều tướng thương nghị.

Ngoài các tướng của Mông Cổ, Ngột-lương-hợp-thai còn triệu cả Đoàn Hưng Trí cho được dự bàn.

Đoàn Hưng Trí nguyên là vua nước Đại Lý, sau khi bị người Mông Cổ đánh bại, đã nghe lời dụ ra hàng và quy thuận. Tới nay Đoàn Hưng Trí đã chiêu mộ được năm vạn quân gồm các dân man Thoán, Bạc đặt dưới quyền sai khiến của Ngột-lương-hợp-thai. Vì vậy, Trí được người Mông Cổ tin dùng.

Ngồi cạnh những tướng soái Mông Cổ lừng danh, Đoàn Hưng Trí cảm thấy mình chỉ là một kẻ bé mọn, lạc lõng. Nhưng nếu không núp bóng người Mông Cổ thì chẳng còn gì, kẻ cả tấm thân như nhuốc.

Bắt đầu vào cuộc, Ngột-lương-hợp-thai nói:

- Đầu năm chúa thượng làm lễ tế ở sông Khiếp Lỗ Liên, chia quân bốn mặt cùng tiến đánh nhà nam Tống. Dích thân chúa thượng đánh vào Hợp Châu và sai ta từ đây đánh vào Đại Việt để tập hậu quân Tống ở phía nam, rồi cùng hội quân với chủ tướng và chúa thượng ở Ngạc Châu. Ta muốn nhân sức quân nên đã hai lần cho sứ đi dụ hàng Đại Việt. Tháng tám một sứ, tháng chín ta lại cử tiếp, nay đã sang tháng mười mà vẫn bật tin tức là có làm sao. Vừa rồi chúa thượng sai sứ sang hỏi ta đã tiến binh đến đâu, ta cứ tình thực tâu về. Lại dò biết qua viên trung sứ thì quân Tống ở Ngạc Châu dăm hồn hào chống cự, nên đại binh còn vương chân tại đó.

- Tại sao sứ đi không trở về? Ta muốn biết trước khi ta khởi binh. Ngột-lương-hợp-thai nhìn về phía Đoàn Hưng Trí gặng hỏi: - Hay là mấy kẻ dẫn đường lại không biết đường vào kinh đô Đại Việt đã đi lạc sang nẻo nào rồi?

Đoàn Hưng Trí tỏ ra bối rối, sau đó y nói:

- Tàu đại vương, những đứa thần sai đi đều là dân thương lái, chúng rành đường đi lối lại lắm. Đây chỉ có thể là người Đại Việt lập mưu giết sứ trên đường về.

- Thật vậy sao? Quân sâu bọ nào dám giết sứ của ta? Ngột-lương-hợp-thai nổi nóng bất thường khiến Đoàn Hưng Trí càng thêm rối trí.

Phò mã Hoài-dô (Qaidu) bèn lên tiếng:

- Đường từ đây tới Thăng Long kể hơn nghìn dặm, đường sá bất trắc, thời tiết bất thường, chưa lường được hết, thái sư hãy nán chờ xem sao, ta không tin Đại Việt dám cả gan giết sứ.

Triệt-triệt-đô (Cacakdu) cũng nói:

- Đại Việt nước nhỏ như cái bàn tay lại chỉ có một dùm người sao dám cưỡng mệnh.

- Nhưng ta không thể nán được nữa, chúa thượng vừa sai sứ đến giục tiến binh. Nhìn về phía vị tướng trẻ, Ngột-lương-hợp-thai hất hàm hỏi:

- A-truật (Aju) ý con thế nào?

Được cha hỏi, A-truật liền đáp:

- Thưa cha, nhà ta ba đời làm tướng, ơn trên sâu nặng, nay chúa thượng đang kỳ vọng nơi cha. Theo ý con, cha không nên chờ tin sứ nữa, cứ đem quân thẳng tới Thăng Long bắt lấy vua nó, chiếm lấy nước nó, việc dễ như trở bàn tay, sao cha còn phải nán ná.

Thấy con trai nói “ba đời nhà ta làm tướng”, Ngột-lương-hợp-thai lấy làm hãnh diện. Bởi không chỉ là tướng thường mà còn là danh tướng bất hủ như tướng Túc-bất-thai (Subutai) ông nội của A-truật đã từng theo Đại Hãn Thành-cát-tu-hãn (Jenjis Kan) đánh vào nước Nga-la-tư (nước Nga) từ năm Tân Ty (1221) đến năm Quý Mùi (1223). Sau đó lại được cùng đương kim chúa thượng tiến đánh Nga-la-tư một lần nữa vào các năm Ất Mùi (1235) và Bính Thân (1236) chinh phục hoàn toàn nước Nga-la-tư mệnh mông và biến nó thành chư hầu của Mông Cổ, là thuộc quốc của Mông Cổ. Nay ta lại sắp nuốt chửng cả nước Trung Hoa mệnh mông, thế mà nước Đại Việt chỉ bằng cái mất muối kia lại dám kháng mệnh của chúa thượng ta sao. Nhà ta ba đời làm tướng, đại danh tướng, ơn chúa sâu dày, còn chờ gì nữa mà không làm cỏ Đại Việt. Nghĩ vậy, Ngột-lương-hợp-thai bèn nói:

- Các tướng hãy nghe lệnh đây: - Chuẩn bị năm ngàn quân kỵ, lương thực và cỏ ngựa đủ dùng trong sáu mươi ngày.

Quay về phía Đoàn Hưng Trí, Ngột-lương-hợp-thai nói:

- Ngài Ma-ha-la-sa^[60] (Maharaja), ta đã tặng cho ngài tên đó. Vậy từ nay ngài phải coi mình là người Mông Cổ. Ngài có phận sự phải tận trung với nước mẹ Mông Cổ. Trong lần ra quân đánh Đại Việt này, trong số năm vạn quân Thoán-Bặc, ta cho ông tuyên lấy hai vạn cùng ta đi chinh phục. Ông phải tự lo lương thảo cho quân trong chín mươi ngày. Ông cần bao lâu để hoàn tất?

Đoàn Hưng Trí bối rối, bởi quân mới chiêu mộ, sao có thể đi trận ngay được. Hơn nữa lương thảo cho hai vạn quân với vài ngàn ngựa nữa đâu có thể kiếm ra trong mười ngày được. Nhưng lại không được phép không tuân lệnh. Vì rằng ngài thái sư đây không nói hai lời, không cho phép người dưới quyền ngấp ngừng khi nhận mệnh chứ đừng nói đến khước từ. Nghĩ vậy, Hưng Trí mạnh dạn nói:

- Về các điều thái sư nói, hạ cấp xin tuân mệnh. Quân có thể tập hợp trong mười ngày, lương thảo xin thái sư cho hai mươi ngày.

- Hai mươi ngày thì chậm mất của ta. Ngột-lương-hợp-thai hơi chau mày.

Phò mã Hoài-đô liền nói:

- Thái sư nên cho quân kỵ của ta dời xuống đóng tại A Mân^[61] gần giáp biên thù Đại Việt, vừa là nghe ngóng tình hình, vừa chờ Ma-ha-la-sa đưa quân tới sau. Và lại từ đó ta có thể cho du binh vào thăm dò đất nó.

- Được! Ý của phò mã được đó. Ngột-lương-hợp-thai gật đầu. Lại nói: - Hôm nay là ngày cuối tháng mười, Triệt-triệt-đô lấy trước năm trăm quân kỵ tới A Mân lo chỗ đóng quân, mười ngày nữa ta cho đại quân qua, Ma-ha-la-sa phải đúng hẹn, nghe chưa.

Lại nói ở Thăng Long khi hai viên sứ thần Mông Cổ vừa được nhìn thấy nhau, chúng vội thét gọi nhau. Cũng là lúc người ta dẫn mỗi đũa đi về một phía. Từ đó, tinh thần chúng suy sụp hẳn. Thêm vào đó là hằng ngày vẫn phải ăn đói, bó gối ngồi trong gian phòng hẹp, có lính canh nghiêm cẩn. Và cái khổ của chúng là chỉ được ngửi các mùi xào nấu thơm đến thất lòng, nhất là mùi rượu hâm nóng thơm đến cháy cổ họng, và cái bọn chết tiệt trong nhà công quán này nó ăn uống, nó cười, nó chạm chén chạm bát cứ lạnh canh lách cách mà nó không đoái gì đến sứ của Đại Hãn. Lại hằng ngày chúng đem sữa ngựa đến uống ngay trước mặt ta. Người thấy mùi sữa ngựa khiến ta chạnh nhớ thảo nguyên; nhớ đất mẹ bao la, đồng cỏ trái mênh mông tới tận chân trời và những đàn cừu xa trông như những đám mây trắng. Ôi, cái bọn quái quỷ này nó có phải là người không mà nó không biết sợ oai phong của Đại Hãn. Và nữa, nó sẽ cắt cổ mổ bụng ta lúc nào đây... Đại Hãn với binh uy rầm rập khắp gầm trời. Đánh Nga-la-tur sập đổ phải quy hàng. Đánh cả một triều đại nhà Kim và chôn vùi nó mất tiêu như ném một viên đá xuống bể bùn. Quân vừa kéo tới Đại Lý chưa kịp đánh, Đại Lý đã tan, vua nó phải quy hàng. Thế mà cái nước Đại Việt chỉ bằng chiếc bàn tay này, hai lần sứ đến đều bị nó tống giam. Sớm muộn nó cũng giết thôi. Hóa ra dưới gầm trời này vẫn có kẻ không sợ Đại Hãn và binh uy Mông Cổ.

Giữa lúc tinh thần sứ giả suy sụp, trạng nguyên Nguyễn Hiền tiếp riêng từng viên sứ. Thoạt đầu là cho chúng tắm nước lá thơm, cho mặc áo quần Đại Việt, và mời cơm thịnh soạn có rượu Thạch xương bồ hâm nóng, có thịt cừu và sữa ngựa cùng các đồ biển như tôm, cua, sò, ốc, hải sâm, bóng cá...

Nguyễn Hiền mời sứ ăn, hỏi chuyện gia đình vợ con, gọi lại tuổi thơ của sứ nhưng tuyệt nhiên không hỏi gì về cuộc đời chinh chiến của y cũng không hỏi sứ mệnh y vào Đại Việt làm gì. Cũng không đã động đến thái độ hồng hách, vô lễ của sứ.

Cơm nước xong, Nguyễn Hiền dẫn sứ đi chơi ngoạn cảnh Thăng Long. Xem vườn hoa, cây cảnh, phố thị rồi dẫn y vào thăm chùa Nhất Trụ, chùa Sùng Khánh và tháp Báo Thiên, lại quanh về thăm trường Quốc học viện, thăm Văn miếu thờ Khổng Tử. Đến đâu y cũng khen, nước ông đẹp quá, giàu quá, dân sống trong thanh bình yên ấm. Mặc cho y nói, Nguyễn Hiền cứ lặng thinh. Sau rốt ông lại đưa sứ vào nhà công quán, trao cho viên giám quản và bảo: “Lại nhốt nó vào chỗ cũ”.

Vừa trông thấy viên giám quản, sứ vội thét lên và chạy ra ôm lấy chân Nguyễn Hiền kêu cứu:

- Sao ông không hỏi chuyện ta đến đây làm gì. Ông tiếp ta như một thượng khách rồi lại giam ta như một tên tù sao. Ta sẵn sàng nói tất cả những gì các ông cần biết.

- Không cần ông nói, ta cũng biết cả rồi. Ông đến đây để lung lạc vua ta và chiêu hàng nước ta.

- Nhưng các ông đã được đọc điệp văn chiêu dụ của thái sư Ngột-lương-hợp-thai đâu?

- Không đọc nhưng ta biết rõ trong đó nói gì rồi.

- Vậy sao ông lại đối tốt với ta như vậy?

- Thông thường khách đến nước ta đều được đối xử rất trân trọng vì tục nước ta hiếu khách. Ta cho ông nếm thử phong tục nước

ta để biết.

- Bây giờ ông lại định giam ta nữa sao, định giam sứ của Đại Hãn sao?

- Ông nhằm đây, nước ta chỉ cầm bắt những kẻ ngạo mạn, coi thường dân ta, xúc phạm đến vua ta và phong tục nước ta, chứ chưa hề có chuyện giam sứ thần ngoại quốc.

Viên sứ giả trở nên biết điều, y nói:

- Quả thật ta không được biết nước ông lại ở vào tầng mức cao như thế này. Ta chỉ được chủ tướng sai đi và dặn bảo: “Phải tỏ rõ thiên uy cho các man quốc phải thần phục. Phải nạt nộ để vua nó sợ thì cả nước nó phải khiếp phục, khiến ta không đánh nó cũng phải quy thuận. Kẻ nào đi sứ mà làm nhục nhuệ khí của Đại Hãn sẽ bị tội chém đầu”. Bởi vậy, ta chỉ làm những gì mà thái sư dạy bảo. Ai ngờ... Thôi được, ta cứ đưa tờ điệp văn này để ông về trình với quốc vương rồi thả cho ta về lại nước Đại Lý.

Nói xong y móc từ trong lần áo nịt sát ngực, lôi ra một bao da trong đó có tờ điệp văn, đặt vào tay Nguyễn Hiền.

Nguyễn Hiền rút tay lại và nói:

- Đúng ra ông phải quỳ xuống rồi hai tay nâng tờ điệp văn này trao cho quốc vương của ta. Đó là lễ luật của bang giao. Đàng này ông lại đòi quốc vương ta phải quỳ xuống để nhận điệp văn của một viên tướng của Mông-kha. Ông chỉ là một kẻ cưỡi ngựa bắn cung, còn ta là trạng nguyên, người giỏi chữ nhất của một nước tiếp ông, ông lại quay mặt đi. Các ông định đem nền văn hóa du mục áp đặt cho chúng ta, thật khó coi quá.

Viên sứ giả vừa xấu hổ vừa ân hận, y cố đặt tờ điệp văn vào tay Nguyễn Hiền và nói:

- Ta biết đã xúc phạm đến các ông, nhưng ta không thể làm khác được. Bởi làm khác đi, trở về, ta sẽ mất đầu.

Nguyễn Hiền miễn cưỡng nhận tờ điệp văn. Thực ra thì viên sứ kia đã nộp từ mấy bữa trước rồi, cho nên Nguyễn Hiền làm ra vẻ thờ ơ, bởi hai tờ điệp văn đều chung một nội dung ép hàng. Và cả hai viên sứ này đều là những con hổ có lá gan chuột nhất y hết nhau.

Trung tuần tháng mười một, lại một viên sứ Mông Cổ nữa tới Thăng Long và thái độ của tên này còn ngạo mạn hơn cả hai tên trước. Vua Thái tông không hỏi han gì nữa và sai nhốt chung cả ba tên lại với nhau, nhưng ban đêm thì phải trói chúng lại.

Vua xuống chiếu mở kho khí giới phát cho các đội chiến binh. Nhà vua, Thái sư Trần Thủ Độ và Thái úy Trần Nhật Hiệu chia đi duyệt lại các sắc quân. Vua sai tướng Lê Tần đi kiểm xét các nơi hiểm yếu từ Thủy Vĩ đến Quy Hóa giang xuôi về ngã ba Bạch Hạc. Tướng Khuê Kinh đi về phía ải Hà Dương rồi xuôi theo đường men sông rồi cũng về ngã ba Bạch Hạc. Hoàng thái tử Hoàng cùng với Công bộ thị lang Nguyễn Hiền đi dọc biên thủy với nhà nam Tống từ cửa Pha Lũy đến châu Vĩnh An.

Cả nước đang sôi sục khí thế kháng giặc giữ nước.

Bữa no phu nhân nói với thái sư:

- Cả nước tất bật lo đánh giặc, nhưng liệu quân ta có cản được nó từ biên ải không ông?

- Cái đó còn tùy sức giặc. Nếu giặc mạnh quá, ta chỉ đánh cầm chừng rồi dụ nó vào sâu đất mình mà đánh, tản mỏng nó ra thì điền binh, dân binh cũng có thể đánh được.

- Nếu giặc cứ vào sâu mãi, vào tới Thăng Long thì sao?

- Thăng Long thì phải quyết giữ chứ bà.

- Nhưng nếu sức giặc mạnh quá thì sao hả ông? – Phu nhân hỏi và có ý hơi nghi ngờ về sức mạnh của quân ta.

Thái sư Trần Thủ Độ với vẻ điềm tĩnh vốn có lại đáp:

- Nếu sức giặc vẫn cường thì ta tạm nhường nó, luồn về sau nó mà đánh, chia cắt đường về của nó, quân nó đầu đuôi không ứng cứu nhau được ắt phải hoảng loạn mà bỏ chạy.

Nhìn phu nhân, Thái sư vuốt râu rồi nhón một khẩu trầu nhai bồm bồm. Lát sau ông lại nói:

- Bà phải bình tâm, phải tin vào triều đình, tin vào muôn dân. Nếu vạn nhất phải bỏ kinh thành lập trận tuyến để cản giặc, thời đó cũng là chuyện thường trong binh pháp. Bà nên biết, mất kinh thành không có nghĩa là mất nước. Nước chỉ mất khi vua tởi, tởi hèn, lòng dân ly tán. Còn như từ vua, tôi cho chí muôn dân kháng khí một lòng giữ nước, dầu thế giặc có mạnh, nước cũng không vì thế mà mất được. Tuy vậy, cuộc chiến sẽ rất cam go.

- Ông ạ, tôi mặc giả trang với mấy đứa hầu gái đi chợ. Nghe họ kháo nhau nước sắp có giặc, nhưng không thấy ai tỏ ra sợ hãi. Qua mấy phố, phố nào cũng thấy dân binh chăm chỉ tập tành lắm. Lại hôm vừa rồi ở quê có người lên thăm, khoe làng nào cũng có một đội điền binh, tập riết lắm. Mà bây giờ đi tập được nhà nước cho ăn, không phải đem gạo nhà đi nữa. Lòng dân phấn khích lắm.

Thái sư vui vẻ nói xen vào:

- Lòng dân như thế, triều đình như thế bà biết cả rồi đấy. Có gì mà phải lo, giặc đến thì đánh, nếu giặc không đến cũng là may, cũng là dịp đo lòng dân đối với nước.

- Ai chẳng biết vậy, có điều này tôi muốn nói, được thì ông để, không được cũng đừng chê tôi nhát.

- Việc gì bà nói thử xem.

- Cứ nghe ông nói thì chưa chắc quân ta đã đủ sức cản giặc từ biên thù. Lại vạn nhất có khi cũng không thể cản được nó chiếm kinh thành. Vậy nên tôi muốn ông xin với nhà vua sai Phủ tông chính ^[62] đi bớt đồ thờ tự, ngọc phả đưa về Long Hưng ^[63], tránh khi giặc đến, cùng đường nó có thể đốt phá trả thù. Lại nữa con cái các vương gia, vương phủ trong tôn thất hoàng tộc cũng cho hết về Long Hưng. Thì đây, mẹ nào con ấy, kể cả con trai cứ dưới tuổi hoàng nam là đi di tán hết, để trong kinh thành chỉ còn binh lính và dân binh. Ngay cả dân thường cũng cho họ di tán đi kéo giặc tới nó tàn sát.

Đây, tôi đàn bà cạn nghĩ, nếu sai ông đừng dưng chấp.

Trần Thủ Độ sùng sốt về những điều phu nhân vừa nói. Ông khen:

- Đầu óc của bà thật là thông sáng. Đó là việc không chỉ nên làm, mà phải làm sớm. Giờ ơi sao tôi không nghĩ ra nhỉ. Đúng rồi, đàn bà trẻ nhỏ đi tản hết đi, để cho dân binh ở lại cùng binh lính rảnh tay đánh giặc. Hay! Kế của bà hay đấy.

- Gớm, ông cứ khen quá làm tôi ngượng. Chẳng qua tôi quần quanh bếp núc nên chỉ nghĩ được các việc nhỏ, còn đầu óc các ông thuần chứa những điều to lớn nên chẳng để tâm tới thôi. Nhưng ông bảo làm sớm là làm thế nào, tôi sao tự ý mà làm được.

- Để tôi tâu lên hoàng thượng. Khi hoàng thượng có dụ rồi bà phải đứng ra quán xuyến việc này chứ.

- Chẳng nhẽ tôi chỉ nói mà không làm sao, - phu nhân đáp.

Thái sư có vẻ băn khoăn hỏi lại:

- Thế bà đã dự tính số gia đình và số người phải di tản là bao nhiêu chưa? Tôi thấy đồng ruộng, có tới cả trăm nhà, cả nghìn người chứ không ít đâu. Chỗ ăn chỗ ở khó đấy.

Phu nhân cười xuê xoa:

- Ông khỏi lo, tôi đã tru liệu tất cả rồi. Chỗ ăn chỗ ở cho từng nhà tôi lo hết rồi. Thì đấy, cùng với việc mua sắm khí giới, tích trữ lương thực và nơi chốn di tản tôi làm cùng một lúc. Có chỗ thu xếp được thì mượn nhà, có chỗ phải dựng nhà mới. Tôi cũng chỉ làm loạng xoạng thôi, lúc về triều thì để lại đấy cho nhà chùa làm lớp học, hoặc chia cho các nhà nghèo. Chẳng hiểu tại sao khu mật viện chỉ biết có hai việc, còn việc này lại bỏ sót chưa tâu báo lên hoàng thượng.

- Đúng là trời cho bà xuống để dựng đế nghiệp cho nhà Trần, lo toan cho con cháu nhà Trần. Nhà vua biết việc này chắc khen bà cô lắm đấy.

Phu nhân nguýt dài thái sư rồi nói giễu:

- Chú cháu ông suýt nữa thì ghép tôi vào tội tru di còn khen, khen cái nỗi gì.

- Bà chỉ được cái thù dai.

Vua Thái tông sau khi đi duyệt một vài chùng quân về, ngài thật sự hài lòng, liền vào cung Thủy Tinh thăm Thái sư.

- Bệ hạ vừa về chắc có tin vui? - Thái sư hỏi.

- Thưa chú vui lắm. Thế quân lên, thế nước cũng lên. Quốc dân đồng lòng kháng giặc.

- Thần cũng đi duyệt vài sắc quân. Ta thật hài lòng về các viên đô tướng dạy quân có kỷ cương lắm, kỷ xảo dùng các loại binh khí cũng thành thạo, mà cũng khéo nuôi quân, béo tốt, khỏe mạnh.

- Thừa chú Lê Tần về chưa ạ?

- Tần về rồi. Tần nói Quốc Tuấn lên trên đó cố kết được các đầu mục người man, lại đang cho tướng huấn dạy dân binh man. Nay mai nếu giặc vào cõi, chắc là người man sẽ phối với quân của Quốc Tuấn.

- Thế thì hay lắm. Cháu không ngờ Quốc Tuấn lại thu phục được người man nhanh thế.

- Từ lâu ta đã nói với bộ hạ: Quốc Tuấn sẽ là bậc kỳ tướng, bậc huân tướng, một cây cột trụ vững chắc của cả quốc gia này.

Bộ hạ còn được biết nhiều cái không ngờ nữa đấy. Thái sư nhìn vào hậu điện gọi phu nhân. Khi bà ra, ông mỉm cười nhìn nhà vua và thuật lại các dự định của bà.

Nhà vua cảm động ứa nước mắt, nói:

- Quốc mẫu tuổi cao, nhẽ ra phải được dưỡng nhàn, thế mà vẫn gắn mình với nước, lo cho nước, lo cho con cháu. Công của quốc mẫu lớn lắm. Cháu vui mừng thấy thế nước được hưng lên từ mỗi nhà, từ mỗi người. Quốc mẫu thật xứng là bậc mẫu nghi thiên hạ.

Phu nhân nghe nhà vua nói như nở ra từng khúc ruột. Bà vội cáo từ:

- Hai chú cháu ngồi đây mà bàn việc nước.

Bóng bà khuất sau hậu điện.

Giây lâu Thái tông lên tiếng:

- Chú à, cháu định đại duyệt toàn quân để dấy sức quân lên nữa.

- Bộ hạ chớ ham. Phải cấp tốc đưa quân lên trấn các nơi hiểm yếu ngay kéo không kịp đâu. Giặc đã ba lần đưa sứ đi thuyết hàng mà không một đứa nào trở lại. Nhất định chúng sẽ khởi binh.

Đoàn Hưng Trí mà người Mông Cổ biệt đãi cho mang tên mới là Ma-ha-la-sa sau khi nhận mệnh của Ngột-lương-hợp-thai, y hết sức lo lắng. Đoàn Hưng Trí bèn triệu em ruột của mình là Tín-thư Nhật và người chú là Tín-thư Phúc. Ba chú cháu bàn đến nát nước về việc làm thế nào vơ vét được đủ số lương thực dùng trong sáu mươi ngày cho một đoàn quân hai vạn người mà trong hai mươi ngày nữa phải có mặt ở A Mân.

Viên phụ trách quân lương tính ra số lương thực cho mỗi người ăn trong sáu mươi ngày nặng gần gấp rưỡi trọng lượng của chính người đó. Vậy làm thế nào có thể chuyên vận được số lương thực kia theo đoàn quân viễn chinh. Ấy là chưa nói đến việc vận chuyên binh khí dự phòng. Và nếu có kỵ binh đi theo thì số lương có đem theo không phải là ít.

Tính ra bảo đảm được số lương thực cho đoàn quân hai vạn người đủ dùng trong sáu mươi ngày thì số lương phụ tải lương phải cần đến sẽ lên tới ba vạn người. Ấy là vận chuyên bằng xe. Mỗi xe có ba người, một người kéo hai người đẩy chở được số lương thực đủ dùng cho năm người.

Đoàn Hưng Trí giẫy nảy người lên như đĩa phải vôi:

- Không thể được. Như thế có khác gì kéo cả một đội quân năm vạn người đi, và số lương thực sẽ tăng gần gấp ba lần số cần thiết cho hai vạn quân. Mãi nửa chiều, viên quan quân lương mới đệ trình một phương cách:

- Một là bắt buộc mỗi người lính phải luôn đem theo mình mười ngày lương thực. Hàng ngày người lính trích ra một phần mười số đó nộp cho nhà bếp, tối lại được kho cấp bù. Hai là ra khỏi biên cương ngày thứ nhất đã có thể cho một nghìn người quay trở lại. Và cứ thế ngày nào cũng có người quay trở lại và tới ngày thứ hai mươi chỉ cần giữ lại năm nghìn binh phu để làm các việc cần thiết. Ba là số kỵ binh, chủ tướng chỉ có thể đem theo bao nhiêu tùy ý, nhưng số ngựa cho kỵ binh thì không thể quá một nghìn con. Nhưng sẽ có hai nghìn con ngựa khác tham gia tải lương, tải cỏ. Khi vào trận, chủ tướng có thể dùng tạm số ngựa tải này làm ngựa chiến. Bỏi lũ ngựa tải này cũng từ ngựa chiến thái ra theo cách chọn lựa của các tướng Mông Cổ, chứ thực ra chúng còn khỏe lắm.

Chú cháu, anh em nhà Đoàn Hưng Trí đã bàn xong công việc. Đoàn Hưng Trí sẽ đích thân cầm hai vạn quân viễn chinh Thoán, Bạc để phối với đại quân của thái sư Ngô-tương-hợp-thai. Người chủ là Tín-thư Phúc sẽ là tướng tiên phong. Còn em trai của Trí là Tín-thư Nhật được tạm quyền coi giữ nước. Thực ra lúc này người Mông Cổ đã chia nước Đại Lý thành quận huyện của họ rồi. Đại Lý được phép cử các chức quan bên cạnh các quan Mông Cổ để tiện việc cho họ sai phái.

Chú cháu Đoàn Hưng Trí đưa đủ cả quân, lương tới A Mân đúng kỳ hạn, Ngô-tương-hợp-thai mừng lắm. Y ban lời khen ngợi vô về.

Sau ba lần cử sứ vào Đại Việt không thấy một người nào trở lại, Ngô-tương-hợp-thai không còn đủ kiên nhẫn nữa. Ông cho triệu các tướng đến hội.

Các tướng vừa an tọa xong, chủ tướng liền hỏi:

- Triệt-triệt-đô, du binh của ngươi vào sâu đất Đại Việt được bao nhiêu dặm, có gặp cản ngại gì không, có thấy dấu hiệu khả nghi nào không?

- Tâu chủ tướng, ngày thứ nhất tiểu tướng cho quân đi vào sâu đất giặc năm dặm, đi tản về hai phía, mỗi phía chừng mười dặm nữa. Tuyệt nhiên không gặp sức chống cự nào, không gặp một người dân nào. Ngày thứ hai quân thám vào sâu hai chục dặm. Ngày thứ ba vào sâu ba chục dặm. Càng vào sâu rừng càng rậm rạp, đường đi càng khó khăn, vẫn không gặp quân nó, không gặp dân nó. Thấy nói dân nó ít lắm và nhát lắm. Có khi nghe danh đại vương, chúng nó chạy vào hang núi ẩn nấp hết rồi.

Bẩm, có lần tiểu tướng đã dẫn du binh vào sâu đất giặc tới năm chục dặm, nhưng quay lại ngay vì sợ giặc có mưu như quân ta. Tuy vậy, vẫn không thấy một dấu hiệu gì ở miền biên địa này có quân Đại Việt đồn trú. Còn dân chúng chỉ thấy loáng thoáng vài mái nhà nhỏ xíu nằm nép dưới rừng cây, tuyệt nhiên không thấy có bóng người đi lại.

Ngô-tương-hợp-thai nhìn tận đáy mắt viên tướng Triệt-triệt-đô hỏi:

- Ngươi đã vào sâu đất giặc tới năm chục dặm, vậy chớ cảm nghĩ của ngươi về cái nước Đại Việt này thế nào?

- Thưa chủ tướng, cứ như sự suy đoán của tiểu tướng thì dân nước này còn man mọi lắm, vua nó cũng ngu lắm, không thể so với

nước Đại Lý được.

- Vì sao người nói vậy?

- Dạ là bởi nếu dân nó khôn thì nghe tiếng vó ngựa của quân ta tới, chúng phải kéo nhau ra đón chứ. Vua nó nghe danh Thái sư, phải đem theo quần thần tới trước xin quy hàng như ngài Ma-ha-la-sa đây mới là người trí chứ. Để làm gì à? Để dân nó không bị quân ta làm cỏ, kinh thành nước nó, mồ mả tổ tiên nó không bị quân ta biến thành gò hoang chứ sao.

- Phải! Người nói phải. Thiên hạ còn lắm kẻ ngu, Đại Hãn mới phải cho quân đi chinh phục, đi khai sáng. Thôi được, ta sẽ bắt vua nó là Trần Nhật Cảnh về nướng trên lửa như nướng cừu. Ta sẽ đập đổ thành Thăng Long và biến nó thành vùng đất chết. Các tướng nghe lệnh ta đây. Tất cả hãy nhìn vào chiếc bản đồ này. - Vừa nói Ngột-lương-hợp-thai vừa chỉ lên tấm bản đồ hình thể núi sông của Đại Việt to bằng chiếc chiếu đôi treo trên vách tường: - Đây là A Mân, là nơi ta đang đóng quân, sẽ thẳng theo đường này qua Mông Tự mà vào đất giặc. Đây là con sông ^[64], cứ men theo hai bờ tả hữu ngạn của sông tới đoạn này thì gặp nơi ba con sông ^[65] giao nhau rồi cứ men theo con sông này theo hướng đông nam mà vào Thăng Long. Chi tay về phía Đoàn Hưng Trí, Ngột-lương-hợp-thai nói:

- Ma-ha-la-sa, cứ theo Triệt-triệt-đô nói thì giặc sợ oai ta bỏ chạy hết rồi. Vậy ta cho ông đem quân đi tiên phong mà lập công. Và lại quân ông chạy bộ đi chậm phải đi trước. Đi trước gặp giặc thì đánh, gặp suối sâu thì bắc cầu, gặp bất cứ vật gì cản trở thì hất nó đi, tức là quân tiên phong có trách nhiệm mở đường cho đại quân ta khi xuất phát là không có gì cản trở trên đường đi. Ngày mai ông xuất binh; phải kiểm xét mọi thứ cho chu đáo trước khi xuất chinh.

Nhìn Đoàn Hưng Trí với vẻ cảm thông, Ngột-lương-hợp-thai lại nói: - Ta chỉ tiếc mùa này nước cạn, vì đã sắp sang tháng chạp, nếu không quân ông đi thuyền thì nhàn sức lắm. Thế nhưng mùa này khô ráo lại hợp với quân ta, cả người và ngựa đều hợp.

Quay về phía các tướng, Ngột-lương-hợp-thai nói:

- Ta sẽ đem theo ba vạn quân kỵ tinh nhuệ nhất cùng với hai vạn quân của Ma-ha-la-sa đánh vào Đại Việt.

Khi xuất chinh, Triệt-triệt-đô lĩnh ba nghìn quân làm đội tiên phong. Hậu quân do phò mã Hoài-đô và tướng A-truật, mỗi người lĩnh năm nghìn quân. Trung quân do ta thống suất với mười bảy nghìn quân còn lại.

Dò biết thế giặc mạnh, Quốc Tuấn bàn với các đầu mục Hà Khuất, Hà Bồng sẽ không cản trở quân của Đoàn Hưng Trí để nuôi vỗ lòng kiêu mạn của đám quân Mông Cổ. Chỉ dùng bẫy đá lura thừa trên đường hành quân của kỵ binh Mông Cổ, và quân phục kích đánh tập hậu cũng chỉ dăm bảy người lách trong rừng rậm bắn hạ sát chúng xong liền rút sâu vào trong, giặc có tản ra hai bên sức tìm cũng không có đường cho người ngựa đi vào. Như vậy giặc chỉ nhận được cái chết bất ngờ mà không biết kẻ thù của chúng là ai. Và nữa dọc đường tiến quân của giặc, dân chúng sẽ di tản hết thóc lúa, trâu bò để vườn không nhà trống khiến giặc không kiếm được miếng gì gọi là lương thực, thực phẩm. Tất cả phải bảo toàn được lực lượng để nếu cần sẽ quay về xuôi đánh vào sau lưng nó, hoặc nếu giặc thua thì tiêu diệt nó trên đường tháo chạy.

Sau khi bàn bạc với Thái sư, nhà vua không đại duyệt toàn quân nữa mà đích thân Thái tông đưa quân đi lập phòng tuyến cản

giặc. Thái sư ở lại cùng với quân Thiên thuộc và Cùng thần cùng với cả mấy chục đô dân binh được trang bị khí giới đầy đủ để bảo vệ kinh thành. Hoàng thái tử Trần Hoảng và em là Trần Quang Khải cũng ở lại Thăng Long được Thái sư sai coi quân Thiên thuộc và Cùng thần cùng các đô tướng.

Quốc mẫu đã đưa hết con cháu cùng gia quyến các nhà trong hoàng cung và hoàng tộc về Long Hưng từ sau khi có dụ của nhà vua. Phu nhân xếp cho đám nội nhân, nội thị và các cung tần ở ngay dinh cũ của đức Thái tổ (Trần Thừa) nơi làng Phù Ngự.

Thăng Long bỗng chốc trở nên vắng vẻ, hoang rỗng bởi dân chúng và cả các nhà buôn cũng đóng cửa để đi di tản. Các sắc quân nườm nượp di chuyển lên các phòng tuyến, nơi nhà vua bày trận cản giặc.

Bình Lệ Nguyên nơi xưa nay vẫn là một vùng quê yên ả, có đồng ruộng, có bãi bồi phù sa màu mỡ, đồng lúa và bãi ngô mướt một màu xanh nói lên sự trù phú, sự no đủ của dân quê quanh vùng. Xung quanh ruộng đồng và bờ bãi, xen kẽ những ngôi làng chìm sau những lũy tre xanh ngút ngàn tựa như những cánh rừng cô lẻ. Tuy vậy các làng quê, các cánh đồng và các bờ bãi kể cả dòng sông kia chỉ là những đóm loang lổ trong trùng điệp những cánh rừng nổi rừng. Có nơi rừng cây còn lan tận mép sông. Thuở ấy rừng cây nhiều hơn đồng ruộng và ruộng thú tràn ngập bầu trời và rừng núi. Vua Thái tông đã kéo quân lên đây bày trận, nào voi chiến, ngựa chiến, máy bắn đá, quân thủy, quân bộ. Nhà vua đích thân làm tướng chỉ huy chiến trận. Tả hữu dực gồm hai viên thượng tướng dạn dày trận mạc như Lê Tần, Trần Khuê Kinh và các đô tướng của các vệ tả, hữu thánh dực, tả hữu vũ vệ và các quân thiết kỵ luôn túc trực hộ giá.

Vua Thái tông mặc giáp trụ đen có giáp hộ tâm, đội mũ đầu mâu, bên sườn trái đeo thanh bảo kiếm, cưỡi ngựa sắc tía đi kiểm tra trận địa có tướng Lê Tần luôn theo sát.

Trận địa bày xong, khí thế ba quân hùng hực. Ngày mồng mười tháng chạp, quân ta đã sẵn sàng xung trận thì nhà vua nhận được thư cáo cấp của Quốc Tuấn.

“... Giặc đã vào cõi. Quân Thoán, Bắc đi đông như nước chảy. Quân kỵ Mông Cổ do đích thân thượng tướng thái sư Ngột-lương-hợp-thai cầm đầu và phò mã Hoài-đô làm phó tướng. Quân Mông Cổ đã bị quân ta phục kích lẻ tẻ, thiệt hại không nhiều nhưng chúng rất hung hãn...”

Ngày mười một du binh của Mông Cổ đã tới bên sông đôi ngạn với Bình Lệ Nguyên bắn tên xuống sông thăm dò nông sâu rồi vội vã quay về thượng lưu.

Cũng từ ngày mười tháng chạp, hậu quân của ta ở hạ lưu do thái úy Trần Nhật Hiệu cầm đầu có các tướng Phạm Cự Chích, Phú Lương hầu phụ tá đã bày xong trận.

Ba vạn quân Mông Cổ đã bỏ lại phía sau mấy vạn quân của Đoàn Hưng Trí và chiều ngày mười một tháng chạp năm Đinh Tỵ (1257) đã hội đủ bên tả ngạn, cách trận địa Bình Lệ Nguyên bên hữu ngạn của quân Trần năm mươi dặm hạ trại. Ngay tối hôm đó, Ngột-lương-hợp-thai hội chư tướng lại sai bảo:

- Quân Trần đã bày trận lớn ở Bình Lệ Nguyên phía hữu ngạn sông này, cách ta đóng năm chục dặm đường, tức là bằng ba khắc canh giờ ngựa chạy, đích thân Trần Nhật Cảnh ^[66] vua Đại Việt làm chủ trận. Vì vậy trận này ta không chỉ đánh tan tác quân Trần, mà còn phải bắt sống Trần Nhật Cảnh, khiến nước nó phải quy hàng như ta đã bắt sống Đoàn Hưng Trí. Sau đó cả Đại Việt và Đại Lý đều là hậu phương của ta để ta lấy sức người, sức của của chúng mà đánh vào sau lưng nhà nam Tống. Sứ mệnh các tướng trong trận này lớn lắm. Các tướng nhất nhất phải theo kế của ta, kẻ nào trái mệnh để cho quân giặc chạy thoát chớ trách ta vô tình.

Ngột-lương-hợp-thai ngừng lời nhìn xoáy vào các tướng. Phút im lặng nặng nề khiến không khí như đặc quánh lại. lát sau Ngột-lương-hợp-thai nói đồng dục mạch lạc từng tiếng một như người đếm:

- Triệt-triệt-đô nghe đây. Ngươi lĩnh năm nghìn quân đi xuôi về phía hạ lưu cách trận địa quân Trần mười lăm dặm, tìm cách cho quân vượt sông. Quân ngươi khi đã qua được sông chớ đánh vội. Hãy cứ ém quân chờ đó. Đối trận, ta sẽ vượt sông sang đánh vỗ mặt nó. Trong khi đó, phò mã Hoài-đô và tiêu tướng A-truật mỗi người lĩnh năm nghìn quân từ thượng lưu vượt sông đánh vòng sau lưng nó. Khi chúng phải ra sức chống đỡ mặt trước, mặt sau ngươi phải rình cướp lấy thuyền của quân nó. Ta đánh mạnh, quân Trần tan vỡ ắt phải chạy ra sông tìm đường trốn, khi ấy chúng không có thuyền trốn chạy nữa tất bị ta bắt sống.

Nói xong, Ngột-lương-hợp-thai lại nhìn các tướng một lần nữa và gắng hỏi:

- Các tướng đã nghe rõ mệnh ta chưa? Nếu rõ rồi thì về cho quân và cho ngựa ăn uống xong đi ngủ ngay. Giờ tỵ xuất binh.

Đêm yên tĩnh, gió bắc buốt lạnh, trăng sáng vàng vạc. Trận địa quân ta im phăng phắc chỉ nghe thấy tiếng voi đập tai đuổi muỗi, tiếng cú rúc và tiếng mang tác xa xa phía bìa rừng. Thỉnh thoảng còn nghe được cả tiếng chân ngựa đập móng nhẹ xuống mặt đất, ấy là chúng dò chân vì đứng mỏi.

Từ chiều, quân thám của ta đã về báo giặc tụ quân phía thượng lưu tả ngạn cách Bình Lệ Nguyên năm chục dặm. Vua Thái tông và các tướng đều nhận định: “Có thể đêm nay vào lúc trăng lu tức là cuối giờ sùu, lợi dụng lúc tranh tối tranh sáng giặc sẽ vượt sông”.

Khoảng cuối giờ tỵ, quân thám của ta từ thượng lưu tể ngựa chạy về Bình Lệ Nguyên hỏi hà tâu vua:

- Tàu bộ hạ, kỵ binh giặc đang rầm rập tiến xuống hạ lưu.

- Ngươi có nhìn thấy giặc vượt sông sang hữu ngạn không?

- Tàu bệ hạ, giặc đi theo đường mòn dọc bờ tả ngạn chứ chưa thấy có dấu hiệu chúng sang sông.

Vua nói nhỏ với Lê Tần và Khuê Kinh:

- Các khanh truyền cho quân nghỉ tại chỗ, cho phép họ uống nước hoặc đi ỉa đi đái, hút thuốc lào, cũng có thể ôm khi giới ngủ ngồi trong một khắc canh giờ cho đỡ căng thẳng, sau đó đánh thức họ dậy để sẵn sàng vào trận. Ta ngờ giặc sẽ sang sông vào đầu giờ dần. Bởi lúc đó trời đang mù. Vì vậy quân thám phải canh chừng hai đầu thượng hạ lưu, canh chừng sát mép nước. Phải vùi giặc xuống lòng sông. Phải đánh phủ đầu cho nó choáng váng.

Hai tướng nhận mệnh đi ngay lập tức.

Đúng như nhà vua nhận định, gần về sáng sương mù dày đặc, cách mười bước chân đã không nhìn rõ mặt nhau. Đúng lúc ấy quân Mông Cổ ào ạt cho ngựa lội tràn qua sông.

Quân ta nổi kèn thúc trống bắn pháo thẳng thiên và nhất loạt vãi tên độc từ các nỏ liên châu trên bành voi, trên mình ngựa và từ quân bộ khiến người ngựa quân giặc chết vô số kể. Giặc không hề nao núng vẫn nườm nượp sang sông. Những tên lính Mông Cổ thiện xạ vừa sang sông vừa nhắm bắn vào các nài voi, bắn thẳng vào những người lính trên bành voi. Khi sương vừa tan cũng là lúc giặc đã bám được vào mép sông. Chúng cho cả ngàn con ngựa xông thẳng vào đàn voi đang chắn phía trước như bức tường thành. Những con voi trận to lừng lừng văng vòi ra quẩn lấy cổ, lấy chân ngựa mà quật. Quân bộ của ta cung, tên giáo mác đứng phía sau voi bắn, đâm, xia, chém không hề sót một tên giặc nào ngã ngựa. Giặc đánh từ giờ dần qua giờ tỵ vẫn không làm cho trận địa quân ta nao núng. Nhà vua sát cánh với các tướng căng sức ra đánh giặc. Tướng Lê Tần thúc ngựa ra vào trận địa giúp vua động viên quân sĩ.

Lúc này tướng giặc Triệt-triệt-đô đã đưa hết quân kỵ sang sông, chờ lâu sốt ruột, và lại thấy sườn phải quân Trần có vẻ sơ sài, y bèn thúc ngựa vẩy quân xông lên áp sát quân ta. Hai bên kịch chiến rất căng, quân ta quân giặc đều chết nhưng giặc vẫn không chia cắt được trận địa quân ta.

Đúng lúc này phò mã Hoài-đô và viên tướng trẻ A-truật con trai của Ngột-lương-hợp-thai đã từ thượng lưu vượt sông sang đánh vào sườn trái quân ta.

A-truật công phá sườn trái, Hoài-đô vòng quân lại phía sau. Vậy là ba mặt quân ta đều thụ địch. Tuy nhiên giặc vẫn chưa phá được thế trận quân ta. Chỉ đến khi A-truật cho tập trung các cung thủ thiện xạ bắn tên độc vào mắt voi khiến voi hốt hoảng lùi lại. Khi đó có một vài con trúng thương quay đầu bỏ chạy thì cả đàn voi đều quay đầu. Thế trận của ta lúc này vỡ từng mảng.

Triệt-triệt-đô thừa thế cho quân xông vào trận địa. Thấy thế trận nao núng, viên đô tướng tức vệ Thượng đô khuyên vua: “Xin bệ hạ hãy lùi lại phía sau, lên cao quan sát, thu quân rồi lại đánh tiếp”. Giữa lúc ấy, Lê Tần dẫn kỵ đội đánh gian vòng vây giặc đi tìm vua và xin nhà vua lên ngựa rút ra bến thuyền. Vua nói lại ý của viên đô tướng tức vệ. Lê Tần vừa giục vua lên ngựa vừa nói: *“Bệ hạ phải coi xả tặc làm trọng. Đây là đánh giặc chứ không phải đánh bạc. Xin bệ hạ chớ nghe lời xui”*.

Vua nghe quát ngựa đi liền, cả kỵ đội của Lê Tần theo sát hộ giá. Quân ta áp sát che chắn cho vua xuống thuyền. Lê Tần sai quân chèo gáp. Giặc đuổi theo bắn tên xuống như mưa. Lê Tần lấy sạp thuyền làm mộc che tên cho vua. Giặc không cướp được thuyền

của quân ta và chúng cũng không có thuyền để đuổi. Cùng lúc đó, Trần Khánh Dư xuất kích đánh vào phía sau lưng địch. Và lại quân bộ của ta vẫn còn kháng cự và vừa lúc các tướng Phạm Cự Chích, Phú Lương hầu dẫn một đoàn thuyền lên tiếp ứng. Phạm Cự Chích cản được quân giặc để thuyền vua xuôi mãi về bến Lãn My. Hai quân kịch chiến, tướng Phạm Cự Chích trúng tên độc nên thọ tử. Trời sập tối. Giặc không dám ham đuổi. Hai bên đều lui quân.

Vua rút về đến Phù Lỗ thu quân và lập phòng tuyến cản giặc. Vua sai phá cầu Phù Lỗ, trao việc cản giặc cho tướng Phú Lương hầu. Các tướng hộ giá vua xuống thuyền xuôi về Thăng Long.

Thái sư Trần Thủ Độ ra tận bến Đông Bộ Đầu ^[67] đón vua.

Vừa trông thấy thái sư vua vội nói:

- Giặc phá tan thế trận của ta rồi. Liệu có giữ được Thăng Long không chú? Vậy chớ phải làm thế nào đây? - Vua hỏi.

Trần Thủ Độ bình thân lấy tay sờ lên vành cổ đáp:

- Tâu bệ hạ, tạm thời không giữ được Thăng Long nhưng vẫn giữ được nước, nếu đầu thần còn chưa rơi thì bệ hạ khỏi lo. Hãy tạm thời lui về Thiên Mạc, thần đã sai thái úy đưa quân về đó chiều nay. Cả hai hoàng tử đều trở về Long Hưng, Thiên Trường để lấy thêm quân tiếp ứng. Về Thiên Mạc để lo kế đuổi giặc, xin bệ hạ kíp xuống thuyền kéo quân giặc đuổi sắp tới nơi rồi. Vì rằng lực quân ta ở Phù Lỗ mỏng lắm, Phú Lương hầu sao cự nổi sức giặc đang cường.

Quan chương ẩn từ trong điện Đại Minh chạy bộ ra bến may kịp lên theo thuyền vua. Vua hỏi:

- Ẩn đâu, có mang theo không?

Chương ẩn vội tâu:

- Ẩn báu thần đã cất trên nóc đại điện, chỉ mang theo ẩn nội mật để bệ hạ tiện dùng trên đường đánh giặc.

Quá nửa đêm thuyền ngự về đậu tại sông Thiên Mạc. Sớm ra, vua thấy quân đóng rải rác khắp bãi Mạn Trù. Phía xa thấy chiếc thuyền treo hiệu cờ Thái úy. Vua sai chèo thuyền ra gặp. Nom sắc diện Thái úy nhợt nhạt. Vua động lòng thương: “Chắc em ta vất vả đêm hôm đốc thúc quân sĩ nên kém ăn ít ngủ”. Vua bèn thuật chuyện quân ta đánh giặc hăng hái. “Giặc chết cũng nhiều. Nhưng sức giặc đang cường. Quân kỵ của chúng rất thiện xảo. Cuối cùng chúng liệu đánh phá được thế trận của ta...”. Nói xong, vua hỏi:

- Thái úy có kế gì phá giặc giúp ta chăng?

Nhật Hiệu không đáp chỉ cúi xuống lấy ngón tay nhấp nước viết vào mạn thuyền hai chữ “Nhập Tống” ^[68].

Vua lại hỏi:

- Quân Tinh cương ^[69] đâu?

- Gọi không đến. - Thái úy nói giọng lí nhí.

Vua sai chèo thuyền về trại thái sư và triệu các tướng đến bàn kế đuổi giặc.

Lại nói trên vùng Quy Hóa có ba ngàn quân triều đình do Quốc Tuấn thống suất. Hai đầu lĩnh Hà Bồng, Hà Khuất mỗi người có một ngàn quân.

Cả hai vị đầu mục đều sẵn sàng chịu sự điều hành của Quốc Tuấn.

Tuy vậy Quốc Tuấn chỉ bàn phối hợp sao cho ăn ý, đánh được giặc mà quân ta ít bị thiệt hại. Và từ sau khi đánh bẫy đá, đánh phục vào những tên giặc đi sau cùng, cộng tất cả giết được hơn ba chục tên Mông Cổ và hơn hai chục con ngựa, bên ta không mất người nào khiến cả hai đầu lĩnh và quân của họ hết đời vui mừng vừa tin vào tài thao lược của tướng triều đình vừa không sợ quân kỵ Mông Cổ nữa.

Đội quân kỵ do tướng Ngột-lương-hợp-thai dẫn đầu bỏ lại đám quân ô hợp của Đoàn Hưng Trí gồm hai vạn binh và ba vạn phụ cù ì ạch ngày đi đêm nghỉ trong cái thế giới của rừng rậm âm u.

Không bỏ lỡ cơ hội, Quốc Tuấn bàn với hai vị đầu lĩnh chặn quân tiếp lương lại đánh. Tiếp lương là những đoàn tốt bị cưỡng bức đi tải lương cho quân, vừa mang vác nặng vừa không có khí giới nên bị đánh là chúng xin hàng ngay. Quân ta gom hết lương của giặc lại đốt rồi trói tay chúng thành một dây dài cứ mỗi dây ba chục đứa đuôi quay lại đất Đại Lý và đe: “Nếu lần sau bắt được sẽ chém đầu”. Lũ giặc van lạy rồi rít hứa không dám theo quân đi nữa.

Về tới nước, bọn này rủ nhau đi trốn không ở lại quê hương.

Đoàn Hưng Trí từ khi bị quân ta diệt quân tải lương, đốt hết lương thực, nguồn tiếp tế bị chặn, lòng quân sinh rối. Trí muốn tiến quân theo kịp với tiền quân của Ngột-lương-hợp-thai phần lo bị đánh chặn, mà thực tế quân của Trí đã nhiều lần bị chặn đánh. Quân Thoán, Bặc ít được tập tành, chưa quen chiến trận, cứ hễ gặp đối phương phục kích hoặc chặn đánh là bỏ chạy tan tác. Phần khác Trí còn lo hơn, giả như có liều chết cướp đường mà đi thì lấy lương thực đâu cho quân ăn hằng ngày. Cái kế của viên quan quân lương tưởng hay mà hóa dở, thế mới có tin đồn gặp giặc là chúng đã trút lương để cho nhẹ thân tháo chạy. Bởi vậy số lương thực bị vứt bỏ dọc đường cũng không phải là ít.

Đoàn Hưng Trí rối lòng bèn triệu tướng tiên phong Tín-thư Phúc là chú họ vào trướng nội để bàn việc quân. Vừa an tọa, Trí hỏi:

- Tình thế rồi bời, tiến thoái lưỡng nan, ý chú thế nào?

Tín-thư Phúc hỏi lại:

- Đại vương có biết quân của thái sư hiện giờ ở đâu không? Đã vào lọt trong đất Đại Việt chưa hay cũng như quân ta đang giảm chân tại chỗ?

- Không có tin tức gì hết. Chỉ biết lúc vượt qua quân ta, thái sư có dụ rằng: “Phải tiến nhanh để theo kịp quân ky, tương hỗ mặt hậu để thái sư rảnh tay tiến vào Thăng Long bắt sống vua Trần”.

Tín-thư Phúc lắc đầu nói:

- Chính là quân mình phải dựa vào quân ky của thái sư để lấy cái oai hùm sói. Nay thái sư độc dẫn quân ky đi xa, quân ta như rắn không đầu khiến quân Việt coi thường đánh ta bất kể lúc nào. Quân ta tuy đông nhưng không có sức giao đầu.

- Vì sao vậy? - Đoàn Hưng Trí hỏi.

- Bởi thiếu mất mấy thứ cần yếu mà một đội quân phải có. Một là lòng cương dũng. Hai là kỹ xảo sử dụng các loại binh khí hiện có trong tay. Ba là vì ai, vì mục đích và quyền lợi gì mà người lính phải dấn thân vào nơi nguy họa. Ba điều đó chúng ta đều thiếu hụt cả, nên mỗi bước đi như có cả ngàn cân đá đeo nặng dưới chân. Ngay đại vương cũng thế thôi, thử hỏi cuộc viễn chinh này đại vương có thấy thích thú hay bị cưỡng bức ra đi?

- Nhưng ta muốn hỏi, ông vừa là tướng tiên phong vừa là thúc phụ của ta, làm thế nào để quân ta thoát ra được tình thế bi thiết này?

- Khó lắm! Tín-thư Phúc lắc đầu. Tiến lên thì vừa chết đói, vừa bị quân Việt đón đánh. Chết nhưng biết có còn ai sống sót mà theo được đám kỵ binh đi nhanh như gió kia. Lui, tức quay lại nước Đại Lý may còn cứu sống được một ít sinh linh, nhưng đầu của đại vương và của ta chắc thái sư và người Mông Cổ không để cho nó nằm yên trên cỏ đâu.

Lại nói quân Mông Cổ tuy có phá vỡ được mặt trận Bình Lệ Nguyên, nhưng không bắt sống được vua nhà Trần khiến Ngột-lương-hợp-thai cả giận thét: Kẻ làm tướng mà không nghiêm lệnh trên để hại cho binh uy ắt không thể tha thứ.

Biết Ngột-lương-hợp-thai không tha thứ, tướng Triệt-triệt-đô bèn uống thuốc độc tự tử.

Sớm hôm sau kỵ binh Mông Cổ thẳng đường tiến về Phù Lỗ thấy cầu đã bị phá sập. Giặc tìm cách vượt sông và mau chóng đánh tan phòng tuyến của quân ta, tôn thất Phú Lương hầu tử trận. Quân ta mau chóng rút theo sông Cà Lồ ra sông Cái rồi xuôi về bến Đông Bộ Đầu. Tới lúc này thì không sức gì cản được kỵ binh Mông Cổ tiến về Thăng Long theo đường thiên lý.

Ngột-lương-hợp-thai dẫn quân vào Thăng Long thấy một tòa thành với những cung điện lâu đài nguy nga tráng lệ nhưng trống rỗng, cả phố xá cũng vắng tanh vắng ngắt không một bóng người, kiếm tìm ra được thứ gì ăn uống ở đây không phải là dễ.

Quân Mông Cổ sục sạo khắp các nơi, sau tới nhà công quán, chúng tìm thấy ba tên sứ giả được cử vào thuyết hàng Đại Việt từ tháng tám, tháng chín và đầu tháng mười một, thấy cả ba tên đều bị trói ép vào cột bằng lạt tre cật, nút buộc chặt đến nỗi khi mở ra thì một tên đã chết cứng, còn hai tên kia cũng ngắc ngoải vì đói và rét, chúng cũng hàm chứa nói được điều gì.

Ngột-lương-hợp-thai tức giận sai quân đi phóng hỏa đốt cháy trại hết cả sáu mươi mốt ^[70] phường. Và y đang dò tìm tung tích

để truy đuổi vua Trần.

Trước khi rút về Thiên Mạc, thái sư Trần Thủ Độ sai các lộ điều quân về hội tại bãi Mạn Trù. Tới ngày mười sáu tháng chạp, quân các lộ đã về họp tại bãi Mạn Trù đông đủ. Thái úy Trần Nhật Hiệu cũng đã gọi được quân Tinh cương của ông về hội. Các hoàng tử Trần Hoảng, Trần Quang Khải cũng đưa quân từ Long Hưng và Sơn Nam Hạ đang trên đường về Thiên Mạc.

Linh từ quốc mẫu cũng chỉ cho các hoàng tử và một vài đô tướng chỗ cất giấu số khí giới chưa phân phát hết cùng lương thực đã tích chứa để đem phân phát cho quân. Trên đường ngược sông về Thiên Mạc, thuyền quân đi san sát như lá tre. Khí thế ba quân hùng hực. Bỗng nhiên hoàng thái tử Hoảng nhìn thấy một lá thuyền trong đó có vài người đang đi ngược về phía hạ lưu. Tới gần nhìn rõ mới biết người ngồi phía trước vốn là tiểu hiệu Hoàng Cự Đà.

Vừa lúc đó Cự Đà cũng chợt nhìn thấy thái tử liền vát thuyền né tránh đi. Lúc này hai thuyền xuôi ngược đã cách nhau tới mười trượng, hoàng thái tử sai đồng thanh hỏi: “Quân Mông ở đâu?”.

Hoàng Cự Đà quay lại gân cổ gào to: “Đi mà hỏi những người ăn muỗi ấy”.

Quân về hội ngày một đông, khí thế đánh giặc ngày càng phấn khích. Nhà vua cho triệu Thái sư, Thái úy, các tướng Lê Tần, Khuê Kinh cùng các đô tướng tại các lộ, các trấn mới đưa quân về hội để bàn kế đuổi giặc ra khỏi Thăng Long, đuổi giặc ra khỏi bờ cõi.

Ngột-lương-hợp-thai chốt đóng trong kinh thành mọi thứ đều làm y ung ý, duy có một điều không kiếm ra đó là lương thực cho người và cỏ ngon cho ngựa. Bờ mùa đông cỏ ngoài đồng vàng úa và nhiều loại cỏ hôi mọc xen kẽ nên ngựa Mông Cổ không ăn được. Trong khi đó thì cỏ khô và lương thực ngày một vơi cạn. Ngột-lương-hợp-thai nóng lòng chờ hậu quân do Đoàn Hưng Trí thống suất mãi vẫn chưa thấy tăm hơi. Mặt khác y muốn tung quân đi truy nã vua Trần nhưng với số quân ít ỏi mang theo chỉ có ba mươi ngàn tên thì đã chết mất non năm ngàn, với hơn hai ngàn hai trăm đứa bị thương nằm đó chưa đứa nào có thể nhúc nhích được còn nói gì ra trận.

Hai tên sứ giả sau mấy ngày phục com, phục thuốc nay đã khá, chúng thuật lại đủ mọi điều từ việc vua Trần không chịu lạy chiếu, không tiếp chiếu. Và để tăng sự thù hận y còn thêm: “Chúng nó lăng mạ thái sư, thách thức Đại Hãn và giam sứ lại chứ không thả sứ, không phúc đáp”. Ngột-lương-hợp-thai nghe hai tên sứ tranh nhau kể tội vua quan nhà Trần, máu nóng trong người y bốc sôi lên muốn quát ngựa truy tìm Nhật Cảnh ngay tức thì. Ngặt vì quân quá ít, nếu kéo tất cả ra đi lại phải bỏ trống kinh thành này, lúc quay lại hẳn đã bị quân Đại Việt chiếm mất. Vì vậy, Ngột-lương-hợp-thai cố nán chờ quân của Đoàn Hưng Trí.

Ngột-lương-hợp-thai chiếm được Thăng Long từ chiều ngày mười sáu tháng chạp, nay đã gần hết ngày hai mươi hai rồi mà vẫn bật tin Đoàn Hưng Trí, trong khi y nóng lòng tìm bắt vua Trần, buộc Nhật Cảnh quy hàng để còn lấy đất cho đại quân qua đây mà đánh sang Ung Châu lấy đường tiến vào Đầm Châu, hội quân với Đại Hãn Mông-kha tại Ngạc Châu như kế đã hoạch định.

Rạng sáng ngày hai mươi ba tháng chạp Ngột-lương-hợp-thai nhận được mật thư của Đoàn Hưng Trí do một viên đô tướng rất thông thạo đường đi lối lại vào Đại Việt, lại biết cả tiếng nói của người Đại Việt, đem theo nhiều tiền và đồ quý vừa giả làm lái buôn, vừa để khi cần có thể dùng tiền của đó mà thoát thân. Vừa trao xong bức thư, y nằm vật ra ngất xỉu.

Ngột-lương-hợp-thai vội mở thư đọc.

“... *Quân Đại Việt quý quyết chờ cho kỵ đội của Thái sư đi qua lâu rồi chúng mới quây quân tiếp lương của ta lại đánh, thu hết lương thảo dất đi và giết chết quân tiếp lương. Sau đó chúng ngày đêm tập kích đánh cho quân ta bải hoái. Vì quân là người Thoán, người Bạc ô hợp lại chưa được huấn dạy nên cứ hễ thấy quân giặc đến là chạy hoặc đầu hàng. Kẻ bạc đức này không biết có chống chọi được với quân giặc để rút về Đại Lý không.*

Tình thế thật là khôn quẫn, lương hết, quân vừa đói vừa rét vừa nhát sợ, mong Thái sư sớm quay binh về cứu mạng. Sợ rằng Thái sư cứ nán nà, khi quân kia dồn xuống Thăng Long, quân ta sẽ bị cắt mất đường về...

Thư nói chẳng hết lời. Rỏ máu mắt xin tha tội chết”.

Đọc xong thư, Ngột-lương-hợp-thai toát mồ hôi ướt đẫm cả lưng áo, mặc dù Thăng Long đang tiết đại hàn. Ngột-lương-hợp-thai không thèm nghĩ đến việc cứu Đoàn Hưng Trí và đám quân Thoán, Bạc mà y thật sự lo với lời cảnh tỉnh của Đoàn Hưng Trí: “... *khi quân kia dồn xuống Thăng Long, quân ta sẽ bị cắt mất đường về*”. Đó chính là nỗi lo bất chợt vừa ập đến. Viên tướng dạn dày chiến chinh này đã đập đờ không biết bao thành trì, sát hại không biết bao nhiêu vua chúa, quả không ngờ cái nước Đại Việt chỉ bằng bàn tay với một nhóm người này mà dám chống lại đại binh Mông Cổ. Biết thế, ta đem hẳn mười lăm vạn quân kỵ thì mọi việc chắc xong rồi. Làm lỡ kế hoạch của ta, tội do hai đứa. Một là Triệt-triệt-đô ham đánh vì nó nghĩ là chắc ăn, ai ngờ quân Đại Việt chống trả kiên cường khiến ta sống mất Nhật Cảnh. Hai là Đoàn Hưng Trí và lũ quân Thoán, Bạc nhát hèn không theo kịp quân ta làm hậu thuẫn.

Suốt cả ngày hai mươi ba tháng chạp Ngột-lương-hợp-thai suy nghĩ rất lung. Truy bắt Nhật Cảnh hay quay về. Nếu bắt được Nhật Cảnh thì mọi chuyện êm ru. Lỡ không bắt được thì sao, và biết vua tôi nó ở đâu mà truy lùng. Ngại nhất là trên đường về gặp quân nó tràn xuống và Nhật Cảnh thấy ta lui binh lại cho quân truy đuổi. Trong khi quân ta đi lâu ngày mỗi mệt mà trước sau đều có quân địch quần chân là điều thất lợi. Nghĩ vậy, Ngột-lương-hợp-thai ra lệnh cho các tướng phải chuẩn bị sẵn sàng, có lệnh là lên đường.

Chiều hai mươi ba tháng chạp trời rét căm căm, bầu trời xám xịt, bãi Mạn Trù mệnh mông cói lác cao lút đầu người, dưới sông thuyền đậu san sát. Mùa đông nước sông cạn để phơi mếp cát trắng phau viền lấy bãi cói xanh ròn, nom bờ cát như chiếc lược hén không lồ liếm vào mặt nước sông.

Quân các lộ, quân của các vương hầu xếp hàng tề chỉnh giáo gươm sáng lóa, cung nỏ đeo vai đứng theo hiệu cờ của các đô tướng.

Quân các vệ như Tả hữu thánh dực, Cùng thần, Thiên thuộc, Thần sách... là các sắc quân tinh nhuệ luôn theo sát bên vua để hộ giá xếp thành từng khối đứng về phía gần với nhà vua.

Trước khi ban lệnh vua dụ:

- Hồi binh sĩ, để giữ kín nhiệm cho tới lúc xuất binh, các người không được tung hô chúc tụng mỗi khi ta nói. Cốt nhất nghe cho rõ hiệu lệnh để làm cho đúng.

Hồi binh sĩ,

Hôm nay là hai mươi ba tháng chạp, nếu giặc Mông - Thát không xâm chiếm cõi bờ ta thời hôm nay các người đã được sum họp cùng gia đình làm lễ tiễn Táo quân về Trời rồi lo liệu bánh trái cho ngày tết.

Giặc phá sự yên bình của mọi nhà kẻ cả ta. Vậy ta cùng các người quyết kẻ vai sát cánh đuổi giặc ra khỏi Thăng Long, đuổi giặc ra khỏi cõi bờ ta để tết này mọi người đều được sum họp với gia đình họ mạc và xóm làng.

Hỡi binh sĩ,

Nếu các người đồng tâm nhất trí vua tôi một lòng sống chết cùng nhau quyết giữ lấy giang san bờ cõi thì hãy cùng ta giơ tay lên thề cùng với thiên liêng sông núi.

Lập tức hàng rừng cánh tay giơ lên thẳng đứng, tỏ rõ ý chí sắt đanh của mọi người.

Vua lại dụ:

- Các tướng cho quân nghỉ ăn cơm sớm rồi đi ngủ. Nhưng mọi sự đều phải sẵn sàng. Giờ khởi binh phá giặc ta sẽ báo sau.

Quân nhanh chóng tản ra ai về thuyền ấy.

Cơm nước xong xuôi, quân phải đi ngủ nhưng binh khí vẫn mang trên người.

Các đô tướng đã được lệnh, đầu giờ tí có tiếng pháo nổ làm hiệu, các thuyền nhất loạt xuất quân. Thuyền đổ ra chật sông, tiếng khua nước rào rạt.

Hoàng thái tử Trần Hoảng lĩnh ấn tiên phong đi trên chiếc lầu thuyền Kim Ngư có Khuê Kinh làm phó tướng. Vua Thái tông đi với đạo trung quân trên chiếc lầu thuyền Kim Phượng có tướng Lê Tần dưới tướng.

Các vệ quân hùm sói đều chia ra đi hộ vệ trên các thuyền áp sát thuyền ngự và thuyền của hoàng thái tử.

Đại quân theo vua tiến ra sông Cái rồi ngược về bến Đông Bộ Đầu và tỏa ra vây hãm quân giặc trong thành.

Đạo quân đi đường bộ gồm đủ tượng binh, kỵ binh hội quân ở Sơn Nam Thượng tiến về Thăng Long từ lúc sẩm tối.

Thái sư Trần Thủ Độ tiễn vua lên thuyền còn dặn:

- Bệ hạ cứ yên tâm đuổi giặc, còn hai vạn quân, thần sẵn sàng lên đường tiếp ứng sát cánh cùng bệ hạ phá giặc.

Vua Thái tông nói vui:

- Quốc phụ cứ kê gối ngủ cho ngon giấc, ngày mai trẫm sẽ cho quân về rước quốc phụ vào điện Thiên An.

Thuyền quân đi được chừng nửa canh giờ bỗng có gió đông nam thổi nhẹ. lát sau gió thổi mạnh hơn. Các thuyền đều giương cả hai buồm. Chèo gác mái. Thuyền lướt nhẹ trên mặt nước mà nhanh như ngựa chạy. Đầu giờ dần các thuyền đã đổ hết quân lên bờ. Các đô tướng nhanh chóng đem quân của mình đến phục tại các nơi hiểm yếu đã định. Sương giăng trắng cả kinh thành. Bỗng từ đâu đó

pháo hiệu nổ ran. Kèn thổi inh ỏi, trống thúc liên hồi.

Quân ta từ các nẻo ào ạt xông vào trại giặc.

Ngột-lương-hợp-thai là một viên tướng lão luyện. Từ khi nhận được thư cấp báo của Đoàn Hưng Trí, y đã định rút quân nhưng còn phân vân. Tuy nhiên, y bắt các tướng phải cho quân nài nịt sẵn sàng, bất cứ lúc nào có lệnh là lên đường ngay. Y mơ hồ cảm thấy quân Đại Việt sẽ tiến đánh chỉ trong khoảng khắc. Vì vậy khi nghe thấy hiệu kèn của quân ta, Ngột-lương-hợp-thai ra lệnh cho quân không được lấy bất cứ một thứ của cải nào mang theo. Kẻ nào trái lệnh các đô tướng cứ chém không cần tâu báo. Dọc đường gặp quân chặn phải cố đánh cướp lấy đường mà chạy. Những kẻ chết bỏ lại, kẻ bị thương không tự chạy được cũng bỏ lại. Nếu chậm trễ các người sẽ không có đường về.

Vừa nói xong, y ra lệnh:

- Tất cả lên đường trở về Đại Lý. A-truật đoạn hậu.

Thế là quân Mông Cổ ào ạt chạy, nhanh hơn nhiều khi nó đến.

Quân ta bốn mặt bỏ vây nhưng tiền quân của giặc đã chạy khỏi Thăng Long. Kỵ đội của ta xông lên đánh, giặc vừa đỡ vừa chạy. Quân cung nỏ của ta bắn như vũ tên về phía giặc. Người, ngựa của giặc chết lãn quay khá nhiều. Những con ngựa Mông Cổ to cao đồ kèn, bốn vó giơ lên trời giầy đập trong thình không một lát rồi gục hẳn. Những tên lính Mông Cổ bị trúng thương gục trên mình ngựa, theo đà ngựa cứ phi nhanh về phía trước văng cả tên kỵ sỹ khỏi mình ngựa nhưng đôi chân còn mắc dính vào yên cương còn đầu thì kéo lê trên mặt đất. Có những đứa ngã người tránh tên núp mình vào bụng ngựa, y tránh được phía tả liền bị quân phía hữu bắn trúng, buông xuôi hai tay, mặt úp vào bụng ngựa. Ngay cả những con ngựa không còn chủ ấy cũng lần lượt bị bắn gục. Quân Mông Cổ tuy chết, nhưng chúng không hề cứu nhau. Chúng giẫm đạp lên xác của nhau lấy đường trốn chạy.

Tuy vậy, quân Mông Cổ cả người và ngựa đều khỏe, chúng lại chạy thực mạng để tìm đường sống nên khoảng cách giữa quân ta và giặc cứ xa dần. Và ra khỏi Thăng Long chừng hơn trăm dặm, quân ta không đuổi theo nữa, nhưng giặc vẫn chạy căng hết sức ngựa. Đoàn quân Mông Cổ bại trận do hai cha con Ngột-lương-hợp-thai, cha dẫn đầu, con đoạn hậu lần đầu tiên ném mùi Đại Việt, đã táng đờm kinh hồn tháo chạy không còn phân biệt được trời đất đâu.

Khi cảm thấy không còn bị quân Đại Việt săn đuổi, Ngột-lương-hợp-thai hãm ngựa cho quân đi nước kiệu để chúng vừa nghỉ vừa ăn uống.

Đuổi được giặc ra khỏi Thăng Long, vua tôi hoan hỷ. Vừa về lại trong cấm thành, việc đầu tiên của quan Chương án là sục ngay vào điện Đại Minh lấy thang bắc lên mái nhà sờ tay vào chỗ sát đầu kèo với rường nhà tìm lại được ấn báu.

Giặc chỉ đốt phá ngoài phường phố chứ trong cấm thành không hề có dấu hiệu phá phách, chứng tỏ chúng có ý định chiếm đóng lâu dài.

Vì cận ngày Tết, và còn chờ các tướng ngoài biên trở về báo tiệp, vua cho các cơ quan trong lục bộ và các đài, sảnh, viện lo cứu trợ cho các nhà ngoài phố bị giặc tàn phá. Cái chính là cùng với các quan sở tại lo cho những người có nhà bị cháy, hoặc có người chết

do từ trận hoặc do giặc giết, nhất thiết trong ba ngày tết phải có cỗ ở tạm, có nơi cúng gia tiên, và vậy mọi việc phải cấp kỳ làm gấp.

Vua Thái tông cũng răn phủ Tông chính tết này chỉ sửa hương hoa bánh trái dâng cúng tổ tiên chứ không được mổ lợn mổ bò, cỗ bàn yến tiệc. Vua cũng dụ bảo ty Thái chúc ^[71] tết này bỏ lệ vua thết yến các quan vào đầu năm mới. Tất cả đều phải kiệm ước, phải chia sẻ với nỗi bất hạnh của người dân.

Lại nói Quốc Tuấn phối với dân binh người man của Hà Khuất, Hà Bồng ở Quy Hóa giang đánh tan đội quân đông tới gần năm vạn người vừa lính vừa phu của Đoàn Hưng Trí, khiến chúng chết tới quá nửa và tan tác chạy tháo về đất mẹ mà mặt mày vẫn còn tái mét, tim đập chân run. Tạm thoát được thân, nhưng Đoàn Hưng Trí còn lo Ngột-Lương-hợp-thai không tha tội chết vì đã để thua trận. Đoàn Hưng Trí có biết đâu rằng chủ của y cũng đang lâm vào cảnh ngộ chẳng khác gì y.

Quốc Tuấn chưa vui trọn niềm vui đánh tan đội quân Thoán, Bạc thì đã nghe Thăng Long thất thủ. Ông đang bàn với hai vị đầu mục gom góp thân quân rồi cùng kéo về xuôi góp sức với triều đình đánh giặc. Việc đang tiến hành lại nhận được mệnh vua.

Viên tín sứ cưỡi ngựa lưu tinh vừa móc được tờ chiếu ở trong lòng ngực ra trao cho Quốc Tuấn thì y ngất xỉu, và con ngựa bọt sùi trắng mép cũng từ từ quy xuống.

Không kịp lay chiếu, Quốc Tuấn mở đọc ngay. Ông không tin vào mắt mình nữa. Vợ gọi các viên đầu mục lại cùng xem.

“... Quân Mông Cổ đã bị đánh bật ra khỏi Thăng Long. Chúng đang trên đường chạy trốn. Tướng quân kíp phối với các vị đầu mục đánh cho giặc không có đường về...”

Ngay lập tức quân chia đi phục tại các nơi đã dự liệu. Quả nhiên đêm đó giặc chạy tới trại Quy Hóa. Ngựa chúng phi như gió bỗng sập hố con nọ đè lên con kia, đè lên cả những tên kỵ mã.

Tiếng ngựa rống, tiếng những đứa bị ngựa đè đang ngắc ngoài kêu cứu. Mặc tất cả, những kẻ đi sau cứ vượt lên. Trong khi đó quân của Hà Bồng với hàng trăm cây nỏ cứng bản tên độc chặn đầu quân giặc. Ngựa của Ngột-lương-hợp-thai vừa dừng lại, chưa kịp khuy xuống thì hai tướng tả hữu hộ vệ lướt ngựa qua, y nhẹ co mình để thoát khỏi lưng con ngựa chết, thoát đã ngồi sau các viên tả hữu hộ vệ.

Ngột-lương-hợp-thai nắm lấy dây cương và khê đẩy vào lưng viên hữu hộ vệ. Tên này vừa uốn mình đã bật khỏi lưng ngựa và bắn sang ngồi phía sau viên tả hộ vệ. Tất cả các việc trên đều diễn ra trong đêm tối và chỉ thoáng như một chớp mắt.

Mặc dù bị chặn đánh nhiều nơi, quân Mông Cổ bị bãm ra từng khúc nhưng chúng không hề đánh trả chỉ cắm đầu cắm cổ thúc ngựa chạy.

Khi về tới A Mân cả người, ngựa của chúng đều rã rời xơ tướp ra như tàu lá chuối bị bão xé cho rách bươm. Quân, tướng, người, ngựa đều thất thân.

Ngột-lương-hợp-thai cho kiểm lại trong số ba vạn quân ra đi chỉ còn lại non mười ngàn đứa. Hấn lẩm nhẩm: “Không chỉ có thế, ta còn mất thêm viên đứng tướng Triệt-triệt-đô khiến ta đau lòng. Nếu kể cả số quân Thoán, Bạc nữa thì ta mất tới gần năm vạn quân, đây

đúng là mối hận của ta. Bởi mấy chục năm theo Đại Hãn đi chinh chiến, ta chưa hề thua một trận nào thế mà cái bọn man di An Nam Giao Chỉ này dám trêu tức ta, hãm hại sứ giả của ta, rắp tâm kháng mệnh thiên tử, chống lại đại binh của ta. Hẹn binh xong nhà nam Tống, ta sẽ tâu với thiên tử đem binh làm cỏ nước Nam, Thăng Long sẽ thành bình địa”.

Đứng trước đoàn quân thất trận, viên dũng tướng lưng danh Ngột-lương-hợp-thai rút thanh trường kiếm cao giọng đe: *“Kẻ nào dám tiết lộ các việc vừa qua ở Đại Việt làm nhục khí và binh uy của ta ắt bị chém bêu đầu”*. Nói xong y huơ thanh trường kiếm một vòng. Lưỡi kiếm sáng xanh vút đi như một lóe chớp khiến binh sĩ sợ sệt, tự nhiên chúng đều so vai rút cổ, tựa như né tránh một lưỡi gươm vô hình vừa lướt qua.

Quốc Tuấn được quân thám về báo, giặc đã chạy ra khỏi biên thù, ông liền giao cho viên đô tướng một ngàn quân ở lại cùng với dân chúng và các đầu mục canh giữ biên cương. Chia tay các vị trại chủ và dân chúng, ai nấy đều tỏ lòng luyến nhớ vị tướng trẻ tài ba dũng lược cùng đội quân gan góc của triều đình.

Quốc Tuấn dẫn quân xuống thuyền xuôi về Thăng Long báo tiệp.

X

Mông Cổ là đội quân tàn ác khét tiếng dưới gầm trời. Giết người, cướp của vợ vét không thiếu một thứ gì. Thế mà vào Thăng Long bao nhiêu của cải và đồ sang, quý nó không lấy đi một thứ gì. Ngay cả trên đường tháo chạy cũng không đốt nhà, giết người, cướp của. Dân cứ ngoa đồn nó là “Giặc Phật”. Nhưng mọi người đâu có biết rằng nó bị quân ta đánh giập đầu, đứt đuôi phải hốt hoảng tháo chạy cốt để thoát chết, sao còn dám nghĩ đến việc cướp của mang theo.

Quốc Tuấn về triều tâu báo lại diễn biến mọi mặt trên chiến trận biên thù, và việc cố kết các đầu mục người man làm phen giậu, được vua khen.

Quốc Tuấn xin vua khen tặng công lao cho các đầu mục, nhất là Hà Bồng vừa dũng cảm, mưu trí vừa xuất của nhà nuôi quân. Trong các trận phục đánh quân Mông Cổ trên đường tháo chạy, Hà Bồng lập công đầu, giết được nhiều giặc nhất kể cả quân Thoán, Bặc và quân Mông Cổ.

Vua sai triệu các quan trong ngoài về triều hội vào ngày sóc tháng mạnh xuân.

Thái sư Trần Thủ Độ có vài dự nghĩ muốn bày tỏ với nhà vua trước khi diễn ra triều hội. Vì vậy thái sư vào thẳng tiền điện gặp vua.

Vừa trông thấy thái sư, nhà vua mời vào nội điện và nói:

- Có việc gì mà chú không gọi cháu đến? Chú tuổi cao nên bảo trọng.

Trần Thủ Độ cười khà khà:

- Bệ hạ thương thần ban trọng ân thế đã là quý. Và lại, tuy tuổi cao nhưng sức vẫn chưa đến nỗi nào. Vừa rồi giặc Mông - Thát vào, thần vẫn muốn cầm quân ra trận, nhưng bệ hạ lại sai giữ các việc ở hậu quân hóa ra trở thành một thứ lão già an chi.

Nhà vua nói lời an ủi:

- Chú đừng nghĩ thế. Cứ gì phải cầm quân ra trận mới là tướng giỏi. Chú ở trong màn trướng mà quyết việc ngoài ngàn dặm không sai một ly. Cho tới nay trong nước ta chưa ai thay được chú.

- Ấy chết, bệ hạ nói sai rồi. Quyết cả việc trong lẫn việc ngoài của đất nước hiện nay đều ở bệ hạ, việc nào cũng được người trong nước tin theo. Cứ xem trận đánh quân Mông - Thát vừa qua thì đủ rõ. Dân nước cứ ùn ùn kéo nhau xin ra trận, chẳng có người dân nào sợ giặc. Chấn dân được dân yêu trọng, dám xông vào chỗ muôn chết mà không so đo tính toán gì. Đây là cái được lớn nhất của bệ hạ, không phải người làm vua nào cũng có được cái đức ấy đâu.

Vì sao vậy? Vì rằng bệ hạ đã lấy ý muốn của muôn dân làm ý muốn của mình. Lấy cái tâm của thiên hạ làm cái tâm của mình.

Đúng như lời răn của Phù Vân quốc sư nói với bệ hạ khi lên Yên Tử.

Còn về đường nhân tài của nước cũng chưa bao giờ nở rộ thế này đâu. Xem ra Lê Tàn mưu trí, phương lược đã vào hàng thượng thừa. Trần Khuê Kinh cũng là tướng lão luyện đáng tin. Trần Khánh Dư vừa mưu vừa dũng, xuất hiện đúng lúc nên chia được sức giặc khiến Lê Tàn đưa được bệ hạ xuống thuyền lui quân đúng lúc, đẩy giặc vào thế hẫng hụt. Chưa đánh được quân ta mà giặc đã mất tướng giỏi. Khánh Dư sau này đáng mặt là một trí tướng.

Hai hoàng tử Trần Hoảng, Trần Quang Khải đang hé lộ là những bậc chân tài. Cái đức của Hoảng nổi được chí của bệ hạ. Các tay tam khôi hai khóa gần đây và các thái học sinh lấy vào làm việc ở các cơ quan, đều là những người có thực tài, có phẩm chất đáng khen. Nhất là Nguyễn Hiền với những binh khí chế tác vừa qua đem dùng trong quân vừa tiện vừa có hiệu quả.

Nghe Thái sư nói hàng loạt các nhân tài, nhà vua thấy đúng cả. Đáng khâm phục hơn là Thái sư nhìn nhận họ rất trân trọng, đánh giá họ rất công bằng. Nhưng tại sao không thấy Thái sư nói gì về Quốc Tuấn. Cũng không đã động gì đến Nhật Hiệu.

Nhà vua nhẹ hỏi:

- Thưa chú, cháu muốn mời chú uống một ly rượu cho ấm bụng, chú vui lòng.

Trần Thủ Độ vuốt râu cười xởi lời:

- Trời lạnh, được hoàng thượng ban ngự tửu thì còn gì bằng. Nhưng bệ hạ sai hâm nóng lên, uống cho nó thơm.

Trong khi chờ đám quan nội hầu hâm rượu, thái sư lại nói tiếp:

- Còn một việc trọng yếu thần hết sức lưu tâm bệ hạ. Tức là quân Mông Cổ thua ta trận vừa rồi không phải nó đã chịu bỏ cuộc đâu. Hiện thời nó tạm gác lại đấy. Nó ngoan xong nhà nam Tống, lập nền thống trị nước Trung Hoa xong rồi, nó dùng cái kho người kho của vô tận ấy để lần lượt nuốt các nước khác, mà ta là miếng mồi đầu tiên, vì nó vừa ngon, thơm lại vừa rửa được hận nữa. Cho nên cái lo của ta là lo về họa Mông - Thát đấy. Bệ hạ tính sao? Thái sư gặng hỏi.

- Thưa chú, lại phải dựa vào dân để dựng lấy một đội quân mạnh mà giữ nước thôi chứ còn làm cách nào nữa.

- Quân mạnh, bệ hạ nói đúng. Không có quân mạnh không giữ được nước. Nhưng quân mạnh trao cho tướng hèn thì mất nước là cái chắc.

- Chú chẳng vừa khen mấy vị tướng giỏi kia sao?

- Đành rằng vậy. Lê Tàn, Khuê Kinh vừa đáng trọng vừa đáng khen, nhưng tuổi cũng đã cứng rồi. Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư còn phải nuôi vỗ nữa. Duy có Quốc Tuấn là tướng tuy còn trẻ, song mưu lược ở con người này xem ra đã chín. Ta xem cách thu phục người man, cách sát cánh cùng họ lấy một mồi mà thắng mỹ mãn, đánh tan mấy vạn quân của Đoàn Hưng Trí để như trở bàn tay, dù biết Quốc Tuấn có tài làm tướng thiên bẩm. Ta nói thật với bệ hạ, nếu không có Quốc Tuấn phối với mấy đầu mục chặt đứt được cái đuôi ấy, sao Ngột-lương-hợp-thai chịu nhường nhả Thăng Long cho ta. Phải nói là nó chạy. Nó chạy một cách hốt hoảng vì sợ không có đường về. Cho nên ta chỉ xin bệ hạ sớm mệnh cũng nên trao quyền thống suất việc quân cho Quốc Tuấn. Nếu bệ hạ nhận lời thì dù ta có ra đi cũng

yên tâm. Vì ta tin chỉ có Quốc Tuấn mới trị được đám quân Mông Cổ. Phải đánh bọn ấy bằng mưu lược chứ phò sức mạnh thì ta không phải là đối thủ của chúng đâu.

- Dạ, những điều chú dạy đều đúng cả. Cháu sẽ cho thực thi. Riêng việc Quốc Tuấn phải từ từ, bỗng chốc đặt Quốc Tuấn trên Lê Tàn trong lúc này có thể sai.

Quan nội hầu đem rượu ra. Nhà vua mời rượu Thái sư. Mùi rượu nóng tỏa hương thơm phức. Thái sư đón lấy bát rượu từ tay nhà vua nói:

- Tạ ơn hoàng thượng ban rượu quý. Và ông lại nói tiếp:

- Ấy là chú cứ nói vậy, còn hoàng thượng lựa lúc nào thuận thì cất đặt. Cái chính là ta không bỏ sót người tài, dù là con cháu ta hay người ngoài cũng vậy thôi.

- Vâng đúng như thế. Chú còn điều gì dạy bảo cháu xin nghe.

- Còn mấy việc nữa chú sẽ nói theo như chú nghĩ, bệ hạ cứ cân nhắc việc nào có lợi cho nước thì làm, việc nào không có lợi thì thôi. Vì rằng người già hay lú lẫn nói trước quên sau, nói rồi lại ngỡ mình chưa nói nên nói lại trở nên lảm nhảm, bệ hạ bỏ qua, đừng chấp. Ấy là việc chú định nói mà chỉ sợ bệ hạ cho là càn rỡ... Thái sư áp úng về khó nói.

Đoán được ý ông chú có điều gì tâm huyết nhưng dưng chạm đây, nên chú còn băn khoăn chứ thực ra trong đời, người này có biết sợ ai đâu. Nghĩ vậy nhà vua nhìn Thái sư có ý giục:

- Chú đã bảo chú chỉ nói những việc có quan hệ đến dân đến nước, thế thì có gì chú phải đắn đo nữa.

- Thì đây, cái việc này là việc thần muốn nói nhưng lại đang cân nhắc, thôi thì thần cứ nói, nghe hay không tùy bệ hạ. Ấy là hoàng thái tử Hoảng đã lớn, uy nghi cốt cách, đức độ, tài năng đang nở, thế thì trao ngôi báu cho Hoảng đi, bệ hạ lên ngôi thượng hoàng mà giám sát. Cứ để cho Hoảng tập dượt cho quen thạo việc nước dần đi. Năm mươi năm sau Hoảng đủ tài đủ sức của một bậc minh vương rồi, lúc ấy bệ hạ lui hẳn về mà tham cứu đạo Thiên như bệ hạ hằng mong có hơn không.

Thái sư ngừng lời, nhìn nhà vua để dò thăm ý tứ.

Nhà vua thật sự xúc động liền đứng dậy vái Thái sư một vái và nói:

- Ôi thưa chú, việc đơn giản thế sao cháu lại không nghĩ ra nhỉ. Nếu Hoảng sớm đảm đương được việc nước để cháu lui về tham cứu đạo Thiên thời đó mới là sở nguyện của cháu. Nói thật với chú, cháu đang cần thì giờ, lúc nào cũng tất bật như nhà khó phải đi ăn đong vậy. Cháu đang trước tác lại xảy ra việc quân Mông Cổ lăm le vào cõi, thế là mấy năm nay lao vào lo việc quân việc nước, chẳng viết thêm được chữ nào. Phải, cháu phải trao ngôi nước cho Hoảng rồi giám sát nó một thời gian cho đến khi có thể giao hẳn mọi việc. Tựa như chú đã kèm cặp cháu đấy.

- Thì chính là rút từ việc chú đã làm với bệ hạ, nên chú mới bảo bệ hạ thử làm, chứ chú có tài ba thánh tướng gì đâu. Vậy là chỉ còn một việc nữa, việc này là việc riêng của thần, xin bệ hạ gia ân.

Nhà vua lấy làm ngạc nhiên với ông chú, vì con người này chưa bao giờ thềm xin xỏ cái gì cho bản thân mình, cho con cháu nhà mình. Thế mà nay lại nói đến gia ân cho một việc riêng. Với vẻ tò mò muốn biết, vua hỏi:

- Chú cứ nói đi, một việc chứ mười việc cháu cũng không làm trái ý chú.

- Vậy thì bệ hạ cho thần thôi giữ chức Thái sư. Thôi hẳn mọi việc. Nên trao chức này cho người trẻ tuổi xứng đáng để họ giúp rập bệ hạ, phò hoàng thái tử mưu việc lớn cho nước. Nói xong, Trần Thủ Độ lấy từ trong ống tay áo thụng ra một chiếc hộp ngà, trong đựng con dấu. Một tay bệ một tay mở nắp, tay Thái sư hơi run, con dấu đỏ nghiêng thấy rõ hàng chữ triện: “Thái sư thủ ấn”.

Đây là thủ ấn, thần nộp trước bệ hạ, còn biểu xin thoái chức hồi hưu thần sẽ dâng vào phiên châu tới. Đại ấn vẫn để lại bên trung thư sảnh. Sở vọng của thần chỉ cầu xin có vậy, xin bệ hạ gia ân.

Việc thái sư xin thoái chức không phải đây là lần đầu mà là lần thứ ba. Nhưng lần này có vẻ quyết liệt hơn. Vì thế Thái tông thấy buồn rười, trong lòng dấy lên sự trống vắng cô đơn. Nhà vua nói giọng ngùi ngùi:

- Những lúc cam go, chú đã không bỏ cháu. Nay nước thịnh, dân no đủ đã đến lúc chú cháu cùng hưởng thái bình sao chú nỡ bỏ cháu. Trước sau chú vẫn là cột trụ của nước, nếu vắng chú khi cần lấy ai dạy bảo. Cháu tuy tuổi đã lớn nhưng trí lại chưa đủ khôn. Tay nắm quyền đại chính, nhưng gặp việc lớn hay bị rối. Tì như trong lần kháng quân Mông Cổ vừa rồi, nếu không có chú thì cơ sự có khi đã khác đi đấy. Giặc dồn đuôi, hồi thái úy kế phá giặc, thái úy sợ lúu cả lưỡi lại không nói được, phải lấy tay viết vào mạn thuyền hai chữ “Nhập Tống”. Tức là chạy sang nương nhờ nhà Tống. Trong khi Tống Lý tông cũng đang bị quân Mông Cổ dồn tới cùng đường. Khi hỏi chú, chú bảo: “*Đầu thần còn chưa rơi thì bệ hạ khỏi lo*”. Chỉ có mười chữ đã làm cháu vững dạ. Thế là lại hưng được sức quân, chỉ trong có mấy ngày đuôi được giặc ra khỏi cõi bờ. Đúng là “nhất ngôn hung bang”. Cái nghĩa triều đình cần chú là ở chỗ đó chứ không phải cần chú cầm quân ra tay đánh dẹp. Vậy xin chú cứ yên tâm giữ chức.

- Không dám tuân lời bệ hạ, ý thần đã quyết. Cả đời vì nước non vì họ tộc, thần chỉ xin bệ hạ gia ân có một lần, và chỉ có mỗi một việc này thôi.

Nhà vua rơm rớm nước mắt:

- Ý chú đã quyết, cháu xin tuân. Các việc chú vừa nói không có việc nào phải bỏ. Nhưng có việc làm trước, có việc làm sau cháu xin chú hiểu cho.

Trần Thủ Độ xua tay:

- Không sao! Không sao! Thế là chú toại nguyện rồi. Giã ơn bệ hạ, chú về! Nói xong Trần Thủ Độ đứng dậy ra về.

Vua Thái tông thân tiễn thái sư ra tận cổng điện. Nhìn theo hút tẩm lưng thái sư, nhà vua thấy ông đi về hơi còng còng, ngài tự thốt lên: “Chú ta già thật rồi”.

Đúng ngày mùng một tháng hai năm Mậu Ngọ (1258) các quan đã tề tựu trước điện Thiên An. Trong khi chờ nhà vua tới, các quan bàn tán xôn xao về công cuộc kháng Mông vừa qua. Mọi người đều hi hã. Có vị còn nói vui: “Tôi đã từng đánh nhau nhiều với

quân Man, quân Chiêm, quân Tống. Quân Man thì chẳng nói làm gì, còn quân Chiêm hễ thua là lùi ngay vào rừng trốn biệt; quân Tống mà không kháng cự được là hàng ngay; nhưng chưa thấy quân nước nào tháo chạy nhanh như quân Mông Cổ khi nó bị đánh thua”.

Kiệu nhà vua vừa tới. Các quan đồng thanh hô:

- Hoàng thượng thiên tuế!

- Hoàng thượng vạn tuế!

- Hoàng thượng vạn an!

Vua xuống kiệu, vẫy các quan vào đại điện.

Vua Thái tông tuyên cáo thắng trận. Lại hạ chiếu ngợi khen quân dân cả nước. Sai Nguyễn Hiền đọc, vì Hiền có giọng tốt.

Vua lại dụ:

- Trung thư sảnh sao lục chiếu này gửi về cho các lộ, các trấn để các nơi gửi về tận hương ấp báo cáo cho toàn dân trong cả nước đều biết.

Nhắc lại chiến thắng vừa qua vua nói:

- Các khanh chớ coi thường việc ta đánh bại quân Mông Cổ hồi cuối năm ngoái. Các khanh có biết Ngột-lương-hợp-thai là ai không? Y là một đại danh tướng đánh đông dẹp bắc, từng đập đổ nhiều thành trì, bắt vua chúa nhiều nước phải quy hàng. Trong mưu đồ thôn tính nhà nam Tống, hiện Mông-kha đang đánh Hợp Châu, Hốt-tát-liệt em của Mông-kha đang đánh vào Ngạc Châu, còn Ngột-lương-hợp-thai phải từ Đại Lý đánh qua Đàm Châu rồi về hội ở Ngạc Châu. Như thế có nghĩa là Mông-kha đánh giá tài năng của Ngột-lương-hợp-thai sánh ngang với anh em ông ta.

Ngột-lương-hợp-thai ngao mạn tướng lấy nước ta cũng dễ như lấy nước Đại Lý. Vì vậy y dẫn quân bản bộ vào bắt Đoàn Hưng Trí, vua nước Đại Lý đã quy hàng, mộ quân theo y đánh vào nước ta rồi lấy đường đánh sang Ung, Quê bên đất Tống đổ vào Đàm Châu rồi sang Ngạc Châu. Thế nhưng viên đại tướng lừng danh này vào Đại Việt đã chuốc lấy đại bại. Chẳng biết bây giờ y xoay xở thế nào, nhưng chắc chắn quân Mông Cổ chưa nhả miếng môi Đại Việt đâu. Vì vậy, ta lưu ý các khanh phải lo chính bị các sắc quân cho thật thiện xảo. Vừa qua, ta tuy thắng giặc nhưng cũng lộ ra nhiều khuyết nhược. Nhẽ ra tượng binh phải là sắc quân ưu việt nhất khiến cho địch từ người đến ngựa của chúng vừa trông thấy đã khiếp sợ. Thế mà cái ưu ở đây, cái nhược cũng nằm ngay đây. Việc này phải được chỉnh bị ngay, không được phép để cho tái diễn nữa. Liệu có thể vẽ lên đầu voi, mình voi những sắc màu ma quái dị kỳ khiến ngựa trông thấy là sợ. Còn như mắt voi thì vẽ lệch ra chỗ khác để lừa cung thủ giặc, bảo vệ voi nhà.

Nhìn khắp lượt triều quan, vua Thái tông nói như cười mở hết lòng:

- Ta xem các khanh ở đây, tuy nhiều ít khác nhau nhưng người nào cũng có công với nước cả. Việc thắng giặc là công của cả nước chứ không phải công của một người. Nhưng dù sao cũng phải luận công để tìm ra được người địch đáng mà ban khen, để ai nấy đều gắng sức. Nào, bây giờ các khanh cứ luận bàn cho kỹ đi. Phải bỏ hết cái nhỏ nhen, cái tị hiềm đố kỵ thì việc luận bình mới đạt tới sự công

bằng được.

Trong vô số những người lập công, Lê Tần đứng đầu, vua phong Lê Tần chức ngự sử đại phu tước Bảo Văn hầu và nói: “Trẫm không có khanh sao còn có ngày nay”. Lại xét Trần Khánh Dư thừa cơ tập kích giặc, vua khen và ban cho làm thiên tử nghĩa nam ^[72]. Quốc Tuấn có công có kết người man làm phen dậu lại lập được kỳ công, ta cho Quốc Tuấn được mở phủ tại Thăng Long. Các người khác theo thứ bậc đều được khen tặng cả.

Nhìn khắp lượt các quan, vua nói tiếp: - Quốc mẫu tự bỏ tiền riêng ra mua sắm khí giới, lương thực để tiếp cho quân, lại lo việc di tán hậu cung, hoàng gia hoàng tộc. Tầm lòng ái quốc cao thượng ấy biết lấy gì mà khen tặng đây. Lại như thái sư trong lúc thế giặc đang cường, thực lòng ta cũng thấy rõ, liền hỏi kể. Thái sư đáp: “*Đầu thân còn chưa rơi xuống đất thì bề hạ khỏi lo*”. Quả nhiên ta thấy bình tâm lại, cùng thái sư và chư tướng lo đuổi giặc. Lời nói ấy đã xoay chuyển được tình thế. Thử hỏi lấy gì mà ban khen cho xứng đáng đây. Lê Văn Hưu, những việc hy hữu này khanh phải chép ngay vào quốc sử.

Hà Khuất, Hà Bổng trên trại Quy Hóa cũng được khen tặng. Riêng Hà Bổng lập được công cao nên ban tước hầu.

Các tướng Phạm Cự Chích, Phú Lương hầu đã anh dũng đánh giặc mà thọ tử được vua ban hai chữ “Trung dũng”, cho con cháu được hưởng lộc.

Việc luận bình công lao và khen tặng tương đến đây đã mãn, bồng hoàng tử Quang Khải liền đứng lên tâu:

- Hoàng thượng anh minh thường người có công xin trị kẻ có tội.

- Kẻ nào có tội, Quang Khải mau nói ta nghe. - Vua hỏi.

Quang Khải bèn tâu việc Cự Đà và xin trị tội y để làm gương cho kẻ làm tội bất trung.

Thái tông hơi nhíu mày rồi đáp:

- Cự Đà tội đáng giết cả nhà, cả họ. Nhưng tội của Cự Đà là lỗi ở ta. Nhân đây ta nói để các quan khu xử công việc hằng ngày, kể cả việc nhỏ nhất. Chẳng là năm trước trong vườn ngự có cây muỗm bói lúa đầu. Mấy người nội thị hái những quả chín sớm đem vào dâng ta. Ta sai cắt ra rồi chia cho mọi người. Cự Đà đứng xa, ta không để ý, lúc ngẩng nhìn thấy còn tiểu hiệu Cự Đà chưa được ăn, nhưng muỗm ta đã chia hết cho những người đứng gần đó. Không ngờ Cự Đà lại hận ta vì không được ăn muỗm mà quên cả lòng trung với nước. Cũng may mà Cự Đà chỉ bỏ trốn chứ không đi hàng giặc hại nước như Dương Cham ^[73] thời Chiến quốc, chỉ vì không được ăn thịt dê mà làm cho quân nước Tống bị thua. Vì có phần lỗi ở ta, nên tha cho Cự Đà tội chết.

Các quan cảm kích vì lòng độ lượng của nhà vua bao nhiêu lại càng ghét Cự Đà bấy nhiêu.

Cuối tháng hai, vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Trần Hoảng, lui về ở Bắc cung, sau gọi là cung Thánh Từ, còn cung vua ở gọi là cung Quan Triều.

Vua mới lên ngôi đổi niên hiệu là Thiệu Long, đại xá cho thiên hạ và soát tù. Nhưng những kẻ theo giặc năm trước thì không

được khoan giâm. Vua lấy con gái thứ năm của Yên Sinh vương, sách phong làm Thiên Cảm hoàng hậu. Phong cho em là Quang Khải làm Chiêu Minh vương. Lấy Nguyễn Giới Huân làm hành khiển thượng thư tả phụ; Lê Phụ Trần (tức Lê Tần) làm thủy quân đại tướng; Phạm Cự Địa làm điện tiền chỉ huy sứ. Đồi ty Bình bạc ở kinh sư làm Đại an phủ sứ. Nhưng vẫn theo lệ cũ, ai được triệu về làm Đại an phủ sứ của kinh sư phải giữ chức An phủ sứ ở một lộ nào đấy, được xem là người tài đức thì cho về làm An phủ sứ lộ Thiên Trường. Nếu đã qua chức An phủ sứ Thiên Trường mà tở lộ được tài đức rõ ràng mới được bổ về làm Đại an phủ sứ ở kinh sư.

Sau khi trao ngôi nước lại cho con, thượng hoàng lui về ở cung Thánh Từ vừa lo việc trước tác mà trước đây vua đang làm phải đình lại và lo việc chống quân xâm lược Mông Cổ.

Thượng hoàng Thái tông tự coi mình là đệ tử Phật, là người tu tại gia tựa như một cư sĩ. Cho nên viết cái gì cũng đều hướng về Phật, hướng về cái chân - thiện - mỹ. Nhưng viết cho ai mới được chứ. Chẳng lẽ ta lại viết sách dạy các bậc thiên sư về phép tu tập sao. Không được, các kinh điển nhà Phật đã dạy khá đầy đủ rồi. Các phép tắc nhập môn của người tu hành đã trở thành định chế bất biến như: ngũ giới, tứ diệu đế, bát chính đạo. Còn kinh tạng đã có hàng trăm bộ, luận tạng hàng nghìn bộ, luật tạng tới cả chục bộ. Vậy là trong sự trước tác, ta không có chỗ đứng trong kinh tạng, luật tạng, ráng mà hiểu được kinh, luật đã là quý. Còn như muốn luận, phải có sự am hiểu siêu việt tựa như một thứ trí vô sư. Cái đó là việc của các bậc thượng trí, thượng thừa, ta sao với tới được.

Vậy cái đích cần nhắm tới của trước tác là viết cho ai? Các nho sĩ, đạo sĩ, thiên sư họ đã có kinh điển của chư Phật, chư Thánh rồi, duy có chúng dân là những người ít học, mọi thứ đều ngu ngơ dễ bị các tạp giáo, tà giáo dẫn vào các mê lộ khó có thể cưỡng lại, khó có thể tìm được đường ra. Đó, cái đích nhắm tới của ta là hướng về những lớp cùng dân, lao khổ để khai ngộ.

Và khi con người được khai ngộ rồi họ sẽ biết cách sống, biết cách xử thế, biết trách phận của mình đối với nhà với nước, đối với đồng loại và với cả muôn loài. Biết ứng xử có trí năng theo hướng chân - thiện - mỹ tức là người có tâm linh tiến hóa - tâm linh Phật, cái mà ta mong muốn giáo hóa cho muôn dân. Và khi con người đã đạt tới tâm linh tiến hóa thì tự thân nó đã là một sức mạnh lớn lao; cả cộng đồng dân tộc có trình độ tâm linh tiến hóa thì đó là một sức mạnh siêu thần nhập hóa. Đây là sức mạnh vừa để an dân vừa để giữ nước, cái mà Đại Việt ta đang cần.

Vua Thái tông sung sướng như người vừa mở được một đại công án ^[74].

Ngài tự nhủ, ta viết cái gì cũng đều nhằm mục đích giáo hóa trăm họ, là những thường nhân. Thế thì phải viết thế nào cho người dân ít học, dễ nghe được là hiểu liền. Vậy không có hình thức nào hơn là phổ thuyết.

Khi đã định được đường hướng từ nội dung đến hình thức, thượng hoàng Trần Thái tông đắm mình vào trước tác. Ngài viết trước hết là: *Phổ thuyết về bốn núi*. Tiếp đến là *Phổ thuyết sắc thân*, *Phổ thuyết phát bồ đề tâm* và *Phổ thuyết hướng thượng nhất lộ*.

Nhà vua đọc đi đọc lại thấy dễ hiểu. Bởi đó là tất cả những gì thuộc về cuộc sống thường nhật, nghĩ suy thường nhật của mỗi con người.

Sau đó nhà vua còn viết nhiều nữa, nhưng vẫn còn áy náy, chưa hiểu nó có đạt tới một sự diệu dụng nào đó, hay chỉ là những ý tưởng tầm phào, vô bổ.

Nhân dịp quốc sư Phù Vân từ Yên Tử về kinh, vua hay tin tới thăm và mời về ở chùa Thắng Nghiêm, lại đem các trước tác ra nhờ sư đọc.

Trong số các trước tác đó phần lớn được viết dưới dạng ca thuyết cho mọi người dễ nhớ và lấy tên là *Thiền tông chi nam*. Vua nhờ thiền sư đọc.

Quốc sư vừa đọc vừa tâm đắc tán thưởng. Sư nói: “Tấm lòng của chư Phật ở cả trong bài ca này, sao không khắc in thành kinh bản để chỉ dẫn cho kẻ hậu học”.

Thế là vua lưu quốc sư lại nhờ trông coi việc khắc ván và in ấn.

Vua Thái tông là người không hề chia tách việc đạo với việc đời. Trong khi chăm lo chúng dân về con đường tâm linh tiến hóa, nhà vua vẫn đề tâm đến việc Thánh tông điều hành đất nước. Từ việc lớn đến việc nhỏ không việc gì là không để mất tới.

Thánh tông bản tính hiếu thiện lại là người con trung hiếu, nên dễ dàng tiếp nhận khuôn mẫu giáo huấn của vua cha.

Thánh tông thấy vua cha rất quý kính thái sư, đã cho làm sinh từ lại tự tay viết bài minh cho khắc vào bia đá, nhằm tán thán công lao của thái sư đối với nước. Có lần Thánh tông vào cung Thủy Tinh thăm Trần Thủ Độ. Lúc này ông đã nghỉ hẳn không tham dự công việc triều chính nữa. Nhưng vì lòng tôn kính Trần Thủ Độ, thượng hoàng Trần Thái tông và đương kim hoàng thượng không trao chức Thái sư cho ai cả. Điều hành công việc Phù Thái sư trao cho một vị thái phó.

Thấy quân vào bẩm có hoàng thượng tới thăm, Trần Thủ Độ xô chân vào đôi dép cỏ đi mau ra cổng đón. Vua vội vàng xuống kiệu vái thái sư và nói:

- Sao thượng phụ không để cháu vào lại phải ra tận cổng làm gì?

- Chẳng mấy khi hoàng thượng ghé thăm mà lại không được báo trước, nên không kịp làm lễ tiếp rước.

Nhà vua có vẻ hơi ngượng vì mình còn ít tuổi để ông phải bận khoản. Vua nói:

- Thượng phụ hãy cứ coi cháu là đứa cháu trong nhà đi, sao cứ bày vẽ lễ nghĩa, đến như phụ hoàng cháu cũng còn là bậc dưới của thượng phụ nữa là cháu. Bữa nay cháu chỉ ghe vấn an thượng phụ chứ không có việc gì đâu.

Trần Thủ Độ vuốt râu cười khà khà, ông ngắm nhìn người cháu hai mươi tuổi giữ ngôi nước. Tuy được học hành, được kèm cặp, nhưng việc điều hành triều chính tránh sao khỏi bỡ ngỡ.

Thái sư sai nội nhân pha trà. Từ ngày phu nhân qua đời, thái sư thấy nhà cửa trống vắng và đung đến bất cứ vật dụng gì hình ảnh phu nhân cũng hiện ra. Càng thương nhớ càng thấy cô quạnh, người thái sư sọp hấn đi.

Mời nước nhà vua xong, thái sư hỏi:

- Bệ hạ đã quen dần với công việc chưa?

- Sao ông lại gọi cháu là bệ hạ. Bây giờ cháu đang ở trong nhà ông kia mà.

- Đành rằng tình thì vẫn là ông cháu nhưng nghĩa lại là vua tôi, nên phải giữ lễ cháu ạ. Thôi được, bệ hạ đã muốn thế ông cũng chiều. Ông muốn biết công việc của cháu. Ở ngôi chủ tể, khó lắm đấy. Muốn làm tốt công việc cứ noi gương phụ hoàng cháu là đủ. Cần kiệm, nhân ái, ham học hỏi, quý trọng người tài đức.

- Thưa ông, cháu tuổi nhỏ lại ở ngôi cao, trên cả các bậc tôn trưởng nên lúc nào cũng lo sợ. Dạ, đúng như ông nói, nhờ có phụ hoàng cháu dạy bảo, giám sát nên công việc triều chính vẫn như hồi phụ hoàng cháu tại triều thôi. Hôm nay cháu đến thăm ông và cũng xin ông chỉ bảo cho những điều cần biết, những việc cần làm.

- Ông già rồi, lú lẫn rồi không theo kịp các cháu được đâu. Có nói cũng không hợp nữa. Thời ông khác. Thời các cháu khác. Phụ hoàng cháu còn minh mẫn. Đồi ba năm đầu, phụ hoàng cháu điu dắt rồi cháu sẽ quen thạo. Nhưng cái khó nhất vẫn là phải tìm cho được những người tài đức để trao cho họ các trọng trách. Nếu có nhiều người tài đức giúp rập, và họ được tin dùng thì lo gì dân không giàu, nước không thịnh. Các việc như thế phụ hoàng cháu đã làm, đang làm, ông có nói chỉ rườm rà thêm mà thôi.

- Sao phụ hoàng cháu bảo từ cái buổi còn mờ mịt không có ông thì nghiệp nhà Trần ta cũng khó mà trụ được?

- Thôi thôi, đừng nói nữa ông ngược. Không có sự nghiệp nào mà một người có thể làm nổi. Chẳng qua cũng là thời thế thôi cháu ạ. Ta đang muốn quên đi tất cả. Nếu thương ông thì đừng gọi lại các chuyện xưa cũ làm gì. Trần Thủ Độ vừa xoa tay vừa lắc đầu, có vẻ nhẽ trong ký ức ông đang hiện về những kỷ niệm buồn và chính điều đó làm ông day dứt, khổ đau.

Nhà vua gắng hỏi:

- Lúc khác cháu sẽ hỏi ông nhiều việc, bây giờ ông không muốn nói chắc ông đang có gì phiền muộn. Nhưng chẳng lẽ ông lại không muốn nói chuyện với cháu sao.

- Không phải con người ta lúc nào cũng sáng suốt. Cháu là bậc chủ tể của nước, ông không thể nói với cháu điều gì vào lúc mà ông nghĩ rằng ông không còn đủ sáng suốt nữa. Như sự nhớ ra một điều gì đó, Trần Thủ Độ à lên một tiếng, lại nói: - Có việc này ông muốn nói với cháu kéo bất chợt ra đi mà chưa kịp nói, lại ân hận. Thôi thì tuổi già như ngọn đèn trước gió chả biết đâu mà nói mạnh được.

Việc gì à, ông sẽ nói ngay đây. Nhưng bây giờ là thần tâu với hoàng thượng chứ không phải là ông nói với cháu. - Tâu bệ hạ, thần xin nói điều gan ruột. Tuy rất khó khăn nhưng vì nghĩa cả nên không thể không nói. Đó là việc thần có mấy người con đã trưởng thành. Chúng tuy có lớn mà không có khôn, chẳng một đứa nào có tài cán gì cả. Nếu bệ hạ có thương thần thì sau khi thần mất đi chớ có giao cho chúng trọng trách mà để đi họa cho nước. Chỉ nên cho chúng cái tước nhân tân mà hưởng lộc triều đình ban do thần để lại. Thế là đủ lắm rồi. Trần Thủ Độ ngừng lời, vẻ thanh thần nhẹ nhàng tựa như ông vừa trút đi được một gánh nặng. Tay vuốt chòm râu sợi đen chen sợi bạc, mắt nhìn nhà vua, ông nói tiếp: - Tâu bệ hạ, suốt cuộc đời phụng sự quốc gia, suốt cuộc đời vì đế nghiệp nhà Trần ta, thần chỉ xin có một đặc ân này. Đây là lần đầu tiên nhưng cũng là lần cuối cùng, thần xin ân mệnh cho riêng mình.

Nghe Trần Thủ Độ nói, vua Thánh tôn hết sức bàng hoàng. Nhà vua không thể ngờ ở đời lại có người lòng dạ thẳng ngay đến vậy, tận trung với nước đến vậy. Nhà vua bèn đứng dậy vái Thái sư hai vái và với giọng run run vì cảm động, vua nói:

- Đọc bài mình do phụ hoàng cháu viết để tụng ca công đức ông trong nhà sinh từ, quả thực đã có lúc cháu trầm nghĩ. “Con cháu viết về ông bà cha chú thường nhân cái đẹp lên để làm gương cho đời sau”. Nhưng qua cuộc kháng Mông vừa rồi với việc ông vừa nói đây, thời cháu lại nghĩ rằng phụ hoàng cháu mới chỉ nói được một phần về công lao của ông đối với dân nước, đối với dòng tộc, còn như về phần nhân cách cao thượng của ông thì phụ hoàng cháu lại chưa nhắc đến. Có lẽ mai đây cháu phải dựng thêm một bi ký nữa trong nhà sinh từ của ông.

Trần Thủ Độ vội xoa tay:

- Chớ! Chớ có làm thế! Cứ như lời mình của phụ hoàng cháu là đúng sự thật đấy. Ngay cả việc đúng sự thật ông đã thấy gương. Bởi suốt cuộc đời ông có làm được nhiều việc tốt, nhiều việc có lợi cho nhân quần, nhưng cũng không ít việc dở, đôi khi còn có hại cho nhân quần đấy. Nếu cháu vì tình cảm nhất thời mà nói quá về ông, chắc đời sau người ta không còn tin nữa đâu. Nếu cứ nói quá sự thật đi một tí thì ngay cái mình nói đúng người ta cũng ngờ. Ông thật lòng can cháu đừng nói ông “là người nhân cách cao thượng”. Cái đó hơi quá, ông làm gì được liệt vào hàng những người như thế.

Nhà vua tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Cháu thật sự không hiểu điều ông vừa nói. Bởi những việc ông đã làm và đang làm chẳng nói lên nhân cách con người ông sao?

- Đúng như cháu nói. Tuy vậy, cuộc đời ông còn nhiều góc khuất mà cháu chưa thấy, nhưng tai mắt người dân đều nghe và nhìn thấy hết. Sau này cháu sẽ hiểu điều ông nói cũng như lời mình do phụ hoàng cháu soạn. Và lại cháu ạ, mình vừa cảm quyền vừa chép sử thì còn ai tin mình nữa. Ông ngầm chỉ có sử ngôn được truyền tụng trong dân gian là ít điều đáng ngờ nhất.

Trong lúc hai ông cháu vua Thánh tôn đang trò chuyện thì kiệu của thượng hoàng Trần Thái tông cũng ghé vào Thủy Tinh.

Quân hầu chưa kịp vào bẩm thì thượng hoàng đã bước tới bậc thềm. Vừa trông thấy vua Thái tông, Trần Thủ Độ vội đứng dậy, vua Thánh tôn quỳ lạy.

Thái tông nâng hai ông cháu dậy và nói:

- Chú thật đa lễ. Cháu đến vấn an chú thôi chứ không có công việc gì đâu. Thượng hoàng quay lại hỏi vua Thánh tôn: - Con đến thăm ông hay có việc gì đây. Cũng đến vấn an ông à. Thế thì ngồi đây cùng thăm ông.

Thái sư sai nội nhân dâng trà, rồi ông cười nói:

- Thật là đại hạnh, được hai vua cùng lúc đến thăm nhà. Các đồng liêu mà biết lại ghen tị với ta đây. Thượng hoàng và bộ hạ trăm công nghìn việc, còn ta thì rảnh rỗi nhàn hạ. Biết thượng hoàng và bộ hạ thương ta vì Linh từ thất lạc, sợ ta buồn. Không buồn sao được, gần bó với nhau cả cuộc đời. Nhưng sớm muộn ai cũng đến lượt phải ra đi thôi. Cái mà ta không tránh được cũng là cái mà ta không trốn được, không chống lại được thì buồn bã, phiền muộn cũng là vô ích cả. Hơn nữa ta tuy già, nhưng vẫn đủ sức chịu đựng, mong thượng hoàng cùng bộ hạ hãy lưu tâm đến công việc quốc gia trong đại. Ta giận mình tuổi cao, sức yếu không cùng gánh vác việc nước được nữa, chứ thực lòng ta vẫn áy náy về người Mông Cổ không để cho nước ta yên đâu. Nuốt xong nước Tống, Mông Cổ sẽ quay vó ngựa

sang ta, vừa rửa hận vừa thôn tính. Việc này thượng hoàng và bề hạ phải tính kỹ lắm. Ta sợ nhà Tống khó trụ nổi vài năm nữa. Vì vậy, nước mình phải lo như ngày mai giặc sẽ tràn vào cõi.

Thượng hoàng vui vẻ nói:

- Chủ nghĩ về sự sinh sự tử như vậy là đạo lý. Chính Phật cũng dạy: Không có cái gì được sinh ra lại không bị hoại diệt. Cũng tức là ai được sinh ra thời sẽ chết và ai chết lại sẽ được sinh ra. Ai hiểu điều đó, mọi sự đều trở nên nhẹ nhàng.

Nhân chú hỏi về quân Mông Cổ và chuyện nhà Tống. Nhà nam Tống bị diệt vong là điều khỏi phải bàn. Bởi triều đình đua nhau hưởng lạc, và nó chỉ làm mỗi một việc là ngăn cản những ai có lòng yêu nước, từ quan lại trong triều đến nghĩa quân nơi thôn dã, để làm vừa lòng trước kia là quân Kim còn bây giờ là quân Mông Cổ. Nó sẵn sàng cắt đất và cống nạp để cầu hòa. Đôi khi chấp nhận cả những áp đặt nhục nhã. Như trước đây dưới triều Tống Khâm tông (1110 - 1127) phải tôn xưng hoàng đế nhà Kim là bá phụ, phải cử các thân vương và tể tướng sang Kim làm con tin. Nhưng nếu so triều Tống Lý tông (1225 - 1272) hiện nay với Tống Khâm tông hơn một trăm năm trước thì thời của Khâm tông, nước Tống còn mạnh hơn nhiều.

Thái sư xua xua tay:

- Thượng hoàng cho nghe về quân Mông Cổ, vì mối lo của ta là ở bọn này, còn như nhà nam Tống nó như một thứ com nguội đã thiu rớt, đến ruồi nhặng chẳng thêm bầu đậu nữa, nói đến nó làm gì. Trước đây ta có đặt một số ngoại gián bên đất Tống, lại cả bên Đại Lý nữa, ta đã giao lại cho bên Bình bộ, chẳng hay số đó còn trụ được hay đã bại lộ.

- Thừa chú, người của ta bây giờ cảm rể chắc lắm rồi. Nơi mở hiệu thuốc vừa bào chế vừa chẩn trị; nơi mở hiệu sách; nơi coi tướng số; nơi làm thầy phù thủy bắt ma, trừ tà, yểm đảo. Vì vậy vừa gần gũi được các nhà quyền quý khi họ mời trị bệnh, vừa gần gũi giới sĩ phu khi họ đến tìm mua tìm đọc sách quý. Gần gũi được hai giới này, một khi đã thân quen, thì các nguồn tin lấy từ họ đều đáng tin cậy. Lại như bói toán, cúng cầu cho gia đình của mệnh phụ, phu nhân thì không có điều gì muốn biết mà không được biết.

- Vậy thì thượng hoàng nói cho nghe đi, ta đang nóng lòng muốn biết.

- Thừa chú, tin mới nhận hay lắm, chính cháu tới đây là để thừa lại chuyện đó cho chú được vui. Tức là mấy năm trước Ngột-lương-hợp-thai đánh vào ta để lấy đường đánh vào Đàm Châu rồi sang Ngạc Châu hội với Hốt-tát-liệt và Mông-kha để rồi chia nhau đi đánh Lâm An, cắt vó triều nam Tống (Tin này trước đây ta đã biết khi nó còn là dự mưu). Thế nhưng Ngột-lương-hợp-thai sang ta bị thua phải ôm đầu máu mà chạy. Còn Mông-kha đánh Hợp Châu, vây thành Điếu Ngư ở phía đông Hợp Châu tới năm tháng mà chưa hạ được. Tướng giữ thành là Vương Công Kiên dùng máy bắn đá bắn ra. Mông-kha trúng đạn chạy về đến lầu tướng thì chết.

Hốt-tát-liệt vượt Trường Giang tiến xuống vây chặt Ngạc Châu. Giữa lúc quân Tống đang khốn đốn thì Hốt-tát-liệt được tin Mông-kha tử trận. Ở trong nước giới quý tộc đang chuẩn bị cử A-ly Bất-kha (Aric Buke) là em ruột Hốt-tát-liệt lên ngôi Đại Hãn.

Giữa lúc Hốt-tát-liệt đang nóng lòng muốn đem quân về nước tranh ngôi Đại Hãn thì Giả Tự Đào tể tướng nhà Tống xin thương nghị, nếu Hốt-tát-liệt lui quân thì nhà Tống sẽ nộp phần Giang Bắc (phía bắc sông Trường Giang) cho người Mông Cổ và hằng năm tiến cống hai mươi vạn lạng bạc, hai mươi vạn tấm lụa. Hốt-tát-liệt chấp nhận ký xong hòa ước liền kéo đại binh về nước. Giới quý tộc lại tôn Hốt-tát-liệt lên ngôi Đại Hãn tức là Nguyên Thế tổ và đổi tên nước là Nguyên từ năm Canh Thân (1260). Tuy nhiên, hiện nay hai anh em

Hốt-tát-liệt vẫn còn đang tranh nhau ngôi Đại Hãn.

- Hay! Hay lắm! Trần Thủ Độ nói như reo. Như thế có nghĩa là nước Tống chưa có thể mất ngay được. Mà anh em hai đứa này đều tham ngôi Đại Hãn, đều tàn bạo cả, tức là chúng còn giết nhau lâu đấy.

Ha! Ha! Ha! Thái sư cười đến chảy cả hai hàng nước mắt vì vui sướng. Người ta cứ ngoa đồn dưới gầm trời này quân Mông Cổ không có địch thủ. Hãy xem năm Đinh Tỵ (1257) đệ nhất danh tướng Ngột-lương-hợp-thai vào Đại Việt chẳng bị thượng hoàng đánh cho đại bại ư. Lại cái thành Điều Ngự so với nước Ba Thục thì chỉ bằng chiếc đấu thôi chứ to tát gì mà đích thân Đại Hãn cầm quân vây đánh tới năm tháng không hạ nổi, lại bị Vương Công Kiên giết chết. Theo ta, quân Mông Cổ chỉ hung hãn, tàn bạo chứ không phải là đội quân bất khả chiến bại. Thượng hoàng cùng hoàng thượng nhớ kỹ điều đó để dạy bảo quân sĩ. Cứ rèn quân cho tốt, mưu kế cho giỏi, lại dám đánh giặc thì không có quân giặc nào là không đánh được, dù nó là quân Mông Cổ.

Vua Thánh tôn nghe như uống lấy từng lời của thái sư. Đúng là không sợ giặc thì mới thắng được giặc. Thái sư đúng là bậc cán quắc mưu lược. Cuộc thắng giặc năm Đinh Tỵ vừa qua đã nói lên điều ấy.

Vua Thái tông rất là tâm đắc điều thái sư vừa nói. Nhà vua nhìn về phía Thánh tôn nói:

- Một đời làm tướng, một đời ở ngôi vị thống quốc, biến được nước loạn thành nước trị, những điều ông nói về việc đã qua, về bản thân mình rất bổ ích cho tự quân, con hãy nhớ năm lòng.

Quay về phía Thái sư, vua Thái tông gắng hỏi:

- Có điều gì cần dạy bảo tự quân, xin chú mở lòng.

- Còn có điều gì nữa. Đã bảo ta thì vừa già, vừa dốt nát lại hết thời rồi. Tuy vậy có mấy điều ta hằng suy tư về việc giữ nước, nên cứ nói, thượng hoàng và hoàng thượng nghe nếu trái tai xin đừng bắt lỗi.

Ta nghĩ quân Mông Cổ trước sau sẽ quay lại. Bệ hạ phải lo đối phó trước đi. Ta xem như vậy thì quân Mông Cổ có ưu thế nhất về sự nhanh hoạt biến ảo. Quân Mông Cổ có thuật đánh vu hồi rất lợi hại, khiến lấy quân ít địch quân nhiều có hiệu quả. Lĩnh Mông Cổ có sức khỏe dẻo dai, khí giới của nó thật là lợi hại. Cứ xem những thứ ta bắt được của nó như cung, kiếm và áo giáp thì đủ biết. Quân Mông Cổ còn tìm ra chỗ yếu của đối phương rất nhanh. Ví như tượng binh của ta, thông thường như quân nước khác trông thấy tượng binh là hoảng sợ. Các giống ngựa khác trông thấy voi là chạy. Thế mà ngựa Mông Cổ không sợ voi của ta. Quân Mông Cổ tìm ngay ra chỗ yếu của voi là đôi mắt, chúng nhắm thẳng mắt voi của ta mà bắn. Một hai con bỗng nhiên bị mù mắt, bị đau choáng thế là quay đầu lại. Một hai con quay lại các con khác quay theo, thế là trận địa của ta rối loạn. Cho nên phải xem xét lại cách đánh, quy mô đánh và khí giới phải chế tác cho tinh nhạy. Ta xem như cung của quân Mông Cổ thì sức quân ta không dùng được, cánh cung dài và cứng. Vì vậy sức bật mạnh, tầm bắn xa. Vậy thời phải chế tác loại khí giới nào vừa sức quân ta nhưng lợi hại hơn khí giới của giặc.

Còn như đường lối bang giao phải dẻo mềm hơn. Ta chắc mai này sứ Mông Cổ vào ta còn hồng hách hơn, láo xược hơn, vì thế nước của nó mạnh hơn. Phải làm sao tránh được chiến tranh. Vạn nhất không tránh được thì hãy cho nó nổ ra chậm hơn, chậm một ngày cũng quý. Bởi mọi thứ bây giờ ta mới bắt đầu, còn giặc đã có sẵn từ lâu. Vì vậy ta cần phải có nhiều thời gian để lo liệu. Chính vì thế phải dẻo mềm với sứ giặc, phải thuyết phục nó, kể cả mua chuộc nó, chứ không thể dùng lại cái chước cũ sứ giả đến ăn nói hỗn láo là bắt trời

nó giam lại. Khi nước địch đã quá mạnh, chỉ cần một cơ rất vu vơ là nó có thể xua quân qua biên thùy ngay. Cho nên đôi khi phải lui một tí, nhẫn một tí.

Thái sư nhìn lên trần nhà rồi lại nhìn ra ngoài trời và nói với vệ bôn chôn, lo lắng: - Anh em Hốt-tát-liệt có thể thu xếp được với nhau hoặc giết nhau, nhưng sức mạnh của quân Mông Cổ không hề giảm. Nó tóm thâu được cả nước Trung Hoa nữa thì nó có sức mạnh ngang trời đất. Phải khôn khéo lắm mới giữ được nước. Phải có sức mạnh mới giữ được nước. Phải quy tụ được lòng dân muôn người như một mới giữ được nước.

Thái sư đột ngột ngừng lời. Lại đột nhiên hỏi vua Thánh tông:

- Nay, ta xem con của cháu, hoàng tử Khâm ấy, thằng bé vừa có tướng quý vừa có tướng lạ. Chính thằng bé này sẽ làm rạng danh tổ nghiệp đấy.

Hai cha con nhà vua bàng hoàng về sự bén nhọn của Thái sư. Tài thao lược của một đời làm tướng, một đời giám quốc, thái sư chỉ thâu tóm có vài lời để truyền lại cho con cháu. Đây là di ngôn của một bậc đại trí, thế mà Thái sư cứ nhún mình nói là ít học.

Trời chạng vạng tối, thượng hoàng và nhà vua đều cảm động bái biệt bậc tiền bối.

Trần Thủ Độ ngồi nhìn hai cha con nhà vua lên kiệu. Về một mối, ông đi vào hậu điện. Giá như mọi khi phu nhân còn sống đã nhẹ nhàng đỡ ông vào giường nghỉ.

XI

Từ ngày Chiêu Thánh hợp duyên với Lê Tản tới nay đã trên dưới hai chục năm, cũng là một sự nhắm mắt đưa chân. Chiêu Thánh tặc lưỡi nghĩ vậy. Thôi thì ngôi vua đã trải, dân thường cũng đã qua, cái đình cái đày, cái vinh cái nhục cũng chẳng khác nhau là mấy. Thế thì cái việc làm vợ một viên tướng có sá kê chi.

Thực tình sau khi mất ngôi, mất nước lại mất cả vua cha, Chiêu Thánh đã toan xuất gia. Nhưng Trịnh Huyền một người hầu hạ tâm huyết, sau Chiêu Thánh kết nghĩa chị em đã ra sức khuyên can. Huyền chỉ lấy cớ nếu Chiêu Thánh xuất gia ai sẽ trông nom, hương khói thắp mộ vua cha. Ngôi chùa này không nhận sư ni. Vì thương kính vua cha, quả nhiên Chiêu Thánh không nỡ dứt khỏi trại dâu tằm. Lại sau này khi tướng Lê Tản nhờ người ước hỏi, Trịnh Huyền phân giải đến chân tơ kẽ tóc, ngày đêm thúc giục Chiêu Thánh nhận lời. Việc Chiêu Thánh chấp thuận về với Lê Tản còn vì một lẽ nữa, ấy là do thái úy Phạm Kính Ân, một cự thần của nhà Lý đứng ra mai mối.

Từ khi về sống với Lê Tản, tuy là tướng võ nhưng thực tướng quân là một người có văn chất cao, vì vậy Lê Tản biết cách làm cho Chiêu Thánh vui với nỗi sâu riêng.

Lê Tản còn chăm sóc cả Trịnh Huyền và luôn cùng Chiêu Thánh đi thăm viếng thắp mộ Huệ tôn.

Và rồi khi sinh con đẻ cái với thiên chức làm mẹ, Chiêu Thánh tìm được niềm vui nơi con cái. Tổ ấm cứ ngày một dày thêm. Chiêu Thánh cũng sống như tất cả những người khác từng sống.

Lại nói khi về ở với Lê Tản, trại dâu tằm bên hồ Dâm Đàm, Chiêu Thánh trao lại cho Trịnh Huyền.

Trịnh Huyền vừa coi sóc trại, vừa hương khói bên thắp mộ Huệ Quang ^[75]. Trại lúc này đã có thêm dăm người tang thất phụ ^[76] mẫn hạn xin vào làm thuê.

Từ ngày lập trại, Chiêu Thánh khước từ mọi thứ bổng lộc của triều đình mà chỉ sống nhờ vào việc trồng dâu, nuôi tằm ươm tơ, dệt lụa, để làm kế sinh nhai.

Mọi việc từ trồng dâu đến bán tơ, bán lụa và mua sắm quần áo đồ ăn thức dưng đều do một tay Trịnh Huyền lo toan, quán xuyến. Cuộc đời cũng không quá khắc nghiệt với hai người con gái. Tơ ươm, lụa dệt chưa xong, thương lái đã nườm nượp đến hỏi mua. Sau có một người cật lại ở giá cao không ngờ, lại đặt tiền trước làm tin, xin mua lâu dài cả tơ cả lụa. Vì thế mới mở mang thâu nhận thêm mấy người nữa.

Mãi sau này Trịnh Huyền mới vỡ lẽ rằng đó là mưu của thái sư phu nhân ngầm giúp hai người, chứ thực tơ ấy, lụa ấy sao bán được giá ấy. Tuy nhiên, Trịnh Huyền phải giấu biệt không cho Chiêu Thánh biết, bởi lẽ Chiêu Thánh vẫn rất hận mẹ và không chịu tha thứ cho bà. Sở dĩ Trịnh Huyền đoán biết là vì từ khi hai người có gia thất thì các khách mua tơ lụa kia biệt vô tầm tích. Thế rồi có lần Huyền trông thấy cái người ấy khoác tay nải theo phu nhân thái sư vào lễ chùa rồi ra viếng thắp mộ Huệ Quang.

Khi Chiêu Thánh về với Lê Tàn chừng một năm đã sinh được một mặt con, lúc này bà cũng ái ngại cho thân phận người chị em kết nghĩa cứ buộc thân mãi với trại dâu tằm. Bà ngó ý nhờ phu quân xem dưới trướng ông có ai là người tử tế thì mai mối giùm cho Trịnh Huyền.

Ít lâu sau Lê Tàn tìm được Đỗ Quang Thuật, đô tướng đô quân Thánh dực, người lộ Trường Yên thuộc dòng họ của thiên sư Đỗ Pháp Thuận, sống từ đời Đinh, Lê.

Quang Thuật là một người đàng hoàng, con nhà dòng dõi muện vợ chi vì đến tuổi trưởng thành gặp phải tang cha, vừa dứt tang cha chưa được một năm thì tiếp tang mẹ.

Quang Thuật nghĩ mệnh mình có khi phải sống cô quả, đã toan xin ra khỏi quân thánh dực để xuất gia. Thượng cấp khuyên nhủ mãi Quang Thuật mới tạm thôi. Nay tướng Lê Tàn đứng ra mai mối, giảng giải mãi đường tới đường lui Thuật mới nghe theo.

Trịnh Huyền cũng được Chiêu Thánh khuyên nhủ. Khi gặp mặt, Trịnh Huyền chỉ xin đô tướng Đỗ Quang Thuật có mỗi một điều rằng xin chàng nhận trại dâu tằm làm nhà, và vì song thân chàng đã viên tịch, thì nàng xin được phép mời mẹ già lên cùng ở để phụng dưỡng.

Đỗ Quang Thuật là người tinh ý, biết Trịnh Huyền đã kết nghĩa chị em với Chiêu Thánh, nay nàng muốn thay chị ở gần tháp mộ vua cha sớm hôm hương khói. Thuật bèn nói:

- Nàng là phận gái còn biết báo đáp ơn sinh thành dưỡng dục. Ta vì bạc phúc nên cha mẹ sớm lìa, nay sẽ cùng nàng phụng dưỡng mẹ già, điều đó nàng khỏi lo. Còn như được lấy trại dâu tằm làm nhà thì quả đó là điều phúc hạnh. Bởi gần nơi cửa Phật, con cái hấp thụ được tính từ ái, hiếu thiện ắt sẽ nên người tử tế.

Bữa nay Chiêu Thánh thấy chạnh nhớ vua cha, nàng muốn qua viếng thăm tháp mộ và nhân thể ghé thăm vợ chồng Trịnh Huyền. Nàng liền bày tỏ với phu quân:

- Thiếp muốn đến thăm tháp mộ phụ hoàng, bởi bỗng nhiên thấy nóng ruột quá.

Không chút ngần ngại, Lê Tàn đáp:

- Để ta gọi các con cùng đi viếng mộ tổ ngoại, rồi sau đó cả nhà sang thăm vợ chồng Đỗ Quang Thuật.

Ngay lập tức ông sai gia nhân đưa đi mua sắm đồ lễ, đưa sửa soạn xe ngựa. Lát sau cả nhà đã lên xe. Đi chừng nửa canh giờ, xe ngựa rẽ sang con đường bên tả để vào phường Thụy Chương^[77] rồi men bờ sông Tô Lịch^[78] qua đền Đồng Cổ rồi tạt qua bìa rừng nơi xóm Trích Sài^[79] qua đường Dụ Tượng^[80] và từ đó đi thẳng lên phía chùa Báo Quang. Mặt trời đã lên tới đỉnh đầu nhưng không nhìn rõ mặt hồ, chỉ thấy một lớp mù dày đặc tới nhức mắt. Bên phải đường đi là mặt hồ loáng thoáng thấy những màu sẫm thi thoảng có làn gió lướt qua đẩy mù dãn ra cho ta nom thấy một vạt màu xanh đỏ là những hòn đảo trong hồ mà trên đảo là rừng cây rậm rạp. Sa mù trùm lên cả đường đi, quần lấy chân ngựa, mù xộc vào trong xe khiến ai nấy đều có cảm giác mình đang đi trong mây. Vì không nom rõ đường,

người xà ích chỉ dám cho ngựa đi bước một. Ngựa đi chậm còn nghe được cả tiếng những người dân chài gõ mào đánh cá. Và họ hát, họ hò để thuyền bạn biết mà tránh.

Một luồng gió bốc khói sương ném vào trong xe khiến Chiêu Thánh giật mình vì ớn lạnh. Tự nhiên cái cảm giác từ mấy chục năm trước lại hiện về. Đó là khi Trần Thủ Độ ép Thái tông lấy Thuận Thiên khiến bà căm giận, liền rời bỏ cung điện kéo theo Trịnh Huyền chạy trốn về tá túc tại chùa Bảo Quang nơi có tháp mộ vua cha. Chẳng hiểu tai mắt của Trần Thủ Độ giăng mắc thế nào mà rồi ông ta cũng tìm tới được. Cho đến nay Chiêu Thánh vẫn chưa biết đó là quân thám của Lê Tần tung đi khắp nẻo dò tìm. Và nếu như không có chuyện vào lúc sáng sớm hoặc sau buổi chiều tà Chiêu Thánh ra ngồi bên tháp mộ Huệ tôn thấp hương khăn vải và sọt sùi kể lể thì sao quân thám của Lê Tần biết được. Chiêu Thánh vội khép chèo áo và kêu lạnh. Lê Tần ngồi xích lại bên Chiêu Thánh. Nhìn gương mặt phu nhân hơi tai tái, tướng quân bèn cởi tấm áo choàng khoác lên vai Chiêu Thánh và hỏi vợ:

- Phu nhân có thấy ta đi như các vị tiên đi trong mây.

Chiêu Thánh được khoác thêm tấm áo thấy người ấm hẳn lên, mặt hồng hào, bà nhẹ nhàng đáp lời:

- Thiếp đã sống cả chục năm bên hồ mà vẫn chưa thỏa. Thiếp đã đi nhiều nơi, qua nhiều cảnh đẹp của đất nước, nhưng hợp với cái tạng của thiếp có lẽ không đâu bằng Dâm Đàm. Chỉ nội trong cái màu sương khói cũng đã phong phú lắm. Nó dày đặc, đặc quánh lại như sữa ấy là lúc sáng sớm. Nó có màu trắng tinh khiết và trong như pha lê ấy là lúc mặt trời lên tới đỉnh đầu, nó bằng lăng khi mặt trời gác núi, nó lại ùn ùn phủ kín mặt hồ khi đêm xuống... Đôi lúc thiếp có cảm giác như mình đang sống trong cõi thiên tiên vậy. Chiêu Thánh im lặng đưa mắt nhìn về phía hồ nhưng kỳ thực bà đang nhìn sâu vào ký ức.

Lê Tần thấy vợ mô tả về sương khói Dâm Đàm ông thấy ấm lòng và khen:

- Nàng cứ viết lại những điều vừa nói cũng đủ làm nên một thi phẩm tuyệt tác. Ấy thế mà giám sát ngự sử nhà Tống thời Tống Thần tông là Thái Phụng Hỷ dám nói về xứ sở của ta là: *“Phù chương hải cùng sơn, độc vụ chi yên tẩu, phi diên trụ, độc khí thượng, ôn phong tác lệ, kỳ gian đãi phi nhân cảnh...”*^[81]

Chiêu Thánh mỉm cười đáp:

- Người phương Bắc thềm nước mình đến nhỏ rãi, khi không cướp nổi thì chê bai hết lời. Dân ta họ gọi là dân di, dân mọi. Cảnh của ta đẹp như cõi tiên thế này mà họ bảo “phi nhân cảnh” (cảnh không có người ở được). Nó là giọng lưỡi kẻ cướp, phu quân nhớ đến làm gì cho bận tâm.

- Nàng có biết đây là số can không nên đánh Đại Việt của Thái Phụng Hỷ dâng lên Tống Thần tông?

- Thiếp biết, chẳng là sau khi Lý Thường Kiệt đem quân hạ các thành và cảng Ung, Khâm, Liêm mà nhà Tống tích chứa lương thảo, khí giới sắp đánh nước ta. Phá xong Lý Thường Kiệt rút quân về. Kế của Vương An Thạch, mưu của Tống Thần tông bị Lý Thường Kiệt tảo thanh đánh sập, nên họ định cử đại binh sang trả thù, khi đưa ra bàn trong triều, các quan đều sợ đánh Đại Việt không thắng nổi càng nguy. Đoàn phu quân vừa đọc nằm trong số can gián của Thái Phụng Hỷ dài ba trăm tám mươi sáu chữ. Đây là một vị hủ nho lời lẽ vừa trống rỗng vừa khoa trương, nhưng thực ra là nhất hèn.

Lê Tần khen:

- Ta không ngờ, nàng lại là người rành sử đến vậy.

- Phu quân có biết những năm sống bên tháp mộ vua cha nơi trại đầu hầm bên bờ hồ này, nhiều phen thiếp đã định xuất gia hoặc tìm đến cái chết. Thú thực nếu không có Trịnh Huyền và sách, chắc thiếp không còn được sống tới ngày gặp phu quân. Và lại những trang sử hào hùng của tổ phụ mình, của đất nước mình, càng đọc như càng được tiếp thêm sức sống. Thiếp cam đoan với phu quân nước ta có nhiều phen chống lại sự xâm lăng của phương Bắc, thẳng họ rất vẻ vang, nhưng đem quân tới tận sào huyệt nó để phá mưu nó thì chỉ có thời Lý và danh tướng Lý Thường Kiệt là độc nhất vô nhị.

Suy nghĩ giây lâu, Lê Tần đáp:

- Có lẽ nàng nói đúng. Bởi nước ta nhỏ, thế và lực đều có hạn, nên chỉ chống đỡ là chính. Duy có Lý Thường Kiệt là bậc thần mưu, là tướng dũng lược nắm đúng thời cơ, ra tay đúng lúc nên dù tiến sang đất Tống hoặc rút về lập phòng tuyến bên bờ nam sông Như Nguyệt, ông đều ở thế thượng phong.

Với vẻ cảm phục chồng, Chiêu Thánh liền nói:

- Phu quân cũng là một danh tướng đương thời, phu quân nói về Lý Thường Kiệt với tấm lòng của kẻ liên tài, thật đáng trọng.

Lê Tần vội đáp:

- Nàng chớ nói vậy làm ta ngượng, ta vừa là kẻ hậu sinh vừa không có cái gì để sánh được với tướng quân họ Lý.

Lê Tần vừa nhìn thấy tháp thoáng ngói tháp chùa Bảo Quang, bỗng có gì hoài nhớ. Chàng vội nói lời: - Thật ra thì thời nào cũng có người tài, nhưng anh tài kiệt xuất thì không phải thời nào cũng có.

Xe vừa dừng trước tam quan, bỗng vợ chồng con cái Trịnh Huyền từ trong sân chùa chạy ra.

Chiêu Thánh vô cùng ngạc nhiên:

- Chị và tướng quân định qua chùa lễ Phật rồi ra lễ tháp phụ hoàng sau đó sang thăm vợ chồng em. Tại sao em biết chị tới mà qua đây?

- Lạ lắm chị Chiêu Thánh ơi, đêm qua em mơ thấy tiên đế. Người vận áo cà sa, đội mũ hoa sen, tay chống thiền杖. Vừa trông thấy người em sụp lạy. Người mỉm cười rồi giơ chiếc gậy như có ý bảo em đứng lên. Khi em ngừng nhìn thì không thấy ngài nữa. Sáng dậy em cứ thấy nóng ruột, ngồi đứng chẳng yên. Chợt nghĩ phải sang mộ tháp thì thấy lòng yên tĩnh, bèn rủ phu quân và cho các cháu cùng đi.

May quá chị Chiêu Thánh, thế là chị em mình lại được gặp nhau.

Đô tướng Đỗ Quang Thuật từ ngày có gia thất nom người tươi nhuận hẳn ra, tính tình cởi mở khiến quân sĩ dưới quyền thêm quý

mên.

Lê Tàn với chức ngự sử đại phu là quan lớn trong triều được vua tin cậy, còn Đỗ Quang Thuật chỉ là một viên đô tướng trông coi tám mươi quân thánh dực, một chức quan cuối hàng phẩm trật nhưng Lê Tàn vẫn coi như một người em út, sẵn sóc, bảo ban và cả dạy dỗ nữa.

Nhờ Chiêu Thánh là mối dây ràng buộc, nên hai gia đình thêm quý nhau như tình nội tộc. Đến bây giờ thì con cái hai nhà cũng đã vào tuổi trưởng thành, Chiêu Thánh, Trịnh Huyền cũng đã trên dưới bốn mươi tuổi, tình thân ngày một khăng khít.

Mọi người vào chùa lễ Phật rồi ra tháp mộ Huệ tôn. Cạnh ngôi tháp Huệ tôn là tháp mộ của vị thiền sư trụ trì tại ngôi chùa này mà hơn hai mươi năm trước Chiêu Thánh, Trịnh Huyền đã vào đây tá túc. Chiêu Thánh làm lễ cả hai ngôi tháp rồi vào chùa đưa mười nén bạc biếu vị thiền sư để nhà chùa thêm vào tiền hương nến thờ Phật.

Khi biết Chiêu Thánh là con của Huệ tôn, vị thiền sư bèn đứng lên vái bà và nói:

- Bạch chư tôn công đức, ngài Huệ Quang và thầy tôi (tức là vị tiền bối trụ trì tại chùa Bảo Quang) đều là các bậc Bồ tát và chắc các ngài đã nhập Niết Bàn. Nhưng chúng tôi vẫn coi như các bậc đang thị hiện để hóa độ chúng sinh.

Trà nước xong, tướng Lê Tàn dẫn Chiêu Thánh và các con sang nhà vợ chồng Trịnh Huyền.

Cơm nước xong Trịnh Huyền tự tay thấp hương lên ban thờ rồi lầm rầm khấn vái, không ai nghe được rõ lời. Đoàn Huyền sai hai đứa gia nhân đi tìm hai chiếc cốc đem ra gốc dâu cổ phía đầu vườn.

Trịnh Huyền quay lại vái Chiêu Thánh hai vái:

- Em có lỗi, bấy lâu giấu chị một việc, hôm nay em xin vái chị để tạ lỗi rồi em sẽ giải bày sau.

Đoàn Huyền nói:

- Chị có nhớ cái đêm quốc mẫu đến thăm chị rồi ngủ lại đây với chị em mình không?

- Ta quên sao được. Vậy có chuyện gì mà em làm nghiêm trọng khiến ta lo quá.

- Có chuyện nghiêm trọng đấy. Nghiêm trọng là ở chỗ em giấu chị từ bấy tới nay. Chị cứ để em kể. Qua đêm ngủ lại, tinh mơ quốc mẫu đã lay gọi em rồi người giúi vào tay em một gói nặng nặng. Người bảo: “Ta có mười nén vàng, con giữ lấy để độ thân cho hai thầy trò. Ta cấm con không được hở cho Chiêu Thánh biết chuyện này. Có thể con chôn giấu vào một gốc cây nào đó trong vườn. Rồi làm như vô tình đào được. Nếu có điều gì cần kíp, con cứ về cung tìm ta. Nhớ nhé”. Em chưa kịp nói điều gì thì bà đã ra đi. Cầm nắm vàng trong tay, người em cứ run bắn lên. Em đã định vào lay gọi chị. Lại nhớ quốc mẫu dặn: “Ta cấm con không được hở cho Chiêu Thánh biết chuyện này”.

Lúc ấy trời cũng bắt đầu sáng. Em chỉ nhìn lơ mờ những nén vàng bọc trong vuông khăn đỏ nhưng em không dám mở ra. Vội tìm được chiếc lọ sành có nắp, em đem chôn xuống gốc cây dâu đầu vườn. Vừa vui xong chiếc lọ đang lấp đất thì chị dậy hỏi em làm gì sớm thế. Em bảo xới bón cho mấy gốc dâu. Suốt một thời gian dài, có lúc chị em mình lâm cảnh thiếu thốn, em đã toan nói với chị lại sợ chị

mắng và bắt đem vào cung trả phu nhân. Cũng có lúc em đã nghĩ, hay là đào lên lấy một nén đem đi bán. Nhưng em lại sợ vì từ nhỏ chưa biết vàng là gì. Đem bán lại sợ người ta nghĩ mình là đứa lấy trộm của chủ bắt trình quan. Thế là em cứ để đấy coi như quên. Nay có chị và cả quan ngự sử và phu quân em. Em xin đào lên để gửi chị.

Nói xong Trịnh Huyền xăm xăm đi ra phía đầu vườn và sai gia nhân đào dưới gốc dâu. Cây dâu ngày trước chi bé bằng thân cây mía, nay to bằng bắp đùi. Vì vậy công việc đào bới rất là vất vả. Sau phải dùng đến mai và cả dao dựa để chặt rễ cây.

Từ khi nghe Trịnh Huyền nói, Chiêu Thánh hết đổi bằng hoàng, nàng phải tựa lưng vào vách tường cho khỏi ngã. Có một cái gì đó dường như là sự hối hận dâng lên nghẹn ứ cả cổ họng. Đúng là bà đã giận mẹ tới mức không thể tha thứ. Ngay cái chết của mẹ gần đây bà cũng chỉ đến viếng như một người bà con xa, và chỉ đeo hồ một dải khăn tang chứ không nhỏ được một giọt nước mắt xót thương cho người đã sinh hạ ra mình. Chiêu Thánh biết đó là một sự tàn nhẫn cố chấp. Nhưng quả thật việc cướp mất một vương triều và làm tuyệt diệt cả một dòng họ, càng lớn lên Chiêu Thánh càng nung nấu lòng căm giận.

Một vài năm sau cái chết của phụ hoàng, Chiêu Thánh mới biết kẻ nào là thủ phạm giết cha mình. Và những năm dài đau ốm của vua cha được người ta nhốt vào một nơi để nuôi dưỡng như nhốt một tên tội phạm sát nhân. Không phải mẹ ta không biết điều đó. Thế nhưng vẫn nhắm mắt làm ngơ và nhờn nhờ sống với người tình. Chiêu Thánh giận mẹ là giận ở sự phản bội vua cha tới mức nhẫn tâm. Còn như sự còn mất của một vương triều cũng chẳng có gì là ghê gớm. Chục nén vàng bà để lại cho ta trong lúc khó khăn, ấy là cái tình của người. Cũng may là tới bây giờ Trịnh Huyền mới cho ta biết. Giá như ngày ấy Huyền nói ra ngay thì hoặc là ta đã ném nó đi, hoặc ta bắt Trịnh Huyền phải đem ngay tới cung Thủy Tinh trả lại bà.

Trịnh Huyền vẫn đứng chỉ trò mấy người đào bới. Mãi sau khi chặt hết những chùm rễ quấn chằng chịt quanh chiếc lọ sành, sau đó mới lấy được cái lọ ra. May lọ chưa bị vỡ, nắp vẫn còn đầy nguyên như cũ. Gia nhân bê vào trong nhà. Trịnh Huyền mời chồng và quan ngự sử Lê Tần cùng xem chiếc lọ. Sau đó Huyền đưa cho Chiêu Thánh và nói:

- Chị mở nắp giùm em.

Chiêu Thánh giơ tay lên mở nắp lọ như người vô hồn.

Trịnh Huyền cho tay vào khoảng ra được một nắm vàng. Vài bọc đã mục nát. Vàng vẫn vàng chói. Huyền đếm được đúng mười nén. Nàng lau sạch sẽ, đặt vào chiếc đĩa rồi nâng hai tay đưa cho Chiêu Thánh:

- Em muôn vạn có lỗi với chị. Đây là tấm tình của quốc mẫu, chị giữ để lưu chút tình mẫu tử.

Chiêu Thánh nén nỗi đau chia tay ra đỡ, nước mắt tuôn rơi lã chã. Bỗng nhiên tay bà run bần bật. Chiếc đĩa tuột khỏi tay vỡ vụn. Mười nén vàng rơi chồng đồng lên nhau.

Chiêu Thánh hoảng hốt hét lên như người mất hồn:

- Phụ hoàng! Phụ hoàng! Rồi bà ngã lăn ra. Lê Tần và các con xúm vào nâng bà dậy.

Mọi người đều sờn cả tóc gáy và mơ hồ nhận ra một điều gì đó rất thiêng liêng vừa xảy ra.

Lâu lâu chùng nhai tàn miếng trầu Chiêu Thánh mới mở được mắt ra. Bà nói, giọng thù thảo thuận hơi:

- Phụ hoàng về đón ta đi đấy. Ta nom rõ phụ hoàng trong bộ áo thiền sư, y hết bữa ta và chị Thuận Thiên đến điện Chí Kính gặp cha trước khi cha xuất gia. Ta còn nhớ như in lời cha nói nhỏ nhưng vừa đủ nghe: “Từ nay pháp danh của cha là Huệ Quang”.

Nhìn lại mấy nén vàng Chiêu Thánh xưa tay: - Ta không thể nhận. Không thể nhận được. Vừa nãy Trịnh Huyền bảo ta nên nhận “để lưu giữ một chút tình”. Nhưng không thể được, chính phụ hoàng gạt tay ta đấy. Nỗi đau này chưa thể gỡ bỏ khi nhà Trần chưa trả nghiệp. Thôi ta đành...

Trịnh Huyền sợ cuồng lên:

- Vậy thì làm thế nào đây chị Chiêu Thánh, thưa quan ngự sử - Huyền quay về phía Lê Tàn hỏi - Xin quan ngự sử quyết cho việc này.

Lê Tàn bị hỏi bất ngờ nên hơi lúng túng. Một lát sau, ông nói:

- Theo ta, vợ chồng Trịnh Huyền, Quang Thuật nên giữ số vàng này để chăm sóc tháp mộ và hương khói cho tiên đế.

Chiêu Thánh cũng nói theo:

- Phải đấy! Phu quân ta nói đúng đấy. Em làm ơn nhận giùm chị đi.

Đỗ Quang Thuật vội nói:

- Thưa đại quan cùng phu nhân, việc mười đỉnh vàng cho tới lúc này tiểu tướng mới được biết. Vì nó là việc thiêng liêng nên hiền thê của hạ cấp vẫn giữ kín. Cho nên việc này hạ cấp xin được phép không dám can dự.

Tiếp lời chồng, Trịnh Huyền cũng nói:

- Chị Chiêu Thánh ơi, hầu hạ chị bấy nhiêu năm, chị biết tính em rồi đấy. Ngay những ngày túng thiếu, mẹ em ở quê bị đói, chị cho vòng vàng để bán đi nuôi mẹ, em còn chẳng dám lấy nữa là bây giờ. Hơn nữa đây là của quốc mẫu gửi chị, em đâu dám nhận.

Việc chăm sóc tháp mộ tiên đế, là ta cứ nói thế thôi chứ tiên đế bây giờ là Bồ Tát, là Phật hoàng rồi, tiên đế đâu có ngự trong tòa tháp đó. Và lại việc chăm sóc các tháp mộ trong vườn chùa là công việc của các sa môn trong chùa chớ đâu cần tới chị em mình. Thịnh thoảng chị em mình qua lại hương khói là tỏ tấm tình kính ngưỡng đối với tiên đế, và nhờ mấy cọng cỏ quanh chân tháp, việc ấy đâu cần tới cả đồng vàng kia. Mấy lại chị thương em, cứ trông thấy vàng là em sợ lắm.

Chiêu Thánh ngẫm nghĩ: “Trịnh Huyền là người trọng nghĩa. Ngay từ khi còn nhỏ hầu hạ mẹ ta trong cung thái sư, mà Trịnh Huyền dám lọt vào nơi người ta giam giữ cha ta để lấy chiếu cần vương. Bị bắt, Huyền khẳng khái nhận chứ không khai vạy cho ai. Rồi sẵn sàng theo ta đi sống cuộc sống khắc khổ bao năm trong trại dâu tằm này. Huyền nói cứ hề trông thấy vàng là sợ, chính là Huyền khinh các thứ của cải mà vì nó biết bao người phải oan khuất. Vậy làm thế nào với mấy nén vàng này đây. Ta không thể nhận nó, dù trong đó là cái tình của mẹ. Nhưng còn nỗi đau của cha vừa vong quốc lại bức phải vong thân, cha giận không cho phép ta nhận, cũng tức là cha biết mẹ đã đoạn tình, đã phản bội cha đến mức không thể tha thứ, dù rằng cha đã là đáng giải thoát. Thôi cũng đành vậy. Mẹ đã gieo

nhân nào thì mẹ hái quả ấy”. Đoạn Chiêu Thánh quay ra nói trước mọi người:

- Huyền không nhận số vàng này có cái lý của Huyền. Ta không nhận số vàng này có cái lý của ta. Nhưng không thể để như một chướng vật trong nhà Huyền mãi. Vậy theo ta, hai chị em mình cùng mang sang chùa cúng dàng Tam Bảo.

Ai cũng cho điều đó là phải. Trước khi sang chùa, Chiêu Thánh nói với Trịnh Huyền.

- Trong khắp nước Đại Việt, em là người cao thượng bậc nhất mà chị từng thấy. Cuộc đời chị may có em làm bầu bạn. Nếu không có em, chắc chị chị có ngày nay. Em không màng bất cứ một thứ gì không phải tự em làm ra. Cho nên không biết lấy gì đền ơn đáp nghĩa em. Vậy em hãy nhận tấm lòng nơi chị. Nói xong Chiêu Thánh quỳ lạy Trịnh Huyền hai lạy.

Trịnh Huyền vừa nâng Chiêu Thánh dậy vừa khóc nức nở:

- Chiêu Thánh ơi, chị xử thế khiến em tôn trọng và ngưỡng với đại quan và phu quân em lắm. Chị em ta sở dĩ gắn kết với nhau trong cuộc đời này chắc là có cơ duyên tiền định, chị khỏi băn khoăn.

Sau khi hai người đem mười nén vàng sang chùa cúng dàng Tam Bảo, họ chia tay nhau trong bịn rịn, nhưng trong lòng hai người đều vui nhẹ. Nhất là với Trịnh Huyền, khi chưa trao lại được số vàng kia cho Chiêu Thánh, trong tâm can óc não nàng lúc nào cũng nặng trĩu như phải đeo một cục đá.

Lại nói công việc triều chính, Thánh tông nhận biết sự hiểm nguy của sức mạnh Mông Cổ (nay là nhà Nguyên) ngày càng uy hiếp nặng nề nền tự chủ của Đại Việt. Vì vậy nhà vua ban chiếu cho các vương hầu phải tăng số điền binh trong trang ấp, phải cho họ thay nhau luyện tập để khi nước có họa xâm lăng thì mỗi người dân sẽ là một người lính. Lại sai tuyên dân đinh các lộ những người trẻ, khỏe sung làm thường binh để luyện thành các sắc quân tinh nhuệ. Các lộ cho lập các đội phong binh ^[82].

Nghe nói Hốt-tát-liệt chiếm các tỉnh miền nam Trung Hoa, đã cho đóng thuyền lớn, lập thủy binh. Chắc người Nguyên có ý định xâm chiếm Đại Việt hoặc các nước trong vùng, xa hơn nữa là Nhật Bản. Vì vậy vua Thánh tông sai đóng các thuyền lớn cho quân thủy, sai các lộ làm đồ binh khí, lại sai Lê Tần làm thủy quân đại tướng chuyên coi sóc việc luyện quân thủy trở thành một sắc quân mạnh của Đại Việt, đủ dìm chết đám thủy binh phương bắc nếu chúng xâm phạm cõi bờ ta.

Nhà vua còn hạ chiếu cho các vương hầu, công chúa phò mã được phép chiêu mộ những người dân xiêu tán vì không có ruộng đất, sản nghiệp làm điền nô để khai khẩn đất hoang cùng với số đất đã được phong, lập làm điền trang. Bởi số điền trang càng nhiều, càng rộng lớn thì càng nhiều của cải, nhiều điền binh. Đó cũng chính là sức mạnh của nước.

Vua phong cho em là Chiêu minh vương Trần Quang Khải làm thái úy, sai vào coi châu Nghệ An. Phong cho Quốc Tuấn tước vương.

Quốc Tuấn từ sau cuộc chiến năm Đinh Ty lập công to, được Thái tông cho mở phủ tại Thăng Long, lấy tên hiệu của mình đặt

cho phù riêng là Hưng Đạo ^[83].

Tuy nhiên, Quốc Tuấn lui về Vạn Kiếp mở rộng điền trang, lập gia binh, kén tả hữu giúp rập. Quốc Tuấn nghiêm ngẫm binh thư các đời, lại xem xét vì sao quân Mông Cổ trở thành một đội quân bách thắng. Biết trước sau cũng phải đối đầu với đám quân dũng mãnh mà kiêu ngạo, tàn bạo này, nên ông không bỏ qua một điểm mạnh nào của nó mà không xem xét. Và từ đó tìm ra cái yếu, cái khuyết nhược của nó để viết thành sách dạy cho trước hết là các gia tướng, gia binh.

Trang ấp của ông cận kề với nơi hội tụ của sáu dòng sông. Từ đây có thể lên phía bắc mà vào Trung Hoa hoặc lên phía tây bắc sang nước Đại Lý, nơi quân Mông Cổ đang chiếm giữ. Lại cũng từ đây mà về Thăng Long hoặc xuôi xuống cửa sông Bạch Đằng ra biển. Từ cửa biển này có thể sang Trung Hoa hoặc vào Thanh Hóa, Nghệ An rồi từ đó qua Chiêm Thành.

Quốc Tuấn nhận ngay ra tính quan yếu vào bậc nhất của vùng sông nước mà ông đang chiếm giữ. Nơi đây sông vừa sâu vừa rộng lại chia nhiều ngả đủ sức lập đại thủy trận. Dụ được giặc vào đây khác nào dụ được chúng vào trận đồ bát quái.

Sau trận thua năm Đinh Tỵ sang năm Mậu Ngọ, Ngột-lương-hợp-thai lại sai hai viên sứ vào Thăng Long dụ Đại Việt quy hàng. Vua Thái tông nổi giận sai trời hai viên sứ thần lại rồi đuổi về nước.

Anh em Hốt-tát-liệt đang đánh nhau để tranh ngôi Đại Hãn nên cũng bỏ qua việc ấy. Nay Hốt-tát-liệt đã lên ngôi, lại sai sứ sang dụ vua ta. Trong đó có phần châm chước, nương nhẹ.

Trong chiếu thư của Hốt-tát-liệt gửi cho vua ta có đoạn viết: “... *Ta sai Lê bộ lang trung Mạnh Giáp sung chức An Nam tuyên dụ sứ và Lê bộ viên ngoại lang Lý Văn Tuấn sung chức phó sứ sang hiểu dụ cho quan liêu sĩ thứ nước ngươi được biết: Phàm các việc như áo mũ, lễ nhạc, điển lệ, phong tục cứ theo như chế độ cũ của nước ngươi không cần phải thay đổi. Như nước Cao Ly mới đây sai sứ sang hỏi, đã xuống chiếu cho đều theo lệ ấy. Ngoài ra ta cũng răn cấm các biên tướng ở Vân Nam không được tự tiện đem binh lẫn cướp nơi cương giới, quấy nhiễu biên dân nước ngươi. Các quan liêu sĩ thứ nước ngươi đều nên yên trị như cũ...*”.

Hốt-tát-liệt còn phong vua ta làm An Nam quốc vương, lại ban gấm vóc để yên lòng.

Vua thết yến và quà cáp tiễn sứ rất trọng hậu.

Một mặt sai sứ sang đáp lễ, mặt khác sai hai quân thủy bộ tập đại thủy trận ở ngã ba sông Bạch Hạc vì quân thủy đã tinh luyện từ mấy năm nay và các chiến thuyền lớn cũng vừa hạ thủy.

Hốt-tát-liệt đã chấp thuận cho Đại Việt ba năm cống phương vật một lần. Nay lại gửi chiếu thư sang hạch sách: “... *Khanh đã gửi đồ lễ sang làm bầy tôi, vậy bắt đầu từ năm Trung thống thứ tư, cứ ba năm cống một lần, hãy chọn nha sĩ, thầy thuốc, người giỏi âm dương bói toán, các loại thợ, mỗi thứ ba người, cùng dầu tô hợp hương, quang hương, vàng bạc, châu sa, trầm hương, đàn hương, sừng tê, đồi mồi, trân châu, ngà voi, vải trắng, chén sứ đem cả đến một lúc. Ta vẫn cử Nu-rút Đin ^[84] (Nurud-Din) làm Đa-ru-ga-tri ^[85] đeo hồ phù đi lại khắp nước An Nam...*”.

Thấy phía nhà Nguyên ngày càng lấn tới, hai vua bèn triệu các thân vương, các tướng tâm phúc về trang ấp của Hưng Đạo ở

Vạn Kiếp để hội họp, vừa tránh sự nhòm ngó của đám thương nhân người Hồi Hột^[86] mà triều đình nghi lữ người này do Hốt-tát-liệt phái sang ta do thám, vừa xem lại cái thế thủ hiểm của Lục Đầu giang và các sắc quân của Hưng Đạo ở Vạn Kiếp.

Được vua chọn trang ấp Vạn Kiếp làm nơi hội họp, Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn sai gia nhân lo sắp xếp chu đáo nơi ăn ở, nơi hội họp, sai các gia tướng, hai đạo thủy bộ chuẩn bị sẵn sàng, nếu hoàng thượng cho phép sẽ diễn tập ngay trên khu vực Lục Đầu giang.

Tới ngày hẹn, thuyền vua và thuyền các quan cùng các tướng tâm phúc cập bến Bình Than từ lúc bình minh còn chưa ló rạng.

Hưng Đạo đem theo gia tướng, gia binh ra tận bến thuyền nghênh đón hai vua và Thái sư.

Vua Thái tông năm nay vào tuổi bốn mươi lăm, đi lại nhanh nhẹn, sức lực sung mãn, giọng nói ầm áp chưa có dấu hiệu của tuổi già. Thái sư Trần Thủ Độ phong độ kém hẳn mấy năm trước. Dăm năm trước đây thôi, khi đại quân rút về đóng tại bãi Mạn Trù bên sông Thiên Mạc, râu tóc thái sư mới hoa râm chừa trắng xóa như bây giờ. Lúc đó nom ngài còn cân quắc, ý chí sắt đá, lời nói thép đanh. Khi vua hỏi: “Thế giặc mạnh, liệu tính sao đây?”. Thái sư trả lời giọng sang sảng: “Đầu thần còn chưa rơi thì bệ hạ khỏi lo”. Thế mà bây giờ, mới sau có năm năm, Thái sư đã trở thành một ông lão già nua. Lưng đã hơi gù gù, má hóp, thần sắc không còn linh lợi nữa. Có nhẽ từ sau sự ra đi đột ngột của phu nhân, Thái sư như bị hụt hẫng, mọi sự đều trở nên xáo trộn, trong lòng thì trống vắng, cô đơn, khiến ông chạnh lòng. Chiêu Thánh giận mẹ, có nghĩa rằng nó vẫn còn căm ghét ta. Nhiều nỗi dằn vặt xâu xé. Quá khứ hiện về như một nỗi ám ảnh khôn nguôi.

Quốc Tuấn ra tận mạn thuyền đỡ Thái sư bước qua tấm ván để vào bờ. Miệng chào, tay đỡ cho ông đi từng bước.

Thái sư nhẹ hỏi:

- Quốc Tuấn đây ư? Ta muốn về thăm trang ấp của cháu, lại cũng muốn đọc trước tác về binh pháp của cháu.

Quốc Tuấn đỏ mặt vì ngượng, nói làng:

- Ông ơi, núi sông ở vùng này đẹp lắm, ông ở lại đây ít ngày, cháu dẫn ông đi.

-Ồ, ông cũng muốn nhìn tận mắt cảnh sắc nước non. Cứ bảo nước mình nhỏ. Vậy mà ông đã đi được hết đâu.

Hai ông cháu lẫn vào trong đoàn người đông đúc, vừa đi vừa nói chuyện. Loáng đã vào tới đại sảnh.

Quốc Tuấn mời hai vua cùng các quan vào nhà đại bái. Ngõ nhà chín gian cửa bức bàn, cột gỗ lim đen bóng. Đá tảng kê chân cột hình trụ, chân đế vuông trang trí hình lá đề chạy quanh hai đầu trụ. Các đầu sen, chân quỳ chạy đến nóc để gác đòn tay thay kèo.

Gian giữa kê một chiếc hương án chạm lộng, sơn son thếp vàng. Trên treo bức đại tự có bốn chữ: “Giang sơn cẩm tú”. Góc dưới nơi dòng lạc khoản đề ngày tháng còn có bốn chữ “Hoài vương thủ bút”. Có nghĩa rằng đây là chữ của Hoài vương Liễu viết để lại cho con. Tâm ý vương muốn dặn con đất nước ta đẹp lắm, con phải gìn giữ lấy.

Mọi người đều ngược đọc và khen vương có nét chữ bay bướm, khoáng đạt.

Quốc Tuấn mời hai vua và thái sư cùng mọi người an tọa, ông sai gia nô dâng trà. Lại xin phép được dâng bữa ăn sáng.

Thái tông gạt đi:

-Đề nửa buổi hãy ăn sáng. Vì đêm ăn ở dưới thuyền còn no. Có mấy việc cần phải bàn gấp, ở kinh sư không tiện.

Trần Quốc Tuấn nhìn khắp lượt, ông thấy ngoài hai vua và Thái sư Trần Thủ Độ còn có Tướng quốc thái úy Trần Nhật Hiệu, Vọng giang phiêu kỵ đô thượng tướng quân Trần Quốc Khang, Thái úy Trần Quang Khải, Ngự sử đại phu, Thủy quân đại tướng Lê Phụ Trần (Lê Tần), Phiêu kỵ tướng quân thiên tử nghĩa nam Trần Khánh Dư, Đô thượng tướng quân Trần Khuê Kinh, Công bộ thị lang, trạng nguyên Nguyễn Hiền, sử quan bảng nhãn Lê Văn Hưu... Ưu biệt nhất trong chuyên đi này nhà vua còn mời cả Phù Vân quốc sư. Sư tuy tuổi cao nhưng đầu óc còn minh mẫn thông tuệ, người gầy nhỏ nhưng sẵn chắc đi lại thoăn thoắt. Năm nay sư đã tám mươi tuổi, hơn Trần Thủ Độ đúng mười tuổi nhưng ai cũng nghĩ quốc sư còn ít tuổi hơn Thái sư.

Vua Thái tông mời quốc sư ngồi bên tả, Thái sư Trần Thủ Độ ngồi bên hữu. Tiếp phía sau là vua Thánh tôn và tướng quốc thái úy Trần Nhật Hiệu. Còn lại theo thứ bậc ngồi.

Vào việc, Trần Thái tông nói:

-Bữa nay trẫm thỉnh Quốc sư và Thái sư cùng quan gia và chư vị tâm phúc để bàn việc quốc sự. Ấy là nhà Nguyên vừa có chiếu thư gửi sang hạch sách ta một số việc. Vua sai đọc lại nguyên văn chiếu thư của Hốt-tát-liệt.

Vua xem sắc diện mọi người khi nghe chiếu thư, dường như lòng giận uất càng lúc càng dâng cao.

Thái tông biết phải chuyển lòng tức giận này thành ý chí và phải nuôi dưỡng nó thành sức mạnh quật cường của muôn dân chứ không chỉ là sự bộc phát nhất thời. Yên lặng giây lâu, ngài nói:

- Chiều thư của Nguyên thế tổ Hốt-tát-liệt đòi ta có ba việc:

Một là phải cống các đồ trân quý mà y đã đòi.

Hai là phải cống thầy và thợ.

Ba là phải chấp nhận viên Đạt-lỗ-hoa-xích đeo hổ phù đi lại khắp nước ta.

Đạt-lỗ-hoa-xích là viên khâm sai của Nguyên chúa phải sang giám sát mọi mặt của nước ta.

Vua Thái tông nhìn về phía Quốc sư và Thái sư nói:

- Xin hai đại lão chỉ cho trẫm gỡ rối việc này với nhà Nguyên.

Trần Thủ Độ quay về phía Quốc sư vái một vái rồi nói:

- Xin trường lão mở lời bỏ thí!

Quốc sư vái đáp lễ rồi nói:

- Lão tăng ẩn tu nơi núi rừng Yên Tử, vài năm lại đây hoàng thượng vội về kinh sư, lại chuyên chú vào việc chi dẫn cho thợ khắc ván in trước tác của ngài, nên việc đòi với lão tăng khác chi ếch ngồi đáy giếng, thực không dám lạm bàn. Nhưng lão tăng chỉ xin nói một điều, nếu người Mông Cổ đã chiếm xong Trung Hoa thì mọi việc sẽ rất khó khăn cho ta. Nếu họ chưa chiếm được Trung Hoa ắt họ sẽ còn nói tay. Vì vậy đối sách có thể dây dưa, xin bớt điều này bỏ điều kia. Cư xử với những người tâm địa hồ lang này là muôn khó. Bệ hạ nên cân nhắc, cố giữ lấy cái thể nhân chủ. Mặt thể nhân chủ là mặt nước. Ta là nước nhỏ, thể yếu. Tức là phải lấy yếu chống mạnh. Thế thì phương lược ắt bệ hạ phải dùng phép lấy nhu chế cương. Tăng này chỉ mong sao cái tâm thể gian được yên định cho cái trí nó sáng ra thì mới bớt sân si rồi từ đó mà chế ngự lòng tham dục. Kẻ nào tham sân thái quá ắt sẽ trắng tay. Không chỉ trắng tay mà còn vong thân, vong quốc. Đại Việt ta từ xưa vẫn lấy nhân nghĩa, hòa ái làm đối sách. Những kẻ cậy mạnh không thời nào chịu nghe. Và xem ra lần nào họ cũng chuốc họa. Nay bệ hạ lo giữ nước, bảo vệ sinh linh, ấy là việc thiện nên sẽ được Trời Phật độ. Bệ hạ cứ vững tâm mà hành hóa, muôn dân sẽ cùng bệ hạ giữ nước.

Ngừng lời thiền sư quay về phía nhà vua, lại quay sang phía thái sư cúi chào rồi tiếp:

- Bản tăng có vài lời thô lậu trước việc lớn quốc gia, đúng sai không biết nhưng đó là lời nói trực tâm, xin bệ hạ và chư vị thứ lỗi.

Vua Thái tông vội tiếp lời:

- Đa tạ đại lão thiền sư đã chỉ cho trẫm phương lược ứng xử. Có thể nói Quốc sư đã chỉ cho ta phương lược chung, vậy ta phải tìm ra đối sách cho từng việc một. Vì như mỗi việc nhà Nguyên đòi đây nên cư xử như thế nào. Hoặc giả, ngoài phương lược như đại lão thiền sư vừa chỉ dẫn, ai có phương lược nào khác cứ tâu lên để cùng nghị bàn.

Thái sư Trần Thủ Độ nói:

- Phương lược nước nhỏ đối với nước lớn như dạy, quả là siêu việt và không gì có thể thay thế. Lấy yếu chống mạnh, lấy nhu chế cương có lẽ đó là phương lược lâu dài của nước ta đối với phương bắc. Hoàng thượng vừa hỏi trong ba việc nhà Nguyên đòi, từng việc nên có đối sách thế nào. Chắc các thân vương và các vị tâm phúc ở đây sẽ bàn cho vỡ lẽ. Riêng Thủ Độ tôi thấy các đồ trân quý có thể cho. Nhưng không phải cho tất cả, không cho đủ số như họ đòi hỏi. Có thứ họ đòi nhiều ta cho ít, có thứ họ đòi ít ta cho nhiều. Có thứ không cho. Nếu có vận hội thì bảo có thứ còn ít quá tìm kiếm khó khăn. Có thứ bảo hết rồi. Trước kia thì có, bây giờ không còn nữa vì nhà Tống đã đào cùng tát cạn. Các thứ đó bây giờ chỉ có thể tìm thấy trong các kho trân bảo của Tống triều.

Lại như họ đòi cống các thầy và thợ giỏi, cái này thì không thể được. Những người đó vừa là tài năng vừa là tài sản quý của nước. Nó là một thứ mỏ càng khai thác càng sinh sôi, bằng mọi cách phải bảo vệ chứ không thể đem nộp cống tinh hoa của đất nước cho kẻ thù. Mà nếu đã được một ít chúng sẽ đòi tới mười nữa kia.

Vừa nói tới đó thì một cơn ho chợt đến. Trần Thủ Độ ôm ngực thở, bỏ dở câu nói.

Gia nhân đem dâng thái sư chén trà gừng nóng. Ngài đỡ lấy và nhắm từng hớp nhỏ, gương mặt đã hồng hồng trở lại.

Vua Thánh tôn hỏi Tướng quốc thái úy Trần Nhật Hiệu ngồi kế bên:

- Chú có điều gì cần nói?

Trần Nhật Hiệu vừa lắc đầu vừa xua tay. Điều đó có nghĩa tướng quốc thái úy không muốn nói hoặc không dám nói qua các vụ ông lấy ngón tay nháp nước sông Thiên Mạc làm mực viết lên phía ngoài mạn thuyền hai chữ “Nhập Tống”. Khi vua Thái tông hỏi ông kể phá giặc, chắc ông còn ngượng lắm.

Vua Thánh tôn lại quay sang phía Lê Phụ Trần giục:

- Quan ngự sử cho biết cao ý.

Lê Tần bèn đứng lên vái chào hai vua cùng mọi người, đoạn ông nói thông thả:

- Vừa rồi quốc sư có nói phương lược ứng xử với nhà Nguyên. Rồi quốc sư lại dạy: “Phải giữ lấy cái thể nhân chủ. Mất thể nhân chủ là mất nước”. Đúng như vậy. Thế thì cái chức Đạt-lỗ-hoa-xích kia mà Hốt-tát-liệt đã nói rõ: “Đeo hồ phù đi khắp nước”. Tức y có quyền giám sát, thậm chí kiểm soát mọi công việc của nước ta. Vì vậy nếu ta chấp nhận cho người Nguyên đặt chức Đạt-lỗ-hoa-xích cũng tức là ta chấp nhận một nửa sự cai trị của họ. Lý đương nhiên ta mất thể nhân chủ về tay họ. Nhưng nếu ta không chấp nhận, liệu họ có để ta yên không?

Lê Tần buông ra một câu hỏi mà chính ông đang rất băn khoăn. Nói xong, ông vái nhà vua rồi ngồi xuống.

Vua Thái tông với vẻ ngập ngừng nói:

- Đây là điều khó xử nhất của chúng ta. Lại nữa cũng là điều then chốt nhất trong chiếu thư của Hốt-tát-liệt. Nhà Nguyên cho rằng ta có quy thuận họ hay không cũng ở điều này. Mà ta có giữ được cái thể nhân chủ hay không cũng ở điều này. Tức là việc chấp nhận hay không chấp nhận chức Đạt-lỗ-hoa-xích do nhà Nguyên đưa sang.

Ngẫm nghĩ một lát, vua Thái tông lại nói:

- Trước vì sứ Mông Cổ mạn xược ta đã sai trối, có đũa đã chết. Sau chiến tranh họ lại cho hai sứ sang dụ, vẫn như bọn trước, rất là trịch thượng, vô lễ, ta cũng sai trối lại đuổi về nước. Nhưng đây là chuyện của những năm trước. Nay thì không thể xử như vậy được, phải “lấy nhu chế cương” như quốc sư vừa chỉ ra. Vậy chừ vị thử nghĩ xem có chức nào khả dĩ để đem ra làm đối sách với người Nguyên.

Trạng nguyên Nguyễn Hiền xin nói:

- Tàu thượng hoàng, tâu quan gia, bạch đại lão thiên sư cùng chừ vị bề trên và đồng liêu. Việc Hốt-tát-liệt đòi đặt chức Đạt-lỗ-hoa-xích ở Đại Việt là ông ta muốn ra oai thôi, chứ Đại Việt ta mệnh mông thế này mà chỉ có một tên Mông Cổ với vài đũa tùy tùng, thử hỏi chúng đi được đến đâu và làm được gì ở nước ta. Ấy là chưa nói chúng còn gặp một trở ngại lớn là ngôn ngữ bất đồng.

Tàu thượng hoàng, việc này có thể nhận được, nhưng ta phải biến nó trở thành những kẻ mất đũa tai điếc. Nói cho dân chúng biết không ai được tiếp xúc với chúng. Nếu chúng nói gì, hỏi gì đều lắc đầu không biết. Bọn này chỉ nói được tiếng Vân Nam hoặc Quảng Tây. Vì vậy, nếu gặp khi nó hỏi, người dân cứ lắc đầu không biết hoặc dẫn nó vào cửa quan. Quan nọ lại dẫn đến quan kia cứ quần cho nó phát chán. Tức là nó đi đến đâu cũng là đi vào cửa quan cả, thử hỏi nó còn thấu nhận được gì. Tàu thượng hoàng, liền chỗ nó ở, ta cho mở hàng quán lâu ca, viện hát để cung phụng nó mà không thu tiền. Lại biếu xén nó, các đồ sang quý kể cả vàng bạc. Ta cứ nuôi vỗ cho nó béo, chiều nó hết lòng chắc nó cũng chẳng muốn đi dò xét ta làm gì nữa. Mà dò xét cũng không tìm biết được cái gì. Còn hạch sách ư? Chưa cần hạch sách ta đã cung phụng tới mức ở nước nó có nằm mơ cũng chẳng được.

Tàu thượng hoàng, làm như vậy cũng tức là ta biến ngài Đạt-lỗ-hoa-xích thành một con lợn được nuôi vỗ đầy đủ trong một khung chuồng. Và thỉnh thoảng ngài lại kiểm cơ về nước, tức là khuôn của được biếu tặng về. Và đây là dịp y sẽ tâu lên thiên tử thuận những lời tốt đẹp về Đại Việt.

Tàu thượng hoàng thần nghĩ làm cách này đỡ tốn kém hơn, bang giao êm thuận hơn. Trong khi đó ta phải mau chóng chuẩn bị quân, lương, phòng khi nó đã diệt xong nhà nam Tống nó sẽ ép ta mạnh hơn, hoặc đưa quân sang chinh phục.

Mọi người vừa chú mục vừa lắng nghe Nguyễn Hiền nói. Ai cũng thầm khen đó là một cao ý.

Thái tông tỏ vẻ hài lòng, vua khen:

- Quả khanh là người thông tuệ, mười ba tuổi đã trạng nguyên có khác. Mưu này dùng được. Vậy là theo chiếu thư của Hốt-tát-liệt đòi ta ba việc, nhưng quy về chỉ có hai. Công người và công đồ trên quý. Đặt chức Đạt-lỗ-hoa-xích. Ta nhận cả hai. Nhưng việc công thì chỉ công vật chứ không công người. Các đồ trên quý cũng tùy thứ cho thứ không, thứ nhiều thứ ít. Còn Đạt-lỗ-hoa-xích sẽ theo kế của Nguyễn Hiền.

Sứ quan Lê Văn Hưu xin nói:

- Tàu, kế của quan binh bộ thị lang Nguyễn Hiền rất hay, nhưng nếu gặp viên Đạt-lỗ-hoa-xích là một kẻ tinh ranh lại trung thành với vua nó khiến ta không mua chuộc được thì sao?

Thông thị đại phu Trần Phụng Công nói:

- Nếu gặp một kẻ như sử quan nói thì ta lại có đối sách khác. Nó muốn đi đâu, ta lo cho nó đi đấy. Tức là tỏ ra thừa nhận quyền uy của nó, nhưng bên trong vẫn là làm cho nó trở thành kẻ khiếm thính, khiếm thị. Tức là nghe mà không hiểu, nhìn mà không thấy.

Tâu, muốn làm được điều này thì phải dạy cho dân chúng biết bọn người ấy là kẻ thù của mình, nó sẽ đem họa đến cho mọi người. Cả nước muôn người như một thì dù chúng ở Thăng Long hay vào nơi chợ búa, chùa quán, làng quê cũng vậy cả thôi. Còn nhu chôn quân cư, kho tàng, nơi chế tác khí giới đều phải tuyệt mật, một bước cũng không cho nó đặt chân tới. Tuy nhiên, tôi vẫn tin vào kế của quan binh bộ thị lang. Cũng như tôi tin vào lòng tham sân của kẻ xâm lược.

Nghe các quan phân bác, rồi lại có người phân bác lại, vua Thái tông lấy làm hài lòng. Bởi việc luận bàn như vậy mới thật là rõ ràng. Cuối cùng vua phán:

- Đáp lại chiếu thư của Hốt-tát-liệt lần này ta chỉ công các đồ trân bảo cùng với tờ biểu mà không công một người nào cả. Trong biểu dâng cống ta cũng không đã động tới. Nếu nhà Nguyên có bắt bẻ, sứ liệu lời mà biện bác. Ngay việc y đòi đặt chức Đạt-lỗ-hoa-xích ta không phân bác cũng không đã động gì tới. Nếu Hốt-tát-liệt có hỏi, sứ cứ trả lời quốc chủ tôi đang đón đợi.

Tuy nhiên, đây mới là việc nhỏ mở đầu cho một thời kỳ cam go sắp tới. Việc lớn của chúng ta là làm thế nào cho dân no ấm, binh mạnh, mong mọi người hiến kế.

Phiêu kỵ thượng tướng thiên tử nghĩa nam Trần Khánh Dư xin nói:

- Tâu thượng hoàng, còn một việc nữa nên làm, như ở Thăng Long và Vân Đồn hiện nay là hai nơi trọng yếu của nước nhà, thế mà cứ để cho bọn thương nhân Hồi Hột đi lại buôn bán tự nhiên. Liệu họ có buôn bán thật không hay ngoài là buôn bán nhưng lại ngầm dò la ta để tâu báo với người Nguyên, vì hiện nay cả hai nước Thổ Phồn và Hồi Hột đều là thuộc quốc của nước Nguyên, cho nên phải đề phòng kẻ dụng gián của họ.

Tâu, đuổi họ đi sơ lại dụng tới nhà Nguyên, chi bằng ngầm bảo người mình không ai mua bán giao dịch gì với họ nữa. Hàng họ nhập vào thì đánh thuế nặng. Còn hàng của ta thì thả cửa cho họ mua, nhưng nếu họ đem ra khỏi nước ta cũng đánh thuế thật cao. Như thế có nghĩa là hàng chất đống vào đây kho không bán được, chắc chỉ một năm là cạn vốn, mấy người này phải bỏ của mà chạy chứ chẳng cần ta phải đuổi.

Ngoài cảng Vân Đồn hiện nay tàu thuyền nước ngoài ra vào buôn bán nhiều, mà người nước ngoài mở cửa hàng tại cảng cũng nhiều, nhiều nhất là người Tống. Xin bệ hạ cho đồn những người này vào buôn bán tại đất liền nếu họ còn muốn ở lại nước ta, khu cảng không cho người nước ngoài sinh sống ở đó nữa. Bởi nay mai quân thủy của ta chắc phải trú đóng và tập tành ở vùng này nhiều, cần phải giữ cho kín nhem.

Thái tông gật đầu khen:

- Điều khanh nói chí phải. Quan gia nhớ sai khu mật viện phái người đi làm ngay việc đó. Nhớ là không giao thương, không giao tiếp.

Thái úy Chiêu Minh vương Trần Quang Khải là người trẻ tuổi nhất trong số những người có mặt ở đây, năm nay vương mới hai mươi ba tuổi. Người cao, dáng hơi gầy, gương mặt thanh tú, đôi mắt sáng lạ lùng. Vương được vua sai vào trị nhậm Châu Nghệ An cũng là một sự tập dượt. Bữa nay vương chưa nói năng gì mà chỉ lắng nghe mọi người. Vương vừa nghe vừa nhìn về phía bức đại tự có bốn chữ “Giang sơn cẩm tú” là lưu bút của bá phụ Yên Sinh đại vương, và vương tự suy ngẫm.

Vua Thái tông lại gặng:

- Nào, ta muốn nghe kể để hưng thế quân, hưng thế nước không kể việc lớn việc nhỏ, mưu kỳ chước lạ chỉ cần có suy nghĩ chân thực, lời nói ắt chân thành còn việc dùng được hay chưa dùng được hoặc không dùng được đều phải bàn thảo, vì vậy chớ ngại đúng sai.

Đô thượng tướng quân Trần Khuê Kinh xin nói:

- Tâu thượng hoàng, thế quân nằm trong thế nước. Thế nước đã hưng, thế quân ắt có đà. Từ cả chục năm nay bệ hạ sai đắp đê ngăn lũ, ngăn mặn từ nguồn tới biển, nhiều nơi lúc trước lúa chỉ cấy được một vụ, nay đã một năm hai vụ gặt. Thóc ninh ních đầy bồ, dân no ấm. Bệ hạ lại sai bán ruộng quốc điền cho những nông phu không có ruộng cấy, ai không có tiền thì bán chịu, chỉ có năm quan tiền một mẫu ruộng. Gần đây bệ hạ còn cho các vương hầu được khai hoang, vỡ hóa mở các điền trang. Việc này phải chờ dăm ba năm mới thấy được kết quả. Sức dân sẽ lên từ từ, vận nước vì thế mà hưng hơn nữa.

Tuy vậy cái cấp kỳ hiện nay là phải hưng thế quân. Đây là việc muôn khó. Trước hết là phương cách đánh trận. Vì rằng cách kinh chống với quân Tống và kinh chống với quân Nguyên hoàn toàn khác. Ví như năm Đinh Ty giặc lâm vào thế yếu phải bỏ chạy, vậy mà quân ta không có cách gì truy đuổi kịp nó. Giá như lũ giặc ấy là quân Tống, chắc đã bị quân ta tiêu diệt hết. Hơn nữa là binh khí. Binh khí của ta chỉ ngang hoặc hơn quân Tống chứ không so được với quân Nguyên. Nội trong một cây cung ta đã không so được với giặc. Cung của giặc, sức ta ít người giương nổi. Vì vậy nó bắn được xa và sức xuyên thì áo giáp thường không cản nổi. Nhưng cái sở trường về binh khí của quân ta là gì? Xin chư liệt vị chỉ ra. Nếu đã có thì ta phát tác nó lên, nếu chưa có thì tìm, phải tìm ra cái hình hài của nó.

Khi Trần Khuê Kinh nói phải hưng thế quân và các điều cần yếu làm cho quân ta có sức mạnh, ai cũng cho là phải và đó là khâu then chốt. Nhưng làm thế nào thực hiện được điều mong ước đó lại không dễ.

Bổng Thái sư Trần Thủ Độ lên tiếng:

- Việc Khuê Kinh đòi hỏi, ta chắc Quốc Tuấn có thể giải đáp được. Vì sao ta nói vậy? Là vì ta biết Quốc Tuấn đã khảo cứu binh pháp của các binh gia từ thườ mười lăm, mười sáu tuổi, nay Tuấn đã ngoài ba mươi tuổi, là cái tuổi đang chín. Và lại, cuộc chiến năm Đinh Ty, Quốc Tuấn đã phối với Hà Bổng, Hà Khuất vừa tiêu diệt vừa đuổi về nước ba vạn quân Mông Cổ và hơn hai vạn binh lính và phu phen của Đoàn Hưng Trí, cắt cái đuôi tiếp ứng của quân Mông Cổ, khiến chúng chiếm Thăng Long ở chưa được âm chỗ, khi bị thượng hoàng tiên đánh là chúng tháo chạy. Khi ấy Quốc Tuấn lại cùng với Hà Bổng phối đánh tiêu diệt khá nhiều quân Mông Cổ. Nay lại nghe nói Quốc Tuấn đang trước tác binh pháp. Do đó mà ta tin là Quốc Tuấn đã có đối sách. Khá mau tường trình lên hai vua cùng chư liệt vị đây để cùng cứu xét.

Nghe Thái sư Trần Thủ Độ nói mọi người đều sùng sốt, kể cả vua Thái tông đều không khỏi bất ngờ. Mặc dù nhà vua đã biết Quốc Tuấn có tài làm tướng và đôi lần thái sư có nhắc phải trao cho Quốc Tuấn nắm việc quân. Nhưng nhà vua vẫn còn phân vân, phân

vì tuổi Quốc Tuấn còn trẻ, binh nghiệp chưa có gì vượt trội hơn mọi người. Và còn một điều nữa tuy chưa có gì đáng nghi nhưng có phần hơi ngại vì cha Quốc Tuấn có hận với triều đình. Nếu mang quân quyền giao hết cho Quốc Tuấn, lỡ có điều gì thì chẳng nguy lắm sao. Tuy vậy, cái phần ngại ngại ấy nhà vua vẫn bao kín ở trong lòng, giao với các con ngài cũng không nói, sợ gieo trong anh em nó nỗi nghi kỵ rồi xảy đến bất hòa là điều đại họa không chỉ cho nhà mà còn cho nước nữa. Nhất là trong lúc này, kẻ thù đang dòm ngó núi sông ta.

Nghe Thái sư nói, Quốc Tuấn vẫn ngồi yên. Mọi con mắt đều đổ dồn về phía vị tướng trẻ. Chỉ khi vua Thái tông nói:

- Quốc Tuấn khá tường trình kế sách hưng phế quân của người đi.

Thái tông vừa dứt lời, Quốc Tuấn bèn đứng lên thưa gửi hai vua cùng các bậc bề trên, các đồng liêu rồi nói:

- Tàu thượng hoàng thân có xem xét cách đánh trận từ cổ đại tới nay. Cổ đại dùng đội hình hàng dọc xông vào giáp chiến, sự thắng thua phụ thuộc trước hết vào các vị tướng của cả hai bên. Vì vậy, tướng phải là người cực khỏe, võ nghệ siêu quần.

Sau này trận bày thiên về đội hình hàng ngang. Các tướng vẫn giữ địa vị ưu tuyệt của các đội quân, nhưng chủ tướng không xông lên phía trước mà ở phía sau, lên cao quan sát thế trận của đôi phương xem nên công phá ở phía nào hoặc giả phán đoán sự thua chạy của đối phương là thật hay chỉ giả thua để dụ quân mình vào ổ phục. Do đó mới quyết định cho truy đuổi hay dừng lại.

Tiến lên một bước nữa vừa bày trận dàn quân đánh nhau, vừa có thành trì phòng thủ.

Như nhà Tống hiện nay phối hợp nhiều chủng quân: quân bộ, quân thủy, quân kỵ, vừa bày trận dàn quân vừa có thành cao hào sâu cố thủ.

Nhưng so giữa hai cách hành binh và đối trận có thể nói kiểu của quân Tống là ở thế tĩnh. Còn kiểu của người Mông Cổ là ở thế động.

Vì họ ở thế động, nên họ áp đảo đối phương rất nhanh khiến không kịp trở tay đối phó. Do vậy khi lâm trận họ thường chủ động và gây cho đối phương nỗi kinh hoàng không thể chống đỡ. Thường là họ lấy quân ít đánh quân nhiều và họ luôn là kẻ chiến thắng.

Vì như đối phương có một nghìn quân bộ lập thành một thế trận hình vuông, quân sĩ chia khí giới về cả bốn hướng để cự địch. Trong khi họ chỉ có hai ba trăm quân kỵ chia làm hai toán. Các kỵ sĩ phóng nước đại quây đối phương thành một vòng kín, một nửa chạy xuôi, nửa kia chạy ngược, vòng vây ngày một khép chặt. Họ vừa phi ngựa vừa bắn vào quân của đối phương. Thình thoảng lại quăng thòng lọng vào giữa đám quân đông đúc của đối phương mà bất tướng. Vòng vây cứ ngày một siết nhỏ lại khiến quân đối phương dần vón như một đàn kiến bị chìm trong nước không thể chống cự. Nếu quân kia hạ khí giới đầu hàng may còn được sống, nếu có hành vi kháng cự hoặc trù trừ thì hàng trăm con ngựa lớn cứ thế xông thẳng vào đám đông và lính Mông Cổ từ trên mình ngựa vung gươm chém lia lịa, kỵ sĩ cứ cho ngựa quằn và chém giết đến người cuối cùng. Với cách đánh lạ lùng ấy cho tới nay, chưa có một đội quân nào, một quốc gia nào không bị quân Mông Cổ đánh bại.

Quốc Tuấn tạm ngừng lời để dò xét ý tứ các bậc bề trên và các đồng liêu.

Bổng Phiêu kỵ thượng tướng quân Trần Khánh Dư lên tiếng:

- Huynh nói vậy và quả thực là như vậy về phương lược tác chiến cũng như khí cụ tham chiến, quân Mông Cổ đã phát triển theo một hướng mới, khác hẳn với lối tác chiến cổ xưa và đem lại hiệu quả chưa từng thấy trong lịch sử chiến tranh. Xin huynh cho nghe phương lược mới mà huynh trứ tác.

Cứ nghe cách hỏi của Trần Khánh Dư, Quốc Tuấn biết kiến thức người này không thể xem thường. Và quả thực vương cũng không ngờ Khánh Dư còn trẻ mà đã có kiến văn đáng quý.

Đúng lúc Thái úy Trần Quang Khải cũng giục:

- Quốc Tuấn, huynh nói cái kế của huynh về tổ chức một đội quân để chống lại quân của người Nguyên. Huynh cho quân Thát-đát ở thế động, quân của các nước khác kể cả nước ta đều ở thế tĩnh. Và như vậy quân địch ở thế dương, quân ta ở thế âm. Thế thì làm thế nào để lấy tĩnh chế động, lấy âm chế dương.

Lại nghe lời hỏi của Quang Khải, Quốc Tuấn thăm đoán: Quang Khải là người bén nhạy, thông tuệ, vừa nghe đã muốn biết đến cái rốt ráo của sự việc và tóm thâu thế quân, thế trận của đôi bên để quy về có hai chữ âm, dương. Khải chắc sẽ trở thành bậc thượng tướng siêu việt.

Chưa thấy Quốc Tuấn lên tiếng, Thái sư Trần Thủ Độ bèn giục:

- Hưng Đạo vương cho mọi người nghe cao ý của cháu đi.

Quốc Tuấn bèn thưa:

- Tàu, quân Thát-đát Mông Cổ quả có lối đánh mới rất lợi hại. Nhưng ta không thể lập một đội quân theo kiểu của họ được. Vì rằng nếu quân lính và ngựa của ta có căng sức tập luyện tới ba năm cũng không thể quen thạo như một người du mục Mông Cổ cưỡi ngựa và ngựa của ta cũng vậy. Bởi vì thảo nguyên bao la, ngựa vừa ăn cỏ vừa nô giỡn đuổi nhau trên đồng cỏ vài ba chục dặm là thường. Một ngày đàn ngựa có cả chục lần giỡn đùa như vậy. Vì thế ngựa Mông Cổ vừa to khỏe vừa có sức chạy dẻo dai mà không giống ngựa nào có được. Cái ưu thế về thảo nguyên bao la, trời đã ban tặng riêng cho người và các giống vật Mông Cổ, trong đó có loài ngựa. Nay họ lấy cái thiện xảo trời phú cho làm kế sinh tồn để biến nó thành những đạo quân khổng lồ đi chinh phục các nước. Nếu ta lập các đạo quân theo hướng của họ ắt trở thành cái bóng ngả dài của họ và bị họ bóp chết trong thoáng lát.

Tại vì ta ở cái thế âm. Nhưng trong âm lại có dương. Còn người Mông Cổ lại ở cái thế thuần dương, cực dương. Cho nên trong giao đấu chiến trường, cái cực mạnh của họ nếu ta biết khắc chế, nó sẽ biến thành cái cực yếu.

Quốc Tuấn chợt ngừng lời như để nhớ lại các điều đã trước tác và chất lọc nó ra để trình lên những ý chính, vì các bậc bề trên sẽ cho là thất lễ, nếu như ta cứ lạm dụng rườm rà.

Thật ra không phải như Quốc Tuấn khiêm nhường nghĩ vậy, mà mọi người đang căng tai lắng nghe.

Lê Tần, một viên dũng tướng văn võ song toàn, liền trong mấy chục năm cả nhà vua và thái sư đều không chê ông điều gì, thế mà nghe Quốc Tuấn nói ông cũng phải thán phục: “Quốc Tuấn mới là bậc kỳ tài, mưu vương tướng lược. Có nhẽ trời ban cho Đại Việt con

người này để kinh chống với sức mạnh của nhà Nguyên đây”. Chính ông đang muốn nghe Quốc Tuấn nói tiếp.

Nhà vua và cả thái sư đều gật đầu về hài lòng. Quốc sư Phù Vân tay lần tràng hạt, mắt thả vào hư vô, nhìn mà như không thấy.

Một thoáng ngưng nghỉ, Quốc Tuấn lại tiếp: - Sức mạnh của quân Mông Cổ là đánh vu hồi. Nó đòi hỏi một chiến trường rộng lớn, khô ráo, bằng phẳng với một đối phương đông đúc bày thành thế trận. Nếu có một đối phương như thế, ắt sẽ trở thành miếng mồi ngon cho quân Mông Cổ.

Với vẻ tự tin khác thường Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn nói hết sức đồng dục:

- Nếu quân Nguyên, tức quân Mông Cổ xâm lấn, ta buộc nó phải chấp nhận cách đánh của ta. Tức là ta phân nhỏ địch ra mà đánh, ta kéo nó vào đầm lầy, rừng rậm, sông hồ mà đánh. Với một chiến trường như thế, ngựa Mông Cổ trở nên vô dụng. Mà quân Mông Cổ một khi đã rời khỏi lưng ngựa coi như một thứ đồ bỏ. Và ta chỉ đánh nhau với chúng vào mùa mưa, mùa ngập úng, lũ lụt. Mùa đó, ngựa Mông Cổ không có cỏ sạch mà ăn, không có nước sạch mà uống, cỏ tươi ngập nước, mùa lũ nước sông đục ngầu, ngựa uống vào chỉ đi ỉa chảy mà chết. Còn thời tiết mùa mưa vừa nóng vừa ẩm, người phương bắc sẽ không chịu nổi bởi nó làm cho thân thể họ đau nhức, mỗi mọt rồi mắc các bệnh thời khí khiến quân không còn sức chiến đấu nữa. Khi ấy, giặc co cụm lại giữa bốn bề mệnh mông nước thì chính chúng lại là mồi ngon của quân ta.

Tâu, nhưng dụ được địch vào kế của ta không dễ. Vì dưới trướng Hốt-tát-liệt đều là những tướng bách chiến bách thắng, lại mai đây khi người Nguyên đã bình xong Trung Hoa thì tiềm lực của nó lớn lắm, sức mạnh của quân nó cũng lớn lắm. Khi ấy nó không chỉ là quân Mông Cổ thuần dương, cực dương mà nó sẽ có những đội quân nô lệ thuần người Hán với cách đánh rất giống ta. Nó cũng có quân thủy và các mưu sĩ Trung Hoa làm tay sai cho nó vừa thâm hiểm vừa hiểu ta. Cho nên con đường đối phó với giặc sau này là muôn khó. Những đạo quân với khí giới và sức tinh nhanh thiện chiến như của ta hiện nay, chưa thể là lực lượng bảo vệ vững chắc giang sơn được, xin bệ hạ sớm trừ liệu.

Nghe Quốc Tuấn nói ai cũng thấy sự lý giải và cả sự lo lắng của Quốc Tuấn là có lý. Các tướng trẻ dường như hiểu được Quốc Tuấn, còn các tướng già, các bậc trưởng lão lại kỳ vọng nhiều hơn ở Quốc Tuấn.

Thái sư Trần Thủ Độ với vẻ hài lòng, ông nói:

- Ta nghĩ đây mới chỉ là đoạn giáo đầu trong trước tác về binh pháp của cháu. Cháu phải sớm hoàn thành trước tác đi, hẳn là nhờ vào binh pháp này mà quân ta đủ sức kháng giặc chằng. Cháu đúng là một trí tướng, sự biến thông của cháu đã hé lộ. Riêng một việc cháu lấy thời tiết, khí hậu và cả thời gian như là một đội quân tham chiến, thực ta chưa nghĩ tới. Phần ta coi như một thứ đồ bỏ. Nhưng ta hy vọng nhất định các cháu sẽ giữ được mảnh giang sơn gấm vóc này, mà mỗi cọng cỏ, mỗi viên sỏi đều thấm đẫm máu xương của tổ tiên bao đời nay. Để mắt nó dù chỉ một tấc núi một thước sông đều là trọng tội.

Khi mọi người đã có vẻ hài lòng về những gì mà Quốc Tuấn nói, vua Thái tông liền dụ bảo:

- Nước ta nhỏ, nhưng cứ phải gồng mình chống đỡ những kẻ thù khổng lồ. Có nhẽ đúng như Quốc Tuấn nói, mai đây quân Nguyên bình định xong nước Trung Hoa thì mối hiểm nguy đối với nước ta lại càng lớn. Ta không thể lập một đội quân đông và đủ mạnh để chặn giặc từ biên thủy. Tốt nhất vẫn là không nên có chiến tranh. Nhưng vạn nhất không tránh được thì ta phải có kế sách thế nào để

có thể ngăn giặc, để có thể giữ được nước. Vì vậy ngoài sức mạnh của các chủng quân còn phải có sức mạnh của trí tuệ nữa. Nếu ta thua giặc một trận, ta có thể đánh trận khác. Nhưng nếu ta thua giặc về trí tuệ tức là thua về mưu lược dù chỉ một lần sẽ là mãi mãi thua. Cho nên thái sư kỳ vọng Quốc Tuấn sẽ trở thành một binh gia là điều có lý. Vậy Quốc Tuấn sớm hoàn thiện trước tác để có thể đem ra huấn hổ cho tướng lĩnh và dạy bảo cho binh sĩ.

Nhìn về phía Quốc Tuấn vua Thái tông gạn hỏi:

- Ta nghe các thân vương nói, Quốc Tuấn có đội gia binh vào loại lớn nhất và được huấn hổ kỹ càng hơn các phủ binh khác. Vậy có thể làm một cuộc diễn tập ngay trên Lục Đầu giang này cho mọi người xem được không. Nếu phối được nhiều chủng quân, lại chia thành bên ta, bên giặc mà đánh nhau như thật là tốt nhất.

Vua hỏi, cũng có nghĩa là vua dụ bảo, không thể không tuân. May mà đã có dự liệu từ trước, Quốc Tuấn liền đứng dậy vái hai vua, vái các bậc bề trên rồi nói:

- Tâu, thần xin tuân chỉ. Sớm mai vào đầu giờ dần, nhằm lúc sương chưa tan, xin mời thượng hoàng, quan gia, thái sư cùng chư vị lên đỉnh hai ngọn núi ở hai bên tả hữu này xem quân của phủ binh Hưng Đạo vào trận.

Thái tông gật đầu về hài lòng. Ai nấy đều lấy làm thỏa mãn và nóng lòng chờ xem Quốc Tuấn cho quân vào trận, mặc dù đây mới chỉ là trận giả.

XII

Điện tiền chỉ huy sứ Phạm Cự Địa cùng viên ngoại lang Trần Kiều đi sứ nước Nguyên về tâu vua:

- Nhà Nguyên vỗ về thăm hỏi sứ thần từ xa đến, cho người hầu hạ chu đáo và họ nói họ gia ân cho Đại Việt vì ở xa, nên từ nay ba năm mới phải cống một lần, gọi là giữ lấy cái tình của nước bề tôi nhớ ơn thiên tử chứ nước họ không thiếu gì mà cần đồ cống.

Vua Thánh tôn liền hỏi:

- Hai khanh có dò biết được người Nguyên bình nước Tống đến đâu rồi không?

- Tâu bề hạ việc ấy không phải dò cũng biết. Tạm thời nước Tống được bình yên. Ngoài các phần đất về phía bắc đã mất do nước Mông Cổ diệt nước Kim thì nam Tống lại cất thêm đất Giang Bắc (phía bắc sông Trường Giang) và hàng năm cống nạp. Hốt-tát-liệt và các tướng tài đều trở về Mông Cổ để chinh phục em trai hắn là A-lý Bất-kha để tranh ngôi Đại Hãn. Nếu Hốt-tát-liệt lên ngôi Đại Hãn toàn Mông Cổ và các vùng đất đã chinh phục, chắc nhà nam Tống sẽ không trụ được. Ngay nước ta chúng cũng chẳng để yên cho thế này đâu.

- Phải, trầm cũng nghĩ thế. Năm trước trầm sai thông thị đại phu Trần Phụng Công, chủ vệ kỳ ban Nguyễn Thâm, viên ngoại lang Nguyễn Diên mang thư và quà biếu sang thông hiếu. Nhà Nguyên hào phóng phong cho ta làm “An Nam quốc vương”, lại ban cho ta ba tấm tây cầm, sáu tấm kim thạch cầm. Ta biết đây chỉ là sự vỗ về để nước ta yên tâm phụ thuộc cho họ rảnh tay làm việc khác. Sự thể chắc rồi sẽ như khanh nói. Lũ chó sói này đang hung hãn lắm.

Vua an ủi hai người rồi dụ:

- Hai khanh chịu khó về Thiên Trường, chính là hương Tức Mạc cũ đấy. Năm ngoái mới đổi thành phủ Thiên Trường. Cũng vừa khánh thành cung Trùng Quang, cung Trùng Hoa, lại xây được ngôi chùa gọi là Phổ Minh, tất cả đều mỹ lệ lắm.

Nay thượng hoàng về ở cung Trùng Quang còn cung Trùng Hoa để khi trầm về châu cần ở lại. Thượng hoàng định giao hẳn việc nước cho trầm, người về Thiên Trường trước tác và tu tập. Bây giờ hai khanh về ngay Thiên Trường tâu báo lại việc như các khanh vừa nói để thượng hoàng yên tâm.

Sau lễ thượng nguyên (rằm tháng giêng) cư sĩ Trần Tung, tức Trần Quốc Trung pháp hiệu là Tuệ Trung thượng sĩ^[87] về Thăng Long có ghé chơi chùa Thắng Nghiêm, may lại gặp quốc sư Phù Vân mới ở Thiên Trường về. Sư khoe:

- Vừa in xong bộ kinh *Khóa hư lục*^[88] của thượng hoàng, bản tằng thân đem sách về cho nhà vua ngự lãm.

Tuệ Trung nói như reo:

- Vậy à. Thừa thiên sư liệu kẻ hậu học này có được phép ngó xem bậc tiền bối trước tác thế nào để mà lĩnh hội.

Quốc sư Phù Vân đáp:

- Sách mới in được vài chục bản, còn chờ ý chỉ của thượng hoàng ban tặng, thiên lão tôi không dám tự tiện, nhưng nếu vương ^[89] nghi lại đây để coi cho tiện thì việc đó không có gì cản ngại. Vừa nói thiên sư vừa đưa vào tay thượng sĩ bộ sách.

Mới coi qua lời tựa, thượng sĩ đã hỏi:

- Thì ra nhờ có lời khuyên dụ của đại lão mà bộ kinh này được ra đời. Phước huệ! Phước huệ!

Dứt lời Tuệ Trung liền đứng dậy vái sư hai vái:

- Bạch trưởng lão họ Trần nhà tôi dốc lòng hiểu Phật chắc từ bồn kinh này đây. Dân nước hiểu Phật chắc cũng từ bồn kinh này đây. Tôi không thể ngờ thượng hoàng làm biết bao công việc, ngay cả việc không tự làm cũng để tâm nhắc nhở. Tự mình cầm quân viễn chinh, bình Chiêm, lại tự mình làm tướng kháng Mông, thuận những việc lớn quốc gia, vậy ông chú tôi trước tác vào lúc nào.

Quốc sư mỉm cười đáp:

- Khi đã nhiếp tâm Bồ đề chánh niệm chánh giác sao còn phải hỏi đến thì giờ.

- Bạch trưởng lão, Thái tông dùng thể phổ thuyết để người nghe dễ tiếp nhận và những luận đề trong kinh văn cũng là những điều thiết thực thường gặp trong đời sống thế tục. Rõ ràng đây là một chủ thuyết hòa quang đồng trần, đạo trong đời, đời trong đạo. Đúng như trưởng lão dạy: “Tâm Phật ở trọn nơi đây”.

Hai người đang nói chuyện bỗng có một vị tiểu tăng chạy vào, vợ nói:

- Bạch trưởng lão có hoàng thượng tới thăm, kiệu đã vào tới tam quan.

Quốc sư quờ tay với cây thiền杖 định ra đón vua, Tuệ Trung ngăn lại:

- Trưởng lão tuổi cao cứ ở trong nhà để đệ tử ra bái kiến hoàng thượng. Nói rồi ông bước rào ra phía cổng chùa.

Vừa trông thấy nhà vua, chưa kịp chào thì vua đã reo lên:

- Sư huynh về triều từ bao giờ mà kín tiếng thế. Nếu không gặp huynh ở đây liệu huynh có ghé cung Quan Triều không đấy.

Thay vì trả lời, Tuệ Trung cúi đầu vái vua Thánh tông hai vái.

Nhà vua vợ đáp lễ và trách:

- Sao sư huynh đa lễ thế. Đây là chốn thiên môn chứ không phải triều môn.

- Tình anh em thì phải giữ, nhưng lễ vua tôi cũng không thể sơ khoáng được, bởi đó là phép nước, bệ hạ có thương mà miễn lễ,

thần chi dám nhận khi ở trong nhà thôi.

- Vậy chớ huynh về đây được mấy bữa rồi?

Tuệ Trung chỉ vào chiếc tay nải để dưới chân cột nói:

- Thần vừa về tới đây chừng nửa canh giờ. Thấy nói trường lão ở Yên Tử về coi sóc việc in trước tác cho thượng hoàng nên ghé thăm. Ai ngờ lại được trường lão cho xem bản kinh vừa mới in xong.

Tuệ Trung bèn dâng quyển sách lên. Nhà vua liền đỡ lấy và mở xem.

Gương mặt nhà vua bừng sáng theo mỗi lời kinh mà ngài nhắm đọc. Đoạn nhà vua quay ra vái đại lão thiền sư:

- Bạch trường lão nếu không có lời trường lão nhuận sắc và tự coi sóc cho việc in ấn này thì chưa biết tới khi nào *Khóa hư lục* của phụ hoàng trẫm mới ra đời được.

Phù Vân quốc sư vái đáp lễ:

- Bệ hạ quá khen, tự thân trước tác định giá việc tồn tại hay không tồn tại. Lão tăng quả không nói gì hơn về những điều đã hàm chứa trong kinh văn của thượng hoàng.

Nhà chùa dâng trà. Ba người vừa uống nước vừa nói chuyện về kinh bản và tu tập.

Trời tháng giêng, cái rét ngọt đầu xuân quyện bên chén trà nóng bốc khói tỏa hương thơm. Cây mộc cạnh mái hiên chùa thỉnh thoảng lại ngấm tỏa hương vào thiền đường đãi khách, khiến người ta có cảm giác như hương thơm từ chính những mỹ ngữ do các bậc túc thiền đàm đạo toát ra.

Vua Thánh tông cáo từ về triều. Nhà vua mời Tuệ Trung:

- Mời huynh chiều tối nay ghé cung Cảnh Linh, đệ có điều muốn cầu kiến. Nhà vua nhìn quanh quất không thấy xe kiệu của Tuệ Trung liền hỏi. - Huynh đến đây bằng gì?

Tuệ Trung mỉm cười chỉ xuống đôi chân.

Vua lại hỏi:

- Đệ đệ nói phu kiệu đến đây chờ sẵn, khi nào huynh cần đi đâu thì sai bảo.

Tuệ Trung vừa xua tay vừa lắc đầu:

- Đa tạ bệ hạ gia ân, thần chi muốn đi bằng đôi chân của mình thôi, không muốn mắc vướng vào xe kiệu làm gì.

- Đi đường xa thì huynh làm thế nào?

- Tàu, thủy thì đi thuyền, bộ thì đi ngựa, đường cheo leo hiểm trở thì đi bằng cả bốn tay, chân. Vì thế không chỗ nào thần muốn

đến mà không đến được. Duy có một con đường, muốn đến mà cứ mãi loay hoay tìm lối.

- Chẳng hay đó là đường nào vậy? - Vua hỏi.

Đại lão thiền sư nghe hai người hỏi han nhau liền mỉm cười.

Vua thấy quốc sư cười liền hỏi:

- Trưởng lão chắc có điều gì dạy chúng đệ tử?

- Đâu dám! Đâu dám! Lão tăng chỉ muốn nói con đường mà Hưng Ninh vương muốn tới, nó thênh thang thoáng mát lắm, mọi người đều có thể đi. Và sự thật thì trong đời ít ra cũng có một lần ta đặt chân tới, có người đi một đoạn thì quay lại, có người cặm cụi đi gần tới đích rồi quay lại, thành thử nhiều người đi mà ít người đến được đích.

- A-Di-Đà Phật! Vua Thánh tông vừa ngộ ra, chợt kêu hồng danh đức Phật - Đệ tử biết rồi, vua nói - Đó là con đường giải thoát, anh Tuệ Trung hóm thật. Nói xong nhà vua cúi chào trưởng lão và Tuệ Trung rồi lên kiệu.

Tuệ Trung ngồi mở từng trang cuốn kinh *Khóa hư lục* đọc mãi miết.

Quốc sư Phù Vân ngồi theo thể bán kiết, mắt lim dim, tay lần tràng hạt, dường như ngài đang thả hồn vào cõi hư tịch.

Tuệ Trung đọc một mạch tới đầu giờ Ngọ thì xong. Lúc này thiền sư đang hí hoáy viết cái gì đó mà ngài vừa thu nhận được qua sự lắng chân tâm.

Tuệ Trung không quan tâm đến điều đó, ông nói giọng vang như trong lòng đang có điều gì vui lắm:

- Kính bạch trưởng lão, bồn kinh này với cuộc đời hành hóa trong những năm ở ngôi, chẳng phải thượng hoàng đã lĩnh hội từ lời răn của trưởng lão trên Yên Tử sơn từ mấy chục năm trước sao? Đây chẳng phải là bằng chứng “lấy cái tâm của thiên hạ làm tâm của mình, lấy ý muốn của muôn dân làm ý muốn của mình” sao? Lại đây chẳng phải là kết quả của việc “nghiên ngầm nội điển” sao?

Phải nói, trưởng lão là người khai minh cho thúc phụ của đệ tử thật đúng lúc. Và trong những năm ở ngôi nhà vua đã tri hành hợp nhất, ngôn hành hợp nhất, dân nước vì thế mà ấm no, thế nước hưng vượng. Vậy là công của trưởng lão lớn lắm. Trưởng lão quả là đáng Bờ tát tại thế.

Quốc sư nắm lấy cây thiền trượng chống xuống đất để lấy đà đứng lên, ngài đi lại loanh quanh trong gian phòng rộng rãi. Dừng trước Tuệ Trung, ngài nói:

- Thượng sĩ đừng quy công thái quá khiến lão tăng thêm ngượng. Cái chính là ở nơi nhà vua và bộ máy cai trị của ngài. Khi bậc quân trưởng có tuệ tâm, tuệ nhãn sẽ luôn sửa mình theo điều thiện mà hành hóa. Còn khuyển như ư, người tu hành nào gặp cảnh ngộ ấy cũng nói như lão tăng. Nhưng người nghe tâm không thiện, trí không sáng thì không những không sửa mình, mà sửa ngay người khuyên nhủ, sửa cả chúng dân trăm họ. Ta chẳng thấy đã có một vua Lê Long Đĩnh như thế sao. Thiền sư Quách Ngang đã chẳng khuyên vua sao. Không những không nghe, còn mượn cố ẩn mĩa nhờ đầu sư làm đòn kê, rồi giả vờ trượt tay dao phạt một bên tai của thiền sư. Đức Vạn Hạnh chẳng khuyên sao. Sở dĩ nhà vua không dám đụng đến thiền sư Vạn Hạnh bởi vì đức của ngài lớn, tài trùm thiên hạ, thế vững

như núi Thái Sơn.

Nhà chùa cho người thỉnh trưởng lão và Hưng Ninh vương sang trai đường dùng bữa.

Cơm nước xong, Tuệ Trung bái biệt trưởng lão khoác tay nài ra đi. Ông có dáng người cao dong, hai chân dài. Cứ xem cách ăn mặc không ai đoán được ông là cư sĩ, đạo sĩ hay nho sĩ. Tóc búi, khăn vành dây màu vàng quấn trùm búi tóc phía sau gáy. Cứ như cái màu khăn ấy người ta ngỡ ông là đạo sĩ của đạo Hoàng Lão. Thế nhưng ông lại vận áo dài may bằng vải thanh cát, cổ thìa khép vạt, thắt đai. Áo thì đúng là nho sĩ nhưng vải và màu lại thuộc lớp người nghèo ưa dùng, chân đi hài cỏ. Ông bước đi thẳng, nhưng không bước vội, đầu ngẩng cao, mắt nhìn lơ đãng, tựa như ông vừa đi vừa nghĩ về một cái gì đó.

Ông có trang ấp lớn, giàu có, ông muốn đi xe, đi kiệu hoặc thích đi bộ thì có người hầu mang đồ, khoác nải, thế nhưng những thứ đó với ông là vương bận, nên đi đâu ông tự mình lo liệu. Ngay bây giờ thuyền của ông đậu ngoài bến, mấy người hầu, mấy trạo nhi ông cho nghỉ lại trên thuyền chứ không cho một đứa nào theo chân.

Chiều muộn ông tới cung Cảnh Linh. Đô tướng đô cấm vệ quân từng biết ông nên mời ngay vào nhà tân khách. Nơi ấy vua Thánh tông đang chờ ông.

Vừa trông thấy ông, vua vội chạy ra bậc thềm đón và niềm nở chào:

- Sư huynh đi đâu mà mãi giờ này mới tới.

Tuệ Trung cười khanh khách:

- Bệ hạ chẳng thấy tên thần là Tung nên cứ đi lung tung, thích đâu ghé đấy.

Thiên Cảm hoàng hậu từ phía hậu điện bước ra trông thấy Tuệ Trung liền cười ngật cười nghễ.

- Giờ ơi, anh Quốc Trung, anh vận cái thứ gì ở trên người thế kia. Anh vận thế mà ra mắt nhà vua sao?

Tuệ Trung tươi cười đáp:

- Thế cô chẳng thấy anh đến thăm em gái sao ^[90]. Bệ kiến nhà vua thì phải tới điện Thiên An chứ sao lại đến đây.

Cả ba người cùng cười nói vui vẻ chứ không giữ lễ vua tôi gò bó nữa.

Cơm nước xong, nhà vua mời Tuệ Trung vào trà thất. Nội thị pha trà xong vua vẫy tay cho lui.

Sau ba tuần trà, Tuệ Trung vẫn ngồi yên không nói mà cũng chẳng hỏi nhà vua điều gì.

Vào chuyện, vua hỏi:

- Nghe nói sư huynh trú tác nhiều lắm. Huynh có đem gì về cho đệ đọc đấy không?

Tuệ Trung chưa kịp trả lời thì hoàng hậu Thiên Cảm dẫn thái tử Trần Khâm vào chào.

- Em phải cho Khâm vào chào anh còn cho cháu đi ngủ sớm, kéo anh với nhà vua nói chuyện thì có mà hết đêm.

Nói xong, hoàng hậu bảo hoàng tử:

- Con lạy bá phụ đi rồi về kéo nhũ mẫu chờ.

Hoàng tử Khâm ngắm nhìn Tuệ Trung rồi cúi lạy:

- Con chào bá phụ.

- Bá phụ chào con, Tuệ Trung đáp rồi ông kéo hoàng tử vào lòng hỏi han việc học hành. Lại hỏi:

- Con cầm tinh con gì nào?

- Thưa bá phụ, con tuổi ngọ, Mậu Ngọ ạ.

- Giỏi, con ngoan lắm.

- Con học sách gì rồi?

- Thưa bá phụ con học sách Ngũ tự kinh ạ.

- Con học để làm gì?

- Con học để biết chữ. Biết chữ để đọc sách ạ.

- Đọc sách để làm gì?

- Thưa bá phụ, đọc sách để khỏi ngu ạ.

- Ai dạy con thế?

- Dạ thưa nhũ mẫu bảo thế. Bà nói bà không biết chữ, không đọc được sách, nên bà ngu lắm.

- Không phải thế đâu con ạ. Nhiều người không biết chữ, nhưng họ làm ăn giỏi, cư xử phải đạo, không làm điều ác, như thế không thể nói người không biết chữ là người ngu được. Tuy nhiên phải học để có chữ đọc sách. Vì sách phần nhiều do các bậc thánh hiền, các bậc thông tuệ viết ra. Đọc nó, ta học được nhiều điều hay, tránh được nhiều điều dở, con nhớ nhé.

- Thưa vâng ạ.

Hoàng hậu lại nói:

- Con lạy phụ hoàng, lạy bá phụ rồi ra cho bá phụ và phụ hoàng con đàm đạo.

Hoàng tử có vẻ chần chừ một lát rồi nói:

- Con muốn nghe phụ hoàng cùng bá phụ đàm đạo.

Nghe hoàng tử nói, mọi người ngơ ngác. Nhà vua dỗ con:

- Phụ hoàng với bá phụ nói các chuyện về đạo thôi, cao siêu lắm con không hiểu được đâu. Khi nào con mười tuổi đọc được sách, phụ hoàng sẽ cho con nghe các buổi phụ hoàng đàm đạo với bá phụ, hoặc đàm đạo với các bậc thiền sư. Bây giờ con về nghỉ.

Hoàng tử ngoan ngoãn cúi lạy vua cha và bá phụ.

Trước khi bước ra còn nói:

- Phụ hoàng nhớ nhé, khi con mười tuổi. Cậu bé lút cút chạy theo mẹ ra phía ngoài đại sảnh.

Tuệ Trung nhìn theo hút hai mẹ con hoàng tử Trần Khâm đi khuất sau hành lang và ông như bưng bình nói với nhà vua:

- Cứ xem tướng mạo hoàng tử, nếu mai đây được kế vị, ắt là một bậc vua sáng, dân nước được nhờ, nhưng tâm đạo ở nơi hoàng tử cũng lớn lắm. Sự đạo mai này chắc cũng từ người này mà trụ được lâu dài, bệ hạ nên lưu tâm nơi các ông sư phò, các bậc túc thiền mà nhà vua học hành, để các vị ấy khai tâm cho hoàng tử được đúng hướng.

Nghe Tuệ Trung nói, nhà vua lấy làm hài lòng vì có được người con mai này có khả năng phụng sự cả dân nước lẫn đạo pháp. Đoạn vua nói:

- Nếu anh đã nhìn thấy tương lai của Khâm thì anh nhận làm thầy của Khâm để dẫn dắt cháu vào con đường đạo.

- Thần không chối từ vinh hạnh đó, nhưng hãy cứ để cho hoàng tử phát triển tự nhiên. Nói xong, Tuệ Trung lần tay nải lấy ra một ống quyển đưa cho nhà vua.

- Thần vừa trứ tác được mấy vần, bệ hạ coi thử có phải đây là lời lẽ của kẻ cuồng không?

Nhà vua mở quyển, nhẩm đọc:

BÀI NGÂM PHÓNG CUÔNG^[91]

Trời đất liếc trông chừ sao mệnh mang,

Chống gậy rong chơi chừ ngoài thế gian.

Hoặc cao cao chừ mây đỉnh núi,

Hoặc sâu sâu chừ nước tròng dương.

Đói thì ăn chừ cơm tùy ý,

Mệt thì ngủ chừ nào có quê hương.

Hứng lên chừ thôi sáo không lỗ,
Chỗ lặng chừ đốt hương giải thoát.
Nhọc chút chừ nghỉ đất hoan hỷ,
Khát uống no chừ thang tiêu dao.
Láng giềng với Quy Sơn chừ chẵn con trâu nước,
Tạ Tam đồng thuyền chừ hát khúc Thương Lang.
Thăm Tào Khê chừ chào Lư Thị,
Viếng Thạch Đầu chừ sánh Lão Bàng.
Vui ta vui chừ Bồ Đại vui,
Cuồng ta cuồng chừ Phổ Hóa cuồng.
Chà chà! Giàu sang chừ mây nổi,
Năm tháng chừ cửa sổ ngựa qua.
Đường làm quan chừ sao hiểm trở,
Tạm quên chừ tình đời ảm lạnh.
Sâu thì dấn chừ nông thì vén,
Dũng thì hành chừ bỏ thì tàng.
Buông bốn đại chừ không nắm bắt,
Tình một đời chừ thôi chạy quàng.
Thỏa nguyện ta chừ được sở thích,
Sống chết dòn ép chừ ta coi thường.

Mới đọc cái tựa *Phóng cuồng ngâm* vua Thánh tông tự nghĩ: Anh Tuệ Trung nói đây là bài ca của một người vừa phóng túng vừa cuồng nhiệt, chắc là tự ngạo mình và nhạo đời đây. “Nhưng đọc vào bài mới thấy anh là con người bình thường mà vĩ đại. Con người đã giải thoát đến từng chân tơ kẽ tóc. Anh đúng là một con người thanh thoi tự tại, không có gì giới hạn và buộc ràng được. Từ ăn, ở, đi lại, ngủ nghỉ đều ung dung, khoáng đạt. Trời đất thênh thang với anh đâu cũng là quê hương. Đói thì ăn “com tùy ý”. Chắc là com của

ngân nhà đây. Vui hứng thì “thôi sáo không lỗ”. Láng giềng thuần những bậc túc thiền đạo cao đức trọng như Quy Sơn^[92], Tạ Tam^[93].

Chơi thì chơi với các bậc tổ sư, Bồ tát như Lư Thi^[94], Thạch Đầu^[95].

Nghĩa là từ vinh hoa đến phú quý anh Tuệ Trung đều buông hết, tất cả đều coi như một thứ phù vân, ngay cuộc đời cũng chỉ là chớp thoáng như vó câu qua cửa sổ. Vì vậy anh chỉ vui niềm vui của Bồ Đại.

Nghĩ đến hình ảnh Bồ Đại đời nhà Lương thời Ngũ đại^[96], quê Triết Giang, ông có dáng người mập ú, lông mày rộng, bụng to, nói năng khoáng đạt, ngủ nghỉ tùy ý. Vài quẩy mèch chiếc tay nải trên một đầu gậy, trong đó chứa đủ các đồ tùy thân, nhà vua bật cười hỏi:

- Anh Tuệ Trung người cao ngồng thế kia mà ví mình như Bồ Đại sư. Có phải các tượng Phật Di Lặc là tạc theo hình ảnh Bồ Đại sư chăng?

- Bệ hạ hãy nghe bài kệ của Bồ Đại sư nói trước khi thị tịch tại chùa Nhạc Long để nhận biết:

Di Lặc thật Di Lặc,

Phân thân ngàn trăm ức.

Luôn luôn chỉ người đời,

Người đời tự chẳng biết.

Vậy Bồ Đại là Di Lặc hay Di Lặc là Bồ Đại? Nói xong Tuệ Trung cười xòa.

Nhà vua cũng cười phụ họa rồi nói:

- Cứ như bài kệ này thì Bồ Đại là hậu thân của Di Lặc. Nhưng Bồ Đại mới là con người lịch sử còn Di Lặc chỉ là hình ảnh mang tính biểu tượng mà thôi.

- Bệ hạ nói chí phải.

Ngẫm nghĩ giây lâu, nhà vua lại bày tỏ:

- Anh Tuệ Trung tu từ bao giờ mà thành tựu ghê gớm vậy? Chỉ là một cư sĩ mà xem ra anh đã giải thoát như một vị Bồ tát.

Tuệ Trung mỉm cười đáp:

- Thân tu từ khi chưa được sinh ra, tu từ các kiếp trước, nên mọi việc xem ra nó tự nhiên nhi nhiên chứ không có gì gò bó, bức ép. Và chẳng việc tu đạo là ở tu tâm, một khi tâm đã nhiếp ắt duyên khởi. Duyên khởi thì đạo nhập. Đạo nhập thì trí sáng. Trí sáng thì tuệ khai. Tuệ khai thì giải thoát. Chẳng riêng gì thân mà thượng hoàng đã đạt tới cõi giới giải thoát từ lâu rồi, bệ hạ cũng đang trên đường giải thoát, cứ thế mà tiến tu chứ còn phải cầu tìm ở đâu nữa.

Nghe Tuệ Trung thượng sĩ nói, vua Trần Thánh tông rất tâm đắc. Bởi cũng như vua cha, Trần Thánh tông hết lòng mộ đạo, ham kê cứu đạo nhất thừa và cũng có trước tác. Nhân vừa đọc xong *Đại Huệ ngữ lục*, nhà vua có làm bài cảm tác, bèn lấy đưa cho Tuệ Trung và nói:

- Thượng sĩ coi giùm đệ.

KHÁN ĐẠI HUỆ^[97] NGŨ LỤC HỮU CẢM

Đập ngói dùi rùa^[98] ba chục niên

Mồ hôi bao đó bởi tham thiền

Một mai biết rõ dung nhan mẹ

Lỗ mũi xưa nay thiếu nửa bên

*

Sắc đâu trước mắt tai đâu thanh

Lòng kia một tấm tự gò thành

Sắc thanh chẳng dính ngoài môi lưỡi

Mặc người báo đáp với đô đình^[99].

Với vẻ hoan hỷ Tuệ Trung thượng sĩ nói:

- Cứ như bài cảm đề này thì bệ hạ đồng chủ trương với Đại Huệ. Hơn nữa *Khóa hư lục* của Thượng hoàng cũng chủ trương phổ thuyết như Đại Huệ. Và nữa, chính thần cũng theo về dòng thiền này. Vì sao vậy? Ấy là bởi nó chủ trương khai minh để khai thị. Còn như chỉ ngồi thiền để đạt tới sự chứng ngộ tuy có nhưng ít lắm, hiếm lắm, tựa như lông rùa, sừng thỏ vậy. Trước đây về đời Lý Thánh tông (1054-1072) đã lập dòng thiền Thảo Đường cũng chủ trương khai minh nhằm vào giới có học, tiếc rằng dòng đó đã lụi tắt ít lâu sau khi Lý Thánh tông viên tịch.

Cứ mỗi lần Tuệ Trung thượng sĩ về Thăng Long là mỗi lần cùng nhà vua hội ngộ và đàm đạo về kinh bản, về tu tri, về trước tác tới mấy ngày chưa dứt.

Bỗng nhiên nhà vua hỏi một câu chẳng ăn nhập gì với mùi thiền.

- Sư huynh, việc tu tri của huynh xem ra đã thành tựu, nhưng liệu người Nguyên có chịu để cho huynh yên bình mà tu tập, có để cho dân ta an lạc mà làm ăn?

Tuệ Trung cười vỡ ra, một lúc lâu sau ông nói:

- Nếu có kẻ xâm lăng sẽ có người chống xâm lăng, lo gì. Nó đến rồi nó lại tháo chạy như năm Đinh Tỵ (1257) bệ hạ chắc còn nhớ. Tuy nhiên, ta phải lo đối phó sớm đi. Không chỉ triều đình lo, mà phải dạy cho muôn dân cùng lo giữ nước. Thần tuy vậy cũng có đội gia binh khá mạnh đấy. Ấp Tịnh Bang của thần, giặc có thể vào, nhưng ra thì chắc là không có đường đâu.

- Trời! Sao mà anh bén nhạy thế, đi trước cả triều đình, nhà vua mừng rỡ kêu lên.

- Việc tu trị, việc cày ruộng, cả việc đánh giặc nữa với người mình nó quyện với nhau như một thứ định mệnh, nếu không thế thì dân ta sao sống được đến ngày nay, giang sơn này sao còn tồn tại được đến ngày nay. Nhân đây thần cũng nói thật, bên phủ Hưng Đạo, Quốc Tuấn lo việc này sớm hơn nhiều. Tuấn bảo đã từng đụng độ với quân Mông Cổ nên biết rõ về nó. Chớ coi thường nó mà mất nước với nó như chơi.

Chợt có đô tướng đô cấm vệ quân vào bẩm:

- Tàu bệ hạ, bên phủ thái sư có người sang báo, quốc phụ đang lâm trọng bệnh.

Nhà vua tỏ vẻ kinh ngạc:

- Sao đến bây giờ mới báo? Người ra gọi nó vào đây ta hỏi.

- Tàu, họ đi ngay rồi ạ.

- Vậy, ta sang bên đó ngay đi, - Tuệ Trung giục.

Nói xong ông ra ngoài xách tay nải đi liền.

Khi vua Thánh tông hạ kiệu vào cung Thủy Tinh đã thấy Tuệ Trung thượng sĩ ngồi cạnh giường thái sư đang niệm kinh.

... Ra tay tế độ

Mở cửa từ bi

Cứu giúp chúng sinh

Cùng lên bến giác

Vượt khỏi sông mê

Sáng lòng tỏ tính

Tinh tiến tu trì

Quét sạch tham dục

Trừ diệt sân si...

Thấy thượng sĩ đọc sám hối kinh văn, nhà vua tỏ vẻ hài lòng, ngài quay ra hỏi gia nhân:

- Đã cho người về Thiên Trường rước thượng hoàng chưa?

Đáp:

- Tàu bệ hạ, quân đi từ tối hôm qua. Thái sư thấy trong người khó ở, ngài nói muốn gặp thượng hoàng. Quân bèn lên ngựa đi ngay. Có lẽ thượng hoàng cũng sắp về tới đây.

Vua quỳ xuống mép giường, đặt mấy sợi bông trước hai lỗ mũi không thấy động đậy, lại khẽ đặt tay lên lồng ngực, chỉ cảm thấy trong lồng ngực Thái sư có tiếng đập mơ hồ.

Thượng hoàng Thái tông vừa vào đến cửa vội cởi áo khoác quỳ phục xuống đầu giường ghé sát tai Thái sư Trần Thủ Độ gọi:

- Chú ơi! Chú ơi! Cháu đã về với chú đây! Cảnh đây, cháu Cảnh về với chú đây! Chú đừng bỏ cháu, chú ơi!

Lạ thay thân thể Trần Thủ Độ như vừa được tiếp thêm sinh khí. Gương mặt ông như hồng trở lại, cặp mắt nhắm nheo từ từ hé mở, dường như ông thu hết sinh lực dồn vào đôi mắt trum lên Trần Cảnh một cái nhìn thao thiết nhất trong đời và từ cặp mắt kia như lóa lên một ánh chớp, cùng lúc môi thái sư mấp máy nói hai tiếng thuần hơi: “Chú đi!”. Da mặt thái sư bỗng tái sạm, người xẹp hẳn xuống. Vậy là hồn ông vừa thoát xác. Thượng hoàng Thái tông bật khóc. Không khí tang tóc bao trùm.

Đã biết sinh tử là lẽ thường hằng, Thái sư hưởng thọ ở tuổi bảy mươi mốt, thế nhưng bỗng nhiên bị mất người thân, Thái tông thấy một sự cô đơn trống vắng. Vì từ khi hai thân sớm lìa thì chú ấp úng trông nom chẳng khác tình cha. Có thể nói từ khi tám tuổi, chú kèm cặp răn dạy để trở thành người cảm cương chính quốc gia tới nay ngót bốn chục năm ròng ở ngôi thống quốc, quyền nghiêng thiên hạ, nhưng suốt cuộc đời chú không làm một điều gì mưu lợi riêng tư. Tận tâm với nước cho đến hơi thở cuối cùng. Tháng bảy năm ngoái còn đi duyệt quân tập trận tận Bạch Hạc, lại cuối tháng mười vừa rồi còn đi kiểm xét biên cương khắp một vùng Châu Lạng. Không bệnh mà đi, mình mẫn tinh táo cho đến phút chót. Đúng là chú có cốt cách của một bậc tiên thánh.

Thượng hoàng Thái tông cho làm ma thật to để tỏ lòng biết ơn Thái sư, lại sai các quan trong triều đến tận nhà tế đúng bảy ngày. Thượng hoàng thân mặc áo trở và chịu tang như một người con.

Ngày cất quan Thái sư, con cháu trong hoàng gia, hoàng tộc và các quan trong triều đến đông chật ních. Tiếng kèn, trống xen tiếng than, tiếng khóc thật là ảo não, bi thương. Mặc dù khi sống ông ở ngôi cực phẩm, lúc chết hai vua túc trực bên linh cữu, các đại thần tới lễ viếng không thiếu một ai. Trong đời ít người so được với ông, thế nhưng không có cái chết nào lại không nhuộm màu bi ai.

Trong đám tang có hai người đàn bà mặc áo sô gai khóc lẫn khóc lộn, ấy là công chúa Chiêu Thánh và Trịnh Huyền vốn là người hầu của bà Linh từ quốc mẫu Trần Thị Dung, sau lại về hầu và kết nghĩa chị em với Chiêu Thánh.

Trịnh Huyền hờ khóc đến khản cả giọng:

Ờ hờ... Thái sư ơi...

Cây cao lá mỏng mỏng mong

Ấn ở hai lòng đức mỏng tèo tèo...

Ờờ...

Nghe tiếng khóc như vừa có ý giễu ngạo, lại như vừa có ý trách chê khiến nhiều người ngạc nhiên nhưng không ai dám can ngăn. Bỗng có một ông già râu tóc trắng như cước, da mặt sạm đồi mồi, tay chống gậy trúc, đầu chít khăn tang len đám đông đi tới phía người đang hờ khóc. Ông lấy tay khế đập vào vai người đàn bà đang khóc; người ấy quay lại, lau nước mắt nhìn cụ già.

Ông cụ hỏi, giọng đồng dục:

- Trịnh Huyền, con không nhớ ta sao! Thôi con đừng khóc nữa. Dù sao ván đã đóng thuyền. Vả lại một đời ông ấy đã tận tâm vì nước đủ chuộc lại mọi lỗi lầm, ta nghĩ con không nên cố chấp.

Nghe giọng nói thật là quen mà nhìn nhân dạng thì không biết là ai. Trịnh Huyền phục lạy:

- Cụ tha tội, quả con không nhận ra cụ là ai.

Cụ già cúi đỡ Trịnh Huyền và nói nhỏ vào tai: “Con có nhớ ta sai con tới lấy chữ ký của nhà vua vào chiếu cần vương, lúc ra thì con bị bắt...”. Trịnh Huyền giật bắn mình sụp lạy:

- Quan thừa chỉ, con lạy quan thừa chỉ, con có mắt như đui.

Lập tức hình ảnh gần bốn mươi năm trước hiện về. Sớm ấy Trịnh Huyền nhận lời với quan Thừa chỉ đem tờ mật chiếu cần vương vào nơi Trần Thủ Độ giam lỏng Lý Huệ tôn để lấy chữ ký của nhà vua. Sờ dĩ lọt được vào nơi nghiêm cấm ấy là bởi Trịnh Huyền đã lấy cấp lệnh bài của Thái sư thống quốc Trần Thủ Độ. Việc tưởng đã xong xuôi, thế mà lúc vừa ra khỏi dinh bị lính kín bắt áp giải đến Phủ Thái sư. Trần Thủ Độ không những không trị tội Trịnh Huyền mà còn an ủi cho Trịnh Huyền đỡ sợ rồi sai về hầu lại lệnh bà. Đối với quan Thừa chỉ, Trần Thủ Độ không những không tiết lộ hành vi phản kháng của ông, không trả thù ông, mà còn tôn trọng, thậm chí kính trọng ông. Vì vậy, quan Thừa chỉ đã hợp lực cùng Trần Thủ Độ ổn cố xã hội vào những năm đầu của triều đại mới. Chỉ đến khi Trần Thủ Độ gây ra vụ ép Trần Cảnh lấy Thuận Thiên - vợ của anh trai mình là Trần Liễu, ông mới giận vì sự loạn luân vô đạo ấy mà bỏ đi ở ẩn. Tuy vậy, ông vẫn theo dõi hành tung của Trần Thủ Độ, thấy các việc làm đều xuất phát từ lợi ích quốc gia dân tộc. Vì thế khi nghe tin Trần Thủ Độ qua đời ông mới từ chốn rừng sâu về viếng, gọi là đáp lại cử chỉ cao thượng của Trần Thủ Độ đối với ông và Trịnh Huyền thuở trước.

Thấy Trịnh Huyền xúc động thái quá, cụ lại ghé vào tai Huyền nói nhỏ: “Ta sẽ ghé thăm vợ chồng con. Ta biết chỗ con ở bên hồ Dâm Đàm rồi”. Nói xong, cụ lại rẽ gậy rời khỏi đám tang.

Mọi người nhìn theo cụ và đều có chung cảm nhận đó là một tiên ông vừa xuống trần để viếng tang Thái sư Trần Thủ Độ, và chỉ làm có mỗi việc đó rồi cụ lại về trời.

Trần Thủ Độ trong nhiều năm được coi như một cột trụ vững chắc nhất của triều đình, thế nhưng ông mất đi triều đình không vì thế mà xô lệch. Ấy cũng bởi ông để lại phía sau mình những người tài đảm, cân quắc đủ sức lèo lái con thuyền quốc gia.

Sau đám tang người ta bình phẩm về ông khá nhiều. Đại khái khen có, chê cũng có. Công có, tội cũng có. Rốt lại với Thái sư thống quốc Trần Thủ Độ thì công nhiều hơn tội, ông để lại nhiều gương tốt không chỉ cho thời nay mà các đời con cháu mai này vẫn nên học, nên theo. Đó là tấm lòng tận trung với nước, công bằng, liêm khiết, thượng tôn pháp luật, không vị tình riêng. Tuy nhiên, việc ông khơi mào cho chuyện loạn luân thì đó là một lỗi lầm không thể tha thứ, và không gì có thể biện minh được, dù công lao ông trùm thiên hạ, dù ông là cha đẻ của một vương triều oanh liệt vào bậc nhất trong lịch sử nước nhà.

Dù vua Thánh tông có truy tặng Trần Thủ Độ tước vị Thượng phụ thái sư Trung vũ đại vương và trước đó khi ông còn sống, vua Thái tông có làm sinh từ, dựng bia và tự tay nhà vua viết bài minh tán thán công đức ông, song không vì thế mà người đời bỏ qua tất cả lỗi lầm của ông. Lịch sử không cố chấp nhưng nó đòi hỏi sự trung thực.

Cũng sau đám tang thái sư ít ngày, vợ chồng Trịnh Huyền lên thăm dinh quan ngự sử đại phu, thượng tướng quân Lê Tần và công chúa Chiêu Thánh.

Trò chuyện ít lâu, Lê tướng quân mớiướm hỏi Chiêu Thánh:

- Ta biết trong sâu thăm ký ức, phu nhân không tha thứ cho Thái sư, vậy mà sao hôm đám tang, nàng lại khóc lóc thảm thiết đến vậy?

Chiêu Thánh ngậm ngùi đáp:

- Chẳng là thiếp sực nhớ đến cái chết của phụ vương. Người ta bức tử phụ vương của thiếp rồi lên đem đi chôn cất, thiếp không được khóc cha một lời. Nay chợt nghĩ đến, tủi thân mà khóc. Ấy là cái nhẽ thiếp khóc cho mình đây. Còn một cái nhẽ khác nữa là khóc cho thái sư. Khóc cho Thái sư tức là khóc để tiễn đưa cái ác, cái tráo trở về nơi huyệt mộ.

Giây lâu Chiêu Thánh quay lại hỏi Trịnh Huyền:

- Bữa đó sao mà em khóc thảm thúi đến vậy. Chị chỉ sợ có người làm khó cho em. Rồi từ lúc có ông cụ nom như một ông tiên, ông nói gì với em mà em lại thôi không khóc nữa.

Trịnh Huyền thuật lại tất cả vụ việc “Chiếu cần vương” và quan Thừa chỉ bỏ đi ở ẩn mấy chục năm nay cùng việc ngài xuống núi. Lại kể hôm trước cụ có ghé thăm gia đình Trịnh Huyền bên hồ Dâm Đàm.

Chiêu Thánh vừa nghe chuyện vừa khóc nức nở và cảm phục tấm lòng dũng cảm và cao thượng của quan Thừa chỉ và Trịnh Huyền.

Chuyện cũng khiến quan ngự sử đại phu Lê Tần thêm kính trọng Trịnh Huyền. Ông vội hỏi:

- Vậy tại sao hai chị em ở với nhau tới mấy chục năm nay mà nàng vẫn giữ kín chuyện đó ở trong lòng.

- Thưa quan Đại phu, em nghĩ mưu việc lớn đã chẳng thành khiến bao người ôm hận, có hay hóm gì mà phải kể lể.

Nghe Trịnh Huyền trả lời, ai cũng thầm phục nàng là người khảng khái, cao thượng.

XIII

Chiêu Minh vương Trần Quang Khải từ khi ra coi châu Nghệ An, biên thùy phía nam yên ổn, các làng xã ven biển cũng được giữ yên, quân Chiêm Thành không dám đến cướp phá nữa. Nước Chiêm Thành thường năm vẫn đưa sứ và các đồ cống tới Thăng Long. Dân chúng trong châu đều được an cư lạc nghiệp, vì thế mà họ biết ơn triều đình, biết ơn quan an phủ sứ Trần Quang Khải.

Lại năm trước, người của châu này là Bạch Liêu vào Thăng Long thi đỗ Trại trạng nguyên, triều đình bổ dụng nhưng Bạch Liêu cáo từ. Về Nghệ An, quan an phủ sứ Trần Quang Khải đã mấy lần thân đến mời tại nhà, Bạch Liêu chỉ nhận làm môn khách chứ không nhận một chức quan nào. Vì thế Bạch Liêu ra vào, đi ở đều ung dung tự tại không hề bị buộc mình vào bất cứ điều gì.

Bạch Liêu vốn là người thông tuệ khác thường, học một biết mười, đọc đâu nhớ đó, đọc sách thì đưa mắt liếc mười dòng một lúc, nên ông đọc được rất nhiều, hiểu biết rộng, tuổi của ông với Quang Khải đều suýt soát nhau, nghĩa là khoảng hai mươi sáu, hai mươi bảy tuổi. Vì vậy hai người trò chuyện rất hợp ý nhau. Họ thường bàn đến chuyện thời thế, chuyện trị loạn, chuyện xuất xử, hành tàng. Nhiều khi bàn thông tam giáo.

Chiêu Minh vương là người ưa bàn đến việc binh trị, việc dân giàu nước mạnh. Tuy thế, hai người cũng mới chỉ giỏi về từ chương, đạo lý chứ chưa kinh qua việc đời nhiều lắm. Chiêu Minh vương vẫn muốn lưu Bạch Liêu làm thượng khách để khi nào thuận tiện sẽ tiến cử Bạch Liêu về Thăng Long. Ông nghĩ người tài như Bạch Liêu đâu phải có nhiều, dùng được họ sẽ làm mạnh thế nước, không dung họ là có tội với nước. Người tài đức là động lực thúc đẩy sự tiến hóa xã hội chứ không phải là vật trang sức. Vì vậy Quang Khải một lòng thuyết phục Bạch Liêu ra giúp đời.

Lại nói công việc ở Thăng Long, trước đây nhà Nguyên đòi cống nho sĩ, thầy thuốc, người giỏi âm dương, bói toán, các loại thợ mỗi thứ ba người cùng nhiều đồ trân quý. Vua Thái tông sai đưa các đồ trân quý sang cống, nhưng không nộp đủ như họ đòi. Còn người thì không đưa sang một người nào, cũng không xin bãi bỏ mà cứ lờ đi coi như không có chuyện đó.

Hốt-tát-liệt lại có chiếu thư đòi ta phải cống voi. Vua Thái tông gửi biểu sang trần tình: "... Theo ý bệ hạ muốn vật cống lần này là mấy con voi lớn. Loài thú ấy thân hình to lắm, chỉ hai con cùng đi là chật đường của hai xe tứ mã, chúng bước đi rất chậm chạp chứ không như ngựa bên thượng quốc.

Xin tuân sắc chỉ, đợi đến năm tiến cống sau sẽ đem dâng...".

Hốt-tát-liệt sai Nậu-lạt-đình (Nu-rut-đin) tới Thăng Long giữ chức Đạt-lỗ-hoa-xích. Y ra sức thăm dò biết được nhà Trần cảm người trong nước không được giao thương và cả giao đàm với những thương nhân Hồi Hột liền tâu về nước.

Hốt-tát-liệt gửi chiếu thư trách vua ta và áp đặt sáu điều:

- Quân trưởng (nhà vua) phải vào châu.

- Con em phải sang làm con tin.
- Kê biên dân số.
- Phải chịu quân dịch.
- Phải nộp tô thuế.
- Vẫn đặt chức Đạt-lỗ-hoa-xích.

Nhà vua biết chỉ nhận một trong sáu điều này coi như nước đã mất chủ quyền. Nếu nhận cả sáu điều cũng có nghĩa ta là thuộc quốc của nước Nguyên. Trước đây tạm thời nhận cho nhà Nguyên đặt chức Đạt-lỗ-hoa-xích với mong muốn là hạn chế sự đi lại của nó, hạn chế sự ngó dòm của nó vào nội tình nước ta.

Tuy vậy, Nậu-lạt-đình ngày càng soi mói, hống hách, ta bèn mua chuộc nó bằng bạc vàng, châu ngọc để y tâu báo trung thực các điều mà vua ta nhũn nhặn thoái thác.

Hơn nữa lúc này Hốt-tát-liệt vẫn chưa chinh phục hết phần đất mà em trai y đang chiếm giữ và ra mặt tranh ngôi Đại Hãn với y, nên với nước ta y vẫn còn nương tay, tuy sức ép ngày một gia tăng.

Đề lo đối phó với người Nguyên, Trần Thánh tông đã cho biên chế lại quân đội. Cứ tám mươi người cho làm một đô, ba mươi đô làm một quân. Tổ chức các sắc quân như bộ binh, thủy binh, tượng binh, kỵ binh ngày đêm luyện tập. Vua phong cho các em như Trần Ích Tắc làm Chiêu Quốc vương, Trần Nhật Duật làm Chiêu Văn vương. Triệu Chiêu Minh vương Trần Quang Khải ra Thăng Long thăng làm Tướng quốc thái úy ^[100], tóm giữ việc nước.

Phong cho anh trai là Trần Quốc Khang làm Vọng giang phiêu kỵ ^[101] đô thượng tướng quân, sai ra coi châu Nghệ An thay Trần Quang Khải mới về triều.

Vua cũng xuống chiếu đốc thúc các vương hầu phải nhanh chóng lập các đội phủ binh và phải được huấn hử cho thiện xảo.

Trong số các phủ binh thì Trần Hưng Đạo có số quân đông nhất, quân của ông bằng non nửa số quân của triều đình. Hưng Đạo ngày đêm cho quân tập ráo riết. Ông cũng ra sức kèm các gia tướng, gia thần mưu dùng vào việc hưng thế nước.

Bữa nọ có việc Trần Thánh tông phải về Thiên Trường vào cung Trùng Quang ra mắt thượng hoàng.

Thấy con về bất chợt, lại nom sắc diện như có điều gì đang nghĩ ngợi, thượng hoàng bèn hỏi:

- Hoàng nhi, con về thăm cha hay có việc quốc gia trọng đại cần tâu báo?
- Bẩm phụ hoàng, trước hết con về vấn an phụ hoàng, sau đó tâu báo điều cơ mật mà hiện lòng con hết sức băn khoăn.
- Vậy chớ có điều gì khó xử con nói ta nghe? Thượng hoàng Thái tông giục.

Thánh tôn đưa mắt nhìn vào mọi góc khuất của cung thất lại nhìn ra ngoài hành lang xem đám nội nhân còn kẻ nào lẩn khuất thì đuổi ra hết. Yên tâm khi chỉ còn có hai cha con, nhà vua mới tâu:

- Bẩm phụ hoàng, có kẻ mật báo Quốc Tuấn ra sức gom quân rèn quân thảo cả ngày đêm, tích chứa lương thảo nhiều không biết đâu mà kể, lại mộ những kẻ có tài văn võ dùng làm gia thần, gia tướng. Con sợ Quốc Tuấn sinh lòng mà manh động thì nguy cho xã tắc.

Suy ngẫm giây lát thượng hoàng lắc đầu nói:

- Quốc Tuấn là người tận trung với nước. Thấy thế nước lâm nguy, Quốc Tuấn xả thân vì nước. Con chẳng thấy mấy lần con ban chiếu dụ hỏi thúc các vương hầu phải lập các đội gia binh, phủ binh hùng mạnh đó sao. Quốc Tuấn làm như vậy chẳng phải là nghiêm cẩn thụ chiếu đó sao. Con bắt tất phải lo ngại. Kẻ nào tâu với con điều đó, ta ngờ cái tâm nó không được trong sáng. Bỗng đôi trông mắt thượng hoàng vụt sáng lên. Với vẻ dường như là bí ẩn, nhà vua nói nhỏ vào tai Trần Thánh tông: “Vương nhi! Ta e điều này phao từ miệng người Nguyên. Bởi họ cài cấm nội gián vào hàng ngũ của ta khó mà lường được”. Nhà vua lại vỗ vỗ tay lên vầng trán: “Có thể đây là mưu chia rẽ tình cốt nhục, giặc định phá ta từ bên trong không chừng”. Chợt thượng hoàng hỏi:

- Việc này Quang Khải biết chưa?

- Tâu phụ hoàng, con đã cho Khải biết rồi.

- Con nhớ việc này phải giữ thật kín nhem chớ hở ra ngoài mà nguy khôn. Nếu anh em chia lòng, giặc chưa cần đánh ta đã tự tan. Quốc Tuấn có tài dạy quân, có tài cầm quân trăm vạn, sinh thời Thái sư quốc phụ thường răn ta trước sau cũng phải trao cho Quốc Tuấn quyền thống lĩnh toàn quân thì mới có thể kinh chống được với giặc dữ Nguyên - Mông ^[102]. Ta chắc quốc phụ cũng từng răn con như vậy.

Nhìn thẳng vào mắt con, thượng hoàng hỏi tiếp: - Hoàng nhi, trong lòng con có gợn điều nghi ngại gì về Quốc Tuấn không?

Vua Thánh tông cứ thực lòng tâu:

- Bẩm phụ hoàng, Quốc Tuấn đúng là người hiền tài, thượng phụ thường khuyên con phải trao trọng trách cho anh ấy. Từ trước, con chưa bao giờ bận tâm đến việc Quốc Tuấn có thể chia lòng. Nhưng từ khi có tin nói Quốc Tuấn trong tay nắm một đội quân quá lớn lại huấn dạy rất thiện xảo, với tài làm tướng như vậy chỉ cần Quốc Tuấn lật bàn tay là triều đình nghiêng đảo. Bởi thế dù con không muốn nghĩ sự việc nó vẫn cứ hiện ra. Phụ hoàng dạy con phải làm gì?

- Con không phải làm gì cả. Con và Quang Khải phải quên nhanh việc này đi. Cái việc cần làm nhất trong lúc này là tăng cường sức quân, nuôi vỗ sức dân, tất cả đều quy về việc phải bằng mọi cách: Giữ lấy nước. Muốn giữ được nước thì phải lấy nước làm trọng, mọi mối hiểm nghi, mọi nỗi bất hòa đều phải dẹp bỏ. Mọi người phải tin vào nhau, phải đồng tâm nhất trí coi việc giữ nước là việc thiêng liêng tối thượng. Giặc đến, mỗi người dân là một người lính, muôn người như một, quyết giữ lấy giang sơn thì không một kẻ thù nào xâu xé nổi.

Trần Thánh tông ngược nhìn vua cha:

- Tâu phụ hoàng con xin tuân mệnh.

Thượng hoàng lại căn dặn:

- Con đã đủ khôn ngoan để điều hành việc nước, lại có cả tả hữu phụ bật cùng hai ban văn võ giúp rập, nên từ nay ta sẽ chuyên tâm vào việc trước tác và tu tập. Ta chỉ về triều hoặc tham gia bàn bạc khi có việc quốc sự quan yếu. Còn đối sách với nhà Nguyên thì cương, nhu tùy việc. Thế của ta hiện nay không thể cương được, nhưng nhu là để nhu hòa chứ không phải nhu nhược. Nhu nhược kẻ kia sẽ lấn, thế diện quốc gia vì thế cũng khó bảo toàn. Hơn nữa, bậc quân trường một khi đã để mất quốc sĩ, thì người dân sẽ không còn tin vào triều đình nữa, từ đó dân sẽ sống nhút nhát, hải sợ ngoại bang. Tới lúc đó muốn vực thế nước lên là muôn khó, bởi cái khí tiết của một nước đã bị triều đình làm mất đi rồi.

Thái tông nhìn con với vẻ cảm thông và cả phần tin tưởng, ngài lại nói: - Thôi con về triều đi. Có việc gì cần cứ sai sứ tìm cha, Thăng Long lúc này không thể vắng con được, dù chỉ một ngày.

Vua Thánh tông bịn rịn chia tay:

- Vì đất nước mà con không làm tròn được đạo hiếu, thực tình con không muốn xa phụ hoàng.

Thái tông nắm tay con dặn thêm:

- Con nên nhớ, lúc này con phải dùng đại trí để chuyển hóa thành đại hùng, đại lực thì mới giữ được nước.

Nhà vua dẫn con ra tới bậc thềm rồi đẩy vào vai:

- Thôi con về đi. Thăng Long đang cần con. Nói xong ngài ngoắt quay vào nội điện. Vua Thánh tông nhìn hút bóng cha vái ba vái.

Vua Thánh tông vừa về đến Thăng Long đã nghe tâu báo có sứ nhà Nguyên đến nhắc lại việc đòi voi và lễ cống vào năm tới. Nhà vua xem chiếu dụ của Hốt-tát-liệt xong liền phán bảo các quan:

- Các người lo thu xếp quà cáp cho sứ đoàn, riêng chánh sứ có phần ưu hậu hơn, ta sẽ viết biểu phúc đáp mau chóng tống khứ chúng ra khỏi nước, để chúng không có thời cơ móc nối với bọn ngoại gián của chúng, và cũng không cho chúng dòm ngó sâu vào nội tình nước ta. Còn như chuyện giao tiếp với sứ cứ nên thoải mái, chúng hỏi gì nói ấy, nói cho chúng biết những điều chúng muốn biết nhưng lại chẳng ích gì cho chúng, còn sự thật phải giữ cho kín nhem.

Trong thư phúc đáp nhà Nguyên, vua Thánh tông viết:

"... Sứ đến nói việc đòi voi. Trước vì sợ trái chỉ nên không dám nói thẳng là theo hay không theo chứ thật ra tượng nó không chịu rời nhà nên khó sai họ đi. Hơn nữa, voi cũng không chịu đi khi không có các nai voi là người huấn dạy nó đi theo. Lại như việc đòi nho sĩ, thầy thuốc và thợ thì khi bồi thần nước tôi là bọn Lê Trọng Đà, Đinh Cung Viên vào bệ kiến gần uy quang trong gang tấc cũng không nghe chiếu dụ gì đến việc ấy. Huống chi từ năm Trung thống thứ tư (1263) [\[103\]](#) đã được đội ơn tha cho, nay lại nghe

nhắc đến, xiết nổi kinh ngạc...”

Nhà Nguyên lo sợ các viên Đạt-lỗ-hoa-xích bị nhà nước Đại Việt mua chuộc nên luôn luôn thay đổi. Ví như trước đây cử Nậu-lạt-đình (Nu-rút-đin) thì nay cử Khu-rung Kha-y-a (Qurung-Qaya) làm Đạt-lỗ-hoa-xích, Trương Đình Trân làm phó. Chắc là Nu-rút-đin lúc đầu hay soi mói tâu báo các việc nước ta chậm hoặc không đáp ứng các yêu sách của người Nguyên, nhưng sau lại có vẻ cảm thông hoặc đứng ra biện hộ, khiến bị ngờ vực có sự mua chuộc của Đại Việt nên có mệnh này.

Trương Đình Trân vào Đại Việt cũng vừa lúc thượng hoàng Trần Thái tông mới ở Thiên Trường về Thăng Long, vua Thánh tôn liền mời vua cha cùng tiếp sứ.

Sau vài lời thăm viếng xã giao, Trương Đình Trân bèn nói:

- Ta vâng mệnh thiên tử trao chiếu thư cho nhà vua. Thượng hoàng Trần Thái tông liền sửa mũ, áo cho nghiêm chỉnh rồi nói:
- Trẫm sẵn sàng thụ chiếu.

Trương Đình Trân liền đặt chiếu thư vào hai tay nhà vua. Vua nhận chiếu xong liền đặt lên án thư rồi lui về chỗ ngồi.

Trương Đình Trân trở mặt nhìn với vẻ kinh ngạc. Y nói giọng hách dịch với lời lẽ mạn thượng:

- Nhà vua sao dám vô lễ, nhận chiếu thiên tử mà không quỳ lạy.
- Ông phó sứ hãy ăn nói thận trọng. Ta làm theo phong tục của nước ta.
- Phong tục của An Nam không có giá trị với thiên tử.

- Ông chỉ ăn nói hồ đồ, ta mà tâu việc này lên thiên tử, chẳng hiểu ông có còn giữ nổi cái đầu ở trên cổ nữa không. Ông há không biết năm Trung thống thứ tư, Thiên tử đã có chiếu dụ nước ta rằng: “... *Phàm các việc lễ nhạc, phong tục đều vẫn theo lệ cũ của bản quốc không cần thay đổi...*”.

Trương Đình Trân phản bác:

- Đây là lễ của vua chư hầu đối với thiên tử, sao lại đem phong tục ra đây mà bàn.

Vua Thái tông ôn tồn giảng giải:

- Thì cứ cho là lễ như ông hiểu, thế ông không hay lời chiếu viết: “*Phàm các việc lễ nhạc... vẫn theo lệ cũ của bản quốc...*” sao? Nhân đây ta cũng cảnh báo cho ông chớ có hàm hồ lộng ngôn, nước ta chỉ là nước phen dầu chứ không phải nước chư hầu. Vậy là cả lễ nghi lẫn phong tục của nước ta từ xưa đều không có việc phải lạy chiếu thư.

Đuối lý, nhưng Trương Đình Trân vẫn đe:

- Được, ta sẽ tâu việc này lên thiên tử.

Vua Thái tông đáp lại:

- Thiên tử đã có chiếu dụ ta từ mấy năm trước như ta vừa nói đó. Nếu ông dám tâu lên, ta e rằng ông sẽ bị ghép vào tội khi quân. Đi sứ mà không làm tròn sứ mệnh, chắc ông biết mình mắc tội gì rồi.

Trương Đình Trân vắn lại:

- Ta biết nhà vua dám kháng mệnh thiên tử vì còn kết thân với nhà Tống, mong cầu sự trợ giúp của cây gỗ mục đó chứ gì.

Vua Thái tông nhìn thẳng vào mặt Trương Đình Trân với hàm ý khinh bỉ. Đoạn vua nói:

- Ông phó sứ nên biết, quan hệ với nước nào dưới gầm trời này là quyền của chúng ta, không kẻ nào có quyền áp đặt hoặc dạy khôn cho ta. Ta vẫn tưởng ông là người Hán, mang danh hảo hán, hóa ra ông mang dòng máu Mông Cổ mà ta không được biết.

Trương Đình Trân vẫn ngông ngạo giọng kẻ cả:

- Nhà vua nên giữ mồm giữ miệng. Ta biết An Nam vẫn hòa hiếu với người Tống, tưởng có thể cứu nhau lúc nguy cấp. Nhưng có biết đâu hiện nay cả trăm vạn quân của thiên tử đang vây kín Trương Dương, một cánh chim cũng khó bay lốt, chỉ sớm tối là hạ thành, dồn quân qua sông, lật đổ kinh đô nước ấy dễ như bẻ cành củi khô, thế mà nhà vua còn dựa vào nơi bờ bể, cậy là môi với răng, tự tôn tự đại. Nếu tâu lên hoàng đế, oai trời khê động, thì chẳng cần gọi quân ở xa, mà với mười vạn quân Vân Nam, chỉ hơn một tháng là đến sẽ biến vương miếu thành gò hoang, vương dinh thành bãi cỏ chẳng khó khăn gì.

Trước thái độ láo xược của Trương Đình Trân thượng hoàng Trần Thái tông cố giữ bình tĩnh nói:

- Sứ thần nên biết, kẻ nào dám xúc phạm đến miếu đình, xã tắc của ta, thì chính nó là kẻ thù của ta đó. Đừng tưởng mình là sứ nước lớn muốn mạn xược thế nào cũng được đâu. Nước lớn gì mà tham lam đòi cả từ cái sừng tê.

- Đúng! Ta là sứ nước lớn nhẽ ra phải tiếp ta với lễ của bậc vương nhân, thế mà nhà vua chỉ tiếp ta như tiếp một sĩ đại phu. Còn như tê, tượng là các ông cống thiên tử chứ. Đã cống sao còn kể nữa.

- Ta tưởng nước mà ông thờ cũng có lễ luật như nước Trung Hoa chứ. Nếu đã có lễ tại sao ông chỉ giữ chức quan triều liệt, còn ta là vua của một nước mà cũng đòi ngang lễ với ta, từ cổ xưa chưa từng có chuyện này.

Trương Đình Trân nổi khùng nói bậy:

- Ta thật không hiểu nổi lũ nam man các ông.

Trước cung cách hỗn hào của sứ giả, vua Thánh tông liền tâu với vua cha:

- Xin phụ hoàng về cung để con nói chuyện với tên Hán gian này.

Thượng hoàng vừa đi khỏi, vua Thánh tông liền trở mặt Trương Đình Trân mắng:

- Ngươi là một kẻ không có chút chi gọi là liêm sỉ. Đang tâm bán nước làm tay sai cho người Mông Cổ lại còn vênh vang lên mặt.

Nước ta tuy nhỏ nhưng dám chống lại sự xâm lăng của người Mông Cổ năm Đinh Ty mới đây, chắc người biết.

- Ta biết, Trương Đình Trân cứ trần trần cái mặt nói tiếp: - Nhưng sau đó các ông phải triều cống người Mông Cổ chứ đâu dám chống lại họ.

- Đó là ta giữ tình hòa hiếu chứ không muốn can qua.

- Các ông đừng có khoe mẽ, một khi đại quân của thiên triều kéo sang cha con nhà vua dù có muốn xin hàng cũng không được nữa, và dân Giao Chi của nhà vua, ta chắc không còn một mống nào sống sót.

- Quả đúng như ông nói, nếu quan lại của ta là những loại bán nước cầu vinh, cam tâm làm chó săn cho giặc như Tần Cối trước đây hoặc giả những loại như thừa tướng Giả Tự Đạo và Trương Đình Trân bây giờ, tất nhiên phải có cả những bạc vua ngu tối như Tổng Khâm tông đã tự hạ mình chấp nhận sự đòi hỏi của hoàng đế nhà Kim, tôn vinh y là bá phụ và thường niên triều cống tới mấy chục vạn lạng bạc vàng và mấy trăm ngàn tấm lụa, và cả Tổng Độ tông ngày nay cũng vậy. Việc duy nhất Độ tông và Giả Tự Đạo có thể làm được là hãm hại những người yêu nước dám xả thân cứu nước, và liên tiếp ký các hàng ước cắt đất cầu hòa. Trong lịch sử cổ kim, ta chưa từng thấy một nước nào vua tôi lại bạc nhược hèn yếu như triều đại cha truyền con nối của nhà Tống các người. Ta không tin đó lại là truyền thống Trung Hoa. Nước Trung Hoa vẫn hiển, dân Trung Hoa quật cường, ta chắc họ không cam tâm chịu nhục như lũ các người đâu.

Vua Thánh tông nhìn thẳng vào mặt tên sứ giả nói với vẻ khinh bỉ. - “Quốc gia hữu sự, thất phu hữu trách”. Lời dạy của thánh hiền, các người cứ ra rả hót, thế mà khi hành xử lại không bằng kẻ thất phu. Thiết nghĩ, nếu người còn chút liêm sỉ cuối cùng của loài cừu khiêu thì tự cắn lưỡi mà chết hơn là nhon nhon lên giọng dạy đời.

Trương Đình Trân lồng lên như một con thú bị săn đuổi đến bước đường cùng. Y thò tay nắm đốc kiếm toan hành hung.

Vua Thánh tông bình thản lờm y và quát:

- Quân đầu!

Lập tức quân cấm vệ bốn phía ủa vào lột hết các khí cụ trong người hắn. Và khám xét, tước hết khí giới tùy thân của đám tùy tùng trong sứ đoàn.

Vua dụ đô tướng đô cấm vệ:

- Các người đưa nó về giam lỏng trong nhà công quán. Không cho nó ra ngoài, không cho tiếp xúc với viên chánh sứ và mấy kẻ tùy tùng. Hãy cho nó biết thế nào là khí tiết Đại Việt.

Hai vệ sĩ bàn tay cứng như kim thép nắm hai cánh tay Trương Đình Trân kéo đi. Y la hét chửi bới không tiếc lời. Nhưng y càng chửi bới tục tằn, hai gọng kim càng siết chặt hai cánh tay y, tới mức há hốc mồm mà không la được thành tiếng y mới chịu câm họng.

Về nhà công quán, y được sắp xếp ở trong một căn nhà ba gian hết sức sang trọng, thức ăn thừa mứa không thiếu một thứ gì ngoài rượu và các thứ nước sạch có thể uống được. Bữa thứ nhất y ăn ngon lành. Sang bữa thứ hai y đòi ăn thêm canh và nước uống. Nhà bếp tăng thêm các món ăn xào nấu thơm ngon nhưng vẫn không có canh, còn nước uống được lấy từ bển tắm trâu ngàu bùn và mùi

tanh hôi đến lợm giọng.

Trương Đình Trân khát đến khô cháy cả cổ họng, y vẫn không dám đụng đến thứ nước bần thiêu kia và y cũng bỏ luôn cả cơm không dám ăn vì sợ khát. Y nói với mấy người ra vào phục dịch:

- Đồ man di, cho ta uống nước giếng! Trên thế gian chưa có nước nào dám tiếp sứ giả thiên triều như vua tôi nhà các ngươi.

- Kề kia hãy giữ mồm giữ miệng, nếu không ta sẽ sai người nhổ hết không còn một cái răng ở miệng ngươi đâu. Ngươi đòi quốc vương ta phải tiếp ngươi với lễ vương nhân, đó chẳng phải là lễ vương nhân dành cho bọn chó săn sao?

Sau ba ngày không được uống nước, Trương Đình Trân gần như đã kiệt sức, y không la hét, không dám nói bậy nữa mà chỉ nài nỉ:

- Ta không cần ăn, chỉ cần cho ta uống nước giếng là đủ.

Đáp:

- Ở nước tôi một khi đã ghét nhau thì người ta bỏ thuốc độc xuống giếng, uống vào chết liền.

- Cứ cho ta uống, chết ta chịu.

- Không thể dễ dàng như vậy được. Nếu sứ muốn uống nước giếng có thuốc độc phải tự mình viết tờ cam kết với nhà công quán. Sau đó chúng tôi phải làm tờ trình lên thượng cấp, chờ vài ba ngày... sau đó có phúc đáp cho hay không cho thì mới biết. Nhưng trước hết phải có biểu tạ lỗi với quốc vương ta và rút lại các lời hỗn hào xúc phạm.

Trương Đình Trân không còn đủ sức đối đáp nữa. Y lịm đi. Trong cơn khát bỏng họng, chấp chờn nửa mơ nửa tỉnh, y có phần ân hận vì dựa thế Hốt-tát-liệt đã đi quá xa cương vị của một sứ thần. Vả lại ta là người Hán làm việc quá mẫn cán cho người Mông Cổ, kẻ kia không chịu được ta mặt sát, nên đã xúc phạm lại ta. Bây giờ mệnh ta nằm trong tay họ. Đúng là bọn này ghê gớm. Năm Đinh Tỵ (1257) Văn Nam vương đã ba lần cử sứ đến dụ. Chắc sứ cũng hồng hách xúc phạm, nên cả ba lần sứ đến đều bị giam giữ, tới khi đại quân đánh vào Thăng Long thì một người đã bị trói chết gục, còn hai người kia cũng đã kiệt sức. Chết như thế thật uổng. Nói cho cùng thì người Mông Cổ cũng có tốt gì với người Hán đâu, hiện nay hơn ba chục vạn quân đang vây chặt Trương Dương. Diệt xong Trương Dương họ sẽ kéo về đánh phá Lâm An, bắt Tống Độ tông nữa thì nước Trung Hoa của ta phải quỳ gối. Muốn nói gì thì nói ta cũng phải thừa nhận người Giao Chi họ kiên cường. Vừa nghĩ tới đây thì Trương Đình Trân lịm ngất đi.

Viên quản nhiệm nhà công quán sai người đổ cho y ba chén nước giếng, Trương Đình Trân mở bừng mắt đòi uống nữa. Viên quản nhiệm xoa tay lắc đầu, mọi người lui ra. Ông ta nhắc:

- Ta cấm các ngươi không được lén cho y uống nước nữa. Bây giờ mà y uống nhiều vào là chết đấy.

Sau khi nhận được thư tạ lỗi của Trương Đình Trân, vua Thánh tôn cử tướng quốc thái úy Trần Quang Khải tiếp sứ. Mọi việc tướng quốc được quyền quyết. Nhà vua chỉ xuất hiện khi tiếp chiếu của vua nhà Nguyên, còn sứ thần chỉ được gặp vua ta khi việc có quan hệ tới hai nước mà tướng quốc thấy không đủ thẩm quyền. Làm như vậy để sứ giặc biết dù chúng là sứ của nước lớn nhưng không

phải chúng muốn gì cũng được, muốn gặp ai cũng được.

Tướng quốc thái úy là người thông thạo không chỉ tiếng Trung Hoa, mà còn am hiểu lịch sử các nước, kiến văn quảng bác, phong thái điềm đạm mà cương dũng có thừa. Sau một thời gian tiếp hai viên chánh phó sứ, chúng đã có phần nể trọng. Chánh sứ Khu-rung Kha-y-a đòi gặp mấy nhà buôn Hồi Hột mà y chỉ đích danh.

Tướng quốc đáp:

- Một người vì buôn bán thua lỗ nên đã rời khỏi nước tôi cách đây vài ba năm. Trong số bộ của chúng tôi còn ghi rõ. Nhà cửa của họ đã sang tay cho người khác. Còn một người nữa đã chết cách đây từ hơn một năm, gia đình vợ con họ cũng bán đồ đạc đi khỏi nước tôi sau đó.

- Ông tể tướng có thể cho tôi đi xem các căn nhà xưa của mấy nhà buôn Hồi Hột được chứ? - Viên chánh sứ hỏi.

Tướng quốc Trần Quang Khải đáp:

- Ông chánh sứ có thể đi bất cứ lúc nào tôi sẽ cho người dẫn. Tuy nhiên, ông không tìm thấy dấu vết của người Hồi tại đó. Vì rằng tôn giáo của họ không phù hợp với tôn giáo nước tôi, nên chủ mới của căn nhà bài trí theo tôn giáo và phong tục của nước mình.

- Vậy ông tể tướng cho tôi đi xem ngôi mộ của người Hồi chết được chứ.

- Điều đó dễ như tôi với ông chánh sứ đang uống nước đây. Mộ phần của ông ta được đắp điểm chu đáo, lại được con cái họ xây cất và đặt bia mộ trước khi rời Đại Việt.

- Tôi muốn khai quật ngôi mộ đó. - Viên chánh sứ đòi hỏi.

- Ô, cái đó thì không thể được. Phong tục nước tôi không cho phép, dù người nằm trong huyệt mộ là người nước nào cũng vậy, một khi họ đã chôn cất ở nước tôi, họ sẽ được bảo vệ theo luật pháp và phong tục của nước tôi mà không có bất kỳ một ngoại lệ nào.

Viên chánh sứ cảm thấy thỏa mãn và y đòi đi bất kỳ đâu, hỏi han bất cứ điều gì đều được đáp ứng, có khi đáp ứng ngay tức thì. Nhưng y cũng tỏ ra thất vọng, vì y không thu thập được bất cứ điều gì mà y muốn. Còn viên phó sứ Trương Đình Trân cũng đã biết điều, hấn không dám hạch sách, hồng hách nhưng lại hay gợi ý nay xin cái này mai muốn cái khác, về các đồ Trương Đình Trân tìm kiếm, mua rẻ hoặc xin được biểu, triều đình tỏ ra rộng rãi, y hết sức hài lòng. Ngay cả với tên chánh sứ, tuy y không đòi hỏi nhưng triều đình cũng tặng biểu đáng kể các đồ trân quý.

Phần của cái hai viên chánh phó sứ được tặng biểu khá nhiều nên chúng cũng muốn về nước sớm.

Biết ý đồ của sứ giặc, tướng quốc thái úy Trần Quang Khải dụ chúng vào các cuộc vui chơi và tiệc tùng thâu đêm suốt sáng.

Vừa mệt mỏi vừa muốn đem một đồng của về nước, hai viên sứ giặc hẹn ngày lên đường.

Trước khi cho chúng về nước, tướng quốc mời riêng mỗi tên để tặng thêm vật quý nhưng đòi chúng phải ký vào một tờ giấy đã liệt kê các món đồ mà chúng được biểu tặng.

Tựa như kẻ cắp đã thành tinh, đũa nào cũng chối không chịu ký. Trần Quang Khải làm yên lòng chúng:

- Những đồ này nằm trong kho khố vật của triều đình, nếu ông không ký nhận tức là viên thủ kho sẽ bị chém bêu đầu vì các đồ trân quý bị mất không có sờ cứ. Giấy này viên thủ kho giữ để làm bằng chứng, về sự trong sạch của y chứ không có ý gì phiền phức cho quý ngài đâu.

Tướng quốc nói như vậy cũng có nghĩa là nếu khách không ký nhận thì các món đồ kia không thể đem ra khỏi Thăng Long, không thể đem ra khỏi Đại Việt.

Chỉ một chữ ký để đổi lấy đồ vật trị giá ngang với cả ngàn nén vàng, nên chánh phó sứ chẳng tên nào dám cứng lòng thờ chúa nữa.

Trong tiệc yến tiễn hai sứ giả trước khi rời Thăng Long, vua Trần Thánh tông đến dự và có làm thơ tiễn biệt. Hai viên chánh phó sứ mỗi người cũng lưu bút một bài thơ.

Chánh sứ Khu-rung Kha-y-a không thạo âm luật Trung Hoa nên thơ của ông không thể gọi là thơ được. Còn Trương Đình Trân thì bề bàng vì cách ứng xử của y nên đã có sự căng thẳng đáng tiếc, vì vậy thơ của y bạc nhược vô hồn.

Khi tướng quốc thái úy tiễn sứ đoàn sang tới trại Bồ Đề, Trần Quang Khải kéo tay Trương Đình Trân đi chậm lại và nói nhỏ chỉ vừa đủ hai người nghe: “Quả là ông có để lại cho phụ hoàng và hoàng thượng ta nhiều điều bất như ý, nhưng vì ông đã có lời tạ lỗi nên lại được đối xử tốt như ông đã thấy. Ngay cả quà cáp biếu tặng ông cũng là một tài sản đáng kể so với cuộc đời làm quan. Mong rằng ông sẽ nói những điều phải chăng về Đại Việt ta với Nguyên thế tổ. Nhược bằng ông bày vẽ đặt điều thì bút tích của ông tạ lỗi và ký nhận quà biếu buộc ta phải dâng lên thiên tử”.

Trương Đình Trân mặt tái mét. Y không ngờ các việc y làm lại là một bằng chứng chết người, trong lòng y lửa giận bùng bùng nhưng buộc y phải kìm nén lại và nói lời hứa hẹn: “Ta là bậc quân tử không nói hai lời, tướng quốc cứ yên tâm”.

Trần Quang Khải cười khẩy: “Ta cũng chỉ mong như thế”.

Đuổi khéo được sứ nhà Nguyên ra khỏi cõi, nhà vua họp triều quan và vương hầu bàn phải gấp rút lo việc vũ bị.

Vua nói:

- Vừa rồi sứ giặc vào nước giở thói càn bậy ta đã trừng phạt nên chúng hơi biết điều. Nhưng nguy cơ người Nguyên xâm lăng nước ta là không tránh khỏi. Nếu mai đây họ chinh phục xong nhà nam Tống thì sức mạnh của họ lớn tới mức khó lường. Vậy muốn tồn tại với tư cách là một quốc gia, ta không thể chỉ dựa vào phương sách dẻo mềm mà còn phải có sức mạnh. Nhưng sức mạnh ấy lấy ở đâu ra, ta mong các ông cứu xét. Ta cũng lưu ý các ông rằng đất nước ta đang bị giặc ngoài đe dọa từng ngày. Nếu muốn giữ tư cách là một con người có liêm sỉ thì ta hãy bàn kế chống lại nó. Còn như muốn sống yên thân thì gia cam tâm làm tôi tớ cho nó như loài khuyển mã thì ta lại bàn cái kế của loài khuyển mã.

Nhà vua nói xong những điều vừa nặng nề vừa đau xót khiến các quan ai nấy như được khơi dậy từ đáy sâu tiềm thức, cái mà ta

gọi là lòng tự trọng và tính liêm sỉ của mỗi con người. Đó chính là huyết đạo của lòng yêu nước.

Nhìn về phía tướng quốc thái úy, vua hỏi:

- Tướng quốc thái úy thân tóm cả việc dân, việc binh khá cho các quan hay về thể nước, liệu có thể đứng được trước nguy cơ xâm lăng của kẻ thù khổng lồ này không. Nhưng trước hết, tướng quốc nên cho mọi người biết về sức mạnh Mông Cổ cùng sự thoi thóp của nhà nam Tống.

Tướng quốc Thái úy Trần Quang Khải bước ra khỏi ban vái nhà vua rồi nói:

- Tàu hoàng thượng, thừa các quan, các vương gia, hầu gia. Dưới gầm trời này hiện không có binh uy nước nào mạnh hơn nước Mông Cổ mà bây giờ họ đòi là nước Nguyên. Và năm ngoái Hốt-tát-liệt đã đánh bại em ruột của mình là A-lý Bất-kha thống suất đại binh lập ra nước Đại Nguyên và xưng đế. Đó là Nguyên Thế tổ. Đế chế Nguyên bao la, nay nó lại chinh phục tới ba phần tư cõi Trung Hoa. Nhà nam Tống sống thoi thóp với các kháng cự cầm chừng. Vua tôi Tống Độ tông ngu hèn, ngoài thì sợ quân Mông Cổ, trong thì loại bỏ các đại thần, các tướng lĩnh có lòng yêu nước dám gan góc chống lại quân xâm lăng. Những người yêu nước ấy sau khi bị biếm, bãi còn bị tống giam nơi ngục thất hoặc bị xử giảo. Quân triều đình thì hung hăng đàn áp nghĩa quân đang kiên cường kháng giặc để làm vừa lòng giặc, hồng mua lấy sự yên ổn giặc ban cho, dù thời gian chỉ là vài ba tháng rồi chúng lại giờ giọng đòi hỏi đất đai hoặc vật tiến cống. Nhà nam Tống đã ký nhiều hàng ước cắt đất, lui quân, nay họ sắp bị quân Mông Cổ hất xuống biển đông rồi. Một khi nước Trung Hoa bị nhà Nguyên thống trị thì biên thùy phía bắc của ta không còn gì che chắn nữa. Cũng tức là ta phải đối mặt với nhà Đại Nguyên.

Nước Nguyên sẽ có thêm kho người, kho của mệnh mông. Lũ Hán gian làm chim mồi, chó săn cho người Mông Cổ cỡ như Trương Đình Trân trở lên kể có hàng vạn. Bọn tay sai này là mối nguy không nhỏ cho ta, và chúng hiểu ta hơn người Mông Cổ. Thêm vào đó lũ thống trị có thể bắt cả triệu quân tân phụ ^[104] đi theo quân Mông Cổ tràn vào cõi bờ ta.

Nghe tướng quốc thái úy nói về sức mạnh của người Nguyên, cả triều đình im phăng phắc. Không hiểu trong suy tư, các quan nung nấu lòng căm giận ngoại bang hay đang ngấm ngấm sợ hãi nó. Ngung trong giây lát, Trần Quang Khải lại tiếp:

- Tàu bệ hạ, thừa các quan, ta phải biết đầy đủ sức mạnh của giặc để có kế sách chống lại chúng chứ không phải để sợ chúng. Nói xong ông vái nhà vua và lui về chỗ.

Vua Thánh tông bèn dụ:

- Chư khanh, tình thế diễn biến sẽ đúng như tướng quốc thái úy vừa tâu báo. Vậy chư khanh thử bàn kế sách cự giặc, nếu như quân Nguyên xâm lăng cõi bờ ta. Thực tình, nếu chỉ so sánh lực của ta với lực của nhà Nguyên mà ta bàn kế chống lại họ thì chẳng khác đem trứng chọi với đá, tựa như châu châu đá xe. Nào ta cứ bàn cho cạn nhẽ.

Ngự sử đại phu, thủy quân đại tướng Lê Phụ Trần xuất ban nói:

- Tàu bệ hạ, thừa các đồng liêu, hiện nay nước Nguyên quả là một nước mạnh nhất dưới gầm trời, nhưng chúng không thể cùng một lúc đem cả nước nó vào trận được. Và lại những vùng đất mới chinh phục, quân chiếm đóng như ngồi trên đống lửa, bởi phải lo đối phó với đông đảo người dân không cam tâm làm nô lệ. Hơn nữa cuộc giao đấu giữa hai anh em nhà Hốt-tát-liệt diễn ra khốc liệt trong bảy

nhiều năm cũng có nghĩa người Mông Cổ tự làm yếu sinh lực của họ đi nhiều lắm.

Lại nữa lính Mông Cổ không phải là thiên binh, ngựa Mông Cổ không phải là thiên mã, chúng có rành rành khi chúng vào xâm lấn cõi bờ ta năm Đinh Tỵ thời cả lĩnh chiến, ngựa chiến Mông Cổ đều bị quân ta giết chết khá nhiều, cuối cùng chúng phải bỏ lại tất cả của cải cướp được mà tháo chạy. Và cũng chính năm đó, Hung Đạo vương với số quân ít hơn nhiều đã phục đánh khiến quân Mông Cổ phải táng đờm kinh hồn. Còn như đối trận với đệ nhất danh tướng Mông Cổ là Ngột-lương-hợp-thai trong trận Bình Lệ Nguyên thượng hoàng cầm quân xông pha cản giặc gần một ngày trời chúng mới qua được sông. Và khi chúng kéo đại binh về chiếm đóng Thăng Long vừa được đúng bảy ngày thì thượng hoàng đem sáu quân tiến đánh, giặc thua phải bỏ kinh thành mà chạy trốn. Như vậy rõ ràng là quân Mông Cổ không phải là một thứ quân không thể đánh bại. Tướng Mông Cổ không phải là loại tướng không bại trận. Chung quy là người ta có dám đương đầu với nó hay mới chỉ nghe danh nó đã sợ cuống lên rồi tìm cách tháo chạy hoặc cắt đất cầu hòa và chịu công nạp của cải cho nó như vua tôi nhà Tống. Và như hoàng thượng nói, ta đánh với Mông Cổ khác nào châu chấu đá xe. Nhìn bề ngoài thì quả thật là như vậy. Là tướng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng. Tướng quân hạ giọng rồi lui về chỗ.

Quan đại hành khiển thượng thư tả phụ Nguyễn Giới Huân xuất ban xin nói:

- Tâu bệ hạ, thưa các đồng liêu, nghe quan tướng quốc thái úy và quan ngự sử đại phu nói thì ta có thể đánh, và cũng có thể thắng quân Mông Cổ, miễn là ta gan góc, dám đánh.

Đúng vậy, nếu không đánh giặc ắt mất nước. Nước mất nhà tan. Đó không chỉ là nỗi đau mà còn là nỗi nhục nữa. Tuy nhiên, thần thấy sức mạnh của nhà Đại Nguyên thì không thể coi thường được, bởi nó còn cộng thêm cả sức mạnh của Trung Hoa vào đó nữa. Vì nghĩa lớn mà xả thân cứu nước, tâm thần này đâu có mất đi cũng chẳng sợ gì, thể nhưng còn sinh mệnh của muôn dân, còn tông miếu xã tắc thì sao? Xin bệ hạ cứ bình tâm, ta còn đủ thì giờ cứu xét.

Nghe Nguyễn Giới Huân nói vua Thánh tông không khỏi giật mình. Đúng là bỏ một tấm thân ta thì có chi đáng kể, nhưng còn tông miếu, xã tắc và sinh linh trăm họ. Nếu đánh mà không thắng ắt nó sẽ hủy hoại tông miếu, đó là điều ta lo ngại nhất. Lại nữa sinh linh trăm họ bị giặc tàn sát đó cũng là điều làm ta lo lắng nhất. Nghĩ vậy vua bèn hỏi thông thị đại phu Trần Phụng Công:

- Mấy năm trước, khanh sang sứ nhà Nguyên khanh thấy tận mắt thực lực của họ, liệu có đáng ngại lắm không?

Trần Phụng Công liền xuất ban:

- Tâu bệ hạ, hồi đó thần sang nước Nguyên nhưng thực ra nó là nước Đại Lý, chính là tinh Vân Nam của người Tàu do quân Mông Cổ chiếm được, Hốt-tát-liệt cho em trai mình làm Vân Nam vương ở đó. Cái nước Vân Nam ấy chưa có gì để nói lên thực lực của nhà Nguyên. Nhà Nguyên bây giờ nó mạnh đúng như tướng quốc thái úy vừa tâu báo với bệ hạ.

Tâu bệ hạ, về nhà Đại Nguyên và cả quân Nguyên, thần rất tâm đắc với lời tâu của ngự sử đại phu lão tướng Lê Tần, rằng nó chỉ quá mạnh khi đối thủ của nó chưa giao đầu đã sợ nó. Thần cho rằng có mấy việc nước ta phải cấp kỳ làm ngay:

- Một là chuyển dần các đầu mối ngoại gián từ khu vực người Tống sang khu vực người Nguyên. Bởi sự tồn tại của nhà Tống chỉ là ngày một ngày hai.

- Hai là như bệ hạ đã dụ, phải cấp kỳ lo việc vũ bị.

- Ba là phải làm cho mỗi người dân thấu hiểu nhẽ mất còn của nước, để họ có trách phận giữ nước. Khi mà cả nước đã muôn người như một, đồng tâm nhất trí thời đó là sức mạnh giữ nước không một thứ vũ khí nào có thể đánh bại được.

Nhập nội phán đại, đại tông chính Nhân Túc vương Trần Toàn xuất ban xin nói:

- Tâu bệ hạ, thần được bệ hạ sai coi phủ tông chính, thần chỉ xin nói gọn một điều. Một khi nước đã vào tay giặc, không khi nào chúng để cho tông miếu của nhà vua được yên ổn. Một khi nước đã vào tay giặc thì sinh linh trăm họ cũng nằm trong tay giặc, bệ hạ làm sao mà cứu được.

Vậy nên chỉ có giữ được nước thì mới giữ được tông miếu, mới có thể bảo vệ được sinh linh trăm họ.

Công bộ thị lang, trạng nguyên Nguyễn Hiền xuất ban xin nói:

- Tâu bệ hạ, việc vũ bị như bệ hạ dụ bảo, gồm có quân lính và vũ khí. Thần vâng mệnh đã cải biến xong nô liên châu, lại cũng vừa chế tác xong loại song sáo pháo, đang cho quân dùng thử. Thần cũng đang lo xong bản vẽ để đưa vào chế tác thử loại ngũ sáo pháo. Tâu bệ hạ, đây là những loại khí giới lợi hại để chống giặc, giữ nước, lũ thần sẽ đem hết sức lực và trí tuệ ra để phụng sự việc giữ gìn bờ cõi.

Nói xong, ông lui về chỗ. Nguyễn Hiền vốn ít nói. Ông chỉ nói những điều mình đã làm, còn những gì đang ấp ủ có biết chắc sẽ đạt thành tựu ông mới nói.

Tướng Lê Tần lại xin nói:

- Tâu bệ hạ, để hưng thế quân, thế nước, nhằm kinh chống giặc dữ triều đình cần nhiều tài năng lớn. Chỉ có tài năng và sức trẻ cùng với lòng yêu nước cháy bỏng mới đảm đương được việc lớn. Nay thần tuổi đã cao, tài và sức đều cạn, xin bệ hạ hãy lấy chức thủy quân đại tướng của thần trao cho người khác. Nhân đây thần xin nói giặc đánh ta, thế nào chúng cũng dùng quân thủy phối với quân kỵ. Chắc chắn người Mông Cổ sẽ lấy quân thủy từ đám quân phương nam của người Tống đã quy hàng. Vì vậy ta phải lập ngay một đạo quân thủy hùng mạnh ngay từ bây giờ kéo trẻ.

Các tướng như: Hưng Đạo vương (Trần Quốc Tuấn), Chiêu Quốc vương (Trần Ích Tắc), Tĩnh Quốc vương (Trần Quốc Khang), Nhân Huệ vương (Trần Khánh Dư) cùng nhiều tướng trẻ khác cần được trao cho trọng trách điều hành việc nước, việc quân, xin bệ hạ lưu tâm.

Vua rất cảm kích về lòng trung và cả sự cao thượng của bậc lão thần mà vua cha đã gọi là Lê Phụ Trần. Tức người họ Lê phù giúp họ Trần. Ngay như công cuộc kinh chống giặc Mông - Thát năm Đinh Tỵ, Lê Tần cũng rất mưu trí và cương dũng, vừa can giặc vừa che chắn tên đạn cho thượng hoàng. Nghĩ vậy, vua liền dụ rằng:

- Ngự sử đại phu là người tài lại có nhân cách cao thượng, nếu vì tuổi già sức yếu không đảm đương trọn vẹn được thì khanh làm việc khác. Giừng già càng cay, người già nhiều mưu, khanh có thể dự nghĩ cho nước được nhiều việc lớn, khanh khuyên ta nên tìm kiếm người tài, trong khi chính khanh cũng là người tài đức mà đất nước đang cần, sao ta có thể để khanh hời hợt được. Và lại khanh đâu phải

người ưa hưởng nhân.

Nhìn khắp lượt các triều quan, vua Thánh tông lại nói:

- Nhân đây ta bỏ cáo một việc trọng đại mà triều ta mới làm được. Ấy là cách đây hơn mười năm, thượng hoàng có giao cho Quốc sử viện soạn bộ quốc sử. Hàn lâm viện học sĩ, giám tu quốc sử Lê Văn Hưu vâng soạn, nay đã xong. Lê Văn Hưu vừa có biểu dâng sách. Đây là bộ quốc sử đầu tiên của nước ta. Để thượng hoàng nhả giám xong, ta sẽ cho nhân bản phát về cho các bộ, các khoa, các đô, đài, sảnh, viện đọc, ngõ hầu có điều gì cần bổ cứu vẫn còn kịp. Và từ nay trong các kỳ thi đại khoa, môn lịch sử sẽ lấy căn cứ từ bộ sử này mà ra đề.

Lại nhìn các quan, vua nói tiếp:

- Từ nay ta mới thật sự yên tâm, bởi một nước văn hiến mà quốc sử không được ghi chép rõ ràng là điều không thể chấp nhận được. Tuy nhiên, có điều này các khanh thử suy ngẫm xem. Bộ sử ký này Lê Văn Hưu soạn khởi từ Triệu Vũ đế kết ở Lý Chiêu Hoàng. Kết ở đây thì đúng rồi. Nhưng mở từ nhà Triệu, ta nghĩ hơi sai. Vì rằng cuối nhà Tần các hào hán nổi lên tranh thiên hạ. Triệu Đà người Phúc

Kiến nên tranh mấy tỉnh phía nam sông Trường Giang, ông ta sai quân kiêm tính nhà nước Âu Lạc, đô đóng tại Phiên Ngung ^[105], nay đền thờ ông ta vẫn ở Phiên Ngung. Xưa người Trung Hoa gọi các dân tộc phía nam sông Trường Giang là Bách Việt. Ví như tộc Việt ở Triết Giang, tộc Mân Việt ở Phúc Kiến, tộc Dương Việt ở Giang Tây, tộc Nam Việt ở Quảng Đông. Còn như Âu Việt với Lạc Việt chính là nước ta hiện nay. Nhưng trong lịch sử chưa bao giờ Âu Việt, Lạc Việt thuộc về Trung Hoa mà chỉ do họ cậy sức chiếm lấy rồi nhận xằng làm đất của họ. Vậy việc này theo ta phải xem lại, nếu không xét cho thấu đáo sẽ để di họa và cả di hận cho con cháu mai này.

Nhà vua tỏ vẻ hài lòng, nhìn các quan giục:

- Các khanh bàn tiếp cho ra nhẽ để triều đình có quốc sách lâu dài cho thế nước. Nếu không muốn sống quỳ, không chịu khuất phục ngoại bang, thì phải có sức mạnh mới chống lại được nó, mới giữ được giang sơn nòi giống.

Vua Thánh tông vừa dứt lời, tướng quân Trần Hưng Đạo liền xuất ban. Hưng Đạo năm nay trạc ngoài bốn mươi tuổi. Ông có gương mặt chữ điền, cặp mắt sáng, lông mi dài, rậm tam đình ngũ nhạc cân đối, phong thái điềm đạm, uy nghi. Dáng người to, cao, tay dài. Ông bước đi khoan thai tựa như ông vừa đi vừa nghĩ một điều gì đó. Vương dưng bước trước bực án thư vãi nhà vua hai vãi, quay lại vãi các đồng liêu một vãi rồi nói:

- Tâu bệ hạ, các quan nói đã cạn nhẽ, xin bệ hạ thân lấy những điều ích lợi nhất ban thành chính lệnh, thân chỉ xin tâu báo đôi điều mà thân đã suy nghiệm. Tâu, nhà Đại Nguyên một khi nó đã tóm thân xong toàn xứ Trung Hoa, chỉ cần nó chấn chỉnh sự cai trị một vài năm thời nó có sức mạnh ngang trời đất, đúng như tướng quốc thái úy dự liệu. Tâu, nó có sức mạnh là một việc, nhưng nó có nuốt trôi được thiên hạ hay không lại là một việc khác. Nếu thiên hạ sợ nó, chỉ chờ nó đến đề dâng thành nộp đất thì đầu cả nghìn thiên hạ nó cũng nuốt chửng hết. Nhưng nếu thiên hạ gan góc chống lại nó thì hồ ếch nó đã làm gì nổi. Ví như năm Kỷ Mùi (1259) Đại Hãn Mông-kha đem tới mấy vạn quân đánh Hợp Châu (Tứ Xuyên) vây chặt thành Điếu Ngư. Một tòa thành nhỏ do tướng Vương Công Kiên trấn giữ. Thế mà quân Mông Cổ vây hãm tới sáu tháng không hạ nổi, cho tới tháng tám năm ấy Mông-kha trúng đạn tử trận, quân Mông Cổ phải bỏ thành tháo chạy.

Một tòa thành nhỏ bằng cái đất đã cắm chân hàng vạn quân Mông Cổ quá nửa năm trời, lại còn giết được cả Mông-kha Đại Hãn tức là vua nước giặc. Thử hỏi, nếu Trung Hoa thành nào cũng là thành Điều Ngự, tướng nào cũng là Vương Công Kiên thì vua tôi đâu có bị dồn đuổi nhục nhã như ngày nay.

Tâu bệ hạ, lo việc vũ bị trước hết nên lo việc dạy tướng, dạy quân có ý chí kiên cường kháng giặc mà thành Điều Ngự và Vương Công Kiên chính là tấm gương sáng để ta noi. Tuy nhiên bệ hạ nên có kế sách để người dân ít nhiều đều có sản nghiệp, kịp khi giặc đến người ta có cái để mất thì người ta mới đem sinh mệnh ra để cố giữ. Một khi người ta không có gì để mất thì người ta cũng chẳng biết mình phải giữ cái gì. Khi người dân có chút sản nghiệp rồi, ta sẽ dạy dân lòng yêu nước, lòng dũng cảm, giữ nước cũng tức là giữ nhà vậy.

Nghe Hưng Đạo vương nói, nhiều người tỏ vẻ tâm đắc. Đó là cái gốc để giữ nước, nhưng khó thay, lấy đất đai đâu chia cho những người vô điền sản.

Vua Thánh tông cảm thấy nơi Hưng Đạo có nhiều chủ kiến làm hưng thế nước, nhà vua rất hài lòng. Ngài nói:

- Hưng Đạo quả là bậc đại trí, triều đình sẽ xem xét các điều bàn thảo hữu ích hôm nay để biến thành quốc sách giữ nước.

XIV

Hoàng tử Trần Khảm là con trưởng của vua Thánh tông tính nết nhu hòa hiếu thiện, là người có tư chất thông tuệ và linh giác nhạy bén khác thường, mới mười sáu tuổi đã học thông tam giáo, nhưng thiên hướng về Phật đạo ngày càng rõ rệt. Hoàng tử thường mời các bậc túc thiên để tham cứu về giáo lý Phật. Trong số các bậc thiên giả có nhẽ hoàng tử coi Tuệ Trung thượng sĩ là bậc thầy gần gũi nhất. Bởi nhẽ Thượng sĩ giảng giải vừa hợp với cái lý của đạo nhưng lại không xa rời cái lý thế gian.

Trong đại nội có ngôi chùa Tư Phúc lập ra để hoàng gia tiện lễ Phật và tham vấn vị thiên sư trụ trì tại đó. Hoàng tử Trần Khảm thường vấn đạo với thiên sư bản tự. Một hôm chợt hỏi sư:

- Làm thế nào để giải thoát?

Sư đáp:

- Muốn giải thoát thì đừng chấp thân, đừng chấp tâm, đừng chấp cảnh. Thân, tâm, cảnh đều không chấp thời chúng không có chỗ bám trụ thì dứt được tham, sân, si. Khi đã dứt được tham, sân, si ắt chứng đạo quả.

Thái tử lại hỏi:

- Thiên sư dạy đừng chấp vào cái gì hết, đó là cái lý của đạo, nhưng cái khó là ở chỗ làm thế nào để đừng chấp, tức là cái dụng của đạo, xin thầy chỉ cho đệ tử.

Nghe hoàng tử hỏi, thiên sư giạt mình tự nghĩ: “Người này có trí vô sư nên đã hiểu tới sự rốt ráo của đạo”. Đoạn sư nói:

- Hoàng tử nên lấy cái trí ra mà soi xét, khi người đã thông cái lý của đạo thì mọi việc đều trở nên đơn giản.

Ngẫm nghĩ giây lâu, thái tử gật đầu đáp:

- Bạch thầy, đệ tử hiểu.

Bữa nọ vua cha cho triệu Trần Khảm vào cung dụ rằng:

- Năm nay con đã tròn mười sáu tuổi, cha đã để ý xem xét từ học vấn đến đạo đức thấy con là người hiếu thiện, ái nhân, ái vật đức ấy sau này sẽ có thể bao trùm được thiên hạ, vậy cha lập con làm hoàng thái tử để truyền ngôi.

Nghe vua cha nói, một nét buồn thoáng hiện trên gương mặt non tơ của chàng hoàng tử. Trần Khảm vội quỳ lạy:

- Con cảm tạ phụ hoàng đã ban trọng ân.

- Ta muốn biết ý con thế nào?

- Tâu phụ vương, nếu phụ vương đã hỏi, cho phép con được tâu thực điều con nghĩ.

Vua Thánh tông mỉm cười độ lượng.

- Con nói đi. Nghĩ sao nói vậy, cha không bắt lỗi đầu mà sợ.

- Tâu phụ vương, xin phụ vương mở lòng, ý con đã muốn xuất gia nhưng chưa có dịp tâu lên. Nay con xin phụ hoàng để ngôi thái tử và cả ngôi nước cho em con.

Nghe con nói với vẻ chân thực, nhà vua thấy lòng se lại, giọng nghẹn ngào, vua dụ:

- Trong số các anh em con, ta chỉ thấy con là hơn cả nên có ý lập. Con nên biết đây là trọng trách quốc gia đặt lên vai con, buộc con phải gánh vác chứ không phải chuyện muốn hoặc không muốn. Ngôi nước trước hết phải vì nước, sau đó mới vì nhà, vì mình được. Cha chắc con hiểu ý cha.

Hoàng tử rom rớm nước mắt phục lạy:

- Con xin tuân mệnh của phụ hoàng.

Vua cha lại nhắc bảo:

- Con đã đến tuổi lập phi. Triều thần dâng sớ xin lập trường nữ của Hung Đạo vương, ta cho là thuận. Việc đó coi như xong, ta sẽ sai người đứng ra làm mai làm mối cho có đầu có đuôi. Còn về lập con vào ngôi hoàng thái tử, ngày mai thiết triều cha sẽ tuyên chiếu trước bá quan.

Từ khi vua cha dụ bảo hai việc lập phi và giữ ngôi hoàng thái tử để kế vị, Trần Khâm thấy lòng trĩu nặng, chàng cảm như vừa bị mất mát một cái gì quý lắm, lớn lắm. Chàng suy nghĩ rất mong lung. Đúng là không thể trái ý vua cha. Làm con mà trái lời nghiêm huấn tức là con bất hiếu.

Chàng tự nhủ: “Thế nhưng lòng ta đã hướng về đạo. Chi bằng noi gương thái tử Tất Đạt Đa, nếu thành đạo quả không chỉ giải thoát cho riêng ta mà còn giúp nhà, giúp nước, cao hơn nữa như ngài Tất Đạt Đa khi chứng đắc đạo quả đã trở thành Phật tổ Thích Ca Mâu Ni không chỉ cứu độ cho hoàng gia, hoàng tộc, cứu độ cho đất nước mà còn cứu độ cho cả thế gian. Vậy thì ta có mắc lỗi hiếu nhỏ, nhưng ta đã đạt được điều hiếu lớn”. Nghĩ vậy, thái tử liền thu xếp cho việc hành động. Cân nhắc mãi cho việc ra đi nên như thế nào cho kín nhẹm, chẳng lại giống như thái thượng hoàng (Trần Thái tông) khi ra đi đem theo cả người hầu hạ thân tín, nên hình tích dễ bị lộ.

Trong tâm trí hoàng tử Trần Khâm luôn hướng về ngọn núi thiêng Yên Tử, ở đó đang có các bậc thánh tăng trụ trì. Đó cũng là cõi giới thanh tịnh cách biệt với bụi bặm thế gian. Với lòng mộ đạo chân thành, hoàng tử trốn khỏi hoàng cung vào lúc trăng xế giữa một đêm hè vắng lặng. Hoàng tử ra đi một mình không hành lý, không người hầu cận, trong túi không có một đồng tiền nào, chàng chỉ nhắm hướng đông trực chỉ. Bởi đôi ba phen đã dò hỏi bá phụ Tuệ Trung về các bậc cao tăng trên Yên Tử sơn và cả đường đi lối lại. Hoàng tử thay lột áo quần trước khi ra khỏi cung cấm. Chàng mặc trên người bộ đồ nâu sồng, đầu đội chiếc nón cúp vành để che mặt, đi mãi miết suốt ngày quên cả đói, chỉ nghĩ đến ngọn núi cao vút, rừng rậm bạt ngàn, quanh năm mây trắng phủ đầy và mơ ước được diện kiến bậc

thánh tăng và được ngài thọ nhận làm đệ tử đệ tu học. Đối thi cố nhữn chứ không dám xin ăn, còn khát thì mỗi khi qua suối dùng hai bàn tay vốc lên uống tạm, qua sông qua đò thì xin được bố thí. Thấy người đàn ông mặt mũi sáng sủa nên các lái đò đều vui vẻ chứ chẳng ai nỡ nặng lời với cậu bé nom như một chàng hoàng tử.

Sang đêm thứ hai hoàng tử đã thấm mệt, dù là trong tuổi mười sáu non tơ, nhưng được nuôi dưỡng trong cung vàng điện ngọc, kẻ hầu người hạ, chưa kịp đói đã có người ép phải ăn, chưa khát đã có người tiến dâng đồ uống thơm tho, nay phải nhịn đói trong suốt một ngày đêm lại dầu dãi đường trường, chừng quá nửa đêm chàng thấy nhấp nhô mấy ngọn tháp, chắc đó là một ngôi chùa, đầu óc chàng vẫn hướng về núi thiêng Yên Tử, nhưng đôi chân lại dẫn chàng tới tận chân tháp mộ. Mọi chân quá chàng ngồi nghỉ dưới chân tháp và thiếp ngủ lúc nào không biết. Trong lúc ngủ say hoàng tử mơ thấy từ nơi rón mình mọc lên một đóa sen vàng rực rỡ, bông sen càng lúc càng lớn như một bánh xe, chợt bùng nổ, trên bông sen có đức Phật vàng đang ngự.

Cạnh đức Phật có người chỉ vào hoàng tử hỏi: “Biết đức Phật này chăng? Đức Phật Biến Chiếu đấy”.

Sau khóa lễ buổi sáng, sư trụ trì thường đi dạo quanh vườn chùa xem cây trái có gì cần phải chăm bón, tưới xén hoặc trừ hái. Khi sư dạo về phía vườn tháp nhận thấy một thiếu niên đang ngủ say, bên cạnh là chiếc nón lá. Mặt trời đã lên chiếu những tia nắng sớm chênh chênh xuyên qua lớp sương trắng mỏng nhẹ như khói. Nom gương mặt khôi ngô tuấn tú của thiếu niên biết đây không phải người thường. Sư chợt nhớ lúc nửa đêm trong giấc ngủ nghe như có thiên sứ đến gọi: “Có đức Phật hoàng ghé thăm bản tự”. Cũng trong mơ, sư tự nhủ: “Chắc ta mới đọc sự tích mấy vị vua Phật nên mơ vậy”. Rồi lại ngủ tiếp. Nhìn mãi dáng mạo thiếu niên đang ngủ, sư tự hỏi: “Chẳng lẽ đây là vị khách thiên sứ mách bảo ta chăng?”. Nhìn ngắm mãi dung nhan người khách lạ, sư thấy lòng rung động bèn tự nhủ: “Nước ta quả chưa có Phật hoàng. Nhưng vị này thì không phải. Đây là một thiếu niên. Các đấng chần dân đều đã luống tuổi và cũng không có vị nào xuất gia”. Ngần ngừng giây lát nhà sư bèn cúi xuống đánh thức:

- Quý khách! Quý khách!

Thiếu niên mở bừng mắt thấy trước mình là một nhà sư đã luống tuổi và xung quanh là vườn mộ tháp, chàng bèn đứng dậy vái:

- Kính bạch lão tăng, tôi là khách lỡ độ đường, đêm hôm không dám kinh động cửa sài, trộm ngủ nơi vườn tháp, xin đại sư tha tội đường đột.

Sư vội xua tay:

- Ô không! Cửa tam bảo lúc nào cũng rộng mở đón khách thập phương, xin quý khách chớ ngại. Lão tăng tôi xin có lời mời quý khách vào nhà phương trượng.

Lúc này ở Thăng Long hoàng gia đang bối rối không biết hoàng thái tử bỏ đi đâu. Vua Thánh tôn hết sức đau lòng. Ngài không ngờ Trần Khảm vốn là người bản tính nhu hòa, hiếu thuận, đột nhiên lại bỏ hoàng cung đi không tàu báo, không duyên cớ. Lạ thay! Nhà vua sai đòi Nguyên thánh Thiên Cảm hoàng hậu vào hỏi:

- Hậu có biết hoàng thái tử đi đâu không? Thế này thì hoàng gia đến loạn mất.

Hoàng hậu nước mắt tuôn rơi và sụp lạy:

- Thần thiếp quả không biết hoàng thái tử đi đâu, nhưng thiếp có lỗi, con hư tại mẹ, xin hoàng thượng trị tội thiếp.

- Sao hậu lại nói như vậy. Ta không bảo con hư. Phải nói Khảm là một đứa con có hiếu. Nhưng nó đã xin với ta nhường ngôi thái tử cho em nó và xin được xuất gia. Nhà vua thờ dài buồn bã.

- Tâu hoàng thượng, thế thì đúng rồi, đôi ba phen Khảm cũng ngỡ ý muốn lên Yên Tử sớm để cầu học các vị thánh tăng. Thiếp có khuyên: “Con muốn đi đâu phải xin phép phụ hoàng”. Coi chừng lần này có khi Khảm lên thẳng Yên Tử, sao bệ hạ không cho quân đi đón con về.

- Được! Được! Để ta sai mấy ông sư phó đi đón Khảm. Đúng như hậu nói, Khảm chỉ tìm đường về Yên Tử tâm sư học đạo. Khảm vừa có lòng khoan dung đức độ, vừa thông tuệ sáng láng, lại vừa là trưởng tử nên ta muốn truyền ngôi nước cho nó chứ nhường cho đứa khác thì có khó gì. Vả lại giữ ngôi nước là giữ giang sơn nòi giống, việc thiêng liêng trọng đại như vậy không thể trao cho bất kỳ ai cũng được.

Chiều hôm sau thì hoàng thái tử Trần Khảm đã về lại Thăng Long. Nhà sư vẫn còn muốn lưu thái tử lại chùa đàm đạo, nhưng cũng vừa lúc quan quân và mấy vị sư phó tìm đến. Tình thế buộc thái tử phải về kinh.

Qua mấy ngày dãi gió dầm sương, ăn uống thất thường, thái tử gầy sọp hẳn đi.

Nghe nói hoàng tử đã về cung, hoàng thượng và cả hoàng hậu cùng ghé Đông cung thăm con.

Vừa thấy cha mẹ, hoàng tử đã vội quỳ thưa:

- Con thật bất hiếu để phụ hoàng và mẫu hậu phải nhọc lòng, con xin được nhận tội đánh trượng. Nói xong, thái tử nằm phục xuống thêm điện.

Nhìn mặt mày con hốc hác, hoàng hậu bung mặt khóc. Nhà vua nâng con dậy và nói:

- Con muốn xuất gia, ấy là đại hạnh cho hoàng gia, cha sao bắt tội con được. Nhưng cha hỏi, sao dạo này con gầy yếu thế, hay trong lòng con có điều gì bất an.

Thái tử vái lạy vua cha và thú nhận:

- Phụ hoàng tha tội cho con, con không có gì bất như ý cả, con cũng không ốm đau bệnh tật, chỉ vì bấy lâu nay con ăn chay trường nên người có hao đi chút ít, nhưng thân thể vẫn mạnh khỏe.

Nghe con nói, vua Thánh tông ứa nước mắt nói:

- Cha già rồi, mọi việc đều trông cậy nơi con. Nay con định bỏ ta, bỏ cả xã tắc để mong cầu giải thoát cho bản thân mình. Con nghĩ thế không sai, nhưng đó mới chỉ là sự tiêu giải thoát. Sao bằng con cầm cương chính, lo cho trăm họ đủ đầy hiếu thiện thời đó mới là đại giải thoát. Chỉ người đại giác ngộ mới dám quên thân vì nghĩa lớn như vậy.

Hoàng thái tử như vừa ngộ ra, chàng phục dậy:

- Con xin tuân lời dạy của phụ hoàng, từ nay con dốc lòng tu chính.
- Vậy thì cha yên tâm. Nhà vua vừa nói vừa kéo hoàng tử đứng dậy.

Từ bữa ấy, hoàng tử chăm đọc cuốn *Di hậu lục* của vua cha. Chàng cũng nhờ các ông sư phó giảng kỹ kinh Xuân Thu và sách của thầy Mạnh Tử. Vì Mạnh Tử bàn về sự trị loạn xã hội rõ hơn Khổng Tử. Khổng Tử thiên về lễ, Mạnh Tử thiên về luật. Bản thân chàng tự tìm đọc và nghiền ngẫm binh thư của các nhà, lại sai người về Vạn Kiếp xin bá phụ Hưng Đạo vương sách *Binh thư yếu lược*. Lại nữa hoàng tử cũng chuyên tâm trong việc luyện rèn võ nghệ.

Thấy con chăm chỉ tìm hiểu các việc về trị bình cũng như chuyên tâm xem xét về binh pháp, vua Thánh tông mừng lắm. Nhà vua càng hối thúc các ông sư phó chỉ dẫn cho hoàng thái tử đến chỗ rốt ráo của học thuật.

Ngoại gián của ta từ đất Nguyên (Trung Hoa) đưa tin về sự diệt vong của nhà nam Tống đã cận kề. Và quân Nguyên cũng đang đưa đại quân qua đánh Nhật Bản. Như vậy cũng có nghĩa là người Mông Cổ đã tổ chức được quân thủy khá mạnh. Vì nếu quân thủy không mạnh sao có thể dám vượt biển khơi mà vào Nhật Bản.

Giữa lúc đó nhà Nguyên lại sai sứ sang hối thúc Đại Việt phải đưa cống vật và nhắc lại sáu việc nước Nguyên đòi hỏi.

Vua Trần Thánh tông sau khi bàn bạc với một số các triều quan, nhà vua cân nhắc và viết biểu phúc đáp:

“... Hơn mười năm nay, tuy ba năm cống vật một lần, nhưng sai phái sứ thần đi về mệt mỏi, chưa hề được nghỉ ngơi lấy một ngày. Còn như Đạt-lỗ-hoa-xích thiên triều sai đến đất nước chúng tôi sao có thể về không, phương chi những kẻ sai đến thường cậy thế chèn ép nước nhỏ... Và lại Đạt-lỗ-hoa-xích chỉ nên đặt ở vùng man di ngoài biên giới, còn tôi đã được phong vương, làm phen dậu một phương mà còn đặt Đạt-lỗ-hoa-xích để giám sát, há không sợ các nước chư hầu cười cho hay sao... Tất cả các quan lại thiên triều sai đến xin đòi làm dẫn dẫn sứ để tránh được cái tề Đạt-lỗ-hoa-xích. Và từ nay cứ một lần nộp cống ở Trung Nguyên, một lần nộp cống ở Thiệp Xiển [\[106\]](#)”.

Nhà vua tự biết các điều không theo này sẽ làm cho Nguyên chúa nổi giận. Nhưng nếu theo như việc cống voi, cống người thì được dâng chân chúng sẽ lân đặng đầu, nay đòi được một thì mai nó sẽ đòi mười, dân sẽ khổ về việc tìm kiếm vật cống hằng năm. Còn như sáu điều kia, chỉ cần chấp nhận một trong sáu điều ấy là nước không còn giữ được thể nhân chủ nữa. Kẻ kia như lũ chó sói đói mồi, nếu cho chúng ăn thì không biết bao nhiêu là đủ.

Không chịu cống nạp đầy đủ, không chịu vào châu, không chịu nộp tô, thuế, không chịu nộp quân tài lương... ắt ta phải chấp nhận đổi đầu với lũ giặc hung hãn này thôi. Không chịu sống quy, sống nhục tức là không chịu khuất phục thì phải đổi đầu. Xem ra từ quan đến dân trong nước ai ai cũng có lòng liêm sỉ, tự trọng muốn giữ nhà, giữ nước và đều căm giận vua tôi nhà Nguyên kiêu ngạo tự phụ, điều trá toan lấy thịt đè người. Tuy vậy, muốn giữ được nước, giữ được lòng tự tôn, tức là giữ được phẩm giá của giống nòi với kẻ thù vừa hung hãn xảo quyệt vừa có sức mạnh khổng lồ kia là một việc muôn khó.

Nhà vua tuy tin vào quần thần, tin vào trăm họ nhưng vẫn bản khoản trước sức mạnh của kẻ thù. Quả là ngài không sợ chết,

nhưng chỉ lo không bảo vệ được muôn dân khi giặc ào ạt tràn vào bờ cõi. Để cho giặc tàn sát sinh linh, lòng vua sao nổi. Và lại đó còn là trách phạt của kẻ chăn dân. Không thể để giặc tàn sát dân mình, rồi bảo đó là tội ác của giặc chứ không phải lỗi ở vua. Cũng như dân chết đói thì bảo đó là do trời làm mất mùa chứ đâu phải lỗi ở vua.

Nhà vua tự nhủ, ta đâu là kẻ vô minh, kẻ vô liêm sỉ mà có thể giữ bỏ trách phận người cầm cương chính của cả nước được.

Tướng quốc thái úy Quang Khải vào cung tâu báo việc cơ mật.

Vua hỏi:

- Ta nghe nói quân Tống thua to, quân Nguyên càng hung hãn, em có tin tức gì mới không?

- Em vừa nhận mật thư do ngoại gián gửi về, rằng thành Tương Dương, sau sáu năm dai dẳng kháng cự với quân Mông Cổ mới bị thất thủ năm Quý Dậu (1273) vì triều đình bỏ mặc không tiếp viện quân lương. Năm Giáp Tuất (1274) Hốt-tát-liệt đưa binh thuyền sang đánh Nhật Bản, chưa có tin tức gì thêm. Nhưng chắc là khó vào được, vì nước Nhật với hàng nghìn hòn đảo được phòng thủ vững chắc, mà người Mông Cổ chỉ quen cưỡi ngựa, trông thấy nước đã sợ rồi còn đánh chắc gì, với đám quân người Hán (miền bắc) và quân tân phụ (miền nam) đang như gà phải cáo, hơn nữa họ cũng chẳng có thiện cảm với quân chiếm đóng. Hiện nay quân Mông Cổ đang ào ạt vượt sông Trường Giang nhằm tiêu diệt nhà nam Tống. Năm Ất Hợi này, mới đầu năm tên thừa tướng Giả Tự Đạo hèn nhát trong tay nắm mười ba vạn quân để giữ Vu Hồ, giặc chưa đến đã bỏ chạy khiến toàn bộ số quân của y bị quân Mông Cổ đánh cho tan tác. Nguyên Thế tổ (Hốt-tát-liệt) còn cử tả thừa tướng Bá Nhan thống suất hai mươi vạn quân chia làm hai đường: đường phía tây đánh vào Ngạc Châu, đường phía đông đánh vào Dương Châu.

Chẳng bao lâu nữa quân Nguyên sẽ chiếm xong Hợp Châu, Ngạc Châu, Đàm Châu, Dương Châu và như vậy Lâm An ba bề thụ địch, chỉ còn mặt nam là biển cả thôi.

Tổng Độ tông vừa ốm chết, Giả Tự Đạo lập một đứa bé bốn tuổi lên ngôi, bà thái hậu vừa khóc vừa viết chiếu cần vương.

Tướng quốc ngừng lời nhìn nhà vua giấy lát, lại nói:

- Vương huynh, em còn được tin hiện nay hưởng ứng chiếu cần vương, giới sĩ phu Trung Hoa đang hô hào dân chúng lập thành những đội quân cứu nước. Lực lượng này đang chống trả quân Mông Cổ khá mạnh, còn quân triều đình dưới sự khống chế của Giả Tự Đạo không dám kháng cự, chỉ lăm le đầu hàng.

- Thế thì nhà Tống bị diệt vong đến nơi rồi. Tống bị diệt vong cũng có nghĩa là Đại Việt ta phải trực diện đối đầu với quân Nguyên.

- Vâng đúng như vậy, em định xin hoàng huynh chỉ dụ, vì thấy tình thế căng lắm, hôm nay bọn Đạt-lỗ-hoa-xích lại giục ta phải thực hiện sáu việc mà nhà Nguyên đòi hỏi. Em phải đem chiếu dụ năm Trung thống thứ tư của vua Nguyên gửi phụ hoàng năm Quý Hợi (1263) ra bác lại.

- Em làm thế là đúng. Chắc bọn này còn ép ta hơn nữa. Vì vậy em phải đốc thúc các vương hầu và các lộ gom quân thật nhiều, luyện tập cho tinh thông và lương thực phải tích chứa, phải cất giấu vào những nơi thuận cho ta mà khó cho giặc. Mặt khác phải cử

người sang thêm đất Nguyên để dò la. Ta nghe nói người Tống mới sang lánh nạn đông lắm phải không?

- Dạ, em mới cử một nhóm sang Long Châu giả làm người đi mua thuốc. Còn số người Tống sang xin lánh nạn thì mới đây có ba mươi chiếc thuyền lớn chở gần một vạn người gồm đủ cả nam phụ lão ấu cùng nhiều của cải đồ đạc cập cảng Vân Đồn. Hải binh đô tổng quân có tâu về xin cho họ được vào cư trú sâu trong nội địa, chứ không thể đuổi người ta về cũng như không thể cho họ trú chân ở ngoài ấy được. Em đã cho chạy ngựa trạm ra báo cho phép họ vào thẳng Thăng Long. Em định thông qua đám người này để lấy thêm tin tức cũng như lọc ra xem có kẻ nào làm gián điệp cho người Mông Cổ trà trộn vào dân chạy loạn.

- Em nên thu xếp cho họ an cư, thế bắt buộc dĩ họ mới phải ly hương. Ta nghe trong đám người tòng vong này có nhiều người trong giới quan lại quý tộc nhà Tống đang cố giấu mặt. Tuy nhiên xem trong đám họ kén lấy vài người mưu lược để đưa về lại Trung Nguyên làm ngoại gián cho ta. Tất yếu phải lấy những người cơ mưu, có lòng căm giận kẻ đã cướp nước họ và họ đang có người thân được ta cứu mang. Việc này phải thận trọng lắm, kéo lại dùng nhằm phải gián điệp của Mông Cổ thì sự nguy hại không biết đâu mà lường. Ta định sang xuân sai Lê Khắc Phục, Lê Túy Kim sang sứ nước Nguyên, em sai lo đồ cống và căn dặn trước hai viên chánh phó sứ những điều cần thăm dò. Được, biểu trần tình với vua Nguyên ta tự thảo. Ta chắc việc bang giao từ nay sẽ ngày một cam go. Em phải gấp rút mọi việc ngay từ bây giờ kéo khi giặc vào cõi trở tay không kịp. Còn điều gì cần nói, em cứ nói hết đi.

Sau một lát ngập ngừng, Trần Quang Khải nói:

- Em rất phân vân nhưng không thể không tâu báo để vương huynh với trọng trách là bậc quân trưởng, thử cân nhắc. Ấy là việc ắp Vạn Kiếp, anh Quốc Tuấn chiêu binh lớn lắm. Xây dựng nhiều chủng quân, nhưng quân thủy là mạnh nhất. Hiện nay Quốc Tuấn có trong tay đội quân gần bằng hai phần ba số quân của triều đình, lại đang ra sức chiêu mộ hiền tài, liệu các việc làm ấy có ngầm chứa mưu đồ khuynh đảo xã tắc?

Trầm ngâm suy tính một lát, nhà vua đáp:

- Hiện ta chưa có bằng cứ gì về việc Hưng Đạo chia lòng. Trong lúc giặc ngoài đang đe dọa mà anh em nghi kỵ nhau thì làm sao có thể cố kết được toàn dân. Ta nhớ trước đây cũng đã có người nói cái ý đó đến tai thượng hoàng, người có hỏi ta rồi người lại dạy: “Phải quên ngay các điều dị nghị ấy đi. Biết đâu chẳng phải là kế của giặc. Và chẳng Quốc Tuấn chiêu mộ quân sĩ, huấn hồ tinh thông, chẳng phải là Quốc Tuấn đã làm theo chiếu dụ triều đình đã ban sao”. Cho nên việc này em chỉ nên để mắt thôi chớ nên để tâm. Cứ xem các việc Quốc Tuấn hành xử, dù biết huynh ấy là bậc trượng phu, bậc chính nhân quân tử chứ không phải là tiểu nhân ngầm chứa mưu gian.

- Nếu thượng hoàng và huynh trưởng đã dạy thế, em yên tâm. - Quang Khải nói xong xin cáo lui.

Lại nói thượng hoàng Trần Thái tông từ khi lui về Thiên Trường ngài thường lo việc tu tập và trí tác, còn việc triều chính ngài giao trọn cho con, thi thoảng ngài về Thăng Long hỏi han việc nước nhằm kiểm xét các việc Thánh tông làm có điều gì còn sơ khoáng thì ngài uốn nắn. Hoặc đôi khi có việc gì cần thượng hoàng chỉ giáo thì vua Thánh tông tự về Thiên Trường vừa thăm vua cha vừa xin ý chỉ.

Đạo này thượng hoàng đã về ở hẩn động Thái Vi. Tại đây ngài dựng một nếp chùa trước cửa động. Ngôi chùa nhỏ là nơi ngài vừa thờ Phật vừa tu tập. Hằng ngày thường vào chơi trong thôn ấp, thăm hỏi dân chúng và chỉ dẫn họ con đường làm ăn cũng như việc

cho con cái học hành chữ nghĩa. Tu tâm, dưỡng đức, việc hiếu, việc hý, việc thờ cúng tổ tiên nhất nhất nhà vua đều hướng dân chúng vào con đường giản dị, tuân thủ lễ nghi phong tục mà tránh sự cầu kỳ xa xỉ. Khuyến cáo họ nên bỏ việc thờ các tạp thần, tà thần, dâm thần mà chỉ nên theo về Phật. Thờ Phật và tu theo Phật chỉ dạy là con đường tâm linh tiến hóa, con đường thiện đức từ ái.

Nhà vua dạy dân bằng sự thân giáo, tức là ngài sống giản dị, cần kiệm, nói và làm không mảy may sai khác nên dân tin và làm theo. Vì vậy đời sống người dân quanh vùng ngài ở ngày một khấm khá dễ chịu, thôn ấp đêm đêm vang tiếng trẻ em học bài, người già được kính trọng, trẻ nhỏ được chăm sóc, nạn cờ bạc, trộm cắp cũng mất hẳn. Những ngày tuần tiết dân chúng kéo đến chùa Thái Ví nghe thượng hoàng giảng đạo ngày một đông hơn, vì thế vua tôi gần gũi như tình cha con, ông cháu và phong tục ngày một thuần hòa.

Một hôm nhà vua đi sâu vào trong xóm núi thấy đám bé gái thả trâu rồi ngồi xúm vào với nhau, mấy đứa chơi trò chồng nụ chồng hoa, lại mấy đứa chơi trò đánh chắt, đánh chuyền, vua sực nhớ cách đây hơn năm mươi năm ngày ấy ta mới bảy tuổi, được cho chức quan nội hầu vào hầu chơi với nữ chúa Phật Kim (Chiêu Thánh), ta cũng thấy nàng chơi các trò chơi này với đám thị nữ. Dường như nàng thích nhất trò đánh chuyền, vừa rải que vừa hát. Những câu hát nghe một lần đã nhớ. Vì như ở bàn một, vừa rải mười que ra vừa nhặt, mỗi khi nhặt một que lại kèm một câu hát. Nhà vua nghiêng tai lắng nghe vẫn thấy đám trẻ hát lại những câu hát xưa:

Que mốt

Que mai

Con trai

Con hén

Con nhện

Giăng tơ

Quả mơ

Quả táo

Cái gáo

Lên đôi

Vua để ý khi sang bàn hai, mỗi lần tung quả cầu đất lên đứa trẻ vừa hát vừa nhặt hai que.

Đôi tôi

Đôi chị

(thiếu một trang)

... lương, đời sống người dân, quan hệ với người Nguyên, người Tống, thượng hoàng dụ bảo:

- Ta mừng đất nước ngày một giàu thịnh, thể nước vững vàng, dân nước an cư lạc nghiệp, nông tang phát khởi, học vấn mở mang, các con đều trưởng thành, văn võ kiêm thông. Ta cũng nghe nói Quốc Tuấn đã có trong tay một đội gia binh, gia tướng, gia thần có nhiều người tài đức. Nếu các vương hầu nhiều người làm được như Quốc Tuấn là phúc cho nước đấy. Quốc Tuấn có khiêu năng của bậc trí tướng có tài cầm quân trăm vạn. Ta nhớ hồi cuộc chiến chống quân Mông Cổ xâm lăng năm Đinh Tỵ (1257) ta có sai Quốc Tuấn đem hai ngàn quân lên tăng sức cho biên thùy phía giáp giới nước Đại Lý. Quốc Tuấn lên đó đã liên kết được với các đầu mục người man là Hà Khuất, Hà Bồng.

Khi quân Mông Cổ tràn vào cõi sức nó đang cường như bão lốc, Quốc Tuấn đã khôn khéo né tránh mà dành lực lượng phối cùng các cánh quân man đánh chặn đuôi nó, diệt tan hơn hai vạn quân người Thoán, Bắc của Đoàn Hưng Trí khiến giặc vào tới Thăng Long mà đem lòng hốt hoảng. Khi bị ta đưa quân đánh vỗ mặt, giặc liền tháo chạy. Quốc Tuấn nhân cơ hội đón đánh khiến giặc sợ hãi bỏ chạy một mạch không dám dừng lại tiếp chiến.

Chính vì bị thua đau nên sau này giặc cũng bớt phần hăm dọa ta. Nhớ khi Quốc phụ Trung Vũ đại vương còn sống đã hai ba phen người căn dặn ta phải trao quyền thống suất việc binh cho Quốc Tuấn thời mới có thể kinh chống được với giặc dữ Mông-Thát. Càng nghĩ, ta càng thấy lời dạy ấy là phải. Vậy các con nên xem xét và phải lấy nước làm trọng, những gì cần dẹp bỏ phải dẹp bỏ ngay. Hoàng gia, hoàng tộc cùng với bá quan phải quy tụ thành một khối. Triều đình với bách tính phải quy tụ thành một khối tựa như một bó đũa gồm thân từng chiếc đũa, nhược bằng tháo rời bó đũa để tung tóe mỗi nơi mỗi chiếc thời chẳng khác gì tự mình đem nước dâng cho giặc.

Thượng hoàng nói một mạch hết các điều ngài thấy cần phải nói nên đã thấm mệt. Ngài ngã lưng vào tựa ghế. Nhà vua nhìn khắp lượt các con với tất cả tấm lòng yêu thương được dồn trút vào ánh mắt và như cố nén ghim xúc động, ngài nói:

- Giang sơn gấm vóc của tiền nhân để lại, mỗi gốc cây ngọn cỏ, mỗi hòn đá viên sỏi từng thấm máu của người mình trải mấy ngàn năm, cho nên một tác một thước núi sông ta cũng không được phép để lọt vào tay quân thù. Từ xưa cái họa của nước mình thường từ phương bắc đến, do vậy các con nên canh chừng người Bắc.

Ngập ngừng giây lát thượng hoàng lại tiếp: - Sinh tử là lẽ thường hằng, nếu ta có ra đi cũng chỉ nằm trong luật sinh diệt tự tán của tạo hóa, các con chớ vì đó mà sao nhãng việc nước. Ta nghe như bước chân giặc đang rộn rã ngoài biên thùy rồi đấy. Nói xong ngài khép hờ đôi mắt như người nhập định.

Vua Thánh tông và các hoàng đệ đều quỳ phục dưới chân thượng hoàng, ai nấy đều ngược mắt nhìn vua cha mà âm thầm nhỏ lệ.

Chợt thượng hoàng mở mắt nhìn các con, ngài nghiêm huấn:

- Các con chớ yếu lòng. Sang đầu hạ chắc ta đi xa. Các con khá nhớ nhời ta dặn, phải giữ lấy nước, phải lấy nước làm trọng. Phải truyền cho bách tính lòng yêu nước, lòng kiêu hãnh và cả sự liêm sỉ. Thiếu lòng kiêu hãnh dân tộc và thiếu cả sự liêm sỉ nữa, cũng tức là dấu hiệu báo trước sự bại vong.

Vua Thánh tông và các hoàng đệ đều xúc động nói:

- Chúng con xin nghiêm giữ lời dạy của phụ hoàng.

Thượng hoàng Trần Thái tông giờ tay bảo các con:

- Trở về cung, phủ làm việc đi.

Các ngày tiếp nối, thượng hoàng tuy có yếu mệt nhưng chưa bỏ một khóa lễ nào và hằng ngày vẫn có cuộc đàm đạo với vị thiền sư trong hoàng thành, nhưng thời gian của các cuộc tiếp xúc cứ ngắn dần. Tối sáng ngày mùng Một tháng Tư như có linh tính, thiền sư liền sang cung Vạn Thọ vãn an. Nhà sư vừa tới, thượng hoàng vội nói:

- Ta với hòa thượng chắc có duyên với nhau từ kiếp trước, nên biết “giờ của ta” mà đến chia tay. Chắc sẽ còn gặp nhau nữa đấy.

- A di đà Phật! Thiền sư đáp lời nhà vua bằng một niệm. Lại nói:

- Chẳng là tãng này vừa mãn khóa lễ, chợt thấy nóng ruột. Nếu công quả tròn đầy lại tức duyên nữa thì việc gặp gỡ có lo gì, vì bần tãng cùng với thượng hoàng đều là đệ tử Phật cả.

- Phải! Thái tông đáp.

- Vậy chớ ngài có điều gì cần nhắc nhở hậu thế và lớp đệ tử thuộc hàng con cháu?

Thượng hoàng Trần Thái tông khẽ lựa chiều xoay người ngồi theo thế kiết già và ngài nói kệ:

Cào đất dùng đùng trận gió hanh,

Lão ngư say tí chiếc thuyền chành.

Bốn bề mịt mù mây sầm bóng,

Một dãy lô xô sóng cuộn ghènh.

Theo lớp hạt mưa bay phấp phới,

Dồn nhau tiếng sét nổ đi àoành.

Giấy lâu tan bụi bên trời tạnh,

Trăng lặn lòng sông đêm mấy canh? [\[107\]](#)

Vua Thánh tông cùng một số triều quan vào vãn an thượng hoàng, nghe được vài lời cuối bài kệ, chưa kịp hỏi han gì thì ngài đã hóa.

Nhà vua đi vào cõi tịch diệt như người đi du ngoạn. Ngài sống một cuộc đời giản dị, nhân ái, hiếu thiện, không ham phú quý, ở ngôi vua mà chẳng hám ngai vàng. Đã một lần bỏ ngôi báu lên Yên Tử tu thiền mà rồi ước nguyện chẳng thành, lại phải làm vua. Ở ngôi ít

lâu lại nhường ngôi báu cho con rồi lui về động Thái Vi lập chùa tu đạo. Đúng là ngài chỉ ham kê cứu đạo nhất thừa mà coi chiếc ngai vàng không hơn đôi dép cỏ. Đời cho ngài là một vị vua hiền sư hiếm gặp.

Nhà vua mất đi trong sự tiếc thương của người dân cả nước. Dân nước coi ngài là một vị vua hiền, một người ái thiện. Giới tu hành coi ngài như một vị thiên sư, một nhà triết học Phật học xuất sắc.

Nhưng kinh ngạc nhất và xót xa nhất là cái chết của công chúa Thiệu Dương, vợ của thượng vị Văn Hưng hầu, nàng vừa ở cũ nên trong khi thượng hoàng từ động Thái Vi về cung Vạn Thọ nàng không tới thăm vua cha được, lòng càng áy náy. Lại nghe nói thượng hoàng không được khỏe, nàng luôn sai người đến thăm hỏi. Người được sai đi, Văn Hưng hầu dặn phải nói lại với công chúa rằng “Thượng hoàng đã khỏe”. Công chúa Thiệu Dương vẫn bán tín bán nghi, tới lúc nghe tiếng chuông thúc hồi hã, liền hỏi người hầu: “Thượng hoàng mất chăng?”. Người hầu ra ngoài một lát về tâu: “Không phải thượng hoàng mất mà có sứ nhà Nguyên tới”. Công chúa vẫn không tin, lăn khóc vật vã, nước mắt chảy ra đỏ như máu rồi không nhìn thấy gì nữa và cứ gào mãi cho đến chết.

Được tin vua Thái tông mất, Hốt-tát-liệt cho đây là cơ hội để thôn tính Đại Việt, nên cử Lễ bộ Sài Thung sang viếng tang cùng dò xét tình hình.

Vua Thánh tông ra tiếp sứ. Sài Thung lấy cơ vua cũ mất, chưa được lệnh của thiên tử nhà đại Nguyên mà đã tự tiện lên ngôi nên vua mới phải sang châu ngay. Với nhà Nguyên thì lúc này vua Thánh tông mới lên ngôi.

Để lấy lòng sứ giặc, vua Thánh tông mời Sài Thung dự tiệc yến. Y hỏi:

- Nhà vua định thết yến sứ thiên triều tại cung nào?

Vua đáp:

- Tiệc yến sang trọng trăm thường cho bày tại hành lang đại điện để thượng khách vừa dự tiệc vừa ngắm cảnh.

Sài Thung nghiêm mặt:

- Nhà vua coi thường ta quá. Ta là sứ giả thiên triều mà tiệc yến lại bày ngoài hành lang. Tại sao không bày trong đại điện?

Vua Thánh tông thấy tên sứ giặc này ngạo mạn không kém gì tên Trương Đình Trân mấy năm trước. Trong lòng nhà vua lửa giận đang nhen bốc, nhìn thẳng vào mặt Sài Thung vua toan quát, nhưng chợt nhớ nhờ vua cha dặn: “Tình thế lúc này đã khác, không để cho giặc làm mất thể diện quốc gia nhưng cũng không thể làm căng với giặc được, cương nhu phải tùy lúc, tùy thời”. Quả đúng như vậy, hiện nay Hốt-tát-liệt đã chiếm gần hết Trung Hoa rồi. Quan lại, quý tộc nhà Tống đã bỏ Lâm An lũ lượt chạy sang ta xin tá túc ngày một đông. Vua tôi nhà Tống hiện như cá nằm trên cạn, sống thoi thóp có thể tính đếm theo giờ khắc. Nếu ta làm căng, Sài Thung về tâu báo, quân Nguyên có thể sớm tới vào cõi. Nhân vận áo xám, phụ hoàng rồi hoàng muội vừa qua đời, nay nếu không tính kỹ, chiến cuộc bùng nổ trong khi thể nước chưa vững, mất nước như chơi, tội ấy không gì có thể biện minh được. Bởi trong các loại tội phạm mà lịch sử lên án gay gắt nhất vẫn là tội bán nước và tội làm mất nước. Nghĩ vậy, Trần Thánh tông liền ém giận, lấy buồn làm vui. Nhà vua mỉm cười nói với Sài Thung:

- Trẫm vẫn nghĩ mời Sài thượng thư vừa dự yến vừa ngắm cảnh nên định sai bày tiệc ở hành lang, nhưng nếu việc đó làm thiên

sứ không vui thời ta mời sứ đến điện Tập Hiền dự yến.

Sài Thung vui vẻ đáp:

- Nhà vua quả là người có văn chất cao, ta không có lý gì lại không tới điện Tập Hiền của quý quốc.

Trước ngày dự dạ yến, nhà vua đã sai tướng quốc thái úy Trần Quang Khải đến nhà công quán thăm Sài Thung đôi ba lần. Mỗi lần đều biểu xén quà tặng là những vật trân bảo, và lần sau lại nhiều hơn, quý hơn lần trước. Thái độ của Sài Thung đã bớt hung hăng kiêu ngạo. Tuy vậy việc đó không ngăn nổi Sài Thung cho đám tùy tùng đi khắp nơi dò la tin tức, khám phá xem quân ta đã có động tĩnh gì nhằm trái mệnh Hốt-tát-liệt.

Tới buổi dạ yến, vua ngồi đối diện với Sài Thung và tự mình rót rượu mời sứ. Trong lúc đang vui vẻ thù tạc Trần Quang Khải rồi cả nhà vua đều có làm thơ tặng sứ giả. Sài Thung cũng muốn chứng tỏ mình không phải kẻ vũ phu, thô lỗ, y liền cầm bút làm thơ phúc đáp. Vua và Quang Khải đều không tiếc lời khen.

Nhân lúc cao đàm, nhà vua giải tỏ với sứ về sáu điều mà vua Nguyên lại vừa có chiếu sang thúc giục. Đại khái, vua tìm có thái độ thoái thác không chấp nhận một điều nào.

Đang vui vẻ, Sài Thung nhíu cặp lông mày sâu róm và y nói tựa như một sự chân tình.

- Nhà vua chẳng thấy mấy năm nay, năm nào thiên tử cũng nhắc đi nhắc lại An Nam phải thực thi sáu điều đó sao. Bây giờ thiên tử lại sai ta phải đích thân sang tận nơi đốc thúc, nếu ta trắng tay ra về, chắc thiên tử sẽ lấy đầu ta mất. Nếu nhà vua không đích thân sang châu được thì trong hàng con cháu lại không cử được một người sang làm con tin sao? Nhà vua phải làm một điều gì đó để chứng tỏ sự thần phục của mình chứ. Ta thấy thiên tử nhà đại Nguyên là người khoan dung, độ lượng nhưng ngài cũng rất ghét sự nói suông đó.

Vua Thánh tông gượng cười và thư thả đáp lời:

- Tôi chắc quan Lễ bộ thượng thư nhớ chuyện năm Tân Dậu (1261) thiên tử sai Mạnh Giáp và Lý Văn Tuấn đem chiếu thư sang dụ nước tôi, đã ban trọng ân như về phong tục, điển lễ *“Cứ theo chế độ cũ của nước mình, không phải thay đổi”*. Và thiên tử còn ân cần dụ bảo: *“Ta đã cảm các biên tướng không được tự tiện đem quân xâm phạm bờ cõi nước người, quý rồi nhân dân nước người. Quan liêu sĩ thứ nước người hãy cứ yên ổn làm ăn như cũ”*.

Rõ ràng chiếu thư do đích thân thiên tử thảo, không hề nhắc đến việc vào châu và các việc khác, nay nghe nói phải làm sáu việc, lòng tôi xiết đổi kinh ngạc. Vậy xin thiên sứ vui lòng về tâu lại thiên tử đã thương nước tôi thì thương cho trót.

Sài Thung biết Hốt-tát-liệt đã đổi ý, bởi đây là việc từ hơn mười năm trước. Nhưng quả thực Sài Thung không thể bắt bẻ vua Trần vào đâu được, y nói áp úng:

- Các ông cứ đem việc cũ ra cãi lý. Thôi được, để ta về tâu báo lại xem thiên tử có thương tình nước các ông mà cho hưởng tiếp ân sủng đã ban từ năm Tân Dậu.

Trần Quang Khải để thêm:

- Sài thượng thư khôì lo, thiên tử khôì nói hai lời. Sài Thung biết Quang Khải có ý ngầm nói móc, nhưng lại khôì thể bắt bẻ bởi đó là chính ngôn. Vì vậy Sài Thung im lặng khôì nói gì thêm.

Sài Thung trở về nước với vẻ khôì vui bởi y khôì ép được vua tôi nhà Trần quy phục theo yêu sách của Hốt-tát-liệt.

Sài Thung lo là đúng, bởi Hốt-tát-liệt oai trùm bốn cõi, đánh đâu thắng đấy, dưới gầm trời này khôì có ai là địch thủ. Có thể nói Hốt-tát-liệt là tướng siêu quần có tài: Chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi tan, chỉ ngàn ngàn cháy. Y khôì có thể tha thứ cho kẻ dưới quyền khôì hoàn thành sứ vụ.

Trần Thánh tông sai hai vị đại thần là Đỗ Quốc Kế và Trịnh Đình Toàn làm chánh phó sứ đoàn đem phương vật và hai con voi nhà sang cống nhà Nguyên. Sứ đoàn đi cùng với Sài Thung về Đại Đô [\[108\]](#).

Khi sứ đoàn tới thành Ung Châu thì Sài Thung được tin mật báo gì đó nên y để Đỗ Quốc Kế, Trịnh Đình Toàn ở lại Ung Châu, còn y tức tốc về ngay Đại Đô.

Sài Thung chưa ra khôì biên thùì thì Trần Thánh tông đã chuẩn bị việc nhường ngôi cho con. Nhà vua nói với hoàng thái tử Trần Khâm:

- Thế giặc mạnh lắm, cha muốn trao ngôi nước để con làm quen dần, trong khi cha còn minh mẫn có thể chỉ dẫn cho con được đôi điều, kéo mai này khi họa biến mà chẳng may cha đã khuất thì ngôi nước hóa ra khôì có chủ.

Hoàng thái tử khóc và quỳ lạy:

- Phụ hoàng thương mà trao cho con ngôi nước, nhưng tuổi con còn quá trẻ, sức nghĩ hiểu còn nông cạn, sao con dám ngồi trên các bậc tiền bối công lao trùm thiên hạ. Và lại thế nước đang cam go, con biết lèo lái con thuyền quốc gia ra sao khi trời nổi dông gió.

Vua Thánh tông nâng con dậy, ngài vỗ về:

- Con khôì lo, khi thượng hoàng trao cho cha ngôi nước cũng vào lúc cha bằng tuổi con bây giờ. Ngày ấy cha cũng thừa với phụ hoàng y hết ngày nay con nói với cha. Con nên biết, cha trao trọng trách cho con gánh vác dần việc nước chứ khôì phải cha trao cho con quyền an hưởng lạc thú.

Hoàng thái tử vái lạy:

- Con xin tuân lời nghiêm huấn của phụ hoàng.

Hoàng thái tử Khâm lên ngôi đổi niên hiệu là Thiệu Bảo vào đầu năm Kỷ Mão (1279), miếu hiệu sau này là Nhân tông. Nhà vua bẩm thụ là một người hiếu thiện, hiếu thuận, hiếu hòa, hiếu Phật lại có óc thông tuệ khác thường. Kinh sách của cả ba nhà (Thích, Nho, Đạo) chỉ đọc một lượt là thấy được cái ý minh triết từ phía sau con chữ. Tuy tham bác đầy đủ cả ba dòng đạo, nhưng cái tâm của nhà vua lại hướng vào nền Phật đạo vừa tu học vừa tu chứng. Việc học Phật, ngoài tấm gương của vua cha và tổ phụ, ngài còn tham vấn các bậc túc thiên đạo cao đức trọng trong giới tu hành. Nhưng người mà nhà vua hướng cả tâm trí vào đó và tôn là bậc thầy lại chính là Tuệ

Trung thượng sĩ Trần Quốc Trung, ông cũng chính là bá phụ (bác họ) của nhà vua.

Trần Quốc Trung tức Hưng Ninh vương Trần Tung là anh ruột của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, là con của Yên Sinh vương Trần Liễu. Phong cách tu thân của Tuệ Trung thượng sĩ khiến vua Trần Thánh tông cũng ngưỡng mộ và tôn thượng sĩ làm sư huynh.

Sở dĩ vua Nhân tông ngưỡng mộ thượng sĩ là bởi phép tu của ông là nhập thế gian, tức là trong dòng đời mà tu với đời, vì đời mà tu mà quảng bá nghiệp thiện, nhằm cảm hóa nhân quần xa lìa tham dục hướng tới giác ngộ, và từ đó mà giải thoát. Việc tu đó xuất phát từ cái tâm ái nhân ái vật sống cùng bách tính, tu vì bách tính, cùng bách tính vượt thoát khỏi bể dục trầm luân. Còn như cái tu xuất thế gian là xa rời bách tính, đóng cửa tự tu cho sự giải thoát của chính mình cũng là một cách tu. Vua Nhân tông không có ý bài xích người tu xuất thế gian, nhưng lòng ngài không hướng về pháp môn đó.

Vừa lên ngôi, vua Nhân tông đã gặp cản ngại lớn từ bên ngoài. Ấy là việc Hốt-tát-liệt vừa tiêu diệt xong nhà nam Tống trong trận chiến cuối cùng.

Chẳng là người của ta cài cắm dò la trên đất Nguyên, đất Tống ở Long Châu, Phúc Châu, Lâm An, Khai Phong, Kim Lăng, Yên Kinh... tới tập gửi tin khẩn cấp về, tướng quốc thái úy Trần Quang Khải kê cứu cho có hệ thống rồi lập tức vào cung Quan Triều tâu báo. Vừa gặp lúc hai vua đang bàn quốc sự, thái úy toan sụp lạy. Thánh tông ngăn lại:

- Vương đệ thật là đa lễ, anh em chú cháu trong nhà cả, có chuyện gì đệ cứ nói mau đi, ta nghe Hốt-tát-liệt đã diệt xong nhà nam Tống, tình thế bất lợi cho ta rồi đây. Vương đệ có được tin ngoại gián tâu báo về không?

- Tâu, những nơi ta đặt ngoại gián đều khẩn cấp báo về, thần liệt kê đầy đủ các sự việc xin tâu để vương huynh và vương đệ biết rồi ta liệu bề đối sách.

Tâu, thần chỉ xin kể các sự việc từ năm Bính Tý (1276) tướng nhà Nguyên là Bá Nhan dẫn quân cách Lâm An ba mươi dặm hạ trại gây sức ép. Tả thái hậu cùng một số đại thần nhà Tống hèn nhát bàn nhau đầu hàng. Tả thái hậu sai một viên quan mang biểu và quốc ấn đến trại giặc nộp. Bá Nhan đòi thừa tướng nhà nam Tống phải đích thân tới ký hàng ước. Tả thái hậu cử hữu thừa tướng Trần Nghi Trung tới thương thảo. Nghi Trung sợ giặc bắt không dám đi. Tả thái hậu liền phong cho Văn Thiên Tường làm hữu thừa tướng sang trại giặc ký hàng ước. Văn Thiên Tường gặp Bá Nhan không dă động gì đến việc đầu hàng, còn đòi quân Nguyên phải rút khỏi các vùng đất vừa chiếm, nếu không quân Tống sẽ sang sông nghênh chiến.

Bá Nhan thâm độc giữ Văn Thiên Tường lại và sai người báo cho Tả thái hậu không ký được hàng ước, quân Nguyên sẽ tiến đánh vì rằng Văn Thiên Tường đã cự tuyệt.

Được tin, Tả thái hậu liền sai Giả Dự Khánh làm hữu thừa tướng thay Văn Thiên Tường sang trại giặc ký hàng ước. Bá Nhan đưa quân vào chiếm Lâm An không mất một mũi tên. Bà Tả thái hậu dẫn con là Triệu Hiến (Tống Cung đế ^[109]) mới bốn tuổi ra khỏi cung xin hàng. Bá Nhan giải Triệu Hiến và Văn Thiên Tường về Đại đô. Nửa đường Văn Thiên Tường tìm cách trốn thoát. Sự việc này thần đã tâu báo với vương huynh và vương đệ cách đây mấy tháng.

Vua Nhân tông lắng tai nghe, còn thượng hoàng Thánh tông lại giục:

- Hoàng đệ nói tiếp từ sau khi mẹ con Tổng Cung đế ra hàng quân Nguyên cho tới khi nước Tống bị tiêu diệt.

- Tàu, sau khi Tống Cung đế bị bắt giải về Yên Kinh, hoàng tộc và một số đại thần nhà Tống trong đó có Lục Tú Phu đưa hai người anh của Triệu Hiến là Triệu Tự chín tuổi và Triệu Bình sáu tuổi chạy đi Phúc Châu ^[110]. Tới lúc này đất đai của nhà nam Tống chỉ còn đúng hai tỉnh Phúc Kiến và Quảng Đông nhưng ba mặt đều bị quân Nguyên áp sát, chỉ có mặt đông là biển cả quân Nguyên chưa bủa vây.

Về tới Phúc Châu, tả thừa tướng Lục Tú Phu bèn cử người đi tìm hữu thừa tướng Trần Nghi Trung và đại tướng quân Trương Thế Kiệt về Phúc Châu bàn quốc sự. Ba người đều đồng lòng tôn Triệu Tự lên ngôi hoàng đế. Quân Nguyên thừa thắng từ Lâm An tiến thẳng sang chiếm Phúc Châu. Hữu thừa tướng Trần Nghi Trung hoảng hốt lên thuyền trốn ra biển lớn. Trương Thế Kiệt và Lục Tú Phu hộ giá Triệu Tự lên thuyền chạy sang Quảng Đông. Chẳng may gặp gió to sóng lớn, Triệu Tự sợ phát ốm rồi chết. Hai quan đại thần Trương Thế Kiệt và Lục Tú Phu bàn nhau lại đưa Triệu Bình lên ngôi hoàng đế, rồi vua tôi gióng thuyền chạy ra đảo Nhai Sơn.

Vua Nhân tông nóng lòng hỏi xen vào:

- Thúc phụ, thế Văn Thiên Tường trốn được rồi đi đâu? Cháu nghe nói Văn Thiên Tường là một vị trượng nguyên có lòng yêu nước và là bậc trí dũng lắm kia mà.

- Văn Thiên Tường dũng như bệ hạ nói, năm hai mươi tuổi ông ta từ quê lên Lâm An thi tiến sĩ có bài văn sách nổi tiếng bàn về kế đánh giặc hưng thế nước, quan trường chăm cho ông ấy đỗ trượng nguyên. Lại nói sau khi Văn Thiên Tường trốn khỏi tay giặc, ông liền chiêu mộ quân nghĩa tiếp tục đánh giặc.

Lúc này Nguyên thế tổ Hốt-tát-liệt sai Trương Hoảng Phạm và Lý Hằng làm nguyên súy và phó nguyên súy đem hai vạn quân đi diệt nốt lực lượng nhà nam Tống còn chống đối.

Biết Văn Thiên Tường đang đồn trú ở Triều Châu, Trương Hoảng Phạm cho đại binh đến tiến đánh. Do lực lượng quá chênh lệch, quân của Văn Thiên Tường đại bại và ông bị quân Nguyên bắt sống.

Trương Hoảng Phạm dò biết người cầm đầu quân Tống ở đảo Nhai Sơn là Trương Thế Kiệt, mà Thế Kiệt thường rất khâm phục Văn Thiên Tường, nên y dụ Văn Thiên Tường khuyên Trương Thế Kiệt ra hàng.

Văn Thiên Tường cười khẩy đáp: “Ta đã không cứu được nước, lẽ nào lại khuyên người khác hại nước”.

Mặc cho Văn Thiên Tường từ chối, Trương Hoảng Phạm vẫn sai đem giấy bút ra ép Văn Thiên Tường phải viết.

Bị giặc thúc ép, Văn Thiên Tường cầm bút viết hai câu:

Nhân sinh tự cổ thù vô tử

Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh ^[111].

Viết xong ông liền quẳng bút đi.

Tướng giặc trọng tài năng và nhân cách của ông nên nương tay muốn lưu lại để dùng, chúng bèn cho quân giải ông về Đại Đô.

Trương Hoàng Phạm và Lý Hằng tiến đánh Nhai Sơn. Trương Thế Kiệt chỉ huy quân dân Nhai Sơn đánh trả khốc liệt, quân Nguyên bị chìm chết hết đợt ấy sang đợt khác. Nhưng quân giặc dày đặc biết không thể chống đỡ đến cùng, Trương Thế Kiệt vội phái thuyền đi đón Triệu Bính định phá vây đưa vua đi trốn, mưu đại cuộc.

Lục Tú Phu hộ giá thấy thuyền đến đón không biết thật giả thế nào, sợ nhà vua bị giặc lừa nên không cho đón. Trong khi đó thuyền giặc cứ ùn ùn kéo đến bủa vây vòng trong vòng ngoài. Tình thế mỗi lúc một nguy cấp hơn, tá thừa tướng Lục Tú Phu gạt nước mắt nói với ấu chúa: “Nhà Tống đã đến hồi chung cục, bệ hạ cùng thần đành hiến thân cho nước, chớ để giặc bắt”. Nói xong ông công Triệu Bính nhảy xuống biển, vua tôi cùng chìm nghỉm dưới biển sâu sóng dữ. Bảy ngày sau xác quân Tống nổi kín mặt nước kể tới chục vạn người. Nhà Tống diệt vong, triều Nguyên đại định. Nói xong Trần Quang Khải thờ dài. Có thể ông chia sẻ với nỗi đau mất nước của người Trung Hoa, cũng có thể ông lo cho thế nước, lo cho số phận của dân tộc mình.

Nghe tướng quốc thái úy tường trình xong, thượng hoàng Trần Thánh tông lặng người đi, nhưng Trần Nhân tông lại mau mắn đáp lời:

- Thừa phụ hoàng, thừa thúc phụ, Đại Việt ta không còn chọn lựa nào khác nữa. Giặc sẽ ép ta đến cùng để lấy nước ta thay vì chúng phải cất quân. Nếu ta không chịu sống quỳ, giặc sẽ xua quân ào ạt tràn vào. Cho nên, theo ý con vừa xử nhũn với giặc để làm kế hoãn binh, vừa phải gấp rút chuẩn bị lực lượng để kháng giặc. Nhưng hơn hết là phải thổi bùng ý chí kiên cường và lòng căm giận cho binh lính và cả muôn dân, và cố kết họ lại muôn người như một, thì đó mới là sức mạnh siêu thần nhập hóa để đánh bại mưu đồ quỷ quyệt và tham bạo của lũ sói già phương bắc.

Nghe con nói, vua Thánh tông như vừa bùng thức, ngài nhìn con với cái nhìn bao trùm, tựa như ngài đo sức trưởng thành của người con mà ngài mới truyền ngôi nước. Thượng hoàng mỉm cười nhìn vua Nhân Tông lại nhìn sang tướng quốc thái úy, ngài phán:

- Phải! - Không còn con đường nào khác như vương đệ và vương nhi ta vừa nói. Do vậy, phải cấp kỳ lo ngay mọi việc tựa như giặc đã áp sát biên thù, nếu không sẽ trở tay không kịp.

Trần Quang Khải lại nói:

- Tâu, còn một việc nữa khá hệ trọng. Dạ, đó là Hốt-tát-liệt đã giữ chánh sứ Trịnh Đình Toán ở lại Đại Đô làm con tin. Và nghe đâu y cử lễ bộ thượng thư Sài Thung và binh bộ thượng thư Lương Tăng sắp sang sứ nước ta, và bắt phó sứ Đỗ Quốc Kế của ta phải dẫn đường đưa chúng vào Đại Việt.

Nghe xong vua Thánh tông tỏ vẻ giận dữ, đoạn ngài buông một tiếng:

- Quân cầu trệ!

Láng Thượng 31 tháng 12 năm 2008

Hết

[1]

Có nghĩa là quay lại, ý nói không tiếp.

[2]

Nghĩa là tránh sự ồn ào.

[3]

Công chúa Thụy Bà, chị vua Thái tông.

[4]

Ta-ta (Tatar) vốn là tên một bộ lạc Mông Cổ, người ta thường dùng để chỉ chung người Mông Cổ (còn gọi là Tartar). Dịch theo âm Hán-Việt là Thát-đát. Vì vậy Mông - Thát vẫn là đại từ chỉ người Mông Cổ.

[5]

Mông-kha gọi Oa-khoát-dải (Ögödaï) bằng bác ruột và là cháu nội của Thành-cát-tư-hãn (Cinggis-gan).

[6]

Hốt-tát-liệt (Qubilai) là em ruột của Mông-kha.

[7]

Ngột-lương-hợp-thai (Uriyangqadaï) là danh tướng của Hốt-tát-liệt. Có bản dịch là Ngột-lương-hợp-dải.

[8]

Đời Trần gọi “diện” là mẫu. Hiện chưa khảo được diện tích của sào, mẫu thời đó so với cách đo lường thời nay.

[9]

Tam giáo: Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo.

[10]

Chín học phái của Trung Hoa cổ đại: Nho gia, Đạo gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông gia, Âm dương gia, Danh gia, Pháp gia.

[11]

Cơ quan này coi sóc về các nghề chế tác thủ công.

[12]

Long Hưng nay là tỉnh Thái Bình.

[13]

Thiên Trường nay là tỉnh Nam Định.

[14]

Là nơi yên tĩnh tránh tiếng ồn. Thật ra đây chỉ là chiếc lều nhỏ, bốn hoặc tám mái khoảng hơn chục mét vuông để uống nước, ngắm cảnh hoặc đọc sách nhằm thư giãn.

[15]

Chi đạo Phật.

[16]

Công chúa Thụy Bà.

[17]

Cửa Pha Lũy tức cửa Nam Quan sau này.

[18]

Cửa Phú Lịnh trên thượng lưu sông Lô, gần tỉnh lỵ Hà Giang bây giờ.

[19]

Liều phòng là nơi ở của thiền sư.

[20]

*Giò đập cửa từng trăng sáng sân,
Lòng cùng phong cảnh hện nhân thanh.
Trong này thú vị đâu ai biết,
Đến sáng mặc sư vui một mình.*
(Thiền sư, tiền sĩ Lê Mạnh Thát dịch)

[21]

Việc chi có thể nhưng người đời hiểu sự lại bảo Thái tông đem Chiêu Thánh gả cho Lê Tần.

[22]

Nay vẫn là cửa Nhật Lệ thuộc Quảng Bình.

[23]

Cửa Kỳ La còn có tên Cửa Sốt thuộc Hà Tĩnh.

[24]

Cửa Hội nay vẫn còn tên cũ thuộc Nghệ An.

[25]

Cửa Đại An sau này là cửa Đại thuộc huyện Giao Thủy, Nam Định.

[26]

Nay vẫn giữ tên Vân Đồn, cửa này vào vịnh Hạ Long rồi vào sông Bạch Đằng mà tiến sâu vào Lục Đầu giang.

[\[27\]](#) Tô Mậu tương ứng với đất huyện Bình Liêu tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

[\[28\]](#) Môn tương ứng với đất huyện Đình Lập tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

[\[29\]](#) Pha Lũy chính là cửa ải giáp với cửa Nam Quan.

[\[30\]](#) Cửa khẩu đoạn sông Hồng giáp với Vân Nam Trung Quốc, nay thuộc tỉnh Lào Cai.

[\[31\]](#) ải Hà Dương nay thuộc tỉnh Hà Giang.

[\[32\]](#) Thành Đô thù phủ của tỉnh Tứ Xuyên Trung Quốc, xưa là kinh đô của nước Thục.

[\[33\]](#) Đại Lý tức tỉnh Vân Nam Trung Quốc ngày nay.

[\[34\]](#) Bình Lâm tức là miền Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng.

[\[35\]](#) Bạch Hạc nay là ngã ba Việt Trì tỉnh Phú Thọ.

[\[36\]](#) Các địa bàn trên thuộc hai tỉnh Lào Cai, Yên Bái ngày nay.

[\[37\]](#) Uryangqadai âm Hán-Việt dịch là Ngột-lương-hợp-thai. Có bản dịch là Ngột-lương-hợp-dải.

[\[38\]](#) Đại Lý nguyên là nước Nam Chiếu sau đổi là Đại Mông, lại đổi là Đại Lễ, đến đời Ngũ đại đổi là Đại Lý. Nam Chiếu đã từng xâm lược nước ta bị Ngô Quyền đánh tan trên sông Bạch Đằng năm Mậu tuất (938) (Ở đây có lẽ tác giả nhầm với quân Nam Hán. Năm 902 Nam Chiếu đã sụp đổ, năm 937 Đại Lý được thành lập – Caruri).

[\[39\]](#) Thiện Xiển tức là Côn Minh, thù phủ tỉnh Vân Nam ngày nay.

[\[40\]](#) Đoạn in nghiêng trong sách không có. Người tạo ebook tự thêm vào để hợp logic (Caruri).

[\[41\]](#) *Thế truyền*: tựa như truyện dân gian truyền miệng.

[\[42\]](#) Nay là huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương.

[\[43\]](#) Nay là huyện Bồ Trạch tỉnh Quảng Bình.

[\[44\]](#) Tế Giang nay là huyện Lạng Giang tỉnh Bắc Giang.

[\[45\]](#) Đường Hào nay là huyện Mỹ Hào thuộc tỉnh Hưng Yên.

[\[46\]](#) Thái học sinh đời Trần, Minh kinh bác sĩ đời Lý, tương đương với học vị tiến sĩ các đời Lê, Nguyễn sau này.

[\[47\]](#) Khương Tăng Hội trước tác rồi dịch ra tiếng Hán vào khoảng cuối thế kỷ thứ hai đầu thế kỷ thứ ba sau Công nguyên (theo thiên sư Lê Mạnh Thát).

[\[48\]](#) Bốn loài là: noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh.

[\[49\]](#) Trích trong *Lục thời sám hối khóa nghi* của Trần Thái tông (Trần Cảnh). Bản dịch của thiên sư Lê Mạnh Thát.

[\[50\]](#) Sông Thao ngày nay.

[\[51\]](#) Phú Lương: tức sông Hồng.

[\[52\]](#) Lâm An tức Hàng Châu, thuộc tỉnh Triết Giang thù đô của nhà nam Tống.

[\[53\]](#) Thuần Hựu (1251 - 1258) niên hiệu thứ ba của Tống Lý tông.

[\[54\]](#) Hợp Châu tức Thành Đô thuộc tỉnh Tứ Xuyên, kinh đô nước Thục thời Tam quốc.

[\[55\]](#) Ngạc Châu tức Vũ Hán, thù phủ tỉnh Hồ Bắc ngày nay.

[\[56\]](#) Hai thành này đều thuộc Quảng Tây. Ung Châu tức Nam Ninh và Quế Châu tức Quế Lâm ngày nay.

[\[57\]](#) *Độ điệp*: Là một thứ giấy chứng nhận của chính quyền cấp cho người có đủ tư cách xuất gia (đi tu).

[\[58\]](#) *Tận dân vi binh*: mỗi người dân là một người lính.

[\[59\]](#) Quý Châu nay vẫn là Quý Châu, thủ phủ là Quý Dương. Quý Châu giáp Tứ Xuyên, Vân Nam (Đại Lý), Quảng Tây và Hồ Nam.

[\[60\]](#) Tựa như ngày nay cho nhập quốc tịch của nước bảo hộ. Tên này còn có nghĩa là đại vương.

[\[61\]](#) A Mân tức Khai Viễn thuộc Vân Nam.

[\[62\]](#) Cơ quan trông coi việc thờ tự cúng tế tổ tiên nhà vua.

[\[63\]](#) Tức là đất Thái Bình nơi phát tích của nhà Trần.

[\[64\]](#) Con sông mà Ngô-lương-hợp-thai nói đây là sông Hồng bắt nguồn từ Vân Nam Trung Quốc.

[\[65\]](#) Ngã ba đáy có nghĩa là sông Thao, sông Đà và sông Phú Lương gặp nhau, đó là ngã ba Bạch Hạc, Việt Trì ngày nay.

[\[66\]](#) Vua tôi nhà Nguyễn gọi vua Đại Việt là Trần Nhật Cảnh.

[\[67\]](#) Nghĩa là bên bờ ở phía đông kinh thành. Theo xác định khoảng đầu dốc Hàng Than Hà Nội ngày nay.

[\[68\]](#) Ý nói: nên chạy sang nhờ nhà Tống.

[\[69\]](#) Quân của phủ bình thái úy.

[\[70\]](#) Từ năm Canh Dần (1230) nhà Trần đã chia hai bên tả hữu của kinh thành Thăng Long làm sáu mươi mốt phường.

[\[71\]](#) Ty Thái chúc là cơ quan chuyên lo về lễ nghi, tế cáo và tiệc yến của triều đình.

[\[72\]](#) Thiên tử nghĩa nam nghĩa là con nuôi của vua.

[\[73\]](#) Thời Chiến quốc ở Trung Hoa, nước Trịnh đem quân đánh nước Tống. Khi sắp đánh nhau, Hoá Nguyên nước Tống làm thịt dê cho binh sĩ ăn, người đánh xe là Dương Châm không được ăn. Đến khi đánh nhau Dương Châm nói: “Con dê hôm trước quyền ở anh, việc đánh xe ngày nay quyền ở ta”. Bèn đánh xe chạy về phía quân Trịnh khiến quân Tống thua to.

[\[74\]](#) Công án của nhà thiền nhằm giúp người ta phá chấp, tức là phá bỏ nhận thức mang tính định kiến. Ví dụ có đệ tử hỏi thầy: Phật tính là gì? Thầy đáp: Là cục cứt chó khô. Ý nói Phật tính không phải là cái tính của một con người mà nó mang tính phổ quát như là một quy luật của tự nhiên.

[\[75\]](#) Huệ Quang thiền sư là pháp danh Lý Huệ tôn đặt cho mình khi xuất gia.

[\[76\]](#) Tang thất phụ là những người đàn bà có tội phải đày đi làm ở các trại dầu tằm của nhà nước.

[\[77\]](#) Phường Thụy Chương xưa kéo từ đầu đường Thụy Khuê đến Bưởi.

[\[78\]](#) Tô Lịch xưa là đường giao thông thủy chủ yếu trong nội đô rồi ra sông Hồng.

[\[79\]](#) Trích Sài nghĩa là hái củi, tức là nơi cửa rừng. Thôn Trích Sài hiện nay nằm trên bờ Hồ Tây.

[\[80\]](#) Dụ Tượng là con đường dụ voi. Xưa Lý Thái tôn đã từng săn voi bên hồ Dâm Đàm.

[\[81\]](#) Đoạn văn trên có nghĩa là: “Núi cùng biển tận, hơi độc xông lên làm cho điều quạ đang bay bị rơi xuống, khi ẩm thấp theo gió trần lan làm cho người sinh bệnh, cơ hồ không phải một cảnh giới có người...”.

[\[82\]](#) Tựa như đội quân phản ứng nhanh ngày nay.

[\[83\]](#) Anh em nhà Quốc Tuấn đều lấy tên hiệu có chữ đầu là “Hung”, như Trần Quốc Trung có hiệu là Hung Ninh vương, Trần Quốc Tuấn có hiệu là Hung Đạo vương.

[\[84\]](#) Nu-rút Đìn người Tàu dịch là Nột-lạt Đĩnh.

[185] Đa-ru-ga-tri (Đạt-lỗ-hoa-xích) chức tương đương như một viên toàn quyền.

[86] Hối Hột là người Tân Cương theo Hồi giáo.

[87] Theo *Du già luận* chú rằng: Không lợi mình, lợi người là Hạ sĩ. Có lợi mình mà không lợi người là Trung sĩ. Được cả hai thứ là Thượng sĩ.

[88] *Khóa hư lục* là tác phẩm của vua Trần Thái tôn. *Khóa hư lục* có nghĩa là nghi thức sám hối của sáu khóa lễ trong một ngày

[89] Tước của Trần Quốc Trung là Hưng Ninh vương.

[90] Hưng Ninh vương Trần Quốc Trung với vua Trần Thánh tông là anh em con chú con bác ruột. Vợ Trần Thánh tông là em gái Quốc Trung, con Hoài vương Liễu, tên là Trần Thị Thiệu tức Thiên Cảm hoàng hậu.

[91] Nguyên bản chữ Hán, thiền sư Thích Thanh Từ dịch.

[92] Quy Sơn (Trung Quốc) có hai vị thiền sư nổi tiếng là Quy Sơn Linh Hựu và Đại An. Chân trâu nước là trò một công án thiền.

[93] Tạ Tam tức Tạ Tam Lang pháp danh Sư Bị, quê huyện Mân thuộc Phúc Châu, Trung Quốc.

[94] Lư Thị tức Lư Hành giả, chính là Lục tổ Huệ Năng.

[95] Thạch Đầu là tên một ngọn núi, cư sĩ Bằng Long Uẩn tới Thạch Đầu hỏi đạo được Hy Thiên Thạch Đầu khai ngộ.

[96] Sau khi nhà Tấn bị diệt vong năm 420 là đến thời Ngũ quý. Ngũ quý tức năm đời cuối cùng 197 năm. Đó là nhà Tống (420-479), nhà Tề (479-505), nhà Lương (505-570), nhà Trần (570-603), nhà Tùy (603-617).

[97] Đại Huệ (1089-1163) tức phái thiền Đại Huệ tông cáo thuộc trường phái Lâm Tế của Trung Hoa. Trường phái này chủ trương khai phóng về mặt trí tuệ, nhẹ về thiền định, đòi hỏi người tu thiền phải suy niệm các công án để đi đến giác ngộ. Đại Huệ chủ trương phổ thuyết (tức giảng rộng) đến mọi tầng lớp cư sĩ.

[98] “Đập ngôi dùi rùa” là những công án nổi tiếng trong thiền giới thời trung đại.

[99] Thiền sư Lê Mạnh Thát dịch.

[100] Tướng quốc hàm ngang với tể tướng. Thái úy tương đương với bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày nay. Quang Khải giữ chức Tướng quốc thái úy là người đứng đầu hai ban văn võ, quyền thế chỉ sau vua.

[101] Phiêu kỵ, chức này chỉ trao cho các hoàng tử. Quốc Khang tuy là con cả của Thái tông, nhưng khi bà Thuận Thiên đã có mang với Trần Liễu ba tháng mới bị Trần Thủ Độ, Trần Thị Dung ép nhà vua phải cưới lấy để có người nối dõi. Quốc Khang không được lập còn vì nhẽ ông không có thực tài.

[102] Nguyên - Mông: Mông Cổ xâm lược Trung Hoa, lập nên nhà Nguyên nên còn gọi là Nguyên - Mông.

[103] Chiếu dụ của nhà Nguyên: “... *Hiển dụ cho quan liêu sĩ thứ nước người được biết: Phạm các việc như ào mủ, lễ nhạc, điển lệ phong tục cứ theo như chế độ cũ của nước người, không cần phải thay đổi... Ngoài ra ta cũng vẫn cảm các biến tướng ở Vân Nam không được tự tiện đem binh lính cướp nơi cương giới, quấy nhiễu biên dân... Các quan liêu sĩ thứ nước người đều nên yên trị như cũ...”. Đây là chiếu thư của nhà Nguyên ban khi nước họ còn chưa ổn về nội bộ và cũng chưa bình xong nước Tống. Nhà Trần lợi dụng vào văn bản này để khước từ các đòi hỏi khác của người Nguyên, kể cả khi Hốt-tát-liệt xưng đế lập nước Đại Nguyên và bình xong nước Tống.*

[104] Người Mông Cổ gọi những đội quân bắt người Trung Hoa ở phía nam làm lính là quân tân phụ.

[105] Phiên Ngung nay là thành phố Quảng Châu thuộc tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

[106] Thiện Xiển tức Côn Minh (Trung Quốc).

[107] Nguyên văn chữ Hán phiên theo âm Hán-Việt, bản dịch Ngô Tất Tố. Trần Thái tông trong Khóa hư lục có kệ bốn núi. Bài này là núi thứ tư (Sinh-già-bệnh-chết).

*Bãi dăng cuồng phong quét địa sinh,
Ngư ông tùy lý lý điều chu hoàn.
Tứ thủy văn hợp âm mài sắc,
Nhất phái ba thiên cổ động thanh.
Vũ cước trần thời phiêu lịch lịch,
Lối xa luân chuyển nô oanh oanh.
Tam thời, trần liễn thiên biến linh,
Nguyệt lạc trường giang dạ kỳ canh.*

[108] Đại Đô là Yên Kinh tức Bắc Kinh ngày nay.

[\[109\]](#)

Trong tác phẩm nhằm là Tống Độ tông. Ở đoạn trước Tống Độ tông đã qua đời. Tống Cung đế Triệu Hiến là con của Tống Độ tông. Vì vậy ở đoạn sau đều sửa lại là Tống Cung đế (Caruri).

[\[110\]](#)

Phúc Châu là thủ phủ của tỉnh Phúc Kiến nằm kế với tỉnh Triết Giang với Lâm An (Hàng Châu) là kinh đô của nhà nam Tống ở về phía đông nam của nước Trung Hoa.

[\[111\]](#)

Từ xưa có ai sinh ra mà chẳng chết,

Duy có tấm lòng son mới làm rạng rỡ sử xanh.